

**LẠC THƯ CỬU TINH ĐỒ
VÀ 5 BIA THẠCH MỘC
TUYỂN TẬP VĂN THƠ -NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC**

Tuyển Văn Nhận Định Văn Học Lạc Thư Cửu Tinh Đồ Và 5 Bia Thạch Mộc:

Chân thành cảm ơn các nhà thơ:
Yên Sơn, Túy Hà, Như Ly,
Phí Ngọc Hùng, Phạm Tương Như

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRÂM HƯƠNG
P.O BOX 681822, HOUSTON, TEXAS 77268
Liên lạc tại Việt Nam
ngonguyennghiemts@gmail.com
ĐT: (+84) 0907779811

NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

LẠC THƯ CỬU TINH ĐỒ VÀ 5 BIA THẠCH MỘC

TUYỂN TẬP THƠ VĂN VÀ VĂN HỌC



*Một thiên sinh tốt tổ xuôi ngược góp nhặt những hương hoa của
bốn phương đổ về hội tụ, như những ánh sao đêm lạc loài mở hội
ngheh trắng. Trong vô số những kỳ hoa dị thảo chỉ đợi nhân
duyên là tỏa ngát hương nồng.*

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC
TRẦN HƯƠNG (USA)

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦN HƯƠNG (USA)



LẠC THƯ CỬU TINH ĐỒ VÀ 5 BIA THẠCH MỘC

TUYỂN TẬP THƠ VĂN VÀ VĂN HỌC

Dấu hành trình của Ngô Nguyễn Nghiễm đã kéo dài từ nhiều năm qua, thoát khỏi chốn gần năm mươi năm, sinh mệnh của một đời người, nổi trôi dạt dờ theo cùng mệnh nước, hệ lụy của một dân tộc. Nhà thơ vẫn sống thờ bình thường như một thiên giả đạo hạnh, một người hiểu được sự đổi thay thường hằng của thế gian là lẽ tất yếu. Một thiên sinh bất tử xuôi ngược góp nhặt những hương hoa của bốn phương đổ về hội tụ, như những ánh sao đêm lạc loài mở hội ngênh trắng. Trong vô số những kỳ hoa dị thảo chỉ đợi nhân duyên là tỏa ngát hương nồng. (Lâm Hảo Dũng)

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRÂM HƯƠNG AN HÀNH
P.O BOX 681822, Houston, Texas 77268

NOT FOR SALE

I. LẠC THƯ CỬU TINH ĐỒ VÀ 5 BIA THẠCH MỘC

LẠC THƯ CỬU TINH ĐỒ VÀ 5 BIA THẠCH MỘC

Lời nói đầu: *Truyện giả tưởng chỉ có dụng ý **sáng hóa** và **ngẫu hứng** mới dựa theo kết cấu nghiên cứu của Học giả Nguyễn Văn Hào và các Nhà NCVH Liêm Châu, Hoài Nam, Trịnh Bửu Hoài, Nguyễn Hữu Hiệp. Nguyễn Phước Sanh và Vĩnh Thông. (NNN)*

1. Ven hai bên đường nằm quanh co vào sơn trang, phon phớt màu đỏ thắm loài hoa dâm bụt hoang dã. Thoang thoảng gió đưa mùi hương hoa ngậy dại thắm đậm sương mai, khiến chàng kiếm sĩ lặng lẽ ghì mắt nhìn về cánh đồng biên giới xa xa. Từng hàng cây thốt nốt mờ nhạt đứng im lìm như phế tích. Bên cạnh, dòng kênh chảy ngoằn ngoèo suốt năm tháng khai hoang... Dù so với vẻ uy nghi đại ngàn của quần thể dòng sông chín rồng, hồn kênh vẫn còn khép nép phiêu bạt, gá mình như chiếc lông vũ gia thêm đôi cánh cho rồng bay cao. Bóng kênh hiền hòa uốn lượn suốt mấy trăm năm qua, chuyên chở đầy hồn đất hồn người. Chạy dọc mấy mươi ngọn núi miền biên cương đầy gió bay mây nổi, lòng kênh vẫn sâu lắng như lòng người bản địa. Có dạo, người ta thăm thì truyền tai nhau rằng, khi bóng chiều ngả xuống đàn chim thu không vội vã bay về tổ trên đỉnh núi cao. Lúc ngọn âm phong lảng vảng hoàng hôn, là bốn phương thoang thoảng tiếng ngựa hí từng hồi, đan xen tiếng tiếng cuộc xềng cộng với tiếng dân phu vang vang vách núi. Lòng dân đơn sơ còn nặng đức tin huyền bí, thì chuyện truyền tai rần rần to như khạp da bò hằng đêm trườn mình qua lại ven đường sơn lộ, để lại dấu đi trũng sâu như con lạch vừa trơn láng vừa đều tăm tắp, cũng là chuyện đương nhiên huyền thoại của sơn lâm. Giữa thời khai hoang phá núi làm nhà, chiếm rừng lật đất tìm cơm. Mọi dân lành phải nương tựa vào đức tin làm nấc thang bước tới một cách hài hòa, tự nhiên.

Trời đất bao la, núi rừng hoang dã bạt ngàn, đá sỏi dựng đứng san sát gót chân bùn lầy len đầy năm tháng. Đâu đâu cũng dày đặc hiểm nguy hoang sơ, chim trời cá nước. Loáng thoáng đồng lầy bạt ngàn, từng đàn cò trắng vỗ cánh bay lả lướt, tạo thêm dáng vẻ phiêu bạt cho vùng đất nguyên sơ. Vùng đất chứa đầy linh khí, hun đúc tinh hoa cho nhiều thể hệ hào kiệt sơn trang dân dã. Can đảm quật cường trước biến đổi vũ trụ, như được ung đúc trui rèn hào khí giữa tiếng cộp gươm, rần cuộn. Đêm về, giữa những bó đuốc sáng rực, những câu hò lãng bạt nhân gian đánh lui cực nhọc sau một ngày mưa nắng lam lũ. Tiếng gió rừng, ráng núi ngút ngàn bay khắp miền đất hoang vu cương thổ. Với vết trâm tích hàng trăm ngàn năm hoang sơ, quần chặt trên từng chiếc lá rừng, có hoa ngũ sắc mọc len khe đá.

Tiếng thường luồng quẩy đuôi từ khúc sông đầm lầy hoang vắng. Tiếng gà rừng lanh lảnh vỗ cánh, đập gọn trên cành bụi tre già cổ thụ. Khiến chàng kiếm khách Đơn Hùng Tín giật mình, choàng tỉnh trên lưng hắc mã trung thành suốt dọc đường gió bụi hành hiệp giang hồ. Mồ hôi xạ hương của con chiến mã đầm thấm vào chiếc bờm ô long hùng vĩ, phe phẩy vỗ về trong làn gió sơn khô. Hắc mã vươn đầu ngó chủ, cất tiếng hí vang động dội vào vách núi lan xa, lan xa...như tiếng hí của hàng loạt chiến mã vang dội cả núi rừng. Âm thanh cộng hưởng gió rừng và vách núi, phá vỡ từng mảng không gian tịch mịch và hoang vu, làm rơi rụng cơn mưa lá vàng giữa mảng trời thu phai... Con chiến mã ô long đã nối gót phong trần hơn mười năm qua, là linh vật thân thiết theo chân chàng kiếm sĩ như hình với bóng. Bụi hồng lãng bạt từng phen phơn phớt bám nhẹ trên dải bờm đen nhánh kiêu sa và lãng mạn. Mà bụi hồng cũng từng nhiều lúc trở đầy hoa phong thủy, trên vai áo giang hồ của chàng.

Chàng kiếm sĩ Đơn Hùng Tín áo nâu khe khẽ vượt nhẹ lưng chiến mã, mắt đắm chiêu theo dõi về chân mây ngàn. Xa xa, từng xóm nhà tranh ẩn hiện dưới hàng tre xanh êm ả vươn cao. Quanh sơn lộ, thấp thoáng từng khóm hoa cúc đại khoe sắc thắm trong cơn nắng oi ả, nồng nàn hương đồng nội. Miền quê cổ thổ thanh đạm của núi rừng, như một bức tranh thủy mặc êm đềm. Bao nhiêu năm phiêu bạt giang hồ, chàng đã mang gió trăng tuổi hoa niên nhốt chặt trong túi hành trang, thúc ngựa lên đường. Chàng gần như quên bằng niềm

lạc thú tuổi trẻ, chỉ biết vẫy gió đùa sương với thanh kiếm bạc. Nhiều lúc, bóng trắng vàng loang loáng động dưới vó ngựa hắc mã, tung tóe vũng nước lung linh cô đọng trên bước du hành mang nặng hoài bão phục vụ lý tưởng. Khiến chàng canh cánh đầy ắp trong trái tim, đầu còn phút giây rồi rảnh nào tô điểm cho giấc mộng riêng tư! Những nơi chàng đi qua, dù thoáng qua trong giây phút, hay nhiều ngày xuống ngựa len lõi tận thôn làng hiu quạnh, chàng tâm niệm vẫn cung phụng cho bằng được vài hạnh phúc tươi vui cho người dân đen bản địa. Những giây phút thần tiên đó, sáng khoái đôi môi chàng nhẹ nhàng thấm đẫm nụ cười. Nhiều lúc, trước vòng tay hôn hoan của đám dân làng, chàng cũng sáng khoái vung kiếm múa vũ khúc hoan lạc dưới bóng trắng xanh. Đó là những lúc, hoa thơm bùng lên sắc màu rực rỡ, đá núi cũng long lanh khí thiêng biểu lộ đồng cảm với niềm hạnh phúc hiện hữu của chàng.

Đứng trên đồi cao, chàng kiếm sĩ trẻ tuổi mặc cho ý nghĩ cứ tuôn chảy triền miên. Hình như tâm thức chàng đang bàng bạc trong cõi mộng du. Bởi chàng làm sao quên được, tại làng quê nghèo khổ nơi này, bao bọc giữa lũy tre xanh và rừng hoa dâu bụi đỏ thắm gần sâu vào ký ức, như túi hành trang ngày xưa ra đi còn quẩy nặng trên vai chàng... Cù bơ cù bất, ngày thơ ấu còn là một thằng bé áo manh xơ xác, đầu ba vá thơ ngây, thường xuyên bữa đói bữa no, ăn cơm gò mả, uống nước kênh đào, đêm xuống ngủ vùi bên chái đình làng hiu quạnh xiêu vẹo. Chàng không bao giờ suy nghĩ được gốc gác cha mẹ tổ tiên. Suy nghĩ, đó chỉ là sự trang sức phù phiếm với thằng bé nham nhở, cô độc loi choi giữa cuộc đời. Chỉ biết, một đêm mưa gió bão bùng bỗng nhiên đổ ập xuống thôn làng và cơn sốt thiên thời phủ vây thằng bé một cách khốc liệt. Con sốt đỏ lửa như muốn đốt cháy ba vá tóc xanh, và bệ thờ đình làng mà cậu đang nằm mê man, hoang dại. Chập chờn giữa cơn mê tỉnh, cơn mưa chưa dứt hạt, hình như loáng thoáng hình bóng một lão trượng hiên hậu, đầu quấn khăn rằn, xuất hiện bên cậu như vị thần làng cổ tích. Bắt đầu từ giây phút đó, cuộc đời chàng đã có phần thiên định. Ân sư đem chàng về chạy chữa, cu rơ mang và ngày qua tháng lại truyền hết tuyệt kỹ thất truyền. Ngày xuống đêm về, dưới hàng dâu bụi đỏ, chàng lấy cái nắng núi thiêng phơi từng khay thảo dược, ân sư bốc từng thang thuốc giải

bệnh cho dân làng. Cái tài danh y kỳ diệu của ân sư đã một phen thập tử nhất sinh, cứu chàng thoát khỏi cơn bệnh nặng dưới cơn mưa bão giữa đình làng ngày nào. Chàng thiếu niên chỉ biết đạo hiệu của ân sư là Cư sĩ Giác Tâm, bắt đầu từ nay là người thầy, truyền đạo đời và đạo pháp hư truyền cho đứa bé nhiều duyên nghiệp.

Một đêm, khi hoàng hôn vừa thoát hiện bên này trời biên giới, ân sư với tay rút bao kiếm cổ trên bàn thờ tổ sư, gọi chàng ra sân để khí luyện chiêu. Dưới bóng trăng thanh thoát, chàng như con linh dương thoát ả thoát hiện, thần khí hợp nhất dưới làn kiếm gia truyền loang loáng dưới ánh trăng. Ân sư đứng dưới hàng tre, khe khẽ vuốt râu gật đầu mỉm cười, âm thầm tán thưởng đứa học trò mồ côi thân yêu. Mười năm trôi qua, êm đềm như dòng kênh hiền hòa đang trôi chảy. Chàng nghiêm nhiên trở thành một trang thanh niên tuấn tú, sức khỏe và võ nghệ tuyệt luân, với tâm hồn bao la như đồng ruộng... Bao nhiêu tinh hoa của người thầy kính yêu, đã truyền đạt trọn vẹn vào đứa học trò thừa kế. Điều mà bấy lâu nay lão tâm đắc đã trở thành sự thật. Chàng thanh niên thanh tú quắc thước từ nay sẽ thay lão du hành nghĩa hiệp, vào khoảng đường đời trước mặt.

Rồi một ngày phải đến đã đến. Tiếng tu hú gọi con nước lớn, từng chập kêu vang trên từng góc lá. Tuổi già chông chất càng lúc càng đè nặng trên mi mắt ân sư. Như giọt sương mong manh tan biến trong tia nắng bình minh, lão hiểu rằng cuộc trường chinh trong cuộc đời này, cũng phải chấm dứt như hạt sương mai. Ngày lão đến khai hoang lập ấp cùng đoàn người di dân xa xứ, là lúc tuổi tráng niên của lão chưa chứng kiến được dòng kênh đào đầy phù sa, phân định biên cương Tổ quốc. Bốn bề rừng núi, đồng không mông quạnh, cộp còm vượn hú. Đến một ngày, sắc loa vang động khắp sông hồ, Đức Ông Thoại và Vĩnh Tế phu nhân cung thỉnh ân kiến Hoàng Thượng ân ban, đến trấn nhậm vùng cương thổ mới. Đất còn hoang vu rồi rậm, kỷ cương còn nằm xao xác dưới rặng thốt nốt điêu tàn. Đức Ông Thoại và phu nhân luận bàn phân định biên giới, tề lễ đất đai vương trạch, thành hoàng bốn cảnh, mượn sức dân hiệp cùng khí thiêng sông núi, mở đất thành con kênh dài ra tận biển Đông. Là tráng niên, lão cũng góp phần danh dự trong công trình khai kênh mở đất này. Biết bao nhiêu khổ cực, sương lam chường khí dập vùi, xương máu

dân phu ngã gục để đắp nên hòn kênh vững chãi trước thời gian luật định. Từng đêm ngồi trên tảng đá xanh chơi vơi góc núi, nhìn từng ánh sao băng như chuyên chở từng linh hồn nghĩa sĩ. Hay những đóm lửa ma troi thấp thoáng bên bờ kênh, quện gió nhớ nhà. Lão chất chồng kỷ niệm và vốn liếng tinh hoa cả đời, đặt trọn vào tay đứa học trò thiên định duy nhất. Cũng lại đêm mưa, chàng kiếm sĩ không bao giờ quên được phút giây biệt ly sinh tử. Lão ân sư nằm thoi thóp trên giường bệnh, cơn bệnh cuối đời đã vắt cạn sinh lực còn sót lại đêm nay. Gom hết hơi tàn, lão nhét vội vào lòng bàn tay chàng một miếng *Ngọc bội* to như bàn tay người, chạm trở tỉnh vì *con rồng xanh* đang bay lượn trong cõi vân hà, được bao bọc trong miếng vải điều ngào ngào như một *Đồ Bản cổ*. Ân sư truyền tâm ấn, hẹn mười năm sau chàng đi ngược dòng kênh Vĩnh Tế, đến biên trấn Vĩnh Tế Sơn thừa hành di chỉ Đồ Bản tìm nơi ẩn dật của đạo sư pháp hiệu *Giác Linh* tham kiến. Người dẫn đường đạo *Kỳ Hương* này, sẽ hướng dẫn khai sơn hướng về đỉnh núi Thiên Cầm Sơn tìm *Dòng Suối Xanh* giữa đêm trăng. Thừa di chỉ soi dưới ánh trăng, hai báu vật *Ngọc bội* và *Đồ Bản vải điều*, để giải mã linh ấn phong thủy của ngoại bang hầu tận diệt hậu bối nước ta. Chàng kiếm sĩ nén ngược tiếng nấc vào lòng, như nén những thối đá trên bờ rào hoa tường vi đêm qua. Có tiếng chim đỗ quyên rứt rề cát tiếng hót đầu đây, từng chập lè loi giữa khoảng không gian mênh mông vượn đây gió núi, thâm đậm cột mốc sương trắng hờ hững gác nhẹ lưng trời. Nắm mộ ân sư nằm cheo leo trên lưng chừng núi, một buổi sáng tỉnh mơ, tiếng gà rừng vừa gáy lạnh lốt bên kia xóm vắng. Chàng bái tạ mộ ân sư, vai đeo thanh kiếm cổ. Giữa lòng ngực ẩn giấu *Ngọc bội* và *Đồ Bản*, bước nhẹ phiêu bạt giang hồ. Bụi phong trần từ đây chất đầy trên vai áo, bao nhiêu năm tháng trôi qua dưới chân ngựa, chàng không màng hay biết. Thoắt ẩn thoắt hiện hành hiệp phò nguy. Tung tích chàng và con hắc mã chỉ như những vết tích kỳ diệu, huyền hoặc khảm sâu trong tâm thức dân bản địa. Hơn mười năm phiêu bồng, ngày nay trở lại đường cũ, hình như sơn trang ngày nào vẫn lặng lẽ đón nhận cố nhân. Nên hàng rào hoa dâm bụt đỏ thắm hoang dã thoang thoang hương xưa, đã diu chàng lặng lẽ trong nỗi nhớ cố hương, với nắm mộ ân sư vẫn nằm cheo leo trên sườn núi, chờ đợi ngày về...

2. Hơn mười năm xa xứ, vâng lời ân sư chàng kiếm sĩ Đôn Hùng Tín hành hiệp giang hồ, lang bạt vạch chông gai tìm một hoài bão, chờ đợi thời khắc thiên mệnh trở lại khám phá mật truyền trên miếng Ngọc bội và tấm vải thiêng Đồ Bản. Thời gian trôi như gió thoảng, lưng cài kiếm báu, ngực đeo chiếc đũa con chứa miếng *Ngọc bội rồng xanh* và miếng *Trần điều Đồ Bản*, chàng tâm nguyện thống thiết hoàn thành lời ân sư ký thác tâm truyền. Trước ánh đèn mờ tỏ, chàng thường ngắm soi sắc nước *Ngọc bội*, và những đường vẽ trên *Vải điều*. Từng chi tiết và lời căn dặn của ân sư ngày nào, vẫn bay lượn theo con Thanh Long màu bích ngọc. Tất cả hình như đã thật tình hòa quyện trong tâm thức chàng suốt ngày tháng trôi qua. Chốn cũ, vẫn rừng núi bao la chạy dọc biên thùy sông nước, những biến đổi của cuộc đất trong suốt mười năm xa vắng vẫn không thay đổi nhiều trong trí nhớ của chàng. Bên kia xa thăm, sau lưng quần sơn biên cương thấp thoáng hoang vu vùng đất khai sơn phá thạch của người đi trước. Dấu ấn cuộc đất như thâm lặng trong ý chí của tiền nhân, tạo dựng một phương án phong thổ cho vùng đất ngoại biên còn hoang sơ giữa đất nước đầy xương máu, vong linh của dân đen trong cuộc khai hoang, dựng đất triều cương.

Trên đường tìm về lối cũ, mang theo báu vật canh cánh trong lòng, Đôn Hùng Tín chứng kiến quang cảnh dịch bệnh kéo dài suốt trăm dặm đường biên cương. Từ dãy núi Trường Sơn tận phương hướng Tây Bắc, hoang cảnh đói khổ, kiệt quệ dồn dập đổ ập lên đầu dân bản địa. Người chết chất chồng trong thảm cảnh hoang tàn không đếm xiết. Vượt qua trấn lưu đồn vùng ngựa tể, dọc thành Phiên An, hàng rào giới cấm kéo ngang dọc bốn phương. Đại dịch dài suốt phương Nam hoang thổ, cứ theo tin ngựa dồn dập đưa về trấn Gia Định thành. Biên giới Tây Nam, dọc xứ sở tân kiều kéo dài lục tỉnh, cả vùng đất rộng lớn ẩm thấp, hoang dại của cổ địa Thủy Chân Lạp, hiện được sáp nhập vào cương thổ Nam triều. Dù vẫn còn khai thác hoang sơ, dân nghèo tứ phương đủ mọi sắc tộc đổ xô gồng gánh về tìm sinh lộ. Nạn mất mùa, đói kém kèm theo đại dịch, chốn sơn lâm chướng khí, bệnh thiên thời bao trùm, cả vùng khí hậu tang tóc kiệt quệ. Chàng kiếm sĩ đứng dựa bên tảng đá chân núi cạnh con kênh

đào. Giữa sân đình làng xưa cũ này, đã ôm ấp chàng trong cơn trọng bệnh, vời vợi hình ảnh ân sư như chuyện cổ tích ngàn năm. Ngày đi trong muôn dặm gió sương, hôm nay đứng mười năm đi chỉ chàng trở lại quê hương cố thổ. Trên sân đình làng này, bên kia con kênh đào khai phóng và phong quang cho ranh giới biên cương đất nước. Chàng như đi vào cơn đông thiếp, từng chi tiết ấu thơ đến ngày tháng trưởng thành bên cạnh một người thầy cao đạo. Ân sư ẩn tàng một hành tung huyền bí, như sự huyền bí của quần thể núi non hàng hàng lớp lớp, trấn thủ biên cương phương Nam đất tổ này. Sứ mệnh mười năm vừa hoàn thành, phải chăng ân sư muốn chàng bước ra khỏi thành quách, bước rộng ra bốn phương tìm sự sinh, sự tử của thế gian để bồi đắp thần khí định mệnh cho bản thân chàng? Sự hiểu biết bất chợt trước ý nghĩa sự sống, ân sư đã gói ghém cho chàng trên bước đường hành hiệp. Ân sư cho chàng mở rộng cách nhìn nhân thế, khác gì Thái tử Siddhartha mở cổng triều nghi bước ra bốn cửa thành, rồi chợt ngộ ra bản thể sinh lão bệnh tử, và chân lý vô thường.

Chàng kiếm sĩ trẻ tuổi vẫn nhiều phen, muốn tìm hiểu bí mật ẩn tàng trong chiếc *Ngọc bội thanh long*. Vẫn là sắc xanh lam ngọc của đám phù vân cuộn cuộn dưới móng vuốt tám đôi chân hùng vĩ của linh vật. Ngoài ra, vẫn không có gì ngoại lệ khác, khiến sự chú ý vẫn còn ẩn tàng trong chiếc Ngọc bội. Chàng thần thờ đem hết tri kiến, họa may tìm được vết tích kỳ bí nào. Con *thanh long* vẫn im lặng như từ mười năm nay, nằm trong miếng *vải điều*, rong ruổi cùng chàng giăng mắc sương gió bốn phương! Chàng trai trẻ cũng nhiều lúc thất vọng, lại xoay quanh *Đồ Bản* đầy đường cong chi chít lượn quanh *Tám vải Trần điều*, với *9 hạt vàng* ghi Hán Nôm từ chữ *nhất điểm* đến chữ *cửu điểm*. Tất cả huyền hoặc trong báu vật con rồng xanh và bức vải điều với Đồ Bản có 9 hạt vàng bí ẩn nằm im lặng chờ giải mã. Tính ngày ra đi bước vào thế sự, gom gió thành sức mạnh và nổi gian truân vùng vẫy giữa cuộc đời làm khí giới của tri thức. Chàng ngẫm nghĩ, nấc thang cuối cùng trong thử thách phải chăng là phải có duyên ngộ mãnh liệt, để đuốc tuệ soi sáng được những ẩn dụ bí mật quanh báu vật, tám vải Trần điều Đồ Bản và chiếc Ngọc bội huyền bí...

Buổi sáng tinh mơ bên nắm mộ ân sư. Triền núi vang vọng thanh thoát tiếng sơn điệu lạ, lạnh lớt như tiếng chào đón của người trong sơn mộ, hoan hỉ đón nhận hiện diện của đứa con vừa trở về. Chàng kiểm sĩ giật mình xoay người nhìn sang bên phải triền dốc núi. Một bóng dáng khỏ hạnh, đi như lướt trên sườn đá, chắc hẳn người bản địa miền sơn dã nên thân thủ thật linh hoạt. Áo tràng nâu bay phất phơ trong gió núi, vẫy tay ra dấu đón chào. Chàng ngậy người, thoáng chốc dừng bước chờ đợi và hình như linh tính thâm báo, điểm hẹn đạo sư Giác Linh mà ân sư Giác Tâm báo trước giờ viên tịch.

3. Đối diện trên sườn núi, chàng tuổi trẻ nhìn lão ẩn sĩ trung niên trong vẻ hân hoan. Gió núi thổi dập chập chùng quanh cuộc giao tiếp hai người xa lạ. Người trước mặt vãi chào, tự xưng là cư sĩ Cổ Quán, được giao phó của Đức Ông Giác Linh, là sư huynh của ân sư Giác Tâm. Chàng chợt rung động nhớ lời dặn dò, hò hẹn phó thác duyên nghiệp của mười năm về trước. Thì ra, tất cả định mệnh hình như ân sư Giác Tâm đã tiên đoán. Sự thể, vòng luân chuyển của tạo hóa đều nằm trong bước đường tu chứng của chánh pháp. Chàng kiểm sĩ và cư sĩ Cổ Quán nhিপ nhàng bước xuống chân núi. Cương thổ bên phía trái là dòng kênh đào thời gian gần ba mươi năm trước, trước mặt là bước về hướng Tây An cô tự. Phía sau cô tự, có thêm một ngôi chùa nhỏ như hình dạng miếu đình, nơi ẩn dật của tôn sư Giác Linh. Cư sĩ Cổ Quán đưa chàng vào thiền tự, Đức Ông Giác Linh trong đạo phục nâu sòng, râu tóc dài xuống thân, cùng ba vị cao đồ có mặt sẵn trong tự viện bước vội tiếp đón người đệ tử của sư đệ cư sĩ Giác Tâm, như chào đón một hữu duyên đã định trước. Đức Ông chỉ ba vị cao đồ đang vãi chào khách, giới thiệu là các cư sĩ Đạo Xuyên, Tăng Chủ và Đình Tây. Chàng kiểm sĩ ngỡ ngàng trong cuộc diện kiến định mệnh mà mọi sự thể đều thoát đi thoát về trùng hợp kỳ lạ của cuộc tiên tri định kiếp. Đức Ông khoan thai hướng dẫn chàng đến trước bức Trần điều màu nâu thẫm, đứng chú nguyện thâm lắng bất động. Trong ngôi miếu-chùa như chìm lắng trong giây phút mật niệm thâm kín, trang nghiêm. Bên ngoài sơn lộ, trên nóc Tây An tự có vài tiếng họa mi hót líu lo trong hoang vắng. Bên ngoài ven

son lộ lạng lẽ, tất cả im ắng trôi qua tưởng chừng không gian-thời gian nhẹ nhàng bất biến. Trước bức Trần điều là chiếc bàn gỗ và bốn chiếc đôn bằng sơn thạch, Đức Ông Giác Linh rót ấm nước chiết từ lộc bình đã đun sôi, hỗn hợp trà lá bồ đề ướp hoa nhài thơm ngát, mời chàng kiếm sĩ. Khoan thai trong đạo vị, lời nói nhẹ như cánh gió bay quanh thiền tự. Đức Ông ôn tồn giải bày cuộc hành trình sư đệ Giác Tâm, nhận lệnh điều phối của tôn phái cư sĩ về thôn hoang vắng Đầu Bờ với sứ mệnh cứu mạng chàng trẻ tuổi trong cơn bệnh thập tử nhất sinh từ hơn mười năm về trước. Thu nhận đệ tử, pháp truyền võ thuật tôn phái, để hành đạo khai hoang lập ấp định ranh bờ cõi giang sơn. Chàng trẻ tuổi lại nằm trong cung mệnh thiên định, giải phá những trấn yểm phong thủy của ngoại bang, kẻ dữ xâm phạm đất đai và tiêu diệt giống Rồng Tiên hậu bồi đất nước Việt. Chàng kiếm khách Đơn Hùng Tín sẽ là cư sĩ thứ 5 được thiên định, sẽ khoác vai sứ giả tôn phái cầm *Bia Ngũ Sắc* và cùng bốn đại đệ tử thế tục anh hùng cầm *5 Bia Thạch Mộc* trên vị trí 4 phương Đông Tây Nam Bắc và Trung Ương ở 5 cuộc đất định mệnh này. Sự thiên mệnh mà Đức Ông vừa tiết lộ nhẹ hững như hư không, bộc lộ trước hành trình sẽ bước tới, khiến chàng kiếm sĩ giật mình, ngỡ ngác trước thiên cơ dần trải trước mặt. Thì ra, theo lời mở cửa tiên tri đó là hiện tượng kỳ bí đã gói ghém từ lâu trong *Chiếc Ngọc bội Thanh Long* thiêng liêng, với sự dẫn đường là chỉ tiết *9 hạt vàng* trên đồ bàn. Chàng vội vàng trình trước Đức Ông *Chiếc Ngọc bội Thanh Long Vân Hà và Tám Đồ Bản có 9 hạt vàng*. Đức Ông Giác Linh Kỳ Hương nhẹ nhàng hỏi, trong hơn mười năm nay hành hiệp tế độ chúng sanh, chàng có bao nhiêu lần chiêm nghiệm tìm tòi hiểu biết ẩn chứa bên trong hai báu vật này? Chàng kiếm sĩ có phát giác được bí ẩn và giải mã được phần nào thân thể *rồng xanh* và *9 hạt vàng*? Chàng thận trọng lắng đầu, đem ý nghĩ đơn sơ cầu kiến Đức Ông. Ý nghĩa bí ẩn chứa đựng bên trong báu vật, vừa được mở khóa, thì ra *9 hạt vàng* trên Đồ Bản là *cửu điểm* thiên định hướng di hành mà các cao đồ sẽ thực hiện thiên hành theo báu vật *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* của tổ tiên Việt tộc cổ đại...

4. Chàng kiếm khách Đơn Hùng Tín thăm kính phục bốn đại đệ tử của Đức Ông là Cố Quản, Tăng Chủ, Bùi Thiên Sư, Đạo Xuyên, Đinh Tây... những người đã có công thừa hành tự túc tu học yếu chỉ Kỳ Hương. Những bước chân của bốn đại cao đồ giẫm nát trên khoảng đường khản hoang lập ấp, đã đi khắp miền hoang vu trên hoang thổ đầm lầy Thủy Chân Lạp cổ, Cầm Lố, Láng Linh, Thới Sơn... Nay thừa ý chỉ, Đơn Hùng Tín chợt biết mình sẽ là người thứ 5 thiên mệnh nối tiếp theo bốn vị anh hùng cư sĩ Kỳ Hương, sẽ bước vào trận đồ huyền linh mà định mệnh đã chiếu sáng. Hành trình khai mở, Đức Ông tuyên dụ trước cuộc hành hương, đi về *cửu điểm* mà 9 *hạt vàng* trong Đồ Bản đã định, lấy phương vị của các vì sao trong *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* của người Việt cổ, vạch sẵn bước hành hương trang nghiêm để hòa nhập vào linh khí thiên mệnh. *Nhất điểm*: tại Tòng Sơn, Tổng An Thạnh Thượng, Sa Đéc. *Nhị điểm*: từ Lấp Vò vào Tràm Dur. *Tam điểm*: Kiến Thanh, Long Kiên. *Tứ điểm*: Cần Đăng, Long Xuyên. *Ngũ điểm*: Vĩnh Điều, Giang Thành, Rạch Giá. *Lục điểm*: Vĩnh Thạnh Trung, Tân lộ Châu Phú. *Thất điểm*: Vĩnh Tế, Châu Đốc. *Bát điểm*: Thới Sơn, Biên trấn Tịnh Biên. *Cửu điểm*: Thiên Cầm Sơn.

Chàng trẻ tuổi lặng im nghe thuyết giảng về bước đường hành hương mà Đức Ông truyền dạy. Bất chợt chàng thâm nghĩ mười năm trên bước đường hành hiệp, sơn lâm chướng khí chập chùng. Tạo được nhiều ước mơ cho chúng dân đen tha phương, chàng như vẫn còn quanh quẩn trong ảo giác phong thái người hùng, trừ gian diệt bạo. Nay đứng trước một sự thể to lớn và nhuốm màu huyền bí, chàng chợt hiểu ra rằng, chung quanh cuộc đời và định mệnh đã còn có rất nhiều ngõ rẽ, vượt khỏi hiểu biết thực tế. Đức Ông là người thể gian bí ẩn đặc biệt, hành sự *dụng văn* như vận dụng hiện thể *thiên văn* âm tàng huyền linh, *dụng võ* như những chiêu thể *hư vô* kỳ bí của định mệnh. Trong thời điểm đầu tiên của cuộc hành hương, 4 cao đồ tôn phái Cư sĩ Kỳ Hương Bảo Sơn và chàng kiếm sĩ Đơn Hùng Tín. Đức Ông Giác Linh mật truyền dặn dò những bước du hành sẽ nối kết được với khí lực tiên thiên. Trong *cửu điểm*, vùng đất vừa được đặt bước chân lên, theo *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ*, thì 5 vị cao đồ Kỳ Hương sẽ tiếp nhận được khí lực huyền bí của một trong chín chòm

sao âm dương tại phương hướng cuộc đất. Khí lực là thanh kiếm vô hình nhằm hóa giải trấn yểm phong thủy của ngoại bang trên quê hương Đại Việt. *Cửu điểm* là chín vùng đất, *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* tượng trưng của chín chòm sao âm dương, theo thông số từ *nhất* đến *cửu*.

Thử thách tiên khởi, 5 vị cao đồ vạch Đồ Bản, đeo hành trang đi ngược về hướng cửu điểm. Bước đầu ở hướng cửu điểm, mà chữ vị cư sĩ phải đầu tiên trở về lại chính là *nhất điểm hạt vàng*, *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* xoay về đất thánh Tông Sơn, Tổng An Thạnh Thượng Sa Đéc. Là nơi năm Kỷ Dậu -Thiệu Trị nhị niên, đạo hiệu Giác Linh ra đời, tế lễ thần thành hoàng bốn cảnh, khí thiêng đất đai vương trạch. Tại đình làng Tông Sơn, Cư sĩ Cổ Quản thừa lệnh lập đàn tràng khăn kiến thiên địa nhân, ông được vị Thủ đình Cư sĩ Giác Hòa bước đến Long đình Tôn phái, bàn giao báu vật trấn đạo. Năm cao đồ đón nhận *Bia Ngũ Sắc* tượng trưng Ngũ Vị Cổ Phật và 5 *Bia Thạch Mộc* có màu sắc riêng từng bia: *Thanh Mộc*, *Bạch Mộc*, *Xích Mộc*, *Hắc Mộc*, *Huỳnh Mộc*, bằng gỗ hóa thạch hàng triệu năm trên thế gian. Năm bia hóa thạch tượng trưng Ngũ Phương Tinh Quân được khắc họa hình tượng *Phật đà* với 4 chữ *Kỳ Hương Bảo Sơn* bằng bút tự Hán Nôm. Đức Ông trang trọng mật truyền cho Cổ Quản, dịch bệnh đang hoành hành tại đất thánh Tông Sơn nên tế lễ đất trời và giờ Ngọ, 5 vị cao đồ thể nhân hành đạo cầm *Bia Ngũ Sắc* danh hiệu của Ngũ Vị Cổ Phật, hiệp cùng khí lực tiên thiên của 5 vị cao đồ, đẩy lui dịch bệnh cho dân đen bản xứ. Giờ Ngọ ngày Rằm tháng Tư, cuộc đất được chọn là gò cao phía hữu đình làng Tông Sơn. Giữa nắng trời oi ả mùa hạ, Cư sĩ Cổ Quản và 4 vị cao đồ tế lễ thiên địa, rượu tẩy trần cùng những thúng bông trang màu đỏ được tế nguyện khắp bốn phương. *Bia Ngũ Sắc* cao nửa trượng trang nghiêm uy lực, chiếu thẳng bóng dưới tia nắng Ngọ. Dân làng chú nguyện dịch bệnh lui dần trước bóng thái dương rực rỡ.

Hành trình tiếp tục theo Đồ Bản, trùng khớp những lần thiên định di chuyển theo hướng sao định mệnh. Đức Ông Giác Linh cũng đã dặn dò, Tràm Dư Lấp Vò và Kiến Thanh Long Kiên bước đi hành trình phải vượt qua. Vì hai điểm trong Đồ Bản, là *nhị điểm hạt vàng* và *tam điểm hạt vàng*, nối kết bên dòng sông Hậu, nhiều thủy quái

lưu cư hàng thế kỷ dưới hốc vực sâu ngỗ ngách, quanh những cù lao bí hiểm trên sông. Cư sĩ Cổ Quán và 4 đại cao đồ, dùng bước dưới bóng hàng tre làng cổ đại đất Trầm Du. Ông mở đây, lời dặn của sư phụ còn ghi cần mật trong chiếc thư chữ Hán Nôm và triện son của Đức Ông ẩn ký. Trước khi vượt dòng sông mênh mông đầy trắc trở, điều cần thực hiện là ghé đình làng Lấp Vò, vị thủ đình là Giác Tha, sẽ truy căn và thư tịch sẽ giao *Chiếc Nghiên bằng thạch anh trắng*. Năm vị cao đồ vững chắc lòng tin trên từng bước đi, ghé đình làng với nhiều nghi vấn. Từ nơi cư sĩ Giác Hòa, *Bia Ngũ Sắc* hình tượng của năm vị Cổ Phật, trong hành trình từ cội nguồn đất thánh, sùng sững bên hữu điện ngôi đình làng Tòng Sơn. Phút chốc hòa nhập khí thiêng với tôn phái Kỳ Hương, đẩy lùi ôn dịch kéo dài suốt nhị niên Kỷ Dậu đến Tân Hợi. Cư sĩ Cổ Quán cùng 4 huynh đệ còn phân vân trước chiếc thư dặn dò, thì trước mặt một vị cư sĩ áo nâu hình như cũng đoán trước sự ngăn ngại, vòng tay chào khách. Cư sĩ Cổ Quán choàng tỉnh, và linh cảm đoán chắc trước mặt là người bí ẩn trong thư sư phụ. Sự hiện diện trùng hợp trong gặp gỡ chắc hẳn vẫn là cuộc sắp xếp duyên nghiệp, ngũ vị cao đồ vòng tay chào trả lễ. Giây phút điểm hẹn đã đến, người thủ đình chờ bao nhiêu năm tháng, phút chốc sự hiện diện đã làm thỏa lòng kẻ đến người chờ.

Cư sĩ Giác Tha giới thiệu là sư đệ Đức Ông Giác Linh, hướng dẫn năm vị hiền đồ vào cung bái thần linh trong đình miếu nhỏ làng quê. Theo mật chỉ, Ông trân trọng giao cho 5 vị cao đồ *Chiếc Nghiên bằng thạch anh trắng* và *Túi nhỏ bằng da chứa Thần sa đỏ thắm*. Cư sĩ Giác Tha tiết lộ, trước khi vượt sông, nguy hiểm thủy quái đầy giẫy, các tôn đồ trước đầu sông chắm chút Thần sa xuống mặt sông, tâm nguyện Kỳ Hương. Giữa sông cũng thực hiện lần hai chắm Thần sa, và cuối sông lần ba hành phép như vậy, để an lành vượt hiểm sông dài. Cư sĩ dặn dò, chuyển qua *tam điểm hạt vàng* là bước vào vòng chu luân của giới địa Kiến Thanh Long Kiển. Buổi chiều vội vã, năm vị cao đồ vòng tay từ giã tôn thúc, quay hành trang bước lên đò mộc với ông lão lái đò tiên phong đạo cốt, râu bạc trắng xóa như mây trời, tang bồng năm tháng trên sông nước.

5. Sông dài và rộng hàng trăm sào nước, gió mùa thu khô hanh, nhưng sao vẫn thấy lạnh lạnh và cô độc quá. Trăng vàng vặc nghiêng liềm trên góc trời đêm tháng Bảy. Âm phong trường giang thổi rít từng cơn lạnh lẽo, chiếc đò mộc lắc lư suốt canh giờ nhưng vẫn ngược chèo theo cơn gió lạnh. Nhìn nhau im lặng, năm lữ khách rùng mình, nghe thủy ngư quẫy mạnh từng góc sóng. Vận mệnh vẫn réo rắt từng chập trên mạn thuyền, lão lái đò yên lặng vuốt chòm râu trắng bạc, tùm tùm mỉm cười ngậm nga đưa lời sấm truyền loang loang trong trăng nước:

*"Dục thức Thánh nhân xứ
Đa thức ứng Bảo Giang
Dục thức Thánh nhân hương
Thủy lam bảo trung tàng
Dục thức Thánh nhân tính
Mộc hạ liên đình khẩu
Dục thức Thánh nhân diện..." (*)*

Lão nghiêng mình lướt nhìn năm vị cao đồ, vẫn vuốt chòm râu bạc, hình như cả năm tôn đồ Kỳ Hương vẫn trầm lặng kinh niệm trong sứ mệnh đang gánh nặng trên vai. *"Mộc hạ liên đình khẩu/ Dục thức Thánh nhân diện"* vẫn là ý niệm mà cao đồ Kỳ Hương đang thầm kín soi thấu trong tâm thức huyền nhiệm... Chiếc thuyền mộc đã vượt qua nửa quãng sông dài, khi vô thức chìm lắng trong dòng sấm ký loang loáng vượt tâm, khiến không gian thu ngắn nửa chặng đường hiện thực. Lão chèo đò là ai, mà chuyển hướng đi vào một không gian vô thức, dòng trường giang nằm trong một thách đố lớn lao về ý niệm vô thức và hiện thực. Cả năm vị cao đồ cũng vô tình bước qua một không gian kỳ bí, nhưng những báu vật vẫn nằm đây, năm chiếc *Bia Thạch Mộc*, *Chiếc Nghiên thạch anh trắng*, và *Đầy túi da Thần sa* vẫn lặng lẽ im lặng. Lão lái đò bình thân sau một khắc quan sát, dừng chèo giữa giang hà chợt lên tiếng đánh thức. *Hình như, còn phải bỏ gì giữa sông phải không?* Tiếng thủy quái quẫy mạnh dưới trăng lạnh, cư sĩ Cô Quân chợt bình tĩnh, với nhặt túi da

vẩy vài loạt Thần sa màu huyết dụ xuống mặt nước. Vài phút yên lặng, ông lão lại ngâm nga giữa tay chèo:

... "*Tu tâm chương trích cú*
Giang Nam nhị thủy huyện
Tại sơn vô hổ lang
Thất thập nhị hiền tướng
Phụ tá Thánh quân vương
Phá điền thiên tử xuất
Bất chiến tư nhiên thành". (**)

Chiếc thuyền mộc vờn mình trườn lên quay cầu. Điềm đến đã đúng hẹn cập bờ bên này sông, Chàng kiếm sĩ Đơn Hùng Tín bước lên bờ sau cùng, chàng quỳ người cung kính chào tiễn biệt ông lão, và cung thỉnh danh tự để có dịp gặp gỡ mai sau. Lão lái đò cười nhẹ trả lời: *Đạo hiệu của lão là Giác Đức, đình Kiến Thanh Long Kiển, đa tạ quý quan khách*. Cư sĩ Cổ Quân và 4 vị cao đồ hốt hoảng đồng loạt vòng tay vái chào sư thúc. Ông lão chèo đò vô ảnh vô diện khuất dưới mái chèo, và bóng đêm còn vương nửa liềm trăng trong hư không.

Bức thư vài chữ Hán Nôm có triện son, lần nữa được mở ra trong tình thế không định hướng, các cao đồ Kỳ Hương vẫn băn khoăn tìm điểm đến của vị trí *tam điểm hạt vàng*. Trên Đồ Bản, hạt vàng thứ ba nằm tại vùng đất Kiến Thanh, Long Kiển. Ngôi đình làng vừa là ngôi miếu nhỏ nằm hun hút trong con đường đất quanh co, yên ắng trong hàng mù u dày đặc rừng ong vàng. Bao quanh bóng lá, những gian nhà cô xưa gạch đỏ trải dài quanh những bàn thiên xây giữa sân nhà. Ngôi đình miếu ăm thấp, có bảng ân tứ sắc phong treo hờ hững dưới mái ngói rêu phong. Làng quê nghèo nàn, năm hiu quanh lác đác quanh ruộng nước. Cư sĩ Đạo Xuyên và Tăng Chủ Bùi Thiền Sư ngơ ngác nhìn bút tự của Sư phụ Giác Linh, rồi lặng lẽ nhìn ngôi đình thấp lè tè, không bóng dáng người cư trú. Chợt một tiếng vái chào vang vang phía hậu liêu. Tháp thoảng bóng người cao lớn, lom khom lách khỏi tấm bình phong linh hoạt hình ảnh tranh vẽ màu sắc Ngũ Vị Cổ Phật. Vòng tay chào khách, ông xưng là Giác Hạnh mời tạm ngồi quanh những chiếc ghế đá chông chơ nghèo nàn trước

sân đình. Cư sĩ Giác Hạnh nói theo lời phân bổ của tôn phái, ông đã phải gìn giữ ngôi đình miếu này hơn 10 năm nay, để chờ cơ duyên hoàng hóa của tôn phái. Nhìn hành trang của 5 vị cao đồ, thấy chiếc *Nghiên thạch anh trắng*, ông tự thuật sự phân bổ của Đức Ông giúp ông giữ gìn *Chiếc bút lông cán bằng thạch anh trắng*, chờ sứ giả của tôn phái đến nhận cho đạo pháp. Sự an bày từ định kiếp thừa hành, tôn phái đã sắp xếp từng nhánh nhỏ của một cành cây, từ nhiều cành cây thành triệu nghi tôn phái hòa quyện chánh pháp với thiên địa nhân. Những thực hiện thiện hành theo định mệnh, các cao đồ chia ra năm gốc ngũ phương từ 5 *điểm hạt vàng* thiên mệnh, cắm 5 *Bia Thạch Mộc* năm màu sắc tượng trưng Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, tiếp giáp 4 phương *Đông Tây Nam Bắc* và *Trung Ương*, có tượng hình *Phật đà* và 4 chữ *Nôm Kỳ Hương Bảo Sơn*. Trong những buổi Thiền hành, tại 5 *điểm hạt vàng* từ *tứ điểm hạt vàng* đến *cửu điểm hạt vàng*, thì *Chiếc bút lông thạch anh trắng* sẽ được dùng trong buổi tế lễ Trời đất, Thành hoàng Bồn cảnh, Đất đai Phong thổ...rồi một cao đồ sẽ dùng *Chiếc bút lông cán thạch anh trắng* chấm *Thần sa* trong *Chiếc Nghiên thạch anh trắng*, điểm nhãn thần khí dưới góc chân 5 *Bia Thạch Mộc*. Thiền hành sẽ hóa giải và ngăn ngừa ngoại bang trấn yếm đất đai, phong thổ, phá hoại thần khí hậu bồi Việt tộc.

Ngũ vị cao đồ Kỳ Hương nghiêm trang đón nghe lời phân bày và dặn dò, từng bước buổi thiền hành sắp tới của sư thúc Giác Hạnh, người cư sĩ có nhiệm vụ cuối cùng thay Tôn phái, giao *Chiếc bút lông cán thạch anh trắng*, cho cư sĩ Cổ Quán người đại diện ngũ vị cao đồ. Trước giây phút giã biệt Cư sĩ Giác Hạnh dặn dò, trước mặt còn nhiều chông gai, bình tĩnh dần bước vì còn phong thư thứ ba của Đức Ông chắc nhiều chỉ dẫn quý báu. Suốt ngày tháng qua, các cao đồ đã hoàn thiện những cuộc hành hương từ *nhất điểm hạt vàng* đến *tam điểm hạt vàng*. Từ thánh địa Tòng Sơn, Tràm Dự, vượt sông dài đến Long Kiển. Trên đường vạn lý bộ hành này, ngoài đón nhận pháp chỉ các báu vật tâm linh, những bước chân anh kiệt đã in trên các vùng đất của các vì sao *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* gia tăng nội lực của linh khí tiên thiên, giúp chống chọi với chương khí sơn lâm và ôn dịch hoành hành.

6. Hành trình dừng bước bên này dòng sông Hậu, năm vị tôn đồ điểm xuyên lại những thành quả hoàn thành trên bước đường thừa hành nhiệm vụ. Gần ba tuần trăng trôi qua, ngũ vị tôn đồ đã trải qua bao nhiêu cần mật, nhưng nếu không có hai phong thư của sư phụ Giác Linh bạch hóa chỉ dẫn, thì chắc chắn 5 huynh đệ chưa tìm thấy chư vị sư thúc và nhận được báu vật trấn sơn. Hiện tại, tại thánh địa Tòng Sơn mới hoàn thành được cuộc thiên hành, và dựng *Bia Ngũ Sắc* tế lễ đất đai, diệt trừ được dịch bệnh suốt hai năm Kỷ Dậu - Canh Tuất hoành hành tai ách cho dân lành. Tiếp nối, ngày qua tháng lại 5 *Bia Thạch Mộc* và *Chiếc Nghiên thạch anh trắng*, cùng *Chiếc Bút lông cán thạch anh* và *Đầy túi da Thần sa...* vẫn nằm chờ đợi hành trình mới, chưa biết phải chọn hướng thực hiện ra sao! Mặc dù tôn sư Giác Linh đã vắn tắt giải trình phương hướng phải hoàn thành. Nhưng thiên cơ bất khả lậu, tư tưởng huyền linh sẽ chuyển biến tùy theo cơ duyên. Nên sự thành bại còn do nghiệp báo và thời gian thành hay hư do định số. Trước khi tiễn 5 tôn đồ bước vào đồ trận, Đức Ông trải *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* của giống nòi Việt cổ, điểm chỉ 9 điểm phong thủy mà cao đồ phải đặt chân bước lên, dùng huyền linh giải phá trấn yểm của ngoại bang hồng tiêu diệt tinh hoa hậu bối Đại Việt. Đức Ông trao 3 chiếc thư chữ Hán Nôm có triện sơn, dự phòng tình thế khó khăn trên bước đường đại nghiệp. Tiên tri rằng, trên đường hành sự 5 cao đồ vẫn nhiều lúc gặp gút mắc khó tháo gỡ, lúc tận cùng mới được mở mật thư Đức Ông khuyến dụ, thi hành.

Gió mùa thu loang loáng trên dòng sông Hậu, địa phận Long Xuyên là điểm dừng trên khoảng đường dài hơn mấy mươi dặm đường, từ Long Kiển về Cần Đăng. Các vị tôn đồ Kỳ Hương quây quần bên thạch bàn của một quán Trúc xanh cô quạnh ven đường. Hành trang trên suốt dặm dài cần thận lưu giữ không rời, 5 *Bia Thạch Mộc*, *Chiếc Nghiên Thạch Anh*, *Chiếc Bút Lông* vẫn được kê cận bên *Đầy túi da Thần sa* đặt nằm giữa thạch bàn. Cư sĩ Cổ Quần trầm lặng ngồi suy tư, thờ dài như đang tìm cách tháo mở những gút mắc bí ẩn trên bước đường sắp tới. Nhìn những vật báu mang đây về bí ẩn tâm linh, mà ngày xuất hành ra đi với nhiệm vụ cơ trời thật cần mật, cực kỳ quan trọng đến sinh tồn hậu duệ và mệnh nước, kẻ cả tôn phái. Tiềm thức quay cuồng, từ ngày nhận mật truyền của tôn sư,

thấm thoát mấy tuần nguyệt bay qua như gió thoảng. Trên quán Trúc xanh bên này bờ sông Hậu, bước đi du hành tiếp theo, tính theo mật truyền là đã thu nhập hoàn thành 3 điểm hạt vàng trên Đồ Bản, từ Thánh địa Tòng Sơn qua Trầm Dư và Long Kiển. Hiện tại, dưới vầng trăng Thu quán Trúc xanh, Đồ Bản được các cao đồ mở ra kiểm chứng, hiện còn 6 điểm hạt vàng phải bước tới. Qua *Lạc Thư Cửu Tinh Đồ* các vì sao ứng với 3 điểm hạt vàng đã đi qua, các tôn đồ nhận được thần khí tiên thiên, sẽ tránh được chướng khí và phong thuật của ngoại tà. Cổ Quán và bốn vị tôn đồ, tra cứu Đồ Bản trong 6 điểm hạt vàng còn lại, và phải hành đạo theo tuần hoàn thiên định. Hiện tại, 5 vị cao đồ đang có mặt bên bờ sông Hậu, xứ Cần Đăng. Cần Đăng hiện thể trên điểm vàng thứ 4 thể hiện mạng Mộc, màu xanh, phương Đông. Cư sĩ Cổ Quán và 4 cao đồ tôn phái, thể hiện vui mừng vì trước mặt là nơi chốn phải tế lễ, cấm Bia Thạch Mộc màu xanh. 5 vị cao đồ thăm khấn nguyện, mở bức thư thứ 3 của Tôn sư Giác Linh Kỳ Hương. Quả thật, bức thư tôn phái chỉ rõ 6 điểm hạt vàng, là 4 hướng Đông Tây Nam Bắc và Trung ương, với các địa danh phải đến là 5 đình miếu: Cần Đăng, Vĩnh Điều là 2 địa phương phương Đông, phương Nam. Riêng phương Tây, phương Bắc có Vĩnh Tế, Vĩnh Thanh Trung. Trung Ương là địa phương Thới Sơn, vùng biên trấn Tịnh Biên. Riêng điểm hạt vàng thứ 9, chỉ ra rằng 5 vị tôn đồ tiên hiền hội tụ tại đỉnh núi Thiên Cầm Sơn, với Đức Ông và 4 vị sư thúc Giác Hòa, Giác Tha, Giác Đức, Giác Hạnh từ tứ phương sẽ quy tông.

Xếp lại bức mật chỉ của Đức Ông Giác Linh, bốn vị cao đồ Tăng Chủ, Đạo Xuyên, Đình Tây và Đơn Hùng Tín thỉnh giáo sư huynh Cư sĩ Cổ Quán và bày tỏ: Mật chỉ của Đức Ông đã chỉ rõ 2 điểm hạt vàng Cần Đăng, và Vĩnh Điều đang trên hai hướng Đông và hướng Nam. Từ bên này bờ sông Hậu, thuận tiện cho 5 vị cao đồ thi hành tôn chỉ, hướng đến đình Cần Đăng lập đàn tại phương Đông, lễ bái đất đai phong thổ, dùng Bút lông cán thạch anh chấm Thần sa trong chiếc Nghiên trắng, khấn lệnh điểm nhãn Bia Thạch Mộc màu xanh, tượng trưng Đông Phương Tinh Quân và giờ Thìn, Bia Thanh Mộc được khấn niệm dựng đứng thẳng phía hữu sân đình. Phong thổ Vĩnh Điều nằm phương Nam, cách đình Cần Đăng trên một ngày

đường. Nghi thức tôn phái nghiêm minh *Bia Thạch Mộc màu đỏ*, tượng trưng Nam Phương Tinh Quân, giờ Ngọ điểm nhãn Thần sa từ Bút lông cán thạch anh, chắm trong chiếc Nghiên vật báu trấn phái, *Bia Xích Mộc* được dựng thẳng đứng phía *tả* sân đình.

Nghi thức hoàn thành dựng *Bia Thanh Mộc* và *Bia Xích Mộc* phần nào trấn an các vị tôn đồ. Khí trời mùa Thu hanh khô, những hàng cây cổ thụ im lìm trong vài cơn gió nhẹ, thỉnh thoảng đột ngột thổi qua. Triều nước bên này bờ sông Hậu, lẫn tăn theo cơn gió lướt nhẹ trên mặt nước, đượm nét hoang phế im lìm trong đợt nắng trưa hanh hao. Theo mật thư của tôn sư, hai hướng Đông và Nam đã được 5 vị cao đồ vận hành tôn chỉ trấn giữ trên phía đình làng Cần Đăng và Vĩnh Điều. Có lẽ, tại Học Lãnh Sơn giờ này. Đức Ông cũng đoán nhận được tin hỷ sự này. Việc thiên cơ đã được an định không thể hành sự chậm trễ, Cư sĩ Cổ Quán vội bàn luận với các huynh đệ hướng đi sắp tới. 5 vị cao đồ cũng hiểu rằng phải tiếp theo những bước đi tiếp, còn 3 hướng phải bước đến, phương Tây, phương Bắc và Trung ương... nằm trên 3 hạt vàng *lục điểm, thất điểm, bát điểm* của Đồ Bản. Phương Tây có đình làng Vĩnh Tế, phương Bắc có đình Vĩnh Thanh Trung, và miền đất Trung ương là nơi đình làng Thới Sơn, biên trấn Tịnh Biên. Các vị cư sĩ bỗng nhiên cảm thấy bước đường thực hành đạo pháp phía trước đã ít nhiều thuận thế, theo Đồ Bản vạch sẵn thì đây là hương lộ trở về quần thể núi non biên thùy, quanh dòng kênh Vĩnh Tế sắc phong,

Thu xếp hành trang, điểm lại báu vật trấn giữ phong thổ ngăn ngừa ngoại tà xâm phạm. Sau những ngày hành sự, dựng *Bia Thanh Mộc* tại đình làng Cần Đăng và *Bia Xích Mộc* tại đình Vĩnh Điều. Cư sĩ Cổ Quán tham hỏi các sư đệ, vừa chỉ dẫn trên Đồ Bản có các điểm hạt vàng còn lại thì *lục điểm hạt vàng* nằm ngay vùng đất Vĩnh Thanh Trung, thuộc phương Bắc. *thất điểm hạt vàng* thì về hướng Vĩnh Tế, thuộc phương Tây. Còn *bát điểm hạt vàng*, vùng đất *Trung ương* nằm giữa bốn hướng, thuộc Thới Sơn vùng biên thùy Tịnh Biên Theo hiểu biết của người từng trải địa hình vùng Tân lộ kiều lương và vùng Thất Sơn ẩn cư của các nghĩa quân, Cổ Quán khuyên dụ các cộng sự cao đồ, trên đường quay lại cố thổ quần sơn biên thùy, hướng thuận lợi cần kíp là ghé vùng đất phương Bắc. Đình làng Vĩnh Thanh Trung

nằm sâu trong biên địa, quanh co trong những con đường làng lầy lội, hoang sơ. Thấp thoáng vài mái nhà tranh bện đất, im lặng nằm ven những con lạch nhỏ. Không khí hoang vu càng im ắng, lác đác những tiếng chim tu hú rút thê lương như gọi mùa nước lớn. 5 vị tôn đồ chắt vật di chuyển cùng những hành trang thực dụng, và vừa bảo vệ những báu vật tôn phái, cẩn trọng quanh co bước về hướng đình làng. Đình làng Vĩnh Thạnh Trung nằm trên gò đất cao, bên cạnh một cây bồ đề sầm uất, tàng lá hoang vu dưới nắng trưa. Cư sĩ Cổ Quán và các sư đệ bước vào cửa hữu tiền đình, nhìn miếu đình Vĩnh Thạnh Trung vắng lặng, không trống chuông, hoang sơ mà chạnh lòng thờ dài. Các vị tôn đồ bước lên chánh điện khẩn nguyện, và trải báu vật trên thềm đình, Bia chọn là Bia Thạch Mộc màu đen, cùng hai sư đệ dùng *Bút lông cán thạch anh chấm Thần sa* trong *Chiếc Nghiên trắng* điểm nhãn *Bia Thạch Mộc đen*, tượng trưng Bắc Phương Tinh Quân. Giờ Thìn khẩn niệm, các tôn đồ dựng Bia phía trước gốc cây bồ đề của đình làng.

Bia Thạch Mộc màu đen được dựng bên cạnh gốc bồ đề đình làng Vĩnh Thạnh Trung. Một nơi tôn nghiêm lại nằm hoang phế tận góc nhỏ con lạch, không người lai vãng. Khiến các cao đồ bất chợt chạnh lòng trước bao nhiêu hình tượng suy tàn, hoang vu của quê hương, Đình làng trên ven đất biên trấn không nằm xa xôi bao nhiêu các cuộc đất đã khai hoang lập ấp như Láng Linh, nhưng vẫn mang hình dáng hoang sơ, tiêu điều. Giáo lý Tôn phái Cư sĩ Kỳ Hương là tu thân, học Phật, trong 4 yếu chỉ giữ trọn ân trọng nghĩa cao với Tổ quốc, Tam bảo, Tổ tiên, Đồng bào. Chính vậy, giáo lý gần như nhập tâm với người dân bản địa, khẩn trương lan rộng khắp vùng cực Nam. 5 hiền tài Cổ Quán, Tăng Chủ, Đạo Xuyên, Đình Tây, và Đơn Hùng Tín nổi bước hành sự, suy nghĩ phải bước về phương hướng thôn Vĩnh Tế. Nằm chung quanh triền núi Hộc Lãnh Sơn nổi dài về hướng Tây trên Đồ Bản Vĩnh Tế nằm vị trí *thất điểm hạt vàng*. Chiều trên vùng đất thấp Vĩnh Thạnh Trung, Cổ Quán nhìn đàn chim bay nổi đàn, bay về hướng núi non trùng điệp phương Tây. Trong nỗi lòng chạnh nhớ bao nhiêu lần trăng tròn rồi trăng mọc, các thành tựu ở các địa điểm định mệnh vẫn chưa xong trọn vẹn. Nhìn các vị cao đồ tọa đàm hướng sẽ tới, ông trầm ngâm đứng lặng suy tư rồi bất

chợt ngỡ lời thỉnh ý các huynh đệ: Vĩnh Thạnh Trung, vùng đất cấm Bia Thạch Mộc cũng cùng nằm trên địa bàn biên trấn, hướng bộ hành về thôn Vĩnh Tế cũng chỉ một ngày đường. Các huynh đệ hành trang lên đường về cố quận, có thể giờ Mùi ngày mai sẽ tới điểm Vĩnh Tế. Các vị cao đồ trao đổi còn hành trình 2 điểm vàng là thôn Vĩnh Tế và biên trấn Tịnh Biên. Sứ mệnh trấn bia hoàn thành, sẽ trở lại Hộc Lãnh Sơn về ngôi chùa nhỏ sau Tây An tự, quy mệnh với Tôn sư và các sư thúc, chọn ngày về Thiên Cẩm Sơn mở huyền linh *Chiếc Ngọc bội rồng xanh*.

7. Tranh thủ vượt theo hướng đàn chim thu không, các tôn đồ vội vã di hành không ngưng nghỉ hướng về địa phận Vĩnh Tế. Trời chiều nghiêng nhanh xuống các cuộc đất vừa vượt qua. Tiếng chim vọt riu rít kêu chiều, khiến hồn người như chìm lắng trong hoang cảnh vô thức hiu quạnh. Thời gian trôi lướt theo chiếc mông trời vàng vọt, giăng mắc trên quần thể núi non. Không phải là người tha hương, cũng chợt động lòng nghiêng hành trang dừng chân trước trời chiều cố quận, 5 vị tôn đồ bất giác thở dài trước hồn núi sông! Tăng Chủ Bùi Thiên Sư trầm lặng nhìn huynh đệ cảm khái ngâm vang:

*"Xuất giang môn, hóa giang môn
Ly nơi Đông thổ xoay vần Tây Phương" (***)*

Cư sĩ Cổ Quán nắm chặt tay Bùi Thiên Sư, đồng cảm trước vận mệnh quê hương và đạo pháp. Hình ảnh 5 vị tôn đồ vừa bước trở về cứ địa cố thổ, đã trải lòng sâu lắng với cuộc đất quê làng... Thôn Vĩnh Tế nằm ngay phía quần sơn biên giới Tây Nam, bao trùm vùng sơn địa đầu Tam Giang. Phía sau lưng là những vùng đất thấp, ruộng hoang bạt ngàn, chạy quanh hàng mấy mươi cụm núi nhỏ. Kênh Vĩnh Tế chạy dài suốt hướng Tây Bắc thôn Vĩnh Tế, hàng rào phân ranh biên giới với lân bang. Đoàn chư vị tôn đồ vượt cả đêm dài, tranh thủ thời gian bước sang ngày mới như đã định. Đầu giờ Mùi, thấp thoáng ngôi chùa Tây An hiện ra bên sườn Hộc Lãnh Sơn. Quang cảnh núi đồi bao phủ khí hậu mùa thu, nắng nhạt vương theo cơn gió, lung linh rơi từng chiếc lá trong ánh nắng hanh khô. Nhiệm vụ còn vướng nặng trên vai, nhưng các huynh đệ cũng bước vào ngôi

Tu viện Kỳ Hương, ẩn sau chánh điện Tây An tự, để trần tình những bước hành sự của các tôn đồ vừa qua. Một mặt, còn hai điểm hạt vàng trên Đồ Bản, phải thực hiện trong giờ khắc đúng chu kỳ mệnh số. Phía trước, Tây An tự vẫn vắng lặng, hình như các cư sĩ thiền trú đã hoàn tất khóa tu học. Quanh thiền tự, rải rác từng đám lá vàng tung tóe trong cơn gió núi non. Bên trước ngôi điện thờ, vẫn bốn chiếc đòn bằng đá và chiếc bàn gỗ với bình trà lá bồ đề tẩm ướp hoa lái. Đức Ông không có mặt trong tu viện, từ hậu liêu Kỳ Hương bước ra chánh điện Tây An tự vẫn vắng lặng. Chung quanh sân chùa, có tiếng chim sơn ca thỉnh thoảng khẽ hót vang, nghe không gian bên sơn lộ thật quạnh quẽ u tịch. Cư sĩ Bùi Thiền Sư bất chợt nghiệm ra rằng, tôn sư im lặng để 5 chư tôn đồ thực hiện cho hoàn thành nhiệm vụ sắp tới. Các vị cư sĩ chợt hiểu, trước điện thờ thắm lặng tưởng niệm, kính bái ngũ phương. Bước lần theo sơn lộ, Cố Quán nhắm hướng về Đình làng Vĩnh Tế, cách Tây An tự gần nửa dặm. Chư vị cư sĩ vào chiêm bái, và mở Đồ Bản nhắm lại hướng tới. Vị trí *thất điểm hạt vàng* để thực thi bia trấn hướng tây, *Bia Thạch Mộc màu trắng*, không nằm ở Đình làng Vĩnh Tế. Mà, *thất điểm hạt vàng* lại cạnh sườn núi bên hữu, cũng cách Đình Vĩnh Tế cũng hơn nửa dặm, là dốc núi Bạch Vân cheo leo, hướng mặt về kênh Vĩnh Tế. Từ dưới chân núi nhìn lên, dốc núi như sợi dây thừng bò quanh quẩn trong gió. Đường lên hiểm trở, 5 vị tôn đồ từng phút cẩn thận bước lên từng vò đá, từng phút giây len lỏi vượt trở ngại. Đến đến dừng chân, là một gốc cây Bồ đề cổ thụ cành lá đang xao động rì rào, không hiểu quan hoài trong cơn gió thổi ngang hiu quạnh, hay hân hoan chào đón các vị tôn đồ ngàn năm hạnh ngộ? Cao đồ Đạo Xuyên và chàng kiếm sĩ Đôn Hùng Tín thừa lệnh huynh đệ, vội dùng *Túi da Thần sa* rỏ vào *Chiếc Nghiên thạch anh trắng*. Cư sĩ Cố Quán và Bùi Thiền Sư quét thần sa vào *Bút lông thạch anh*, điểm nhãn *Bia Thạch Mộc màu trắng*, tượng trưng Tây Phương Tinh Quân. Giờ Thân, *Bia Thạch Mộc màu trắng* được làm lễ trấn môn, chôn trước cội Bồ đề cổ thụ. Đứng cheo leo trên lưng núi 5 vị tôn đồ nhìn về những chiếc ránh vàng, còn vương vãi ánh sáng rực rỡ của buổi chiều tàn quạnh quẽ tận hướng biên cương...

Các vùng đất Thới Sơn, Cẩm Lố, Láng Linh là 3 địa điểm trọng yếu, mà tôn phái Kỳ Hương và các tôn đồ nghĩa sĩ đã khai hoang lập ấp, nằm trong phương địa tự túc và tu học của tôn phái. Hành trình của *bát điểm hạt vàng* theo Đồ Bản Trần điều vạch sẵn, là điểm đến cuối cùng để hoàn thành như thiên định. 5 Bia Thạch Mộc linh thiêng được tượng trưng trấn giữ ngũ phương, thừa hành hóa giải kẻ ác tâm trấn yểm các cuộc đất tổ tiên, và bước tiến của tử tôn Đại Việt. Nhớ lại bao nhiêu dòng sử nước nhà, từ thời Âu Lạc thành trì tổ tiên liên tục bị phá vỡ, âm mưu tráo đổi Nỗ thần, khiến định mệnh rung chuyển thay đổi liên tục. Vận mệnh đất nước kéo dài bị thương suốt ngàn năm lệ thuộc. Kẻ ác vẫn mượn thể Thiên triều, tạo nhiều chiến tranh xâm lược, hình thức mặt nổi của cuộc chiến cũng nhiều lần bị các thể chế Việt tộc phá tan. Chiến lược thủ ác lại xoay quanh cơ địa phong thủy, trấn yểm. Hành vi che mờ các tình quang thiên hà, và khảo sát phong thổ vượng khí khắp nơi của Việt tộc, kẻ tà phái đã thành công phần nào trong mấy trăm năm đất nước bị phân tranh, làm lu mờ chánh khí Việt tộc. Bùi Thiềm Sư Đình Thân ngậm ngùi bày tỏ trong phần uất, xếp lại Đồ Bản trong cuộc bàn luận chánh kiến tư duy về sự áp bức ngoại tộc. Các vị cao đồ thờ dài, thâm hiểu tâm tư và trở trần thực tế của các huynh đệ. Quang cảnh hoàng hôn buông dần xuống chân trời. Cảnh tượng hoang sơ vùng đất Tây Nam cổ địa, hình như vẫn rung rúc tiếng hòa âm của cơn gió núi đầy vẻ âm u...

Phía trên chân đồi Bạch Vân, các vị cư sĩ âm thầm len lỏi bước qua các vò đá, lần bước xuống chân núi. Bóng tối đã mờ dần, các tôn đồ nhìn quanh tìm nơi trú ẩn qua đêm, để bình minh sẽ bộ hành về hướng trấn biên Tịnh Biên. Theo Đồ Bản, *bát điểm hạt vàng* nằm trên địa giới Thới Sơn, nơi căn cứ nghĩa quân khai hoang lập ấp, và là một địa phận trong 3 vùng của tôn phái Kỳ Hương là Cẩm Lố, Thới Sơn và Láng Linh. Đêm khuya dưới chân núi, các vị cao đồ mỗi người một niềm riêng. Trần trọc nằm bên hang núi, muỗi mòng vo ve se tiếng lạnh lùng, Cư sĩ Cổ Quán đốt lá vàng lấy ánh sáng mờ nhạt, soi tìm lại điểm vàng cuối cùng trên Đồ Bản. *Bát điểm hạt vàng* nằm trên đỉnh Thới Sơn, Cổ Quán thâm tính từ chân đỉnh Bạch Vân, cuộc hành trình tiến về trấn Tịnh Biên, đỉnh Thới Sơn, khoảng 15 dặm đường. Lúc phương Đông, thái dương bắt đầu rải ánh vàng

xuống chân núi, Cư sĩ Cổ Quán dẫn dò các huynh đệ bắt đầu canh năm giờ Mẹo, tỉnh giấc chuẩn bị hành trang. Tất cả đồng sự trong giờ Mẹo bắt đầu bộ hành lên đường về biên trấn Tịnh Biên. Điềm tới đình Thới Sơn phải trước giờ Ngọ, ngày trọng đại cắm *Bia Thạch Mộc màu vàng* đúng chánh Ngọ, tượng trưng Trung Ương Tinh Quân. Cuối giờ Tỵ trong ngày, chư vị cao đồ đã đặt chân bên này vùng kênh Vĩnh Tế tại biên trấn Tịnh Biên. Con kênh vẫn xuôi chảy hướng về linh địa Ba Chúc và âm thầm chảy qua các vùng đất quần sơn Tây Nam, thẳng ra biển Đông. Trước linh địa quen thuộc, các tôn đồ rẽ hướng quay về đình Thới Sơn, ngôi đình hàng trăm năm đứng im bóng, chứng kiến bao nhiêu thế sự thăng trầm của quê hương và dân lành. Hào khí lập đất, giữ đất mất hàng trăm năm từ khi Đàng Ngoài và dân đen áo nâu miền đất cao nguyên Trung thổ di dân lập ấp, đã vững chãi thần khí bảo vệ cuộc đất. 5 vị cao đồ bước lên sân đình làng Thới Sơn, trong lòng ai cũng ngón ngàng trăm mối. Ngó lại vùng quê năm tháng xây dựng, hòa đồng tự túc sinh lộ và an lành trong tinh thần tu học.

Đình làng Thới Sơn, nằm trên vùng đất thịnh cư, hòa quyền với lòng người bản địa nên cung cách thờ phượng thật giản đơn, phần nào ảnh hưởng giáo lý Kỳ Hương. Trước và sau đình làng, vài cây dương cao vút, và khí hậu biên thủy hình như có mùi vị thanh cao khó tả, vừa trộn lẫn hồn người với hương vị cuộc đất thiên nhiên hoang dã. Tin tức nhanh chóng truyền nhau về việc các cao đồ Kỳ Hương thừa lệnh tôn sư, về bản địa lập đàn thực hiện huyền linh tôn phái tại trung tâm đình làng Thới Sơn. Tiếng trống khoan thai từng hồi len nhẹ vào từng thôn xóm, không gian như tan loãng ra khắp gia cư, đưa niềm tin vào từng thớ đất trấn biên. Giờ Ngọ, trong điện thờ đình làng, 5 vị cao đồ thực hiện *Chiếc Nghiên thạch anh trắng* đã trộn một phần *Thần sa trong túi da*, Bùi Thiền Sư Tăng Chủ khăn niệm điểm nhân *Bia Thạch Mộc màu vàng*, tượng trưng Trung Ương Tinh Quân, Chánh Ngọ, ánh thái dương chiếu thẳng đứng *Bia Thạch Mộc màu vàng* được an vị trên chánh điện đình làng. Con gió nhẹ lãnh đãng vờn quanh hàng cây dương liễu quanh sân đình. Những nhánh lá yếu điệu tha thướt vờn quanh tiếng hót sơn điều, như một lời kinh nguyện xa vắng...

8. Ròng rã hơn 5 tuần nhật nguyệt, ước nguyện trọng đại của tôn phái Kỳ Hương dựng Bia Thạch Mộc đầy huyền linh tối thượng, để giải trừ các trần yểm của tà đạo phương Bắc. Bao nhiêu thế hệ tiếp nối, huyết lệ và tâm linh của Việt tộc vẫn chưa thoát được sức mạnh phong thủy tà kiến của kẻ ác ngoại lai, khiến quê hương hàng ngàn năm chìm đắm trong pháp thuật ma đạo. Cố Quân và các cao đồ Kỳ Hương trong tâm thức nhiều lần u buồn suy ngẫm về cuộc đất quê hương, Lịch sử liên tiếp qua nhiều thế hệ, sau *Tổ thập bát Hùng Vương*, đấng đấng các vương triều Việt tộc vẫn quay cuồng trong các cuộc chiến xâm lược. *Chiếc nỏ thần Kim Quy* thời kỳ kinh thành trôn ốc An Dương Vương vững chãi vẫn bị tráo đổi, hàng trăm ngàn lượt mũi tên thần trấn quốc lại bắn ngược vào chủ soái. Đến thời vương triều *Trung Triệu*, ngoại xâm vận dụng mưu chước khiến thiên cơ xoay ngược, trống đồng bị vùi lấp, các cột trụ đồng tà kiến thách đố dựng trước miếu đình. Ngoại triều Ân Tống Minh Thanh thừa dịp các vương triều Việt tộc *Đinh Lê Lý Trần Lê Nguyễn* suy yếu vì nội triều và định kiếp suy vi, trước mặt xua quân xâm lấn giành thế tham vọng thiên triều. Nhưng thế lực ngoại bang ngoài binh hùng tướng mạnh, cũng phải cúi đầu trước anh hùng hào kiệt phương Nam. Sau lưng, tà kiến được thực thi lén lút trong bóng tối, thế lực ngoại bang mạnh nha bằng trần yểm trên các cuộc đất quê nhà, hầu làm suy yếu sinh mệnh và thần khí của hậu thế Việt tộc.

Thiên mệnh được điểm chỉ hình thành cho các vị cao nhân phong thủy, thiên văn trao hướng phá giải tà thuật ngoại bang. Cố Quân truyền tâm báu trí tuệ lực thông đạo pháp của các vị tôn sư Tả Ao, Cao Lỗ, và sư trưởng Giác Linh. Hàng mấy trăm năm trôi qua, những trần yểm ngoại bang phương Bắc vẫn phát huy hiệu lực. Nên Đại Việt sương mù vẫn khuất lấp trong thế cuộc ngoại xâm và nội chiến không ngày an bình. Niên hiệu Tự Đức khởi truyền từ tiên vương Thiệu Trị, thì một năm sau tôn phái Kỳ Hương lập dựng cơ trời tại Tòng Sơn, tổng An Thạch Thượng, nơi nạn dịch hoành hành suốt gần 2 niên kỷ. Đức Ông tôn phái Giác Linh thuận theo thiên mệnh, năm thứ ba niên hiệu Tự Đức trở về vùng Vĩnh Tế, lập truyền tôn phái Kỳ Hương, và quy y tam bảo với pháp danh Pháp Tạng.

Phái Kỳ Hương là nhánh *Cư sĩ Phật học Kỳ Hương*, thu nhận cao đồ khai hoang, lập ấp tu học theo đạo và đời, Phật hội Cư sĩ mở rộng đường cho nhánh tôn phái Kỳ Hương nhập thế.

Hoàn thành tôn chỉ Kỳ Hương, lập dựng *Bia Ngũ Sắc* tượng trưng 5 Vị Cổ Phật tại Tòng Sơn, diệt đại dịch suốt gần hơn một niên kỷ thời Nguyễn triều Tự Đức. Các cao đồ Cổ Quán, Bùi Thiên Sư, Đạo Xuyên, Đình Tây, Đơn Hùng Tín âm thầm lưu bước chân đạo hạnh trên các vùng đất. Các báu vật trấn sơn của tôn phái, 5 *Bia Thạch Mộc* được tôn nghiêm trấn giữ bốn phương Đông Nam Tây Bắc và Trung ương, quanh thổ cư tân lập quanh vùng đất thấp Thủy Chân Lạp cổ. Đức Ông Giác Linh chờ đợi ngày này trước khi tiên tri viên tịch, các sư đệ Kỳ Hương Giác Hòa, Giác Tha, Giác Đức, Giác Hạnh sẽ cùng ngũ vị cao đồ kế thừa sẽ quy tụ hướng về chân núi Thiên Cẩm Sơn, nơi Đương lai Phật Maitreya Như Lai ra đời. Buổi sáng tinh sương đầu mùa Đông chí, 5 vị cao đồ hân hoan bước lên sườn núi Hộc Lãnh Sơn, bên tả lối đi lên bậc tam cấp Tây An Tự, giặt mình trước mặt Tôn sư Giác Linh và 4 vị sư thúc đang ngồi thiền niệm. Các tôn đồ chấp tay chờ chư vị tôn sư định niệm xong, hành lễ và quy hướng theo tôn chỉ tôn phái.

Hình như, Đức Ông đã quy định trước ngày lên đường hướng về núi báu Thiên Cẩm Sơn. Hai chiếc xe ngựa chờ đợi dưới sơn lộ đầu núi, chuyên chở sư đồ hướng về phía Tây quần sơn chập chùng, trên lộ trình tới Thiên Cẩm Sơn. Quãng đường từ Tây An Tự về Thiên Cẩm Sơn gần 20 dặm đường, được trâu ngựa thay phiên qua hai chiếc xa mã, đầu giờ Ngọ thấp thoáng hình dáng ngọn cao sơn Thiên Cẩm đã hiện trước mặt. Lưng chừng sườn núi, mây mù còn vương vấn bao phủ vơi vơi quanh lưng núi. Một chiếc cầu vòng ngũ sắc vắt ngang lưng trời, như một chiếc thang mây chào đón cổ nhân. Thiên Cẩm Sơn cao vợi vợi gần hai trăm trượng, đường xuyên sơn chằng chịt bí lối đi-về. Ngọn núi linh thiêng trong cấm địa quần sơn, nhiều huyền thoại về những tu sĩ ẩn danh, cũng nhiều hoang thú thượng cổ, bàn cờ tiên và vườn cây trái lạ trăm năm... Ở đây bao nhiêu thế kỷ trôi qua, không người lai vãng, thỉnh thoảng tiếng hổ gầm, vượn hú, tiếng hót hoang diệu kỳ bí không thể biết chim gì bay lạc trong mây...

Giờ khắc vươn lên theo từng bậc nắng rơi xuống lưng chừng núi. Tia nắng ấm ngày Đông lan dần tới chân núi Thiên Cẩm Sơn. Thanh khí bao trùm những lữ khách phương xa, đang chờ thăm viếng trên từng chiều cao ngọn núi. Đường lên heo hút, lối mòn chằng chịt vắt quanh quẩn ngang dọc, không thể định hướng trước mây mù mờ tỏ bay phủ quanh năm. Tôn sư Giác Linh truyền hỏi chàng trai trẻ Đơn Hùng Tín, *Chiếc Ngọc bội Thanh Long*. Quanh năm suốt tháng, kỷ vật của ân sư Giác Tâm giao phó trước khi viên tịch, chàng kiếm khách vẫn canh cánh đeo chiếc dây chứa Ngọc bội và miếng vải Trần điều Đồ Bản, trước trái tim. *Bán đồ cứu điểm hạt vàng* đã hoàn thành nhiệm vụ chỉ hướng từ *nhất điểm hạt vàng* đến *bát điểm hạt vàng*, từ thánh địa Tòng Sơn qua Sư thúc Giác Hòa dùng *Bia Ngũ Sắc* tượng trưng Ngũ Vị Cổ Phật diệt trừ dịch bệnh hoành hành hơn niên kỷ với dân bản địa. Với 2 điểm, *tam điểm hạt vàng* và *tứ điểm hạt vàng*, là 2 điểm diện kiến sư thúc Giác Tha và sư thúc Giác Hạnh, giao nhận *Chiếc Nghiên thạch Anh Trắng* và *Chiếc dây chứa Thần Sa cùng Chiếc Bút lông cán thạch anh*. Đường về trên trường giang mênh mông, chiếc đồ bên giác của Sư thúc Giác Đức độ nguyện sang sông. Từ đó, trên đường di hành, sử dụng điểm nhãn 5 *Bia Thạch Mộc* tượng trưng 5 vị Tinh Quân, trấn giữ ở 4 hướng Đông Tây Nam Bắc và hướng Trung Ương. *Cửu điểm hạt vàng* là điểm hạt vàng thứ 9, ứng với Lạc Thư Cửu Tinh Đồ là điểm hội tụ Thanh Long giữa tầng Thiên Cẩm Sơn. Đức Ông cầm *Chiếc Ngọc bội Thanh Long* gật đầu tán thán công đức rộng lớn của tôn đồ, lập dựng trí giác và đạo pháp tế thể cho thế hệ hậu bối Việt tộc tiếp nối. Tôn sư chỉ dẫn với tôn đồ từng chi tiết của Thiên Cẩm Sơn, Nhiều cơ man vị trí từ chân núi đến tận đỉnh, cao gần 200 trượng, nhiều cây lạ trái lành, muôn chim bản thú lưu trú thiên niên, sơn tiên, vò ong bướm, vò thiên tuế, đỉnh Ngọc Hoàng, cửa ngõ Sơn Thần cạnh dòng Suối Thanh Long, rừng thảo dược tiên đơn... Đức Ông trao lại cho tôn đồ trai trẻ Đơn Hùng Tín *Chiếc Ngọc bội Thanh Long*, đưa ra tôn ý: *Với hiện tại, chư vị tôn đồ chỉ theo thiên ý, là soi rọi thiện căn của chiếc Ngọc bội rồng xanh để tìm mật bảo mà thiên địa định phần cho Việt tộc*. Tôn sư bảo thêm, chỉ như vậy, không cần thời gian tham viếng tới tận đỉnh Thiên Cẩm Sơn vơi vơi, giữa lưng núi cách chân núi này khoảng hơn 60 trượng,

là cửa động Sơn Thần, tìm dòng Suối Thanh Long, ẩn chứng với Ngọc bội rồng xanh, thiên cơ sẽ ứng hiện. Chàng trai trẻ Đơn Hùng Tín đã hơn 10 năm ẩn giấu báu vật, dù nhiều thời gian tìm hiểu vẫn mù mịt. Đơn Hùng Tín khẩn xin các sư thúc và sư huynh nên đồng hành lên núi. Hiện tại, giờ Ngọ đã vắt ngang đầu, hành trình kịp thời đến giờ Thân bóng chiều sẽ buông về đỉnh núi, còn kịp nhận biết vị trí dòng Suối Thanh Long.

Thời gian đã đến cuối giờ Mùi, đoàn cư sĩ Kỳ Hương và các tôn đồ cũng vừa kịp đến nơi đã tiên định. Đứng trên vò đá lưng chừng núi, cư sĩ Cổ Quán nghiêng mình nhìn về lối mòn trước mặt. Bỗng nghiêng tai lắng nghe Cổ Quán vụt reo mừng rỡ, tiếng suối róc rách lòn lỏi âm thanh phía trước cửa Động Sơn Thần. Đức Ông dự đoán sư tôn đệ tử đã đến điểm, giờ Thân vừa chậm chậm bước qua không gian. Phút tịnh niệm, đoàn tôn phái cư sĩ bước lần theo tiếng suối, âm thanh tràn đầy thanh khí thiên nhiên. Bên phía hữu, cửa Động Sơn Thần là những tảng đá to hoang sơ lấp kín sơn động. Hình như, tiền nhân tu sĩ bí mật di chuyển từng mảng đá, để che lấp muôn thú đi trú trong sơn động. Các vị cao đồ len lỏi hàng cây mây đại che khuất trước mặt, lắng theo tiếng nước rì rào. Cách hơn 5 trượng dài, là một con suối từ trong vách đá len lỏi chảy xuống triền miền bên hồ nước xanh trong, suối Thanh Long trước mặt... Đức Ông và 4 sư thúc Kỳ Hương, khề hài lòng với định số trước mắt. Chiều xuống lưng núi, mây trắng như phủ lớp sương mù bay lãng vãng quanh các khe đá, vòm cây hoang dại. Trên vò đá bên dòng suối Thanh Long, các vị sư đồ tọa thiền quanh chiếc thạch bàn hoang sơ. Đức Ông Kỳ Hương ra dấu sư đệ Giác Tha đem chiếc Nghiên thạch anh trắng và chiếc Bút cán thạch anh, đặt giữa thạch bàn, cạnh bên Dây da chứa Thần sa và tấm Đồ Bản Trần điều có 9 điểm hạt vàng. Phía thạch bàn hướng về con suối xanh, Đơn Hùng Tín đã thừa lệnh Tôn sư đặt chiếc Ngọc bội Thanh Long tắm nước dòng suối Thanh Long trong chiếc Nghiên thạch anh trắng. Màn đêm buông xuống giữa núi rừng hoang vắng, tiếng muôn chim riu rít quanh từng gốc cây, ngọn cỏ. Hơn mười cây đuốc lần chạy dư trú tiên liệu sẽ đốt lên chò trắng mọc, cũng đã giúp xua đuổi muỗi mòng, muôn thú tránh xa ánh lửa qua đêm. Bóng trắng Rằm đang chiếu xuống địa phận Thiên Cầm

Sơn. Trên lưng chừng núi, vàng trắng đầu mùa Đông to lớn vàng vạc rải từng ánh tơ vàng hoang vu, như chiếc hoàng bào thiên mệnh ẩn chứng *Nam quốc sơn hà Nam đế cư, Tiệt nhiên định phận tại thiên thư* (****). Cô Quán và Bùi Thiên Sư nhiều phen đồng cảm, thương khó trước nỗi sống của dân đen bản xứ, nên cũng chạnh lòng chờ đợi trước dấu hiệu thiên ân. Hai vị huynh trưởng nhìn 5 Sư tôn trầm mặc tịnh niệm, trở về bản lai hư không như những thánh tượng tôn nghiêm. Các tôn đồ ngồi thật yên lặng, hình như đang trông chờ sự mầu nhiệm trọng đại sẽ xảy ra trong một đêm trăng Rằm kỳ diệu.

Những cây thuốc lẫn cháy vẫn cháy sáng. Trước những ngọn gió núi đột ngột bay ngang, làm chau đi từng mảng bóng tối bóng sáng. Tiếng gầm vang động của muôn thú, khiến núi rừng càng tăng thêm nét hoang sơ huyền bí. Bóng trắng tròn vành vạnh, ánh sáng dịu huyền thông thả lướt trên từng cây cỏ. Trăng nghiêng trên vách đá, ánh sáng di chuyển nhều dần trên lối đi, mon men bước lên bàn đá tôn nghiêm đang bày các báu vật *Ngọc bội, Dây da thần sa, chiếc Nghiên* và *Bút thạch anh trắng*... Các tôn đồ hướng tầm mắt không rời theo ánh trăng di chuyển trên bàn đá bên bờ suối xanh. *Chiếc Nghiên thạch anh trắng* bỗng như lay động, đón chờ ánh sáng trắng soi. Trong *chiếc Nghiên*, dòng nước xanh lung linh cũng xao động theo từng phút giây bóng trắng trôi lướt qua. Con Thanh long trong Ngọc bội nằm chờn vờn nghiêng đầu về hướng cửa *Động Sơn Thần*. Giây phút bất chợt trong ảo giác, như định mệnh đã vạch bước an bày. Cửa động nằm bên hữu *con suối Thanh Long*, 5 vị tôn đồ thỉnh ý Đức Ông và chư vị sư thúc, bước về hướng *Động Sơn Thần*.

Những khối đá to nằm vắt ngang, vắt dọc khiến cửa động không còn lối đi. Hàng trăm năm trước, các vị tu sĩ đã có mặt trên cao sơn này, luyện tập tu chứng trong nhiều tông phái huyền bí. *Cửa Sơn Thần* cũng là nơi ẩn cư thuận lợi cho cuộc sống, chung quanh cây trái hoang dã, *dòng suối Thanh Long* trong lành, nên việc dưỡng sinh đã được thiên nhiên cung hiến. Chư vị tôn đồ thành tâm tịnh niệm, xin đi dời những khối đá lấp cửa hang động...

9. Các tôn đồ Cô Quán, Bùi Thiên Sư, Đạo Xuyên, Đình Tây và Đơn Hùng Tín cùng 4 vị sư thúc ra sức chuyển dịch các vò đá

tàng lấp kín cửa *Động Sơn Thần* thâm đêm đến sáng. Bình minh, mặt trời bùng chiếu báo hiệu sinh khí an lành. Đàn chim rừng lao xao rời tổ bay vội vã về không gian trải rộng trên quần sơn Tây Nam, sừng sững trong cánh đồng bạt ngàn giữa phong thổ biên cương. Đức Ông quan sát chiều rộng cửa hang, điện thờ *Sơn Thần* mờ tỏ hiện ra trước mặt các sư tôn đệ tử. Cửa động bế quan chắc cũng hàng trăm niên kỷ, nhưng bên trong sơn điện cũng nằm yên với khí hậu mát lạnh, trong lành. Bệ thờ trống không, nhưng có một Bia đá linh vị khắc họa *Sơn Thần tinh quân*, bằng ngữ pháp Hán Nôm biến thể. Đức Ông và sư thúc, sư tôn theo cạnh Bùi Thiền Sư và Đôn Hùng Tín cầm 2 cây đuốc lần chay soi rọi tả hữu sơn điện. Chư vị sư đồ hành lễ trước linh vị, không khí khiến bớt đi vẻ hoang sơ, trong giây phút chờ đợi điều linh diệu khơi tỏ. Từ hốc đá trống rỗng phía tả bệ thờ hoang vu, một đàn chim én đang ẩn nấp bên trong chiếc tổ trong sơn điện, ào ạt bay vụt ra cửa hang. Hàng đá nhỏ từ hốc đá chuyển mình lăn đổ xuống tả điện, cửa hang tổ chim vụt hiện một khoảng rộng, loáng thoáng cũng còn ít nhiều chim én bay ra vội vã sau cùng. Đức Ông linh tính hiểu thời khắc đã điểm, hiệu lệnh các tôn đồ hành sự phá rộng cửa tổ chim. Cửa hang được nói rộng, 2 vị cao đồ Cổ Quán và Đôn Hùng Tín soi đuốc lách vào hang nhỏ. Bên trong là hốc núi khá rộng, Cổ Quán cùng sư đệ cung thỉnh chư vị Tôn sư cùng vào, khai thị ân khuất mờ ảo trước mặt. Thêm hàng đuốc cháy được thấp sáng, ánh sáng từ trên đỉnh kẽ hở cửa *Động Sơn Thần* cũng chiếu thẳng đứng vào tổ hang chim én, giúp cửa hang nhỏ sáng rực rỡ. Bất chợt, một *chiếc trống cổ* yên lặng nằm giữa gò đá cao như thạch bàn. Đức Ông hiểu ra, chấp tay tịnh niệm cùng chư vị tôn phái Kỳ Hương. Các tôn đồ bao quanh điều kỳ diệu vừa bày ra trước mắt, Tôn sư quán niệm xong lệnh các tôn đồ hiệp sức di dời *chiếc trống đồng* ra trước bệ thờ Sơn Thần. Trống đồng cổ nặng hàng tạ, bốn vị cao đồ ra sức nhẹ nhàng chuyển ra bên cạnh bệ thờ. Đức Ông quán niệm hồi lâu, các vị sư tôn đồ yên lặng trước lời định giảng. Báu vật thiên định với tôn phái như lời rao truyền thiên mệnh cho tôn phái Kỳ Hương, cuộc diện kiến hôm nay đã được báo hiệu trên chiếc *Ngọc bội Thanh Long* từ hơn 10 năm trước. Sư mệnh Đôn Hùng Tín được ân sư Giác Tâm giao phó, phải đúng thời gian sau 10 năm mệnh số mới hình thành,

đồng thời *Chiếc Túi vải Trần điều với Đồ Bàn 9 điểm hạt vàng*, sau khi hoàn thành trần ôn dịch và cấm 5 *Bia Thạch Mộc*, giải kiết phong thủy của ngoại bang. Tôn sư Giác Linh cho biết, chiếc trống đồng này là ***Chiếc Trống đồng Đông Sơn***, từ thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch. Với nền văn hóa Lạc Việt của người Việt cổ, hoa văn khắc họa sinh hoạt thời dựng nước. *Ngôi sao nhiều cánh* giữa mặt trống tượng trưng *thần Thái Dương* mà thời Văn Lang người cổ địa tin tưởng đời sống liên quan Thần Mặt Trời. Hai thiên niên kỷ trước, *trống đồng* là thần vật trấn quốc theo các triều nổi dậy khởi nghĩa và là linh vật trước nhiều cuộc chiến chống giặc ngoại xâm. Ngoài là vật thiêng trong đạo pháp tổ tiên Việt tộc, *trống đồng* biểu tượng nền văn minh nông nghiệp cổ đại, tôn giáo của người Việt cổ, biểu tượng văn hóa, vũ họa, dựng đất, nhã nhạc, đúc đồng... Hiện giờ, *trống đồng* có mặt trong thời khơi dựng tôn phái, chứng tỏ bền vững chánh pháp của hệ phái cư sĩ Kỳ Hương trước thế sự.

Cùng chư tôn đồ tịnh niệm, trước khi cùng rời hang xuống núi Thiên Cẩm Sơn, Đức Ông truyền bảo các chư tôn đệ tử cùng lưu chuyển chiếc *Trống đồng Đông Sơn* vào hang chim én như lúc khai sinh. Cửa hang chim én được lấp kín vững chắc, đoàn sư tôn tịnh niệm trước *Bia đá linh vị Sơn Thần*, Bên dòng suối *Thanh Long*, cửa *động Sơn Thần* lại được niêm kín bằng những tảng đá vô tri, như ký gởi huyền linh cho những thế hệ hậu bối mai sau.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
Rằm tháng 4 Phật lịch 2566

Chú thích: (*) (**), Sấm Trạng Trình
(***), Sư trưởng Trúc Lâm Nương
(****), *Nam quốc sơn hà Nam đế cư*
Tiết nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!
Lý Thường Kiệt

II. BA TRUYỆN NGẮN VĂN HỌC

VÁCH ĐÁ

1.

Người trẻ tuổi kéo trệt về bên trái chiếc nón lưỡi trai bạc mốc. Ngược mắt nhìn cao lên ngọn núi nằm lơ đãng trong những cụm mây thấp bay ngang. Chàng cúi xuống nhắm tính, có lẽ những bài toán còn đọng đưa vài con số ẩn, đôi mày khe khẽ chao nhẹ như chiếc lá cười với cơn gió heo may. Điều thuốc cập chặt trong vòng môi đen sậm, ngọn lửa loé chạy lan lên đầu thuốc.

Chàng ngồi sà trên tảng đá bên lề, lim dim rít từng hơi khói dài, nhả vài vòng tròn quay nhẹ nhàng trong không. Gió vẫn thổi ngay ngọn, ngọn gió miền núi miền rừng bao giờ cũng mạnh, mang theo nhiều mùi hương đại và đặc biệt lạ lùng. Gió đưa từng vòng khói thuốc lên cao, chạy xô bờ rồi càng lúc méo mó tan loãng hình dạng như mây. Vài chiếc lá lao xao bay luồn trong gió lùa tít mù theo con đường chạy dài thăm thẳm trước mặt, chàng đưa mắt nhìn lơ đãng, rít ngậm thuốc cuối cùng, tàn búng xỏ vào lùm cây bên cạnh. Với nhặt cành khô, vừa lầm bầm chàng vẽ ngoằn ngoèo lên bãi cát những con số to nhỏ, cộng trừ nhân chia, chia nhân trừ cộng... Chàng vẫn lắc đầu, xoa mạnh lên những kết quả bằng thân giày tua gót, hình như chàng đang hằn học đó.

Lung chừng núi, hai bóng người vẫy vẫy kêu gọi và có lẽ họ cũng đi dần xuống. Vách núi vang vang. Chàng trẻ tuổi hơi ngược lên, môi nở nụ cười (gió tạt ngang, tóc tai chàng ngả ngược và loạn xạ, chàng giơ tay vuốt vuốt những phần rũ hoải xuống vàng trán). Năng trưa khá gay gắt, hai người có vẻ vợ chồng, bước nhanh về phía chàng, vừa quệt những giọt mồ hôi đọng như suối trên nước da đen ngăm, khỏe mạnh. Bước chân họ thật dài đầy chớ, những hạt đá

bén và nhọn khác gì những mũi kim vẫn bắt lực trước da thịt của họ. Chàng tuổi trẻ đứng dậy, bước đến vài bước, cười, vỗ vai họ thân mật, tìm ra hốc nào thuận tiện chưa?

Con gió vụt mạnh, tiếng nói vang vang, vách đá cũng trả treo câu hỏi một cách im lìm. Tìm ra hốc nào thuận tiện chưa? Người đàn ông phe phẩy vạt áo đen như màu da, khe khẽ lúc lắc cái đầu, cười gượng gập. Người vợ ngó xéo nụ cười của chồng, quay quay vạt áo rồi nhìn lên vách núi đứng sừng sững, cứng ngắt như cuộc sống của họ. Những vết đục cạn trên lưng núi, ngòi địa lôi đã được đặt quá hời hợt chưa thể đong đầy buổi cơm canh rau cho người dân miền núi. Từng tảng đá nướng theo đà thuốc nổ rót xuống có thể đếm ngon trên những ngón tay gầy cháy nắng. Mấy mươi năm, núi đã đến với họ như giọt nước mùa hạ. Bắp thịt họ cuộn tròn theo bao nhiêu ngày tháng vác đá. Ngày tháng thanh thản và ngày tháng lo âu. Chàng tuổi trẻ chậm chậm trông sườn núi thẳng đứng, những sợi dây thừng treo lủng lẳng phe phẩy trước gió núi. Vài ba đáng người đang đưa trên đó, thoăn thoắt leo như vượn. Từ vùng này đến vùng khác, mấy cây cọc sắt vẫn từ từ bị gỡ theo tay, cắm ngay vào vị trí được chọn. Vài cây khác lại lay động rồi để lại mặt đá những vết hốc sâu. Nắng diên đại đổ lên thân hình bé bỏng của lũ người đo chỗ đứng trên cao; người đàn bà tay che nắng im lặng ngó vách núi, ngó hoài chàng trai, lên tiếng đề nghị một cách dễ dãi, *hay mình chọn mặt núi sau*. Sườn còn thoải, tránh nguy hiểm lại nhiều đá. Vuốt mặt, người đàn ông bực dọc, mình chỉ được phép lấy đá mặt này thôi. Dại gì phải cực. Mấy mươi năm đo số phận trên những hồi cực khổ phá đá, ngọn núi vẫn chưa mọc lên đầy những mảnh đá non che lấp dấu vết như Thượng đế trước khi tạo con người đã nói rõ, thiên nhiên sẽ nuôi sống các người, các người được quyền gây giống và được tự do. Bây giờ giống gây càng ngày càng đông, tự do càng lúc càng nhiều, kể cả tự do đánh nhau, nhưng trước mặt những nhánh đá dựng sừng sững như tường đồng vách sắt ngăn cản bước tiến của nhu cầu thiết

yếu, của sự hân hoan con người. Thiên nhiên vẫn thiếu thốn, thiên nhiên vẫn đè chập trên đỉnh đầu thật điên cuồng như nắng hoang miền xa lạ này đó. Ba người đứng im lặng dưới chân núi, nắng vẫn đỏ hăng say vào mỗi tâm trạng riêng rẽ của họ...

Mồ hôi rơi xuống như điên, mùi hăng hắc phát khởi từ những chiếc áo trần trụi, chàng tuổi trẻ bước thẳng vào chòi lá, rút thêm điều thuốc, cong veo, chàng giơ tay vuốt sơ sài. Tiếng xe chở hành khách loáng thoáng vụt qua, mang theo cơn gió bụi mù. Những chiếc lá vàng tung tăng cuốn mình lôi kéo theo hướng gió, bay loạn xạ. Chàng đưa mắt, lim dim nhìn vào. Nỗi lặng yên của chàng giá trị như sự rình rập của một chú mèo vờ ngủ trong bóng tối. Hơi thuốc vẩn vù trong không vẽ thành những hình tượng quái dị xa xôi. Đầu hơi ngêch, mặt trầm lạnh như đá và nhất là những đợt khói vẫn liên tục xoay vòng, càng phút giây càng dày đặc. Ngày nào, anh trai duy nhất đã lữ lượt theo chân ba mẹ đi sâu vào phương trời lơ đãng. Sự ra đời của ba, sự bắt tay tần tảo với cuộc sống để nuôi con của mẹ, và sự nổi gót của anh, đã chua chát như linh hồn, lạnh nhạt tựa sự thế, để bây giờ chàng phải đứng sừng sững, im lặng dưới một chân núi đá. Còn nỗi niềm nào cho chàng nghĩ được ra đây bởi lòng đã dày như da trâu, ý tưởng cứng nhứt như mặt đá. Chàng tuổi trẻ cúi xuống lẩm nhẩm lại những con số vừa rồi, bài toán vẫn rối rùi, chàng lại thở khói (chưa biết có nỗi bình thản hay chua xót). Tiếng chân dẫm trên đá sỏi trải dài trước sân, những tiếng động nhẹ và đều. Tiếng chân kéo đến bụi thềm, cạnh bàn, chàng ngược lên nheo nheo đôi mắt. Người đàn ông kéo chiếc ghế nhường cho vợ, ngồi xồm lên chiếc ghế ba chân còn lại, cũ kỹ. Không khí ngôi chòi có phần mát dịu, người đàn ông thở mạnh, nghiêng chúc chúc ngọn tóc và lắc lắc, cho vài giọt nước người vừa ứa ra, rót xuống đi con. Chàng vói tay đập mạnh con ruồi cánh xanh đậu bám trên tay kia, người đàn ông cười, trời mát hả mây, dễ chịu hơn ngoài đó. Chàng trẻ tuổi cũng cười theo (nhưng thật nhẹ). Nắng như điên hả chú Tư, khó chịu hơn

trong này. Người đàn bà bật cười, vươn tay chìa ngón trỏ chỉ chiếc sườn núi thoải thấp bên trái ước ao, được phép dùng vài năm. Rồi đưa mắt nhìn vách núi cũ thẳng như dây dọi thợ hồ, không để ý đến vẻ mặt mọi người chung quanh. Hình như nơi này, người đàn bà ngủ yên và mơ mộng tới những hang động thật ngon, những cây thuốc nở đầy âm ập, từng phút từng phút trong tiếng nổ lừng lẫy, từng khối đá rớt xuống như mưa, chông cao từng hòn núi nho nhỏ, những chồi lá đột mái ngày đêm vang hoài tiếng đập giòn dã, rồi những buổi cơm nóng nghi ngút, rồi những chiếc xe tuần tự di chuyển đá xanh đến tận cùng đất nước, rồi những tòa nhà trang trọng mọc nhanh rồi nụ cười, nụ cười... Người đàn bà khoan khoái, cười. Chàng chia gói thuốc trước mặt, người đàn ông móc và mỗi một điếu. Vẫn khói đen bay đơn đả, vẫn nhìn về vách núi chói chang, mọi người ngồi yên đó.

2.

Màn đêm rũ xuống khi mặt trời không còn núp trong thân núi một sức nóng hùng hực. Những con chim bay về buông hoài những tiếng kêu mù mịt. Đông nằm dài trước sân trong chiếc đệm dày mo, lim dim ngược nhìn rừng sao trở trắng. Mọi vật càng hồi đen đúa thêm, rồi một ngày tàn tạ đó Đông, trí óc mảy lợn cợn những nỗi buồn chưa thể tiêu hóa dễ dàng. Ngoài trời, sao mọc thêm hoài, gió vẫn thổi mạnh vào ưu phiền dằng dặc. Câu chuyện vách núi vẫn chưa giải quyết rành mạch, mây phải nằm như chó đói. Một con chó đói ẩn núp trong lớp sơn đại diện cho một hăng thù, đổi về canh chừng từng bước đứng của anh em, trông sóc từng hòn đá vô tri, đổi sức sống tùy theo sức đá rơi nhanh hoặc chậm. Bao giờ, yếu tính của loài trẻ tuổi cũng tự phụ đến sự nhận thức, mây đã thấy chưa, khi đứng ngoài không gian, khi va chạm thực tế, mây đã phải sùng sững trông ngọn như cây cỏ trước một vách đá lạnh lùng. Ý thức cứng ngắt, như vách đá đó, sự bó tay vẫn là điều lệ tất nhiên trước những cái vô tri

gai như vách núi sao? Cảm thông chỉ nhận được giữa những đồng cảnh, dù chất phác dù thua hột mọi người dân đập đá nơi này cũng nhìn trở ngại và cuộc sống như mây vừa nhận được hôm nay. Núi đã mài đá thành vách ngăn chặn ý thức của mây, hồi Đông, chưa thể thẳng thắn lên tiếng soi thẳng lên vách đá, sự trả treo này là sự thật hợp lý lắm sao. Những cánh nhận vươn lưng trời cũng phải vài cái đập cánh. Không gian không thể ngăn chặn ý hướng của nó, mây phải nghĩ tới vách đá như không gian, mây cần sự tự do đó.

Gió núi bao giờ cũng lạnh buốt, tóc tai Đông rũ rượi như những chiếc lá. Đông cuốn tròn, tay gối đầu, lắng nghe giọng chó tru từ cõi xa vọng về. Gió thổi hoài, và tôi vẫn nằm đây, sự khốn khó ban ngày vẫn đọng sâu ở đâu đó. Tôi không còn muốn điều này, hồi vách đá cho xin nổi bình yên.

Tiếng động di chuyển nhẹ bên cạnh, Đông xoay người, ngồi chơi chú Tư. Người đàn ông cười hềnh hếch, khom mình ngồi chéo xuống chiếc đệm cũ kỹ, cạnh chàng trai, vẫn chưa tìm ra một phương pháp nào khác hả Đông? Vách quá đứng kể cũng cực nhọc, bao nhiêu ngày qua cố gắng cũng chỉ lấy được một số đá đếm dễ dàng như một nắm tay. Đông dừng dung liếc ngang nắm sỏi trong lòng tay chú Tư rồi ngồi bật lên, châm mỗi kê vào chiếc thuốc lá gắn gọn trên đôi vành môi từ lúc nào. Ánh lửa bùng mạnh, lao chao theo gió, rọi nhẹ lên mặt hai người một cách quý quái. Đông quăng que diêm, thở một hơi khói, nhìn chằm chập chú Tư, im lặng. Vẫn chưa tìm ra một phương pháp nào khác hả Đông. Vẫn chưa phương pháp nào để giải quyết vấn đề. Vách núi vẫn đứng sừng sững trong màn đêm, hình dạng đen và sù xì. Đông nghiêng người, ngó gương mặt chất phác và cần cù trung hậu của người dân miền núi. Một vùng biên thùy xa xôi, hình như gió bao giờ cũng thổi hai chiều, họ vẫn có thói quen chịu đựng dù sương dù nắng dù nguy hiểm hằng ngày đe dọa, trên từng sợi dây từng nằm vắt ngang sườn núi, nhiều con gió trở mình, chúng đong đưa như những con rắn uốn khúc. Họ treo định mệnh lên

đó. Sức sống chạy dài theo từng hồi đá lở, đôi chác sự sống với sự treo ngành, từng cái móc ngược người đánh dấu chữ thập vào một vài nơi nào có chất đá lý tưởng, dùi sâu từng hang nhỏ, ghém đầy thuốc nổ rồi chạy xa trông lớp đá buông nhanh, xoa tay cười khoan khoái. Bây giờ, đá đã cạn, vách núi đứng thật thẳng chờ đón những nguy kịch chĩa tới những sinh vật biết nói nhỏ bé, cộng với thời tiết thay đổi, khác lạ hơn mọi năm, cộng với những đe dọa từ những giếng lưới, thì nụ cười của họ vẫn còn mù mờ như sương buổi mai. Bất giác Đông thở dài, sứ mạng với cuộc đời, với nỗi sống mang theo bên mình gặp nhiều cam go và buồn bã. Đông giơ bàn tay gài chiếc nút hở trên ngực chú Tư, nhìn màu đen lẩn khuất vào bóng đêm của người đàn ông chất phác. Đông nghẹn đỏ, ồm nghẹn chú Tư. Chàng lả và trong khi chú Tư rồi rít cảm ơn, già rồi thấy kệ nó, lo là lo cho mày kia. Mấy bữa nay, trông hốc hác ra, trẻ phải đủ sức lo cho vợ con chứ. Đông cười to.

Ngon gió núi kỳ này mạnh bạo hơn, thổi vút qua màn đêm một cách hối hả và lạnh lùng. Chú Tư khẹp bầu áo, khẽ rung mình mất lượt, cha nó ngon gió quá mạnh vậy. Bên cạnh, Đông chưa chát ừ mặt lên bóng tối, tôi nghĩ đến chú hoài đó chú Tư. Dù da thịt chai đến đâu cũng vuron cao những nếp nhăn co rúm, dù tiếng nói của chú có âm thanh to rộng đến đâu cũng theo vách núi im lìm vọng lại. Xoáy vào tận đôi tai, soi như mũi dùi vào từng chân lông, xếp gọn từng nét mặt, chú Tư cũng cần cỗi, nhưng buổi cơm không cho chú cần cỗi ngon lành như vậy. Hời người dân ngay thẳng và thật thà, vách đá vẫn đứng ngạo nghễ trước mặt các người đó. Da thịt các người mềm hơn cao su, xương cốt dẻo hơn mẫu bánh xốp thơm phức mới ra lò không? Vách núi vẫn đứng sừng sững và ngạo nghễ đó, các người có thấy không những mảnh đá nhỏ nhen vẫn chưa rời khỏi ý nghĩ thô sơ của các người. Chúng vẫn đứng thẳng hoài trong tiếng kêu cứng nhắc, trong nỗi lo âu và thao thức mệt nhọc như người dân dốt nát thường tiêu biểu nỗi vô tâm này, cuộc đóng góp trùng tri

những đứa con gái chữa hoang mà không phân phải trái. (Dù rất có thể điều đó xảy một cách máy móc ngoài trí tưởng tượng, họ phải sống cam phận sau một cuộc hiệp dân tàn bạo.) Đông ngơ ngác ngó hoài về mặt chú Tư, bóng sáng của ngọn đèn dầu sát vách lá hắt thẳng vào mặt, khiến có nét lung linh, tranh tối tranh sáng. Da chú đen lấm đốm, chắc phải gian nắng suốt ngày này qua ngày khác hả chú Tư? Chú Tư hơi ngạc nhiên, khẽ nhúu đôi lông mày đen rậm, hực hực bữa nay mày hôm kỳ khô vậy Đông. Thì nghề nghiệp bắt buộc mới có hột cơm chó. Công tử bột rồi chết đói sao, tao già rộm hơi đâu nghĩ ngợi như mày. Đông cười tùm tùm, vậy mà có người khen vừa chú nghe chú Tư. Người đàn ông bật ngửa, ngược mặt lên trời cười, ai vậy Đông? Vách đá. Đông nghiêm nghị, ngồi thẳng người, vuốt vuốt mái tóc, nhìn chú Tư. Mình đã nghĩ ra một kế hoạch nhưng hơi tốn công, có lẽ đã lấy được nhiều gấp năm gấp mười. Nhìn cái phất lên như cheo của người đàn ông hiền hậu, Đông vẫn tất, hay mình làm thử đi lần trên đỉnh vách xoi thẳng xuống càng sâu càng tốt. Chú Tư im lặng suy tư, chắc chắn phải nhiều thời gian. Rồi đưa mắt thật xa, cái lo âu ngay thẳng bao giờ cũng lộ liễu thật chất phác, những nét nhăn vờ vờ kéo lên trán một vạch dài, vài giọt mồ hôi có thể đọng sâu ở đó. Trên gương mặt ủ rũ, sự thần thờ ngủ yên, chung quanh cảnh vật vẫn run rẩy theo từng cơn gió bay loang lổ. Ở đó, Đông đã nằm xoa tay, hằng vạn ngôi sao đang châu môi bàn tán ngó hoài vào đôi mắt Đông.

3.

Mọi người đã có mặt, cũng như Đông đang ngược cổ trông lên đám người trên đỉnh vách núi. Những sợi dây thừng, treo lủng lẳng từ những hôm trước, cũng còn phất phơ mệt nhọc trong gió. Gió thổi khá mạnh (hôm nào sức gió có lẽ cũng như vậy, sao mọi người cảm thấy hơi lạnh.) Đông và chú Tư ngồi đầu lưng trong chiếc ghế bất sẵn dưới chân núi, râm rì.

Trên cao, những cái máy dùi đã dự bị, những dụng cụ xong chưa? Đông nhìn đám người đang lúc nhúc nhường nhau những chỗ đứng, những gương mặt đen rạn len lỏi vài hơi thở lo âu. Chiếc nón lưỡi trai lật phăng cầm gọn trong đôi tay nắm chặt, chú Tư nhìn Đông khe khẽ mỉm cười, gật đầu. Ngọn gió núi lại vụt mạnh, Đông gọi chú Tư, cười mon man. Ngọn gió núi lại vụt qua. Cây cỏ ngẩng lên.

Mặt trời càng lúc chạy dài trên đỉnh đầu. Vách đá im lặng.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

BÊN TRONG TẤM PHÊN CỬA

Giương soi mờ nhạt trong ánh mắt người thiếu phụ. Nhân dạng âu sầu xuyên qua lớp thủy tinh tráng bạc, nàng chăm chăm nhìn bóng dáng người đàn bà quen thuộc nhưng dường như thật hờ hững xa lạ. Nỗi hiu hắt nằm cứng nhắc trên khuôn mặt không quen son phấn. Bóng gương cũng rung động im lìm theo từng cử động vô thức của nàng, loáng thoáng qua gương như ảo ảnh. Từng cái chớp mi hững hờ cô đơn, đang vỡ từng mảng họa tiết rơi âm thầm trên họa phẩm đang vẽ còn dang dở trước mặt. Bên cuộc đời, hình như người thiếu phụ đang bơ vơ trên lối rẽ vào tranh. Tưởng tượng bước xuyên thời gian trong bầu trời tuyết trắng, nàng dừng chân giữa không gian tịch lặng, đầy mây trắng và bốn bề vách đá cheo leo. Bức họa phẩm vẫn dang dở, rời rạc sắc màu bất lực, người ta thấy nàng đã gục đầu bên trong phên cửa...

Qua khung cửa sổ nhỏ nhỏ, ngọn gió mùa hè hơi không khí quanh hiu. Bên ngoài cửa sổ là bờ tường gạch đỏ, loáng thoáng vài khóm hoa sứ quân tử lung linh theo gió. Từng búng thời gian rớt loang lổ khắp tường rào. Hàng gạch đỏ cổ lỗ, lộ hình theo từng giọt nước thời gian đi qua. Người thiếu phụ ôm lấy khuôn mặt tranh tối tranh sáng, nghe chùng bên kia bức tường gạch đỏ, khu phố có tiếng va chạm bất chợt vang vang đưa tận vào căn phòng vắng lặng. Ngoài cửa sổ, xuyên qua tấm rèm xanh che khuất hàng cây phong du, ngả bóng phù du xuống bên kia lộ hẹp. Bóng mát chạy dài suốt dãy nhà cũ kỹ, nằm hiu hắt trên đoạn đường vắng vẻ. Suốt quãng lộ râm bóng, le lói nhiều khóm hoa tường vi nở rộ, loáng thoáng vài cánh chim trời sa xuống tường rào, rời rạc những tiếng kêu ngơ ngác. Mùa thu, hàng cây phong du trở dày đặc những cánh phong du hoa đỏ thắm, tung song cánh xoay tròn trên không trung như những con vượn màu huyết dụ...

Cơn gió thổi ngang im lìm, người thiếu phụ lại thần thờ đưa mắt nhìn theo những cánh hoa phong du quay vút giữa trời. Đôi cánh huyết dụ ngửa nghiêng theo hướng gió, hình như cũng lượn lờ đáp lặng thắm và lẻ loi bước vào tiềm thức. Người thiếu phụ cũng thần thờ lặng lẽ giơ tay qua song cửa, đón lẻ loi những cánh phong du rơi. Nàng chợt mỉm cười với cánh phong du bay lạc, nhẹ hững hờ nghiêng mình đứng lên, khẽ nhìn xuống con đường chạy dài dưới khu phố. Nắng chiều đỏ nhẹ trên từng khoảng trống không gian, chiều dần tàn nhạt, chỉ còn vài đóa trẻ ngây thơ băng đường chụp bắt những cánh hoa bay. Thiếu phụ bỗng cười lặng lẽ, hàng tóc đen rũ lòa xòa giữa gương mặt trắng nhễ nhại. Mân mê từng ngọn tóc lẻ loi bay lất phất, như ngóng chờ một tiếng gọi gì mơ hồ chờ đợi tháng ngày qua.

Chiếc rèm trắng mỏng manh vừa buông nhẹ bên tấm phen cửa, tiếng thở dài vương vấn loáng thoáng trên bức họa phẩm còn dang dở, chưa hóa thân như mong đợi. Trong căn phòng chật chội đầy những thỏi màu, vương vãi quanh giá vẽ. Người thiếu phụ trở lại không gian lặng lẽ, hình như căn phòng lại tái hiện âm thanh và kỷ niệm ngày xưa. Quang cảnh y hệt này, xưa có gã đàn ông lẳng tử lạ mặt thoát hiện vào đời nàng như một họa phẩm lạ. Bức họa phẩm sinh tử hình như cũng vẫn đang nằm im lìm giữa khung mắt người họa sĩ. Đêm đã trôi qua như chờ một hành tinh hằng triệu quang niên, vẫn đang còn đưa đôi cánh con bướm trắng bay vào cõi mộng. Cõi mộng, cõi ảo tưởng với ngọn đời nở đầy hoa lưu ly, đúng ngày tháng trắng lên. Hương hoang dã xa vắng, cô đọng thành khối tinh vân trôi vào trần thế, chuyển giao cho người nghệ sĩ. Mà cuộc viễn du trừu tượng này, vẫn chưa đưa đầy người nghệ sĩ hoàn chỉnh được công trình trên khung vẽ.

Người đàn ông lẳng tử và cánh bướm trắng từ lâu đã căng đầy cuộc viễn du. Trước mặt, người họa sĩ còn trên giá vẽ, khung vải đóng cứng trên nẹp gỗ, chưa chầm phá sáng tạo được công trình cho

một họa phẩm vĩnh cửu ra đời. Khung vải nơi ẩn mình đầy bụi mốc, những thỏi sơn dầu vứt kín trong hốc nhỏ. Sự bất lực của họa sĩ, khung vải và giá vẽ nằm mờ nhạt, khiến nàng chưa bao giờ dám nghĩ đến sự thật đã thất bại. Như chiếc lọ cổ, người thiếu phụ cảm thấy mình điêu linh trôi nổi trong bốn bề quanh hiu vắng, một vật thể không hình không bóng, như hạt sỏi nằm tênh hênh trên con đường nhỏ hẹp, quê mùa.

Con mê sảng của nàng đã là sự thật, cuộc hoang tưởng đẩy đưa nàng trôi dạt vào nhị trùng với thần thức. Bên bụi hoa mắc cỡ, người họa sĩ ngồi bệt xuống bên lề, đưa tay nâng niu từng cánh hoa dại. Nàng khẽ rung mình khi hàng hàng cánh lá vụt khép kín, như từ chối đón nhận nỗi tuyệt vọng của nàng và nỗi trần trụi trong họa phẩm dở dang. Khung vải vẫn nép im lặng trong căn phòng bên cánh phen cửa sổ. Hàng cây phong du vẫn xoay đều những cánh hoa song điệp trong không gian. Và nàng vẫn chôn vùi trong tâm thức cõi thực của một người đời, và cũng một cõi hóa thân của một đáng nghệ sĩ. Lối thoát hình như vẫn còn băng láng giữa mộng và thực, giữa thần linh và thể tục. Bức tranh trong khung vải vẫn chấm phá dang dở, nằm hững hờ trên căn gác sau cánh phen cửa sổ...

Hoàng hôn bao trùm lên bóng dáng dãy núi cô đơn... Từng tảng đá xanh rêu trong trí nhớ theo đêm về, đè nặng trong cơn mê sảng của nàng. Con bướm trắng lảng du trong tâm thức siêu tưởng ngày nào, giờ vĩnh cửu từ giếng vườn người để trở lại khu rừng huyền hóa mịt mù bóng tối. Một sát-na trên khung vải hiện thể không bao giờ có thực, nếu nàng vẫn đóng vai họa sĩ để vẽ lại những cảm thông cuộc tình, lý trí và giác ngộ. Nàng đang im lặng trong đêm, khung vải vẫn còn nằm thờ ơ, mệt mỏi. Trước giới hạn của giá trị một hồn tranh, nàng bất chợt biết nàng đang đón nhận một thất bại lớn lao suốt cuộc tình đời nghệ sĩ... Thiếu phụ kể rằng, giữa giấc điệp mơ hồ nàng có khoảng thời gian đối thoại với bướm trắng. Nhiều vấn đề

xoay quanh triết học, xã hội, nghệ thuật và nhân sinh... Máu chốt thực thể của người trần chỉ ám ảnh quanh tình yêu, đam mê, và lạc lối, Nàng chột hiểu và cố đặt mình vào khung vải, quả quyết bản thân phải vượt qua những giây phút cảm dỗ của vật chất và tình trường. Bướm trắng chỉ bay đến với cuộc đời thiếu phụ không qua ngõ nghệ thuật, nên vườn hoa ngút ngàn của bướm trắng dâng hiến trong đam mê, không hóa thân được chút sắc màu cho hình thành họa tiết. Họa phẩm không thể hình hành trong giấc mơ đầy kịch tính vọng tưởng, phi lý. Đó chỉ là một khóm dạ lý hương, một bụi hồng gai, một cành lan biến thể... mà bướm trắng lãng du cài nết hiện thực vào họa phẩm siêu tưởng của người họa sĩ. Họa phẩm không thể hóa hiện trong những chiêu thức gán ghép rời rạc thường tình của vật chất. Người họa sĩ lại thần thờ bên khung vải đang dờ dưới ánh nắng hoàng hôn hiu hắt. Bên ngoài khung cửa, vẫn còn có vài cánh phong du xoay tròn trong không gian tĩnh lặng...

Người thiếu phụ đang sống vò vò trong từng kỷ niệm như bao nhiêu con người đang sống và thở trong thế gian này. Nàng là một hiện thể sống trong một vũ trụ rối rắm nhiều khúc quanh của hiện thực và bản thể. Tác phẩm còn trơ vơ trên khung vải. Sắc màu đang trộn lẫn chọn lựa trong tư tưởng của người họa sĩ. Trước mắt, bức tranh mà nàng hoài bão như một danh tác nghệ thuật chưa được hóa thân. Giữa ngày và đêm, nàng vẫn còn là chiếc bóng lưu lạc trên cõi sống, điều linh trong kiếp con người. Thiếu phụ khe khẽ thở dài, lại thêm một lần nữa nhìn lơ đãng bức tranh nghiêng nghiêng bên vách tường bên trong tấm phen cửa. Cạnh khung vải, vài cây cọ nằm vương vãi bên mươi lọ sơn dầu nhiều màu sắc loang lổ, thần thờ...

Quanh phen cửa, đàn kiến vàng im lặng bò dọc, hình như lặng thầm di chuyển ra ngoài những cành cây phong du, bên kia căn gác nhỏ. Ngọn gió hoàng hôn mang đầy hơi nước vụt qua, người thiếu

phụ rừng mình. Trống vắng lan nhanh quanh căn phòng còn có bức tranh đang dở...

**Nhuận sắc tháng 04/2021*

GIÁC MƠ TIỀN KIẾP CỦA MỘT DU TĂNG

Trên bờ đoàn, hình tượng bất động của nhà sư dù thế nào cũng không lay động theo bóng trắng. Không hiểu, đối với khách thập phương tình cờ trong lần viếng ngôi cổ tự, nếu bất chợt chiêm bái được thần thái thiền tịnh này, có ý niệm hoang tưởng là một vị bồ tát không? Nhưng chú tiểu thị giả hầu chuông trước điện thờ tam bảo, thì trăm lần như một nhìn sư phụ cung kính ngang hàng các thánh tượng trên đại điện.

Có lần dứt tiếng ngân nga của đại hồng chung, chú tiểu thị giả lom khom nhặt những chiếc lá bồ đề lượn lơ từ ngoài sân cổ tự, theo cơn gió thoảng bay nhẹ vào gác chuông. Chú đứng nghiêng nghiêng lộn tóc một vá, nhặt chiếc lá bồ đề rồi bỗng tiết nhiên lén nhìn xuyên qua chiếc bờ đoàn có nhà sư đang trầm du trong cơn thiền tịnh. Chú tiểu bỗng nhiên có ý nghĩ bất chợt lóe lên trong ý thức, cơn gió và chiếc lá bồ đề là một thực thể có thực, thì sao trong cõi thiền tịnh quá khứ - hiện tại - tương lai đằng đẵng lại là sát-na tính không? Sư ông vẫn ngồi tĩnh lặng miên viễn trong thần thức. Chú tiểu thị giả thì cứ nghiêng lộn tóc một vá, vẫn tò mò nhìn hình tượng bất động của tôn sư đang thiền tịnh...

Buổi sáng bình minh vừa ló dạng, thời gian như được khắc ghi đúng vạch cố định trên đồng hồ, nên tiếng hồng chung trong ngôi chùa cổ lại thanh thoát ngân nga. Bát hương trầm trên chái điện lan tỏa thanh khí từ bi, và ngoài sân vẫn rơi từ giọt nắng tinh sương bên những chiếc lá rụng đêm qua. Không có gì thay đổi, nếu chú tiểu nhỏ

không còn ghi nhớ lại những ý niệm vừa bất chợt nảy nở trong đầu trong đêm qua chứng kiến. Ý thức trong ngân của tuổi mới lớn, mà chú thấy kỳ lạ cứ vương vấn không nguôi, về tính không và thiền tịnh, cũng như tính hủy diệt và đời sống. Ngày bước vào đời đến nay, chú chỉ biết cội nguồn mơ hồ. Vào một đêm Đao Ngo, có người thiếu phụ kiệt sức ôm đứa con sơ sinh chạy loạn, nằm ngất trước cổng chùa. Một ngôi thiền tự vắng lặng giữa khu đầm lầy, đầy hoang lạnh tận góc rừng biên giới. Người mẹ thì trong hoàn cảnh hủy diệt vì đã bước cuối đường trần. Đứa trẻ thì được hồi sinh, vì duyên nghiệp sẽ bước tới trong đời dưới mái cổ tự tiền định. Và câu chuyện hạnh ngộ giữa canh ba, cánh rừng, đêm trăng và con sông... khởi dựng lại tiền kiếp một du tăng.

Dĩ nhiên, dù ngôi chùa vẫn nằm trong cư địa hoang sơ, ít người lai vãng. Trước cổng tam quan, bằng tre nửa đơn sơ, treo một tấm danh tự bằng gỗ thô khắc ghi nét thảo **Hư Không Cổ Tự**. Ngôi chùa bao đời vẫn nằm trong một địa thế khiêm tốn, nhỏ nhoi giữa biên cương. Chung quanh đầm lầy, cũng là địa thế an bình cho các thiền sư dưỡng tu hành đạo. Đến nay, không hiểu chùa đã trải qua bao nhiêu vị chủ chùa, chỉ biết hiện giờ Hư Không Cổ Tự đang là nơi hành pháp của vị sư già và một chú tiểu đang tuổi thiếu niên. Ngôi chùa cũng nhiều phen trống vắng, quanh năm chỉ quen thuộc với tiếng chim, hoa cỏ, đầm lầy... Bên kia là một con sông nhỏ, cây rừng biên giới xao xác chạy dài xuyên suốt qua những ngọn núi, ngọn đồi đầy hoang khí giữa biên cương.

Khi còn nhỏ, chú tiểu và nhà sư già là người thân thích duy nhất trên cuộc đời. Tất cả mọi tư hướng và đạo vị hình như rập khuôn từ kinh điển và đạo hạnh từ vị thiền sư. Tất cả như vậy, ngày qua tháng lại, viễn cảnh trong đời đều theo khuôn mẫu như nhau. Bình minh tụng niệm, chuông mõ trống đều đều nhịp gõ với đôi tay nhuần nhuyễn của chú tiểu thiếu niên. Nhà sư vẫn im lặng thiền tịnh, bước vào hư không với thần thức kiên định, trụ định như một bức tượng

Phật trên chánh điện. Mỗi ngày qua, không biết vị thiền sư tâm có bất biến giây phút nào không, nhưng chú tiểu càng lớn lên vẫn vén búi tóc một vá nghiêng nghiêng nhìn nhà sư bất động trong thiền định. Có lẽ, chú tiểu càng lúc tuổi nhiều thêm, chú cũng có những nét nhìn nghiêng nghiêng ngày càng khác lạ trước bóng dáng thiền định của sư thầy. Tuy nhiên, chú cũng chẳng hiểu gì nhiều thêm trước những bước hạnh ngộ trôi vào càn khôn của nhà sư.

Một đêm trăng tịch mịch, khu rừng có đầm lầy và ngôi cổ tự, tiếng chim từ quy vọng chảy tha thiết trên hàng cây cổ thụ. Vị sư bất chợt trần trở, xoay nhìn đứa trẻ trong chiếc nôi sòng thán nhiên trong giấc ngủ ngây thơ. Ông thở dài nghiêng mình, lót nhẹ bàn tay dưới gương mặt, tư thế như đức Thích Ca Mâu Ni nằm tịnh dưỡng trong đêm. Tâm thể hình như vẫn trụ trong dòng nhân thế, cái thở dài khiến bóng đêm hoang cũng thoang thoang rung động mơ hồ...

... Cũng canh ba, hơn ba mươi năm trước, khách trung niên một người một ngựa vai đeo chiếc đũa chứa đựng y bát tuyệt mật và nghi binh bằng những pho kinh điển thừa truyền. Bể rừng vượt suối, tâm nguyện cho mai sau còn lưu truyền được pháp báu. Trên đường lưu lạc, người trung niên chưa bao giờ nghĩ được rằng vẫn còn nghiệp chướng khi chưa tẩy hết trần ai, chàng cứ ôm trong người một hoài bão với cứu cánh đạo vị chân pháp. Sơn lâm chướng khí vẫn thấm đẫm trên những thời gian, xuyên sâu trong núi cao rừng thẳm. Một đêm mưa gió bão bùng phủ chụp một cách khốc liệt, cơn sốt vật ngã chàng tuổi trẻ nằm mê man trước sân sân đình làng...

Trong cơn mơ, chàng thoáng thấy một bóng thiếu nữ và vài người dân làng đưa mình trở qua một con sông nhỏ. Thấp thoáng đã trôi qua một tuần trăng, người tuổi trẻ trung niên dần hồi phục. Ở nơi khi ho cò gáy, vẫn không thiếu những tình người, bạt ngàn trên từng hơi thở, ân nặng nghĩa sâu. Trên bước đường lỡ vận cô đơn, lại mang trong thân một trách nhiệm bảo vệ những báu vật và pho kinh mật pháp, chàng bằng lòng ở lại định cư với dân làng, đền đáp ân nghĩa

sống còn. Con sông vắt ngang khu rừng, từ đây trở thành quê hương mới trên đường lưu lạc. Bên kia con sông, là cánh rừng đầy dãy núi đá và những ngọn đồi nơi sinh sống nhiều dã thú sơn lâm. Rừng tràn ngập những oán khí hoang vu, thôn làng lẻ loi vài mái nhà tranh và vài mươi người dân nghèo lưu lạc tứ phương, trong đó có người trẻ tuổi, đã là một trong đàn dân bản xứ mới. Một ngày, chàng tuổi trẻ qua sông vào vùng núi thâm biên thùy tra đồ bản khai hoang. Ở làng quê, có tin theo vó ngựa bay về, hàng trăm thổ phỉ từ biên giới vượt sông tràn qua cướp bóc giết hại, hủy diệt đốt phá thôn làng và truy tìm mật pháp.

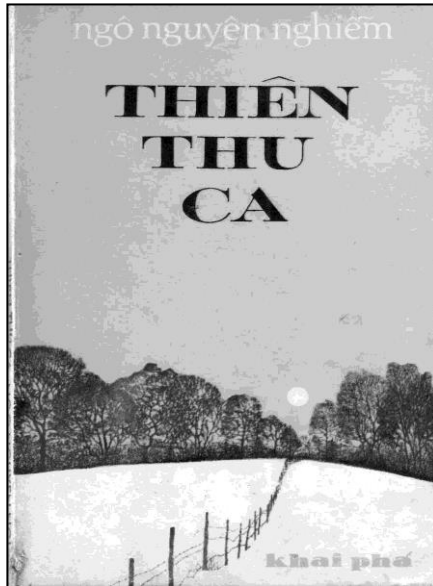
Người tuổi trẻ bước sang con sông tang tóc, hồn vô định thần thờ tìm nơi chốn ẩn náu an cư. Những khóm lau trắng xóa chạy dài tấp tểp, phát phơ trên ngọn gió bạc đầu của núi rừng sơn dã. Chàng bước vội qua đầm lầy, ghé ngồi bên cạnh bìa đá cụt đầu hoang sơ, vương vẩn đầy bụi thời gian. Đây hành trang hình như nặng trĩu lời nguyện. Báu vật y bát và kinh sách như đang thẳm thì kêu gọi chàng trai trải lòng trong màu nắng hồng thanh khí. Bên góc phải đầm lầy nhỏ nhỏ, một ngôi chùa xưa hiu hắt buồn tênh dưới tàng cổ thụ bờ đề cho mùa thu đầy bóng lá. Nhà sư mỉm cười vò vò đầu chú tiểu chùa Hư Không, như vội truyền tâm ấn hoan hỷ vô lượng, cho một giấc chiêm bao của một du tăng tiền kiếp...

**Nhuận sắc tháng 04 / 2021*

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

III. THƠ NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

Thi phẩm **THIÊN THU CA** (Trích)



Thi tập **THIÊN THU CA** do Nhà Xuất Bản **KHAI PHÁ** ấn hành năm 1972, tạo được dòng dư luận tán thán về một quan điểm thi ca mới, được giới thiệu trên nhiều báo chí đương thời. Nhà thơ **VƯƠNG TÂN** nhận định trên nhật báo Hòa Bình, một sự vượt thoát của một dòng tân thi ca đặc biệt trong thi ca Việt Nam.

Hiện Tượng

Trên núi cao tiếng kêu loài chim lạ
Vọng bốn mùa nhật nguyệt bước quanh nhau
Ở một cõi hình như em chẳng rõ
Bước ta đầy những lưới sương bao

Một ngày cảm thấy lòng thanh tịnh
Em áp tai vào những bóng đêm về
Trăm năm trước trái tim còn nhịp thở
Nên bầu trời còn một nẻo nên thơ

Từ đó lạc giữa nơi hoang vắng
Lấy cây già làm ổ ngó mưa bay
Quang cảnh đầy hương gió bụi
Con quạ già ôm trái ngó qua đây

Ta khao khát như em đã gặp
Nơi hồn nhiên đời bỗng nặng vô cùng
Em sẽ thấy ta từng giây mệt nhọc
Lom khom về sắp xếp bóng thời gian

Hôm nào cũng ngỡ có điếm báo trước
Lang thang trên chiếc móng cầu vòng
Nghe tin gió loan trong niềm cô tịch
Còn chung thân đối bóng hư không

Mắt ta loạn như cành cây gãy đổ
Đêm thiên thu trăng nhả mật đầy
Sáng động nhẹ thành trời thạch nhũ
Óng bầu không khí cháy đêm nay

Nghe em gọi từ bên thành gió thấp
Ngửa nghiêng trong thời buổi xanh xao
Bên cuồng bão gió đưa tám hướng
Ổ ta nằm giữa ngọn quạnh hiu

Chưa bao giờ hạt sầu mới lớn
Đã đưa vào tiền kiếp một rừng thưa
Nhưng em sẽ thấy ở một nơi xa lạ
Nỗi sầu xưa bao ngát mấy trăm mùa

Ta sống dưới chân trời vạn đại
Nhiều khi lòng cũng chột băng khuâng
Nhìn hoa nở bên thềm cỏ ướt
Ngày mai em còn đứng đó không?

Từ đó lạc giữa nơi hoang vắng
Lấy cây già làm ổ ngó mưa bay
Nghe tin gió loan trong niềm cô tịch
Còn chung thân ngồi đối bóng mây.

Thấy Đời Như Bóng Trăng Ta Lên Thiên Cầm Sơn Đập Đàn Mà Hát Rằng

Em mới đứng yên bên gò cỏ lụy
Ngó quanh người một dáng núi hiu hiu
Đâu biết được gót sen vừa khẽ đập
Trên mạch ngầm len lõi miệng hố sâu

Sao mai có mọc lên hồn đồng ấu

Ta vẫn sầu như cánh lan hoang
Reo rúc sống bên đình phần ma quái
Ngủ theo sương và che khuất mây ngàn

Dù có buổi định tâm về hướng cũ
Chống tay đòi chột nhớ băng khuâng
Em chứng kiến hôm qua trong thung lũng
Ta giam mình trong ngọn lửa chung thân

Cũng muốn bốc hơi thành khí thấp
Động quanh trời nghiệp chướng một bầu sương
Trôi vút vương trong hành tinh u uất
Tìm chưa ra dấu quỹ đạo vô thường

Vì vậy đời qua thường buồn bã
Thổi mơ hồ từng đợt heo may
Cây thốt nốt vừa nghiêng bên tháp cũ
Gạch thiên thu cũng vừa rụng đêm nay

Có lẽ em đã thấy trên đồi hoang phế
Trơ vơ một bóng dáng ta nằm
Hoa không nở nên đồi thành đất chết
Mồ không xây đành phải lang thang

Em sẽ hiểu khi qua sinh kiếp khác
Dạo trong vườn cây lá đã nghìn thu
Bất chợt thấy lòng tuôn từng đỉnh ốc
Và trong vườn cây lá đã hư vô
Em sẽ hiểu về bài hành thiên cổ
Vỗ từng hồi chiêng trống dưới hoàng hôn
Ta vừa đập cây đàn trên đỉnh núi

Hát. Ngàn năm hề như bóng trắng tan.

Quạnh Quẽ Ba Năm Trong Thánh Địa

Tưởng tượng bên trong dòng định mệnh
Có ngôi Thiên Sứ xuống đồng xanh
Lỡ ta là một loài dơi trắng
Nào dám bay về hướng thái dương

Nên tự hành thân theo Quỹ đạo
Chập chờn ôm lấy trái tiền khiên
Trăm thanh sắt nhọn xoi ngang ngực
Ai đóng đinh hồn lên áo quan?

Đêm đêm nghe tiếng âm phong dậy
Lồng lộng chuyền quanh ngọn Thất Sơn
Bỏ lửa của loài chim mỏ đỏ
Đánh tàn bạo xuống mộ oan khiên

Ta ôm sao lạ rơi ngoài biển
Như một du tăng ôm đạo bình
Ngày tháng lang thang tìm bản mệnh
Dưới vầng nhật nguyệt lặng bay quanh

Một thuở lỡ đánh rơi nhan sắc
Xuống vực thiên thu tối lá rừng
Nên ở trên đời, ta lững thững
Đi tìm chưa thấy một dung nhan

Bữa đó trong màn đêm thức dậy

Bỗng nhiên phương bắc có sao băng
Bên tai thấp thoáng hồn thơ khóc
Xõa tóc trôi về hướng cố hương

Sáng ra lên góc Phù Vân Các
Ngắm bóng mây đưa vạn đại về
Lỡ sống trong vùng hơi cổ quái
Suốt đời ôm mộng chạy lê thê

Giữa cuộc hành trình không chút gió
Lòng ta lại ngập lá vàng bay
Trên con đường nhỏ bò quanh quẩn
Loáng thoáng vàng trắng chết ngậm ngùi

Thiên thu vẫn đứng bên bờ núi
Xây dưới chân xưa bực đá mòn
Lẩn quẩn trong vòng rào đại sự
Lòng ta luôn có cuộc hành hương

Chợt thấy trăm hàng sinh kiếp lạ
Đu đưa quanh chiếc võng hư không
Vỏ đời nứt nẻ mười năm trước
Nảy ngược hình ta dưới bóng đêm

Quạnh quẽ ba năm trong thánh địa
Làm con ngựa lạc giữa đồng hoang

Một hôm ánh sáng vừa hiu hắt
Kính sách ngàn pho chợt vỡ vàng

Lướt thướt tiền thân trôi vạn dặm

Đường xa thiên địa vỡ liên hồi
Bên hôn tràn ngập rừng tinh tú
Nhoang nhoáng rơi đầy lên tóc tai

Trí nhớ nở vàng bông cúc dại
Gá thăm lên gốc Thổ tinh già
Điếu kiều thả xuống lưng chừng núi
Đón đợi vì sao chiếu mệnh sa

Nên lúc hay tin phong vũ đến
Lòng vừa rung chuyển theo thiên tai
Lom khom chạy khắp đường Nam Cực
Ngợp ngợp trời cao trái rụng đầy

Cứ đứng xoay vòng trong gió lốc
Mặc tình phương hướng đổ xô về
Một con chim nhỏ reo bờ núi
Như sợ bóng mình tan cõi xa

Hôm nay trên ổ muôn năm trước
Nhận nở âm thầm theo nắng mưa
Trời đất chạy quanh cây bản mệnh
Ta nằm chờ một hướng sao xưa.

Tổng Biệt Ca

Tiến hồn chị Ngô Thị Kim Loan

Người xuống chân đồi xưa hái trái
Ngồi nghe trăng trở nụ mưa vàng
Bên tai một mảnh hồng nhan rụng

Theo cánh chim trời vọng tứ phương

Cạnh tiếng từ quy kêu mấy chập
Thiên thu xào úa thâm thương oi
Nắng mưa bốn cõi vô thường quá
Ta có gì che lạnh bốn người

Chen chúc giữa rừng cây ý tưởng
Mọc đầy trong trí nhớ hoang vu
Mắt xưa ở cuối chân trời lạ
Thấp thoáng vì sao tổng biệt về

Vẫn biết chim bay là tổ lạnh
Cẩn hồn cho vỡ chút hư vô
Nâng lên chén rượu chiều sinh tử
Ta khóc bao lần trên mắt khô?

Ngọn tóc phơi trên hồ Tịnh độ
Se làm tim bắc ẩm linh sàng
Rồi mai giữa cánh đồng hoang giá
Có một loài hoa sống nửa đêm

Hoa đứng chập chờn trong tuế nguyệt
Ngàn thu trời trở lạnh bao la
Hỡi ơi đôi mắt sầu bi ấy
Theo dõi từng phen bóng nguyệt tà

Trăm hướng hồn bay theo dấu cỏ
Rượu vàng ta rải tiền chân xưa
Tháng ba sương nở bên đồng nội
Dưới mộ người nghe lạnh giấc chưa?

Thôi, kẻ như vàng trắng cuối tháng
Theo người lặn xuống cõi vô hình
Trăm năm bóng quế về hiu hắt
Cũng chuyển thuyền qua bến tử sinh.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

**Thi phẩm NGƯỜI HÀNH GIẢ
VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ**
(Trích)



Thi tập NGƯỜI HÀNH GIẢ VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ do Nhà Xuất Bản KHAI PHÁ ấn hành năm 1974, nhận nhiều ý kiến của văn nhân thi sĩ. Nhà văn TRÙNG DƯƠNG nhận định trên nhật báo Sóng Thần, khi đọc tác phẩm như một cuộc hành hương trên linh địa Thất Sơn huyền nhiệm, một dòng tân thi ca le lói trên đồng bằng sông Cửu Long...

Cuộc Hành Hương Trong Thánh Địa Ta

Nghe tin khí tượng đầy giông tố
Chiều nay long mạch vỡ trên ngàn
Muôn cột nước dội ngược giữa không gian
Bầy chim ở đỉnh đầu vừa loạn tổ

Ta vỗ cánh trôi về ngôi cổ mộ
Luồng khí thiêng ma quái vụt xông lên
Trải xuống vườn đêm từng nấc thang đen
Trăm bóng quỷ vừa hiện ra nhảy múa

Lăn lóc chạy qua mươi ngưỡng cửa
Nặng phong trần tấp nập thiên nhiên
Lỡ hồn vừa đậu chút nhân duyên
Bay ngơ ngác qua vùng thử thách

Trên đồng cỏ dựng lên bao thành quách
Vươn về Đông che kín dấu mặt trời
Từ đây có nhật thực bên đời
Dù chờ đợi ngộ đâu về ta nữa

Leo lét bên rừng trăm ánh lửa
Nghiêng theo Tây vờn vờn gió Thất Sơn
Bầu trời ai ẩm ướt nước Hậu Giang
Hồn thủy hỏa lại tương sinh kỳ lạ

Trời tháng Tư chập chờn bên mái lá
Che đoàn người lê gót hành hương
Một mình ta ngồi ở vệ đường
Trăm thánh địa nẩy trong lòng nhỏ bé

Vài búp nõn vừa nở bùng nhè nhẹ
Người đầu hay vì ở tận chân trời
Mà chiếc cầu độc nhất bắc ngang đời
Lại có kẻ ẩn hình ngồi canh giữ

Cũng muốn như ngôi miếu nhỏ
Thật âm thầm nằm cạnh dòng sông
Bát nhang dù không thấp sớm hôm
Cũng le lói hồn Đông Sơn kỳ ảo

Lặng lẽ bước quanh bờ thạch thảo
Tiếng vảnh khuyên ton hót trên vai
Trong đây ta đang chứa cỏ cây
Run rúc tràng đề sâu muôn thuở

Vang vang khắp mấy phương cổ độ
Lục bình trôi kín bến Cửu Long
Ta làm bè sáng sớm sang sông
Tình còn thấy bầy chim nước ngủ

Bao bóng dáng chờn vờn trên nước lũ
Thêm hình nhân nghiêng xuống bình minh
Bồng lục bình trở mấy cảnh bông
Tay vói hái ủ lên cối sống

Quanh đời có mây bay lãng đãng
Tợ muôn chim về núi chiều hôm
Hồn vừa vang tiếng trống thu không
Trôi tằm tấp giữa dòng sương khói.

Chiêm Bao Thấy Hóa Bướm Lượn Trên Tàng Kinh Các

Rừng tre bỗng chốc im phăng phắc
Hơi thở nào như hơi thở ma
Nhè nhẹ bốc quanh thành khí thấp
Động dài trên vạn đợt tre già

Một hôm bên ngọn cây hoang dại
Mấy sợi dây đu kéo hững hờ
Người thấy không ta ngồi vắt vẻo
Hia vàng rớt xuống tự bao giờ

Kiều bạt nên đời thành viễn xứ
Phong trần trễ xuống gót oan gia
Nhiều khi lòng cũng là sân rộng
Chứa đựng luân phiên nhật nguyệt tà

Nên thủy triều hay tràn khắp nẻo
Quanh bờ phong thổ cửa trăng xưa
Người buồn khí hậu bay vô định
Làm nắng mưa rơi chẳng đúng mùa

Cây trái ta trồng kỳ lạ quá
Thành hình theo địa lý tang thương
Có ai nghe được lời cây cỏ
Mới hiểu thiên nhiên khóc dị thường

Nơi đây không bóng nhân gian đến
Quán trọ nằm nghiêng cổng khép hờ
Con nhện người sa trên liếp cửa
Hồn tơ buồn bã vắt quanh co

Trong tim chứa đựng đường trăm ngã
Leo lách quanh sườn thung lũng thu
Đom đóm bỗng trôi lênh tứ hướng
Làm sao quang cảnh chẳng hoang vu

Nên ta lạc nẻo mê hồn trận
Đến Các Tàng Kinh ngủ lạnh lòng
Thư sách ngổn ngang kê gối thấp
Ta thành cốt đá giữa tre rừng

Người có qua đây xin đứng lại
Và treo dùm ngọn mộc đấng kia
Chiêm bao có biến ta thành bướm
Cũng lượn quanh rèm gió quạnh hiu.

Tinh Nguyệt Hồ

Loanh quanh mấy nẻo đường hoang dã
Lòng chợt quay về góc quán xưa
Mấy đợt tà huy vàng vố rớt
Trên bờ rào lạnh bóng cây đưa

Trầu têm bày giữa bàn con vắng
Bụi mỏng hồ theo lớp nhện giăng
Người thợ giả sơn ngồi quạnh quẽ
Hồn đâu mà xác sống lang thang

Tai nghe tiếng hót vành khuyên lạ
Rớt xuống vườn khô một giọt sương
Đền chẳng khói hương đền lạnh lẽo
Tượng thần đành phải ngủ ven đường

Tiếc ta như một quan văn cổ
Ngọn bút không kèm giữ được trăng
Trót để trăng trôi vào vụn đại
Nghiên mài đầy mực cũng rêu phong

Hôm qua chợt bước về sơn viện
Dưới dốc đèo ngang tiếng rết kêu
Hải cẩu bỗng dựng roi xuống vực
Quanh hồn gió núi thổi hiu hiu

Lỡ mang suốt kiếp điếm hư ảo
Quyện giữa lòng ca khúc quỷ ma
Dồn dọn bóng thiêng hồn lửa dậy
Ngàn năm phủ kín quăng đời qua

Bi thiết chạy quanh đời sống đỏ
Lưng còng theo gió gánh vô hình
Cứ nghiêng ngả bước trên sơn lộ
Sao chẳng tìm ra mái Tổ Đình

Ta có bên mình trăm dấu triện
Tùy cơ định mệnh đóng lên vai
Hôm nay bình cạn sơn khô héo
Nên nín thính buồn ai có hay?

Lơ lảo ra ngoài cơn mộng dữ
Thư sinh ngoài một cuốn kinh thơ
Ai đâu xây được hồ Tinh Nguyệt
Để đứng soi mình rửa giấc mơ

Vì vậy thu còn cây trút lá
Lâu đài xưa lạnh với hoàng hôn
Ta là tiếng trúc trong rừng thẳm
Thổi nghẹn ngào bên một lối mòn.

Thương Cánh Lan Bơ Vơ Bên Thềm Tuế Nguyệt

Tưởng niệm chị Ngô Thị Kim Loan

Người nghe tiếng trống từ muôn kiếp
Giục giã bên lòng khách viễn du
Bởi gió xây nên hồn lãng bạt
Dội về trăm tiếng vọng hoang vu

Từng mảnh thạch sơn rung rúc nứt
Nghiêng thâm bên hướng có ta chơi
Vẫn thường đứng ngắm sao phương Bắc
Thường ngần ngợ theo chiếc lá bay

Cõi người phon phớt rừng sương khói
Ngày tháng lang thang giữa trận tiền
Người thấy gì không bên ánh lửa
Hồn về như một cánh thiêu thân

Ta cố chui đầu ra thạch trận
Nhìn lên trên đỉnh tháp thê lương
Lập lòe ngọn Kế Đô vừa cháy
Ai đốt cho hồn tháp ngửa nghiêng?

Nên buổi chiều nay ngồi ngắm nghĩ
Thương người như một miếu âm hồn
Lạnh tanh bên cạnh bình nhang bẻ
Lưới nhện canh chừng suốt tháng năm

Nhiều lúc muốn bay lên ngọn sọp
Đuổi bầy cú đỏ đến kêu tang
Khiến trăng muôn thuở không về mọc

Nên mộ người buồn như mộ hoang

Lỡ sống trăm luân trời tháng Bảy
Chạy quanh mười cửa ngục hư vô
Gậy ta chưa được như thiền trượng
Nên bóng in sâu lên cửa ma

Kim tĩnh người xây chưa đúng hướng
Nên sao già tắt ở phương nào
Cổ lang thang gọi trong tiền kiếp
Vẫn chẳng tìm ra dấu bể dâu

Thất thêu đi về đêm nguyệt tận
Đứng nghiêng vọng gác Cửu Trùng đài
Ta chưa từng thấy lòng tê tái
Giữa trận mưa rào, như tối nay

Áo rơm vàng phéch màu thiên địa
Trùm xuống mộ phần lạnh giấc xưa
Trên đỉnh Bạch Vân đầu bảy núi
Ta ngồi thương xót bóng mây đưa.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

IV. NHẬN ĐỊNH VỀ 12 TÁC GIẢ TÁC PHẨM VĂN HỌC

TỪ HÀI CÚ NHẬT BẢN, LỤC BÁT BA CÂU NGUYỄN TÔN NHAN, Ý NIỆM RỜI VỀ HAIKU VIỆT CỦA CHU NGẠN THU

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Thời gian hơn mấy thập niên trở lại đây, nghệ thuật chuyển biến sáng tạo và lập dựng nhiều trường phái tân hóa, cách điệu và đầy trí dũng. Đương nhiên, giữa sự đột biến của một thời văn minh xã hội, đưa khoa học lên hàng kiệt xuất mà cách đây cả thế kỷ trở về trước có ai ngờ một cuộc cách mạng tri thức tuyệt vời, y như nguyên bản của những ước mơ phù thủy hay thần thoại của thời cổ tích Phong Thần, Liêu Trai Chí Dị, U Minh Liệt Truyện, Harry Potter... đều trở nên hiện thực. Cái chớp cánh lên không xuyên suốt hàng trăm ngàn cây số, phiêu du trong vũ trụ, đến mọi chuyển biến trong các độ nhật chuyên ngành khác đều như một giấc mộng phù sinh, thời @ đã đưa thuần phong nhĩ, thiên lý nhĩ và những cách điệu truyền âm như một cách phiêu thoát. Đường đời con người không dài, nhìn lại bản thể có được phục nguyên như tư chất tiên thiên lúc mới khai sinh không thì mới thấy cái uyên nguyên của trời đất đã là một bí mật với những kẻ thoát thai lại chìm đắm trong ngõ tối của mọi khuynh loát u mê trong dòng luân lưu của cuộc sống. Người ta có tâm huyết và duyên cơ đi tìm kẻ đạo, vạch mù sương trên ánh đuốc giác ngộ lầm lũi vượt đỉnh thái hư, hầu chấp cánh cho bản lai bước vào cái vô tử vô sinh, dù đó là nghệ thuật hay tâm thức, thì sự diệu kỳ đã giải thoát con người qua khỏi trăm nẻo u mê. Đạo giáo sinh ra khá nhiều, mà bước đi chung vẫn chưa hề có mặt, mỗi hình thái cực

đoan và phi đạo vẫn tiếp diễn xảy ra. Cái ác vẫn chập chùng giăng mắc trong kiếp sống lưu sinh của con người, đâu biết đâu hiểu nẻo ra đã lạc lối chưa nào. Càng ngày, càng chất chồng những bất hạnh lên vai nhân loại, bởi đi đôi với cái tạm gọi là Thiện, cái tạm gọi là Ác, vẫn ngang ngửa nhau sức tàn phá và đối kháng như thời Siddhartha chờ bình minh giác ngộ, Ma vương hiện hình đầy rẫy, gieo mọi tư hướng để đẩy lùi nền sáng của ngọn đuốc minh triết đang hùng vĩ soi rọi. Cái đối kháng nhiều lúc thần lực không thua sút nhau, vì mỗi bên đạt ngộ theo cách chuyển bí mật của kẻ hở vũ trụ, của duyên nghiệp thông hành trên ngõ ngách của huyền vi. Đến "*Om Mani Padme Hum*", hoa sen nở trong lòng, thì chân lý là dấu ấn pháp giới cũng chính chiến thắng bản thân mình.

Nghệ thuật cũng vậy, có cái đi thẳng vào một chiều hướng xuyên sâu ở một giai đoạn cực thịnh của một quan niệm, một triết lý thời thượng, nếu có một sự bùng vỡ như những hòn bi va chạm tóe lửa sẽ nảy sinh những chuyển biến có lợi cho cuộc hành trình. Chỉ có câu hỏi, sự hồi sinh hay hủy diệt có phải là chân lý vĩnh cửu, để nghệ thuật thoát biến thoát hiện như những ảo giác hay sự thật mà chân lý đã điểm tô thế giới nhân gian, như hoa nở rực rỡ từ những ngọn đồi đầy gió thu phong man mát dưới bình minh hay ánh trăng vàng, hay là hoa nở trong lộc bình lẻ loi trong phòng khách thừa trừ. Cái nhức đầu của người làm văn nghệ là cứ nhai đi nhai lại những giọng điệu của màn đêm, cũ rích từ ngàn năm xưa nên người nghệ sĩ chính tự bản thân phải sáng hóa chính mình đưa một tiểu vũ trụ hòa nhập bản thể vào tam thiên đại thiên thế giới, hay còn những thế giới ngoài cõi đại giác đã vạch sẵn.

Sự thuần hành trên lẽ đạo là tất nhiên đưa đẩy vun trồng chân tâm được phóng hoạt lớn nhỏ thường hằng. Khi lớn bao trùm cả vũ trụ mệnh mông, khi nhỏ đến hạt cát cũng chẳng ra gì. Nhưng ai biết trong cái hạt cát đó, chứa đầy cả một không gian siêu thoát và đạt ngộ. Vì vậy, mỗi tư hướng của nghệ sĩ đã là cái ngộ vọng tức thời,

đưa đẩy cái lẻ loi thành đại chúng. Tôi thầm cảm ơn những điều gì mình biết được nhờ nỗi không hiểu từ bao nhiêu ngày tháng của thời gian mơ hồ, và tôi chiêm nghiệm bao nhiêu sự hóa thân chân chính để làm sống lại trí tuệ giác tha của bằng hữu văn nghệ. Cái mới mà chính bạn bè bỗng nhiên tìm thấy, thật kỳ bí và mở rộng cho nghệ thuật như một ánh sáng tuyệt diệu soi thêm trên thềm hoa cỏ buổi đầm sương, mát dịu và thanh thoát lòng người.

Hôm Lưu Vân ghé tạt qua thăm tôi, có lẽ đã gần năm, sau những giọt rượu nồng lay lắt tình văn hữu, bỗng nhiên anh vui cười báo về một lối ngoặt trong thơ của nhà thơ Chu Ngạn Thư, áp dụng thơ Hải Cú Nhật Bản, với ý niệm là làm mới với danh nghĩa Haiku Việt. Lưu Vân tán thán, sự thành công đậm đà trong nét thơ này có một hào nhoáng cách tân và sâu sắc. Chu Ngạn Thư là một nhà thơ có nhiều công lao góp mặt với văn nghệ Việt Nam từ thuở xa xưa, trải qua bao nhiêu ngày tháng chung đụng với không gian thơ, hẳn nhiên đã đạt hoả hầu tuyệt diệu. Thì chuyện tạo tác một khuynh hướng đa thể cách, lại là chuyện đương nhiên, và thêm cho khu vườn nghệ thuật đầy những cánh hoa phục nguyên mới lạ. Tôi lật đật nhìn lại, một Khế Iêm, Đoàn Minh Hải, Lý Đợi, Nguyễn Phan Thịnh, cách tân thơ qua ngõ Tân Hình Thức, rồi Nguyễn Tôn Nhan điều chỉnh từ thuở 16 tuổi với Thánh Ca chuyển sang thể sáu thi ba câu lục bát, giờ đây Việt Nam lại có thêm một dòng thơ mượn thể Hải Cú Nhật Bản, mà Chu Ngạn Thư tạm gọi là Haiku Việt. Sự thành công hay không sẽ để thời gian hậu kiểm, nhưng cái đáng quý là anh em đã tu chỉnh trong sạch để dọn mình cho bước du hành đầy ý nghĩa cho cuộc sống nhân sinh.

Hải Cú Nhật Bản là một loại Thiền thi, chấp nhận lẽ huyền diệu đương nhiên của trời đất và sự đạt ngộ của thể nhân. Sự trong sáng là bản thể huyền nhiệm của Hải Cú, đưa tất cả cái tự nhiên của chân lý vũ trụ nhập vào thơ, nhều vào tri thức giác ngộ cho cục diện hữu hình hiện thân lên ngôn ngữ. Không lý luận, không gò ép, với

hình thức 17 âm sắc, càng ngắn càng tốt, để thể hiện cái không hư của đạo pháp, cái trung đạo giữa đạt ngộ. Thơ cứ tự nhiên nhập thể vào ngôn ngữ, như ảnh tượng xảy ra trong lý nghĩa của huyền đạo, không một ý kiến tha nhân mà chính người chiêm nghiệm sẽ đi sâu hay không vào ý nghĩa của thơ, tùy tâm thức sẵn có của mình. Nhật Chiêu, có bài *"Giấu Mình Trong Hương"* đăng ở Giác Ngộ số 74 tháng 5/2002, kính mừng Phật Đản PL 2546, có viết:

"Và mọi lý thuyết đều màu xám (Goeethe) như ý nghĩ của bài tấu sau đây trong Bích nham lục: "Lục Hoàn đại phu (một học giả Phật giáo thời Lục Triều) hỏi Thiền sư Nam Tuyền:

Tôi nhớ Triệu Pháp sư nói: "Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể. Kỳ quái thật!

Nam Tuyền chỉ bông hoa trước sân và đáp:

- Người thời nay nhìn hoa này không như hoa mà như mộng.

Thiền sư nhắc nhở học giả rằng hoa hiện thể như hoa, bao giờ cũng là hoa. Hoa có ở đây, bây giờ, trước mắt ta, với hương sắc diệu kỳ. Không cần ký luận, không cần giấc mơ.

Hoa có đây, bên hàng giậu:

Ta nhìn sâu xa

Bên hàng giậu nở

Cành Nazuna

Bashô

(Yoku mireba

Nazuna hana saku

Kakine hana)

Đấy là cái nhìn đưa ta vào tinh tổ của sự vật, niềm vui của sự vật, cái nhìn của Trang Tử trước những con cá bơi lội tung tăng dưới hào. Trang vui niềm vui của con cá và Bashô vui niềm vui của hoa.

Ta nhìn sâu xa

*Dưa nằm trong cỏ
Hé mấy nụ hoa
Shiki
(Yoku mireba
Kiuri no tsobomi ya
Kusa no naka)*

"Nhìn sâu xa" (*yoku mireba*) là cái nhìn thiên, một cái nhìn trong suốt, lắng đọng, như như. Cái nhìn đó "giấu mình" vào sự vật, lặn vào sự vật chứ không mổ xẻ, phân tích. Cái nhìn đó không cần gọi tên, không cần xếp loại:

*Trong cỏ xanh
Cành hoa không biết
Nở ra trắng ngần
Shiki
(Kusa mura ya
Na mo shiranu hana no
Shiroku saki)*

Những bông hoa giấu mình trong cỏ, trong hàng giậu, trong hương thơm, trong bóng trắng, trong sự vô danh. Cái đẹp của hoa chỉ hiện ra trong cái nhìn sâu xa của tình yêu. "

Sự diệu kỳ của Hải Cú Thiên học Nhật Bản đã là một bản sắc siêu tuyệt diệu tô cho văn hóa Nhật Bản nhập thần giữa thiên địa mệnh mông. Đó là một loại Thơ Thiên âm hưởng sâu sắc cái đạt ngộ siêu thoát, đưa bản thể vũ trụ hội nhập chan hòa trong cái tiểu vũ trụ thường hằng. Mà bây giờ từ một thành không, tan biến giữa tinh hoa tuyệt diệu của một thế giới vĩnh cửu như kinh sách dẫn chúng?

Bước qua một lối giữ hồn dân tộc như thơ lục bát ba câu của Nguyễn Tôn Nhan, anh cũng đã là một kỳ nhân trong nhập định với thơ. Xuyên suốt gần nửa thế kỷ chung sống với thi ca, Nguyễn Tôn Nhan thành công trong nhiều thi tập và tuôn chảy nhiều tư hướng sáng tạo với thơ. Đã từng bước đi trong ngõ sáng hóa, lập thuyết cho

thơ, nhưng cuối cùng qua 3 giai đoạn thơ của Nguyễn Tôn Nhan, anh lại nhập thể hồn Việt vào bản chất thơ lục bát ba câu, mà tôi tạm gọi là sấm thi. Bước qua giai đoạn ẩn dụ, Nguyễn Tôn Nhan đã như một *lão Trang Chu* lần thân bước vội trên nét vạch của hà đồ lạc thư, đưa thơ ba câu trở nên một thừa truyền, khoát vai dịu ngọt với những câu thơ của một *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm*, tiên đoán vận mệnh 500 năm trước và 500 năm sau. Hay một *Nostradamus*, lập dựng sự diệu kỳ không ai hiểu nổi, ảnh hưởng cả một vùng trời phương Tây, kể cả vùng Địa Trung Hải, đến nỗi sự say mê sấm *Nostradamus*, đã hoàn sinh tin đồn nhà tiên tri đang hóa thân ở Tây Ban Nha.

Thơ lục bát ba câu của Nguyễn Tôn Nhan, cũng đạt được tinh túy của một tân thi, làm mới câu thơ và thẩm nhập nét vạch liên vạch đứt của dịch lý, đã đưa đầy thơ ba câu của anh thành một loại truyền sai cho dịch lý phương Đông mà Trung Hoa là chính sử, mặc dầu còn chút hồn Việt Nam là lục bát chân phương.

Bước đến thơ *Chu Ngạn Thư*, tài hoa đã định sẵn bởi vì suốt quá trình nghiêm túc và khổ hạnh với thi ca, nghiệp chướng đã uơng đúc cho tâm anh một hồn thơ diệu vợi, mà mấy mươi năm trước tôi vẫn thăm thích thú thơ *Chu Ngạn Thư* trong những bài được giới thiệu trên tạp chí đương thời. *Chu Ngạn Thư* đã là một nhà thơ chứng kiến ngang tầm với sự trôi nổi của đất nước, kể cả với thi ca, sự lên voi xuống chó của đời thường chỉ là một bếp lửa cho anh hơ ấm lại những phong trần ngày tháng bám víu vào lẽ sống. *Chu Ngạn Thư* suốt đời vì bằng hữu nghĩa tình, vì thủy chung... Nên thơ *Chu Ngạn Thư* đậm đặc một nhân cách hiền giả, tạo được sự kính trọng của bạn bè văn nghệ đối với anh, đó cũng là lẽ đương nhiên thôi.

Lưu Vân có đem cho tôi một tài liệu dày về thơ *Haiku* Việt của *Chu Ngạn Thư*, tôi vội vã đọc nghiền ngẫm trong những thích thú riêng tư. Vượt thoát qua bao nhiêu ngày thử thách trong cuộc đời, tất cả kỷ niệm và sự sống đã dần trải dày đặc trong ý thức, đã khiến *Chu*

Ngạn Thư già dặn và logic hơn khi bước chững chạc trong một cách tân mới:

*Bờ kia ngàn dâu thắm
Trách chi đời huyền mộng cuối trời
Lá vàng đáo ngạn ư?*

Thơ hài cú là được cái huyền diệu đang vì vu ẩn tàng trong trời đất, sự bất chợt cô đọng trong ngôn ngữ chỉ là một cách hóa thân để giao truyền với nhân gian. Nên cái ý và cái tâm, phải chuyên chở làm một, hư nhiên tự tại để dễ thấm nhập vào bản thể đạo và đời. Chu Ngạn Thư cũng đạt được một thành công khá sâu rộng trong sự chuyển hóa này, chỉ có điều tôi thắc mắc là thơ Haiku Việt còn quá nhiều dấu hỏi. Chính vì vậy, cái mới của Chu Ngạn Thư sẽ thấm nhập vào sự thể hiện hữu, khác cái băng láng siêu thoát của Hải Cú Nhật Bản. Khiến Haiku Việt như đang là bước đường hóa thân của *Nho đạo*:

*Tên đồ tể múa đao
Tên làm thơ ngồi nhấp chuột
Tên nào sát sanh hơn?*

Hay:

*Muốn lấy đá thử vàng
Vàng dát mỏng chân đám hạc đình
Đá ngồi mài nước chảy!*

Chu Ngạn Thư đã thành công trong hành trình sáng tạo một cách tân thơ, giúp người đọc được ngồi dưới giàn hoa thiên lý, ngắm trăng và ngâm nga những tư khúc đầy tâm thức của nhà thơ. Đưa đầy thơ Chu Ngạn Thư lên thêm một phương trời tuyệt diệu và đầy tao ngộ với sáng hóa. Sự mơ ước và nguyện vọng của kẻ làm văn nghệ là được đứng bằng đôi chân và khối óc của mình, nên việc tạo tác

tìm tòi của nhà thơ Chu Ngạn Thư là một điểm chính khuất phục bạn bè.

Tôi thích thú nhiều bài Haiku Việt, 17 chữ của Chu Ngạn Thư đánh dấu một sự nắm bắt ngôn ngữ và tư tưởng một cách sâu sắc

*Không nghe rặng liễu than
Đèn câu thấp thoáng đuôi tâm mắt
Biển trầm nhất cô liêu*

*Lục bình hay nước trôi
Nỗi nhớ bỏ quên màu hoa tím
Bây giờ ở trời tây*

*Chiết cành hoa đang nở
Chiết chữ hết một thời son trẻ
Chưa đáng chân tiểu đồng!*

*Tiếng hát âm trong lòng
Ngọn núi vẫn xanh chiều mưa mù
Sắc và thanh dạ tưởng*

Chúng ta có quyền chờ đợi những hóa thân tuyệt diệu của nhà thơ, trong cái thanh khí uyên nguyên ngày càng thoát vị trong đời sống hôm nay...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
(Viết tại thư trang Quang Hạnh, Mùa thu 2009)

NGUYỄN TÔN NHAN



Nhà thơ Nhà biên dịch Nguyễn Tôn Nhan tên thật là Nguyễn Hữu Thành

Ông sinh năm Đinh Hợi (ngày 01/02/1948 tức 22 tháng Chạp âm lịch, Đinh Hợi tại Bắc Việt Nam.

Trưởng thành tại Nam Việt Nam. Làm thơ và viết nghiên cứu biên dịch

Ông mất ngày 28/tháng chạp âm lịch Canh Dần (16giờ30, ngày 31/01/2011), hưởng thọ 63 tuổi.

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA NGUYỄN TÔN NHAN:

- 1/ Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc.
- 2/ Từ Điển Thành Ngữ Điển Tích Trung Quốc
- 3/ Từ Điển Hán Việt Văn Ngôn Dẫn Chứng
- 4/ 100 Tác Phẩm Nổi Tiếng Nhất Của Văn Hoá Trung Quốc.
- 5/ 100 Nhân Vật Nổi Tiếng Nhất Văn Hoá Trung Quốc.
- 6/ Những Vụ Án Văn Chương Trong Lịch Sử Trung Hoa
- 7/ Dịch *Đạo Đức Kinh*

8/ Dịch *Nam Hoa Kinh*

9/ Dịch *Xung Hư Chân Kinh*

10/Lục Bát 3 câu (thơ)

11/Từ Điển Văn Hoá Bách Khoa Trung Quốc (năm 2000)

12/Nho Giáo Trung Quốc

13/Hoài Nam Tử

• Trên 30 quyển sưu khảo khác, và đặc biệt là tập thi phẩm **Thánh Ca** xuất bản 100 bản vào tháng 4 năm 1967.

Tác phẩm của ông, phần đông rất đồ sộ, thường dày trên dưới 2000 trang, ngoài ra ông còn được giới thiệu hơn 30 quyển sưu khảo khác. Nguyễn Tôn Nhan được biết đến như một nhà thơ nổi danh của văn học nghệ thuật miền Nam từ thập niên 60 của thế kỷ trước. Thi ca của Nguyễn Tôn Nhan thấm đẫm một nét huyền diệu của trời đất, từ những cái huyền hạo tiên thiên, đến một lối sống phiêu bồng của một đạo gia, Nguyễn Tôn Nhan đã sáng tạo ra một dòng thơ 3 câu, như một ẩn mặc thẳm trong cái cốt lõi huyền diệu.

Ngoài những tác phẩm lớn đồ sộ đã nêu trên, Nguyễn Tôn Nhan còn được giới thiệu trên 30 quyển sưu khảo khác, với một cật lực trong lao động miệt mài của một văn nghệ sĩ nghiêm túc trong mọi tình huống, dù đó là nghiên cứu, phê bình, sưu khảo hay trên bình diện thi ca.

CHU NGẠN THƯ



Nhà thơ Chu Ngạn Thư tên thật là Trần Văn Hùng, sinh tháng 4 năm Canh Dần (1950) tại làng Hưng Định, Bình Dương. Nhưng thế vì khai sanh, lại ghi tháng 4 năm 1951 tại làng Hưng Thịnh, tỉnh Bình Dương.

Ông khởi viết trước năm 1969, và có nhiều sáng tác được giới thiệu trên các tạp chí văn nghệ thời đó. Nhà thơ Chu Ngạn Thư được nhận định như một nhà thơ trẻ trong thập niên 60' thế kỷ XX, tài hoa và có nhiều bài thơ được biết đến trên văn đàn.

Năm 1969, học tại Trường Sư Phạm Sài Gòn, ngôi trường đào tạo nhiều văn nhân thi sĩ nổi tiếng cho thế hệ văn học trong thời kỳ chiến tranh vừa qua

Năm 1971, Chu Ngạn Thư tốt nghiệp và về dạy học tại Bình Dương.

Năm 1975, nhà xuất bản Con Đường của họa sĩ Ngý Cao Uyên, là một cơ sở xuất bản uy tín tại Cần Thơ in nhiều tác phẩm của văn nghệ sĩ đương thời, giới thiệu thi phẩm *Thơ Chu Ngạn Thư*, với bìa của họa sĩ Lê Triều Điền bằng họa phẩm Thủ Ấn Họa độc đáo.

Sau 1975, Ông về cộng tác với Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Bình Dương. Là một cột trụ tiêu biểu của văn nghệ tỉnh nhà, Ông có nhiều tác phẩm được xuất bản, tạo một phong thái mới cho thi ca, nhất là sáng tạo khuynh hướng thơ mới mà Ông gọi là *Haiku Việt*. Hiện tại, với hơn vài mươi thi tập Ông và bằng hữu thường xuyên ấn hành giới thiệu với văn nghệ, càng lúc càng biểu hiện một sáng hóa đặc thù cung hiến cho nghệ thuật.

Ông mất ngày 24.8.2020 tại Bình Dương.

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CHU NGẠN THƯ:

- 1/Thơ Chu Ngạn Thư (NXB Con Đường, Cần Thơ 1975)
- 2/ Khoảng Trời Mây Trắng Bay (thi phẩm in chung, Hội Văn Nghệ Bình Dương, 1999)
- 3/ Sau Lưng Đời Thường (thi phẩm, NXB Thanh Niên 2000)
- 4/ Chàm Khúc Tình (thi phẩm, Hội VHNT Bình Dương 2004)
- 5/ Trường Thơ Phủ Gốm (thi phẩm, Hội VHNT Bình Dương, 2010)
- 6/ Mấy Bước Chân (thi phẩm, 2012)

Ý NIỆM: THƠ VÀ TÂM LINH, CHIẾC CẦU SÁNG HÓA BẮC GIỮA ĐÔI BỜ HƯ THỰC CỦA TRIỆU TỬ TRUYỀN

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Bất chợt giữa một trưa hè, nắng cháy hùng hực đổ rạp xuống con đường hành hương về Thất Sơn, hàng hà bóng dáng tín hữu giao thoa khắp phố thị. Năm đó, hè 1966, tôi vác túi hành trang suốt lộ trình gió bụi bay về Bảy Núi, lòng mang nặng một hoài niệm quê nhà, cố xứ khôn nguôi... Hành trình chỉ đằng đằng không hơn 200 cây số đường chim bay, nhưng lòng nôn nao bước vội gót chân, dầm lên con đường làng đầy hoa cúc nở, vang dội tiếng chim rúc trên ngàn, thăm thẳm sơn lộ đầy khí thiêng cương thổ. Hình như, định mệnh vẫn là một thói nam châm cực kỳ nhạy cảm, mỗi thời khắc giao thoa quy tụ một từ trường trên bản mệnh, cho một đáp số quy hoạch vô hình định trước khởi đầu cho sự tương giao. Tôi vừa trút bỏ mớ hành trang còn vương vấn phong trần mà trên nếp áo còn đọng đầy tiếng đàn độc huyền của lão nhạc sĩ già mù bên phà Mỹ Thuận... Tâm tư thường xuyên xao động bộn bề âm hưởng chiếc mộc cầm, làm thi vị thêm không khí quy cố hương có gì man mác lạ thường... Bởi hạnh phúc quây quần cùng bạn bè từ thuở tấm bé cùng nhau cung cấp sách học lớp đồng ấu trường làng đến ngày trưởng thành hôm nay, vẫn mơ ước nhìn lại nhau mà rung rức kỷ niệm. Hè 1966, hoa phượng nở đầy phố núi, anh em quy tụ trong buổi trà dư tửu hậu, hùng chí đề xuất tập hợp trên tờ Hiện Diện. Một tập san trong quá trình đẻ nhiều tờ báo khác ra đời, mà sau này đúc kết lại thành tiếng nói văn học nghệ thuật miền Nam: Tạp chí xuất bản Khai Phá, vinh dự góp mặt với quê hương trong cảnh dầu sôi lửa bỏng của những năm 60-70, thế kỷ XX, đầy biến động chua xót lòng người. Anh em tập hợp bài vở, nhóm chủ trương có mặt Mặc Lan Hoài, Lưu Như Thụy, Hoài Ziang Duy, Mộng Linh, Uyên Linh và giao trách nhiệm bài vở cho Mặc Lan Hoài, Hoài Ziang Duy, còn phần trình bày Lưu

Nhữ Thụy đóng vai họa sĩ thiết kế... Tập san còn mang nặng tuổi học trò, nhưng những nét sáng hóa thì rực rỡ vì chịu ảnh hưởng rất nhiều của phong trào văn thơ cách tân ở thủ đô, nhiều nét phá cách, mà phong trào triết học Phạm Công Thiện, thơ tự do Thanh Tâm Tuyền, và ồ ạt tiếng nói hippy Tây Âu tràn vào làm chìm ngấm nét cổ điển của nghệ thuật quê xưa... Tờ Hiện Diện được thực hiện khá vội vã, nhanh chóng cho kịp sắc hè... Dù có thông báo qua thư từ để mời mọc anh em, nhưng ở thập niên 1960 đường sá, xe cộ thật khó khăn, giao tế văn thư cũng chậm chạp một cách đáng sợ. Tôi nhớ thật rõ, khi tập san Hiện Diện in gần xong, còn chờ đóng bìa để nộp bản và phát hành, thì anh em nhận được một phong bì có thơ của Trần Hồng Nhan (tức Nguyễn Tôn Nhan) và Triệu Cung Tinh (tức Triệu Từ Truyền)... Thơ Nhan có vẻ mang nặng không khí của Ngày Sinh Của Rắn của Phạm Công Thiện, mà những năm sau này tôi mới được biết là trích trong thi tập Thánh Ca, làm bật dậy tên tuổi của chàng thi sĩ 20 tuổi này, có nét tuyệt diệu bước đầu trong thi ca hiện đại. Và, một bài thơ của Triệu Cung Tinh, bày tỏ thiên kiến phản chiến cùng cực, ở giai đoạn văn nghệ tuổi trẻ khắp nơi hình như cũng chung một lập trường như thế với khói lửa quê hương. Thư đến trễ khiến cho hai nhà thơ mất dịp góp mặt tao ngộ. Tuy vậy, Hoài Ziang Duy nhanh trí dành phần thư tín trang chót tờ báo, nhắn tin cho Triệu Cung Tinh, Trần Hồng Nhan và Từ Kế Tường với kỳ vọng được các anh chung vai trong số kế tiếp. Nhóm ba nhà thơ này, năm 1966 cũng đã xuất bản chuyên san thơ Bộ Lạc Mới. Anh em còn trẻ hăng say hoạt động văn nghệ và chính kiến được phân định, nên hầu hết đều quen biết tên tuổi nhau, mặc dầu chưa tương kiến. Điểm tuyệt diệu là ở đó, mà không thời điểm làm văn nghệ nào có được. Hình như, Hoài Ziang Duy đã nhiều lần liên lạc với Nhan và Tinh, nên biết khá rành rẽ các bằng hữu ấy. Tôi có hỏi Hoài Ziang Duy về các bạn, để nắm bắt rõ ràng chờ dịp tương ngộ. Vì riêng tôi từ năm 1964 đã tách bước phố núi bay về cư trú tại Sài Gòn để học hành. Sự ngẫu nhiên

thật ra theo tôi cũng là một định số, để tâm thức anh em có một dấu ấn chan hòa trong niềm hạnh phúc tâm giao của nghệ thuật. Trong 3 nhà thơ Triệu Cung Tinh, Trần Hồng Nhan và Từ Kế Tường, năm 1966, hình như chỉ có Từ Kế Tường là tôi thường xuyên quen tên, vì Từ Kế Tường thường đăng chung với tôi trên Văn của ông Nguyễn Đình Vượng và Trần Phong Giao, tuần san Nghệ Thuật của nhà văn Mai Thảo và Viên Linh... Triệu Cung Tinh là nhân đáng tôi mù mờ trong suốt thời gian trước 1975, chỉ thỉnh thoảng đọc được vài bài thơ của anh trên báo chí Sài Gòn những năm 1960 – 1970. Thật ra, Triệu Cung Tinh cũng đã xuất bản được 2 thi tập Tình Phượng 15 (năm 1962), Đêm Lên Con Dài (năm 1965). Trong 3 nhà thơ, suốt gần 40 năm nay, người tôi thân thiết nhất, qua lại trao đổi văn chương hầu như chỉ có Trần Hồng Nhan (Nguyễn Tôn Nhan). Cung cách trân trọng nhau trên các bước đường phiêu du khiến chúng tôi gặp gỡ nhau trên các tạp chí Khởi Hành, Văn, Thời Tập...

Bắt đầu từ ngưỡng cửa 1975, băng đi thời gian hơn 10 năm sau đó, tôi vẫn tiếp tục đóng cửa thư trang, âm thầm sáng tác nghiêng hẳn về nghiên cứu Y học, và đặt trọng tâm về biên khảo văn học nên phần thi ca ngày càng một thưa dần. Dù vậy, sự tiếp xúc với anh em văn nghệ xa xưa vẫn là một cầu nối không thể thiếu, hình như trong máu thịt vẫn còn vương vấn hơi thở sáng tạo cho nhau. Nơi hội tụ bằng hữu thường gặp, là tụ điểm 6C Tú Xương, Quận 3 và quán rượu bên lề của Triều Uyên Phượng, anh em đủ các bộ môn thi văn nhạc họa... gặp gỡ chỉ để đun ấm lại tâm hồn. Thỉnh thoảng sự họp mặt tình cờ này, có hiện diện của Triệu Từ Truyền (Triệu Cung Tinh), đáng đáp thanh thản, từ tốn, nghệ sĩ đầy điệu nghệ, chan hòa với bằng hữu. Qua đầu năm 1990, thỉnh thoảng thơ Triệu Từ Truyền xuất hiện nhiều trên vài tạp chí trong nước, nên những dịp gặp nhau là sự cần thiết như một thứ dưỡng khí đặc cách cho nhau. Trong hiện thực đời sống sự kỳ diệu đậm nét có lẽ chỉ có ở môi trường văn nghệ, với sự hóa thân say mê như nét thánh hóa đã tạo một sự bền bỉ không

ngờ trước được. Năm 1986, Triệu Từ Truyền bước rạng rỡ trở lại văn nghệ, bằng sự ra mắt tập thơ Bên Dòng Măng Thít do Hội Văn học Nghệ thuật Cửu Long ấn hành. Triệu Từ Truyền trở lại bằng thi phẩm trên sau hơn 20 năm ẩn hình, và bỗng chốc hình ảnh nhà thơ rạng rỡ tinh quang. Tháng 8 - 1990, tôi và Nguyễn Thụy Long, Trần Hữu Dũng, Lê Thị Kim, Bùi Chí Vinh, Nguyễn Quốc Chánh tụ họp tại 81 Trần Quốc Thảo, giữa cơn mưa trưa muộn lất phất đầy thi vị. Bất chợt Triệu Từ Truyền đeo Nguyễn Tôn Nhan quá bước, vai áo còn nặng từng hạt mưa rơi. Nguyễn Tôn Nhan tươi cười giơ tay chào và kéo Triệu Từ Truyền sà vào góp mặt. Vẫn cái thần khí điềm đạm, đĩnh đạc, hai nhà thơ hồn nhiên chìm lắng vào cơn say mộng thực của mọi người. Triệu Từ Truyền ngồi cạnh tôi, với tay mở cặp tặng anh em thi phẩm Dật Dờ Trong Sương vừa mới xuất bản. Giai đoạn sáng tạo tuyệt vời nhất là được trưng bày nhân dáng tác phẩm bằng tất cả sự trân trọng hạnh phúc, *dù đã qua bao bối cảnh khó khăn, nhưng khi đã tượng hình thì phải bùng lên rực rỡ ánh mắt, vượt qua bao bầu khí quuyền thiêu đốt vì mỗi kiếp sống trên hành tinh, hạnh phúc nào cũng lớn lên trong niềm khổ ải, đón đau, để tưởng nhớ rằng mình tồn tại một đời riêng.*

Hơn 20 năm đọc lại tập thơ Dật Dờ Trong Sương trong khoảng thời gian vừa được "mở" của một xã hội mới, phong cách mới mà hình như đã đưa thể sự du nạp vào một vòng chu luân quay cuồng, không biết đến ngày nào thích hợp nảy mầm. Giai đoạn này Triệu Từ Truyền làm người nhận định phê bình, và phong thái thơ anh cũng đổi mới. Sự mờ ảo của một lễ sống, một nhân dáng kiêu hãnh bước đi trong ý thức dân tộc, có riêng một thời khắc đấu tranh nên cái cương hầu như lẫn át cái nhu. Thì Dật Dờ Trong Sương đã đưa đẩy một bóng dáng, một tâm hồn của một người thơ trở lại bản năng điệu vơi tràn đầy kỷ niệm... Hình như, hơi thở và thần khí sáng hóa trong thơ Triệu Từ Truyền vẫn mang đầy kỷ vãng, của dòng thơ

Triệu Cung Tinh ngày nào. Nhà phê bình văn học Hoài Anh nhận định:

"Truyện Kinh Kha thời chiến quốc nhắc đến 3 loại người: loại người khi giận thì mặt đỏ, loại người khi giận thì mặt xanh, loại người khi giận thì mặt trắng. Tôi bắt gặp liền tưởng tới thơ cũng có 3 loại nhà thơ: nhà thơ làm thơ bằng Tình, xuất phát từ sự rung động của Tâm, nhà thơ làm thơ bằng Khí xuất phát từ sự sôi sục của Huyết, nhà thơ làm thơ bằng Tài, xuất phát từ sự Sáng tạo của Trí. Đọc những bài thơ của Triệu Từ Truyền... tôi nghĩ anh làm thơ bằng Khí là chủ yếu. Cái Khí ấy đã được nuôi dưỡng trong tâm hồn bao thế hệ người phương Đông kể từ cái thuở Kinh Kha hát trên Sông Dịch" và hơn nữa, Hoài Anh lại cho rằng đọc thơ của Triệu Từ Truyền khiến ông nhớ đến thơ Trần Huyền Trân, cái khí phách ngang tàng, niềm uất hận, dồn nén trong thơ có nét cổ phong, nhưng mang cốt cách trượng phu phong kiến. Mà cái Khí của thơ Triệu Từ Truyền lại mang âm hưởng siêu hình, tượng trưng...

Dật Dờ Trong Sương là vậy, những năm 1981 – 1990 còn bao quát ngày trở lại của một đêm sương khiến thơ Triệu Từ Truyền chung thủy với cốt cách sôi sục của Huyết, là một người thơ trong 3 loại người thơ, mà anh là một thi sĩ làm thơ bằng Khí. Tôi nghĩ sự phán đoán của nhà phê bình văn học Hoài Anh có một ý nghĩ chân phương trong một giai đoạn thơ, nối tiếp thời trai trẻ của một Triệu Từ Truyền, ông phán đoán một cách chân thật, đầy tâm huyết cho giai đoạn thơ Triệu Từ Truyền tới năm 1990, mà ông nghĩ là hồn nhiên đến ta có một cảm giác lạ: *nổi liền quá khứ – hiện tại trong một dòng máu, một hơi thở cùng trong một cơn cuồng nộ trước những gì xúc phạm đến tự do về phẩm giá con người, nỗi đau trước nhân tình thế thái cũng như niềm tin bất tận vào bản tính người...*

Sự nghiệp văn học của nhà thơ vẫn còn dài dằng dặt trước ngõ tới. Chính vậy, những tác phẩm sáng tác tiếp theo từ 20 năm nay, đã nối tiếp những gì quá khứ của tuổi trẻ và sự chân thật đã đưa thơ

Triệu Từ Truyền sôi sục của Huyết mà thơ được thai sinh bằng Khí mang nặng chất người. Nói rõ hơn, Triệu Từ Truyền đã đi đến một thái cực, đỉnh điểm trong thơ anh đã chuyển sang một phong thái tượng trưng đầy nét tâm linh. Đó là bước chuyển mình để bước vào một khuynh hướng mới, khiến Triệu Từ Truyền ngập lặn trong một triết thuyết nặng đầy tư hướng suy tưởng, vượt thoát khỏi sự hời hợt của những thi tập cũ. Năm 1998, khi Triệu Từ Truyền tặng tôi tập thơ *Va Chạm Hư Không*, với một họa phẩm của Bửu Chỉ, thì thơ anh đã có sự chuyển biến sang một hướng đi đầy dịch lý, mang đến cho đời một tư hướng một quan niệm mới trong thi ca, khiến thơ Triệu Từ Truyền có một âm sắc đầy vẻ bay vút làm tan băng giá tình cầu, như anh thổ lộ, *âm thanh cháy xanh bắn từ lửa đá, lặn vào tim trôi cháy hạt hồng cầu*. Mà tiếng hát dội vào thành xưa, của 4000 năm qua, thành lũy Phù Nam ngập dưới rừng già. Hình ảnh của một ngôn ngữ, dựng lên một hoạt cảnh đầy tiếng dội thiên cổ. Triệu Từ Truyền vẫn nói về *mưa phố, ngược dòng, bông hồng trên biển, cao nguyên cuối thu, Sài Gòn - tôi, chiều Paris...* nhưng cùng một bình minh, mà mỗi hoàng hôn đều khác. Thơ Triệu Từ Truyền lại mang biến đổi dịch lý, mang dáng dấp một phát biểu đầy ngã triết, buộc trối tâm linh kiếp người lơ vụn, xâu lại lời ca thành chuỗi hạt ưu phiền. Cái mới trong tập *Va Chạm Hư Không* là đưa thơ về một ngõ thẳm ngoạn kỳ xảo hơn, như một vật phẩm cung hiến ngày càng tinh xảo, làm bật lên cung điệu xa vắng, điệu hoặc. Cùng lữ hành bước vào Tình Ngữ Hành của tập *Va Chạm Hư Không*, ta sẽ thấy rõ ràng hơn 5 hành:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ trong 5 đoạn thơ Triệu Từ Truyền, mà nhà thơ muốn bày tỏ một ngữ triết như một con chim lạ hót vang 5 phương Đông Tây Nam Bắc Và Trung Ương hành Thổ:

TÌNH NGŨ HÀNH

em ẩn vào dao cau
bén mắt tình sắc ngọt
rền trong lửa chiêm bao
kết tình trong muôn một

em hiện ra chồi xanh
chân chim gõ rung cành
sớm nứt mình ló nụ
đêm giao thừa trao anh

em nổi giữa lục bình
ôm hoàng hôn bên mình
uống no dòng trong đục
nở tím hoa lênh đênh

em chìm trong đáy lửa
giống mỗi đầu que diêm
anh quẹt sáng một nửa
sợ lòng em ó lem

em trốn sau trang đời
giống mỗi từ chưa viết
hơi em lên chân trời
đất trào dâng cuồng nhiệt.

Đoạn 1, bốn câu thơ ngũ ngôn, tượng trưng cho hành KIM

Đoạn 2, bốn câu thơ ngũ ngôn, tượng trưng cho hành MỘC

Đoạn 3, bốn câu thơ ngũ ngôn, tượng trưng cho hành THỦY

Đoạn 4, bốn câu thơ ngũ ngôn, tượng trưng cho hành HỎA

Đoạn 5, bốn câu thơ ngũ ngôn, tượng trưng cho hành THỔ

Vì nét sáng hóa trong từng thi tập của Triệu Từ Truyền, khiến cho anh càng lúc càng sáng trong nhiều cái nhìn trong thơ và vạn vật. Chính vậy, tôi đồng ý với nhận xét của nhà văn Cung Tích Biền như sau:

Tôi đã đọc những bài thơ của Truyền lúc anh 18 tuổi, 1965. Hồi ấy, tình anh đã phát sáng nhưng nhẹ nhàng, hiền hòa, mang âm hưởng cổ điển, khí lực lục bát. Thế giới trong trẻo tình yêu của cậu vòng vọng ảo; nó có mơ hồ khắc khoải nhưng chưa đậm tính siêu hình. Hồi ấy anh đã có ý thức bay trong chữ nghĩa, ngây ngất ý tưởng phục sinh, nhưng chưa định hình rõ rệt là một thái độ đánh trả những nan vấn. Anh là một tin vui cho thơ, bấy giờ ta còn phải chờ đợi. Đến hôm nay - hơn 30 năm trôi qua... Triệu Từ Truyền đã ý thức vươn tới, luôn khắc khoải làm mới triệt để từ bỏ mình, tự hủy để hóa thân cùng chữ nghĩa. Tâm thức này thể hiện triệt để các tính cách tận hiến nơi người làm nghệ thuật: lỏng lẻo bày ra cái thế giới bằng lăng trong sạch, thoát ly thần khí của chính nghệ thuật. Nó chứng tỏ thơ Truyền có tiến trình. Không hành hương quanh co về chốn cũ, dù đó là đền đài miếu tự của thơ. Anh thành thơ trung hòa giữa tình và trí, mộng và thực một cách rất hồn nhiên...

Đêm rất khuya mà nắng rất lạ, một vùng sáng hồn nhiên của Va Chạm Hư Không. Vườn nhà tôi đang tỏa hương, một xuân dạ

CUNG TÍCH BIỀN

(Trích tựa tập tuyển thơ Triệu Từ Truyền, chuyển sang Pháp Ngữ, tháng 3/1999)

Triệu Từ Truyền đã bước đi trên nhiều ngõ ngách kỳ diệu của Thơ. Nhà thơ đã có những kỷ niệm cho hướng tiến bộ hiện đại và cho thơ hướng đi sâu rộng trong những thi tập được xuất bản song

ngữ, giới thiệu được ý hướng mới cho người đọc... Lĩnh vực đang hướng tới, Triệu Từ Truyền bước qua nhận định, sáng tạo lý triết và lập thuyết, với nhiều tác phẩm nhận định về văn học hiện đại, như tác phẩm Tương Tác (NXB Văn Học, 2005), Những Chữ Qua Cầu Tâm Linh (tiểu luận, tản văn/ NXB Văn Học, 2008), đã nâng bước đi của nhà thơ, nhà văn hóa Triệu Từ Truyền bằng một sự dâng hiến cho Thơ và Tâm Linh, chiếc cầu sáng hóa bắc giữa đôi bờ hư thực vậy...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Viết tại Thư trang Quang Hạnh

Tháng 5/2011

TRIỆU TỪ TRUYỀN



Nhà thơ Triệu Từ Truyền tên thật là Triệu Công Tinh Trung. Ông sinh ngày 09 tháng 4 năm 1947 tại Sa Đéc, Đồng Tháp.

Thời gian trước Triệu Từ Truyền sống, đi học, làm việc tại Sài Gòn từ năm lên bảy đến nay.

Năm 1962, Triệu Từ Truyền đã in tập thơ đầu tay vào tuổi 15 (*Tình Phượng 15*), và tập thơ thứ hai vào tuổi 18 (*Đêm Lên Con Dài*).

Ông có nhiều thơ đăng trên các báo văn nghệ của Sài Gòn với bút danh Triệu Cung Tinh vào những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX.

Giai đoạn này, Triệu Từ Truyền phụ trách trang văn nghệ bán tuần san Vùng Lên (Hội đồng Thanh niên Học Sinh, Sinh viên)

Và Chủ biên đặc san Học Sinh (1964-1965), nguyệt san Đất Đứng (1965), chuyên san thơ Bộ Lạc Mới (1966).

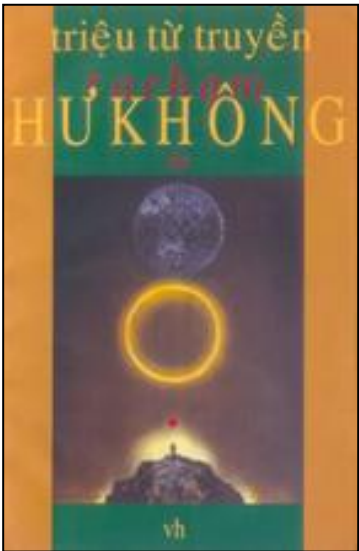
Sau 1975, Ông phụ trách và chủ biên các tạp chí Bông Trang của Hội Văn Học Nghệ Thuật Tỉnh Sông Bé (1991 - 1992), Chuyên san thơ Gieo & Mỡ (NXB Đồng Nai -1995), Kiến Thức Phổ Thông (1988), Nguyệt san Giáo Dục (2002- 2003) và Trưởng ban biên tập nguyệt san Dân Trí thuộc Hội Khuyến Học Việt Nam (2004).

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA TRIỆU TỪ TRUYỀN:

- 1/ Tình Phương 15 (TXB, 1962)
- 2/ Đêm Lên Con Dài (NXB Bộ Lạc Mới, 1965)
- 3/ Dòng Măng Thít (Hội VHNT Cửu Long, 1986)
- 4/ Dật Dờ Trong Sương (NXB Văn Nghệ TP. Hồ Chí Minh, 1990)
- 5/ Mảnh Vỡ Hồn Nhiên (NXB Trẻ, 1994)
- 6/ Va Chạm Hư Không (NXB Văn Học- Hà Nội 1999)
- 7/ Tuyển Thơ (song ngữ Việt – Pháp, NXB Trẻ 2001)
- 8/ Tương Tác (truyện dài, NXB Văn Học 2005)
- 9/ Mặt Cắt Cõi Ngoài (NXB Thanh Niên, 2006)
- 10/Những Chữ Qua Cầu Tâm Linh (tiểu luận, NXB Văn Học 2008)
- 11/Lục Bát Triệu Từ Truyền (NXB Hội Nhà Văn, 2009)
- 12/Tuyển Thơ (song ngữ Việt- Anh, NXB Trẻ, 2010)
- 13/Tương Tác I, II (tiểu thuyết, NXB Hội Nhà Văn 2013)
- 14/Hạt Sứ Giả Tâm Linh (thi phẩm, NXB Hội Nhà Văn, 2015).

Ngày 05 tháng 05 năm 2015, ông tổ chức ra mắt thi phẩm *Hạt Sứ Giả Tâm Linh*, giới thiệu phong cách mới mà theo ông sự sáng tạo từ cảm hứng vũ trụ trong thiên hướng sáng tác cách tân cho thơ. Triệu Từ Truyền bộc lộ sự hòa đồng vào những phát kiến vũ trụ như hạt cơ bản thuyết lượng tử, thuyết tương đối của A. Einstein và bắt nguồn từ hạt tâm linh trong ý niệm của Goethe, giúp Triệu Từ Truyền sáng tạo mới trong *Hạt Sứ Giả Tâm Linh* qua tri thức và tâm thức. Ông phát biểu, muốn tha nhân nhận ra rằng, bản chất – vũ trụ phải thoát khỏi những cái duy của duy vật hay duy tâm mới không còn sự đấu tranh xung đột. Theo nhà nghiên cứu Nhật Chiêu, thi nhà thơ Triệu Từ Truyền đang bước vào một tạo tác hơn phối giữa vũ trụ với thơ, vật lý với thơ... Điều sáng hóa như vậy, từ lâu người nghệ sĩ đều dốc hết tâm trí sáng tạo, là một vinh hạnh cho bước tiến hóa của nghệ thuật, mà hơn nhiều thế kỷ nay lũ lượt xuất hiện nhiều cách tân cho thi ca, gần

đây nhất là tân hình thức...Thời gian là môi trường định vị rõ ràng cho sự tử sinh của vạn loài vậy!



BÌA SÁCH TRIỆU TỪ TRUYỀN

GIÓ CUỐN ĐI ĐỂ GIÓ CUỐN MÃI ĐI, NHÀ THƠ MÃ LAM VÀ DẤU ẤN SÁNG HÓA TỪ TRƯỜNG CA 1 TÌNH THƠ TRẢI NGÀN MÂY NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

I.

"Tôi vẫn gập cỗi lòng dấu vết nhớ/ Một mùa trăng tin về cứ lững lờ/ Bước chân đi vẫn còn đau quay lại/ Để tâm hồn cháy mãi một giấc mơ". Bước vội vào phong thổ tình thơ của nhà thơ, quả tình ngôn ngữ và phong thái sáng hóa thi ca đột biến một cách khác thường. Tôi có ảo giác đang trôi dạt trong một thế giới *ngôn ngữ* riêng biệt, khác với nhiều trường phái thơ đang hiện hữu. Những thể hiện trong dòng thơ với *chữ thơ*, như lưu diễn trong một tâm thức biểu tượng tuôn tràn không thể ngưng lưu. Cứ thế, người vẫn đưa nỗi nhớ từ tiềm thức hoá chuyển vào mạch thơ rào rạt liên hoàn.

Cung cách liên kết ngôn ngữ thành chuỗi, một cách ngẫu nhiên mang nhiều tư tưởng bộc phát theo hoá tính kỳ thú. Thơ đi với con chữ mang nhiều tính phong thổ, nên tạo dựng cho tư tưởng lạ hóa thân trong thơ:

*Trong góc đời đầy vui lời thề thốt
Trong đêm buồn gương vỡ khuất bóng người*

.....

*Đá kết tình chỉ mong em giây phút
Đá mềm lòng lỏng lẻo dấu giày ai
Đá cản mây hoen sầu in nước mắt
Đá lặng thâm phôi mưa nắng tình phai*

.....

Sông Ngân tắt tôi đóng băng môi nhạt

Xa nghìn trùng vất vương công niệm đau
(Chương 1: Trái tim lửa chẳng còn)

Hành trình đưa ý tưởng vào trường ca, những bất chợt bước theo từng câu thơ trôi nổi bồng bềnh như cánh mây bất định. Cảm tính theo suy tư trong thơ của người thơ, nhiều lúc đưa đẩy khách quen cũng phải chợt trầm lắng suy tư. Có lẽ những bất chợt có đó, phải chăng hướng đi của thơ đã tạo nhiều ý hướng biểu tượng, "*Hình bóng em tôi nuối mãi màu sương*", hay hoang vu như một trần tình, như một họa phẩm đầy ma thuật "*Gió khuất khúc thổi tóc tình lạc kiếp/ Ngày tận yêu tôi chỉ biết có em/ Ngày từng ngày uống tình nồng vẫn khát/ Gió cuốn tung hương tóc khét vẫn thêm*"

Những phi lý trong cơn khát của cuộc tình, thơ cũng vương vất trong những phân cảnh thật kỳ diệu. Chính vậy, mọi cảnh vật chung quanh hình như cũng tự nhiên bằng lòng hóa thân theo tâm hướng, mà nhà thơ đang "*sắm cuồng điên ghen tị mảnh tình em*". Sự thống thiết trong đời thường, là vết nhớ vẫn tạo nên nhiều từ trường đưa tình thi nhuộm đầy sắc màu trong cõi nhân gian.

*Trời hùng vĩ cát bụi ngàn thế kỷ
Cho một ngày chúng mình hết tình yêu
Rừng cây nến bùng cháy tàn hạnh phúc
Đốt xanh xao chẳng ấm áp bao nhiêu*

.....

*Còn bao lâu từng đêm đau buốt giá
Kiếp đơn côi đường gian dối trao nhau
Sóng Ngân tắt tôi đóng băng môi nhạt
Xa nghìn trùng vất vương công niệm đau.*

(Chương 1: Trái tim lửa chẳng còn)

Tình trường cứ tưởng như một cuộc thể hiện đương nhiên, với kết quả tương xứng trong hạnh phúc hay trong khổ đau. Chính vậy, khi nhìn quanh mình dấu chân cơn mê in trên vệt cỏ, để nghe từng đêm hiu quạnh với men say. Hình ảnh gió hoang vu thổi buốt đêm thâu, với cơn mê tình *nứt vỡ òa*, thơ thể hiện như những tia chớp đột nhiên và khoảnh khắc theo cơn mê hiu quạnh quanh mình, để thăng thốt trong bất biến:

*Nỗi thống khổ về trong đêm gió lạnh
Sao cuối trời nhìn mây phủ xác xơ
Đã mấy lần nước mắt tràn mấy phiến
Bàn tay em nắm chặt dấu bơ phờ*

*Tóc mây tôi mang màu trời u tối
Thôi chào em nghe mấy giọt long lanh
Cứ hờn ghen để ngàn sao rơi rụng
Cứ bụi ngùi cho thành quách mong manh*

(Chương 1: Trái tim lửa chẳng còn)

Những giây khắc bằng hoàng nổi nhớ bên lời thề dưới tán lá xanh, những tư thức vụt trôi về trong "*Tình u mê tôi là gổ con đau/ Đời lạnh cam mai một kia về sáng/ Nhìn sau lưng ánh mắt buốt lên màu*" ...Người thơ nhiều lúc đưa thơ ngập ngựa trong một ý thức mê hoang, tỉnh mê trong bóng tối mệnh mông, với cách vắt máu tim mà xót xa bên những "*Lời trời trắng bước chân mòn thành vết*", mà cô độc một mình với "*Tôi lắng nghe trái tim lửa chẳng còn*" ...

Như tạm kết thúc một chặng đường tình, suốt cuộc lưu hành *tìm dưới trăng nghe tình đau màu lá*, rõ ràng là như *trái địa đàng chín nẫu*... Thơ thể hiện như một chặng đường kết trái, khi người loanh quanh trên bước chân đời nhóm lửa trái tim xưa:

*Tìm dưới trăng nghe tình đau màu lá
Trái địa đàn chín nấu bàn tay thon
Hận cuộc đời hàng cây xanh gầy guộc
Tôi lắng nghe trái tim lửa chẳng còn.*

(Chương 1: Trái tim lửa chẳng còn)

II.

*"Tôi mở cửa đếm hoa nào vừa nở / Như thuở tôi lẽ đẽo xin chút
mây / Bao nhiêu năm lang thang hương thơ đại / Cõi đời đau tình
vời cạn rồi đây"...*Bước thêm một đoạn đường hoàn lưu, mà con
đường về qua ngõ thời gian, dĩ vãng trôi nhanh đánh mất dấu lưu
sinh. Mây rơi về vườn xưa, khách phải níu ngàn trùng nhìn lại những
giấc mơ chìm khuất... Những câu hò quê xưa, có con đò lưu sinh
trong ánh mắt, có bóng dừa day dứt, có vệt bóng oai hùng in trên mặt
đường. Những ý tưởng mệnh mang như sóng, lạ lẫm với màu môi
*"Hát trên cành sương ướt lạnh vai tôi/ Xưa có em cõi đời đâu có
quạnh "...*

Mở đầu cho chương 2, đầu tiên thơ hình như phô diễn nhiều
khung cảnh tạo dựng nên bi khúc mới cho tình thơ? Sự bất chợt bước
qua một đoạn đường hoang phế, thơ bỗng chuyển sang một tư khúc
đầy cảnh trí vô thường, mây rơi về vườn xưa, mà tay trắng đầu rỗng
vô mưu tôi níu lấy ngàn trùng:

*"Bao con kênh thao thức những giấc mơ
Héo ánh đèn dòng người thò mưa trắng
Nát con đường tôi là bước bơ vơ*

.....

*Gót chân tôi dấu chim mãi khuất ngàn
Rồi muộn phiền sẽ nhạt nhòa theo sóng*

Từ ngàn năm khoảnh khắc sụp phai tàn"

(Chương 2: Tình thơ xót xa xưa)

Núi ngàn trùng với quê xưa, con đò và vết hằn trên dặm trường, nhưng tất cả cũng lặn chìm vào màu mắt, không thoát khỏi *niệm tưởng* băng khuâng của một thời. Một thời, màu môi còn vương vấn hát lạnh trên sương lạnh, vì vậy thơ phát khởi một cách đầy sóng âm nuôi tiếc vọng về quá khứ của một thời để nhớ "*Xưa có em cỡi đời đâu cô quạnh*". Bên cạnh tư hướng giấc mơ *thiên*, lại khuấy động trước lời tuyên ngôn dựng ngày, trên da người vàng vọt, bên bóng cờ khuấy gió ở con đường chung nhân sinh: gã thư sinh trầm ngâm bên chiến tranh (chiến tranh đồng loại, hay chiến tranh bản ngã?). Từ đó, mới có những nghi vấn trên *drama* tình trường "*Tôi nhớ người quần quai đếm hoen mi*" hầu như chỉ để bàng hoàng bên giấc mộng du tình:

"Đụn mây xám thênh thang ngựa tung vó

Bay trên đầu cuốn tóc rối mộng mơ

Nghe nỗi đau im lặng chân trời đỏ

Vách đá xưa khi phách giấc ngủ mờ

.....

Ôi chiến tranh xin ngủ yên dĩ vãng

Ngồi trong đời em khóc chút hồn nhiên..."

(Chương 2: Tình thơ xót xa xưa)

Có gì khác biệt những lập luận hoang vu giữa cơn say, mà những liên tưởng trải rộng trên tiềm thức và nỗi nhớ? Từ vật vờ trong lòng sông nước cũ, mà đưa nỗi buồn xé rách mái chèo xa? Quả thật, thơ đang trải bước trên một dặm trường mệnh mang. Sự liên tưởng như tiếng hú dài trên vách đá, người làm thơ dấn dặt băng qua nhiều ngõ ngách trong sự liên tưởng, dẫn dắt từng câu thơ bộc phát không

kiềm hãm được. Cứ như thế, tư liệu từ trái tim cứ hồi thúc vang động, bằng bất lan truyền về ngõ tối, mà người thơ cũng biết rằng: "*Chiều băng khuâng nghĩ trán bóng xót xa/ Con đau lên mây luồn qua nỗi nhớ*"... Và ở cuối bóng nắng, *tay tôi bới kỷ niệm lên nhàu nát, khóc cho tình hương hoa chết góc thêm...!*

Trường ca của kẻ si mê thì trường lưu, mà người đưa thơ vẫn mệnh mang trong nỗi ray rứt.

Cứ tưởng tượng hồn người bạc mệnh, như *chim lẻ đàn hoàng hôn chết rừng sâu*, mà ôm vội nhân gian, tha thiết:

*"Nắng vội vàng vườn xanh em nắp kín
Vượt ra ngoài niềm vui tôi mong manh
Sau đây đôi hoàng hôn về bên đó
Tôi tìm em như bướm lạc vào tranh*

*Tình tôi thiếu đôi mắt em nồng lửa
Tình tôi thừa cay đắng cùng xót xa
Tôi cố ghi kỷ niệm thom dai đắng
Đắng đắng môi tình tàn rữa trong hoa*

(Chương 2: Tình thơ xót xa mưa)

Hình ảnh thống thiết như thế được nhấn mạnh lập đi lập lại. Phải chăng như tạo dựng điệp khúc, chan hòa trong nét điệu tàn của tro tàn... Quang quả cuộc tình cùng tiếng thét không lời hòa quyện, tan vỡ âm thầm trong không gian. Sự đối lưu có phải gây dựng, chú ý như một hương khói về lời thở than khúc chiết. Trầm thống như khói thạch anh, bỗng nhiên tan rã trong cơn bão lửa chột đến:

*"Nét điệu tàn như ngôi nhà vừa cháy
Tôi tan theo gió cuốn khói lên trời
Để lại đời tro tàn cười vũng nắng*

Để lại tôi tiếng thét vỡ không lời

.....

Chân giang hồ từng bám bụi đỏ bay

Không còn ai đợi chờ tôi nơi cuối

.....

Bên bờ kia tôi uống cạn cơn mê

Ngồi những ngày vời xa nhìn mây trắng

Từ vườn kia tôi đếm dấu đi về..."

(Chương 2: Tình thơ xót xa mưa)

Hành trang mang theo chuyến lãng du, có tình thơ đã thả theo ngàn mây, có tôi tìm tôi trong xương, trong máu lạnh. Ngõ ngang một chút hương. Mong cuối mắt có lời riêng của nắng. Mong đêm mưa vắng giữa con đò. Thời gian vụt thoát, mười năm từ già một giấc mưa như một định mệnh.

"Tôi muốn đập con đò chở ký ức

Tôi muốn đào ngọn lửa trong gió trưa

Tôi muốn lừa mặt trời yêu đang cháy

Vào con tim trống rỗng nhạt nhẽo thừa

Ừ thôi em cứ vui vầy cùng gió

Ừ thôi em cứ ngày tháng say sưa

Ừ thôi em cứ xa xôi vời vợi

Ừ thôi em tình thơ xót xa mưa"

(Chương 2: Tình thơ xót xa mưa)

III.

*"Thôi mặc tôi hoàn toàn say không lạc/ Tôi biết tình rùng
nhuộm thắm ngàn cây/ Để men say tìm non run lành lạnh/ Để sắc
hồng tình nhuộm chín chân mây".* Bổng dung, hào nhoáng trong
phương trình bày tỏ cuộc tình hồng, khách phôi trần lòng mình sau
những biến động tâm thức. Nét ngây dại trong tình trường, mà trước
đây ánh mắt đời còn lê bước chân hoang, đeo thơ trên vai rộng với
lời sầu băng giá. Nhìn lại giấc mơ phai trải dài bên phía cuộc tình,
có bao giờ ngời trầm lặng chiều niệm khối tình thâm? Khối tình thơ
tiêu điều còn dấu kín lời yêu, mong manh như sương như khói,
nhưng ràng buộc oan khiên như ngàn đôn đau rời rã ngập lối đi-về.
Âm vang của chiều mưa bầm tím, cuộc mưa tình cô quạnh cay xé
nỗi buồn hoang vắng của thơ:

*"Tôi tìm đến lời sầu thơ đau đớn
Giá băng hồn đường lèn đá vỡ tan
Nỗi u sầu tuổi buồn ngân dăng tiếng
Nhật niêm thương mơ hồ buốt muôn vàn*

.....

*Lời kinh khuya vang vọng vào thanh vắng
Tay lãng quên tình hận cuối chân mây
Ôi trắng tay tình mặn nồng đâu thấy
Bao tháng năm tuổi đốt trụi đời này"*

(Chương 3: Tình trùm lá tâm hồn)

Phong cách thơ đã xoáy tròn ngôn ngữ, tạo một vòng xoắn ốc hình tượng của một bức họa tình trường màu xám. Con chữ nhảy múa như nhật ánh sáng tím, gieo buồn vào bước chân hoài cảm chất ngất cay đắng như núi đồi, chơ vơ và lặng lẽ... Sự lặng câm trơ vơ trong nhớ thương, ưu sầu chợt mòn trên phiến đá thời gian. Tôi vẫn tắt lòng bước đi vào hoàng hôn, mà ngọn mộc đắng cứ lùa ánh sáng nhá nhem trôi lạc tình thơ. Phải chăng, đây là thời khắc, thơ trông

rõng trước chân mây, khóc òa như ánh sáng đèn khuya giữa con tim
mục ruỗng.

*"Rồi từ đây tình yêu ời đã hết
Bao đắng cay chất cao như núi đồi
Trong bước chân bao cuồng si đã chết
Tôi nát tan tim mục ruỗng mất rồi"*

(Chương 3: Tình trùm lá tâm hồn)

Quy cách sử dụng *con chữ* là đặc thù riêng lẻ trong trường ca
tình thơ, hình như tạo được nhịp điệu *ảnh tượng* phong phú song
hành bên bóng thơ. *Giọt nắng rơi chiều vàng vọt tiễn đưa*. Một không
gian *giọt nắng* và một thời gian *chiều vàng* đầm đìa bên nhau, xoáy
cuộn vào bản thể khiến thơ *nhớ chín cả hồn*, mà *tiếng ve cuộn tròn*
trong lời gió, khiến *nắng chiều phai vắt qua nỗi bồn chồn*... Khúc
tình thi rộng suốt cả 4 chiều không gian, mà khách tự tay hái bài thơ
chiều tiễn biệt, lục lợi kỷ niệm xưa đỏ một màu trời sấm sét :

*"Giọt nắng rơi chiều vàng vọt tiễn đưa
Bước lang thang tôi ngẩn ngơ bức bách
Ngọn gió giòn bẻ gãy lá chuyển mưa*

*Phố nẫu buồn chôn kín bao ân hận
Em nơi đâu tôi nhớ chín cả hồn
Tiếng ve mơn cuộn tròn trong lời gió
Nắng chiều phai vắt qua nỗi bồn chồn*

*Tay tôi hái bài thơ chiều biên biệt
Ánh mắt em lục lợi kỷ niệm xưa*

.....

Đỏ màu trời sấm sét sấm sập đưa "

(Chương 3: Tình trùm lá tâm hồn)

Bước hành trình nhập thể vào đời, mang theo cõi hồn hoang sơ thống khổ cuộc tình trường. Chắt cô đơn đóng đinh treo tình trên thập giá, như một cuộc hành lễ thiêng, khiến thơ đưa lời ru buồn cho trắng ướm rồi linh hồn. Danh phận, tuổi đá, màu rêu ... tạo một khung cảnh tương tác như thời gian sẽ trôi qua, mọi định luật tuần hoàn cứ trôi dài trên *thành-tụ-hoại-diệt*. Giọt thơ chính là dấu ấn, cho tháng ngày được nhận biết có mặt bên thời khắc hạnh phúc và khổ đau. Mọi chuyển biến từ tư thức riêng lẻ đến đáp số chung, đều từ *tâm* và *tình* mà ra, khiến người thơ phải hoang mang bước trầm tư bên từng ngõ hẹp của thi ca:

*"Gom từng sợi mưa rơi trời trống vắng
Danh phận người tuổi đá đếm màu rêu
Mông lung trời khói mây về tóc rối
Khắc khiu hồn vô vọng cảnh trở trêu*

.....

*Vần thơ khuya mực mài đen bầm máu
Trời vỡ tan mưa trút xói nỗi đau
Gió giăng xé ném tung từng nắm nhớ
Nửa vời tôi đời lá rách trôi mau*

(Chương 3: Tình trùm lá tâm hồn)

Sử dụng con chữ như những hình ảnh *xiếc*, thật mảnh liệt ... khác gì tạo tác ngôn từ đặc thù riêng biệt. Chính vậy, trường ca đã có một ngõ riêng, trong hình thức lẫn thi phong. Gió nghiêng, rách tình, bóng tôi vấp vào tối, tình nặng nề trái đất, căn nguyên vỡ, gió nghiêng ngọn thổi thốc vào vô vọng, rơi xuống chiều mòn mỗi đám hoàng hôn ...v...v. Như thế, đủ cho khách lữ hành bước vào

thơ, như bước trên một không gian sáng tạo ngôn từ và hình ảnh khác thường cõi thơ riêng biệt. Cứ nghe:

*"Gửi gió người đi về nơi xa ngái
Qua mùa xuân bao ngũ sắc gấm hoa
Đêm cài then ngấm rằng căn nguyên vỡ
Hạt cát đau khô khóc chốn giao hòa*

*Rách rưới tình tâm can nhiều khoảng lặng
Nửa chua cay nửa đau đón tâm hồn
Gió nghiêng ngọn thổi thốc vào vô vọng
Sớm hoa tàn rong rêu mất sinh tồn*

.....

*Tơ duyên xưa em dệt vào thương nhớ
Rớt xuống chiều mòn mỗi đám hoàng hôn
Mơ như tranh chuông chùa than như khóc
Nốt yêu thương tình trùm lá tâm hồn.*

(Chương 3: Tình trùm lá tâm hồn)

IV.

*"Bao yêu thương tơ trời giăng chưa kín/ Che mưa buồn lại nhớ
uớt bên nhau/ Nhảy nhựa bùn đường sâu trơn lấp ló/ Tình trên tay
sơ sẩy vỡ cánh mau"...* Đâu còn tìm thấy hay đã bỏ quên lời thệ
nguyện, người qua cầu ngoảnh lại ngỡ rẽ sau lưng. Đường đời mưa
chợt rụng, đôi bờ che lối phong vũ vẫn âm thầm giang cánh rù bên
lòng. Dĩ vãng còn vương sâu trong tiềm thức, nên bao giờ nhân gian
lại không xa xót bụi cô đơn, lẻ bóng. Tư thức cảm thông với thời
gian trôi biền biệt khắp dấu chân đi, mỗi mòn bên ngày tháng. Thơ
vẫn thành dòng khơi động trong nắng sớm mưa chiều, sự tĩnh lặng

bước bên thời gian vời vợi, như xé tan lời hò hẹn ban sơ. Vết roi đau và những lời ly biệt, phải chăng trong giây phút tuyệt cùng đã xé toang kỷ niệm hẹn ước ngày xưa? "*Đêm buồn lẻ tình già nua năm tháng/ Áo trắng phơi đan tình nghĩa sợi thơ...*" và mốc meo mọc tên ngọn đấng, đã "*Xé toang lời những hò hẹn trước đây*".

Nghẹn ngào trên câu thơ, rót sương khói vào ngõ đam mê, trách gì khách phải bước qua ngưỡng cửa sương thủy tinh vây kín, mà phải uống cạn tình sâu:

*"Nằm khuya khóc động chiêm bao sương khói
Gió không bay đưa đón mấy đam mê*

.....

*Giữa nhân gian bể dâu cầm vó ngựa
Uống cạn trăng lưu đầy vũng mộng mơ"*

(Chương 4: Tâm can nhức nhối thiên)

Lưu đầy giữa mộng mơ (?), phải chăng là một nỗi ẩn ức không hiện thực? Người đưa thơ cổ đầy ải nỗi tan hoang cuộc tình, bằng nỗi nhớ trong gió, trong sương, và cho đến tận cùng ở giấc chiêm bao! Gió sát sanh, mùi hương chín ửng, mùi nắng đông dầm trên cành lá...

tất cả héo úa đến tận ngàn sau. Tất cả nỗi buồn hiu hiu như trăng ngừng thở, như mùi gió bằng bật trong tôi cô độc đêm không lời... Hầu như tất cả mặt sầu bi, hồn phách lạnh ngắt trong thơ? Vạn kiếp sau vang lên từ vực sâu, đôi phôi pha gọi tên mình bên thời gian nhạt nguyệt chao nghiêng:

*"Nghe tên mình phôi pha vào năm tháng
Ngón tay gầy khúc khích miệng cười đau
Đôi chao nghiêng nơi em về lá hái*

Từ vực sâu vang xa vạn kiếp sau

*Nghe chiều qua ghé tai thêm thu đến
Nghiêng bàn tay đón lá rụng vàng thêm
Mây lê thê quét trời theo gió lộng
Tuổi đã buồn tôi ôm trọn vai đêm*

.....

*Nghe tiếng đá ngó nghê về chân bước
Ngày vừa đi em xa mãi đời tôi
Cho tôi nhớ vườn năm xưa tiếng nói
Thu úa tàn quên lời hứa đầu môi "*

(Chương 4: Tâm can nhức nhối thiên)

Nhức nhối thiên, thì ra lặng lẽ bước vào chiều, lặng lẽ về bên bến giang đầu, lặng lẽ vò màu thời gian trên mái tóc bạc màu vôi... Chính vậy, sự hư không hóa mọi cảnh trí mà thơ phải bước tới. Quang cảnh vi diệu thật quang quả duy nhất trong thơ, trách sao những yếu tố lục căn, vẫn được tạo lập trong sân khấu thơ đầy drama kịch tính. Phải chăng là như vậy, khi không gian *thiên* thật riêng rẽ, cho dòng suối nào rửa trôi bao kỷ niệm, bầu trời nào đầy mùi hoa sữa, thảo thức nào cây lá đón tin vui, và *phản biện* trong câu thơ bao nhiêu mùa thu về trong xao xác... Quá trình thơ là một chuỗi dài phản biện như thế. Quá trình ngôn ngữ của trường ca với những *từ* tưởng chừng nên *soi ngược*, *trộn ngược* với thời khắc quạnh quẽ của con tim.

*"Mùa mây bay đưa tôi lên cao mãi
Trộn thu vào bầu trời trắng mênh mang
Trộn nắng vào suối tim tôi băng giá
Trộn em vào tình tôi đã rửa tan"*

(Chương 4: Tâm can nhức nhối thiên)

Thật khinh khoái, êm đềm, diệu kỳ, khác lạ, với sự *soi ngược* trên ngôn từ như một phát kiến mới trong thơ:

*"Thu vừa sang vườn hồng khoe một đóa
Trời còn cao em gầy nắng xanh xao
Ngón dài khêu ngọn lửa đàn thêm cháy
Dáng kiêu sa môi mượt thốt thanh tao*

*Thu còn gì cay đắng đau tình phụ
Quỳ gối ru từ bi đắng cao xa
Tôi nghe tình đổi hướng như làn gió
Thần tiên ơi xin người giấc mơ hoa*

*Thu mưa xuống nghiêng sầu ngoài kia lá
Như hôm nào tình em hái nồn xanh
Hồn muôn trùng trên hai tay màu đắng
Mù lối vào thu chết héo ngoài màn ..."*

(Chương 4: Tâm can nhức nhối thiên)

Mục 48, chương 4: Tình xưa quê hương trở về trong những khúc thơ mộng mị ngày nào trong tâm thức, vì: *"Trên đời tôi lênh đênh còn thân xác/ Tình lưu vong tình đã kém phai nồng"*. Khách thơ cũng trở về ngổ vằng hoang hôn quê hương với mái tranh làng, mà nghe tàn phai lời cây cỏ:

*"Bờ cỏ non nơi bình minh rọi suốt
Cánh đồng hoang bỏ trống chẳng cấy cày
Bờ tre xanh thành lũy làng xơ xác*

Mái nhà tranh vắng tiếng vọng cõi chày

*Bờ sông quê đời cha ông bám đất
Giặc bão giông sống chết cuốn lời thề
Giặc đạn bom không bao giờ giết được
Quê hương ơi một cõi tôi đi về*

.....

*Bờ bạc đầu xin nắng mai độ lượng
Chưa từng nghe tình tôi trải vô biên
Xin yêu thương con tim lời hội ngộ
Đau nhân gian tâm can nhức nhối thiên"*

(Chương 4: Tâm can nhức nhối thiên)

V.

"Tôi là ai trên dòng đời đông nghịt/ Đến đất này duyên phận nói điều chi/ Tôi là ai mà đường đời lận đận/ Quê hương này chẳng ở lại ra đi". Con buồn mãi mê suốt kiếp người với vòng quay trăm năm trôi buộc. Trước khi đứng thềm lặng trở trần bên dòng đời đầy khuôn sáo của mê cung, những dấu hỏi tự lòng đã ngơ ngác thốt ra cho dấu than về bản thể. Có thể bắt nguồn từ tình thơ hư vô tan chảy đậm đặc suốt đời bên tiềm thức. Cũng có thể, bật phát trước *một chiều say tôi đi thăm đồng lạ*. Những cơn mưa suốt tháng năm thấm gội trần gian, mưa suối khe, mưa nhân gian, mưa từng cơn, mưa qua đời có gió heo may khiến *từng phiến ngà buốt giá trón vào đêm...* Chính vậy thơ băng khuâng, khi biết rằng "*Nhẹ nhàng qua lời nhớ giọt chiều mưa/ Nào có hay em gọi tên tôi mãi/ Cho mây dài bao tình ái tiễn đưa*". Ngoảnh lại, đường dài hun hút, vẫn xa vắng trước thời gian đêm lún mệnh mông, mà tim rỉ giọt máu hồng. Cứ vậy:

*"Tôi yêu thương thoi thóp về dĩ vãng
Gió cuốn đi để gió mãi cuốn đi
Bỏ mặc tôi tình tôi đau buồn biệt
Ngàn dâu xanh vùi lấp tuổi xuân thì*

*Tôi hai vai nặng nề mang mưa nắng
Nắng rát ngoài mưa thấu ướt bên trong
Mang nụ cười nhưng tâm can đang chết
Giữa kiếp người lặn dần với long đong"*

(Chương 5: Tình thiếu đôi kiếp người)

Với tình yêu định vị trên màu thời gian đã căng sâu vết máu hồng, con tim say mê, lời yêu năm tháng, cả buổi chiều riêng ôm ký vãng ngày thơ trên những bước đi-về lặng lẽ:

*"Xót xa nghe mùa thu tàn hương khói
Cha bỏ tôi phương trời lặng chết xanh
Mẹ xa tôi tóc mây ngời đội trắng
Vết loét đau hằn vết nhói không lành*

.....

*Tôi giờ đây bàn tay chai cuộc sống
Khép cửa tim lòng tôi thấy lạc loài
Niềm yêu thương bỏ tôi bên bờ đứng
Trả nợ đời khổ đau khổ... chất hoài "*

(Chương 5: Tình thiếu đôi kiếp người)

*Tôi lang thang như hành tinh bé nhỏ/ Rất cô đơn rất cô độc
rất buồn/ Tiếng gà trưa gieo lòng tôi thổn thức/ Tiếng sấm chiều
động nỗi nhớ em luôn"".* Nỗi cô đơn lang thang đơn điệu, như tia lân tinh trải dài trong vũ trụ. Tiếng sấm chiều, ánh nắng rơi trên đường,

muốn buông để gió bay muôn nẻo, muốn thấp sao hôm rạng rỡ, vượt núi đồi, vượt biển sâu, quê tôi nghèo, chiến tranh mặt trời cháy, nhân loại hao mòn, biển chết ngàn xa độc... Những liên tưởng kéo dài và sâu rộng bên trong một tư hướng cô đơn, đưa đẩy cuộc lãng du bị thống trong đấu trường tri thức cho kịch bản *tình thơ trái ngàn mây*. Mênh mông hình ảnh và ngôn ngữ sáng tạo riêng tư, đưa lên sân khấu một màu sắc chói lòa của cuộc sáng hóa, một sáng hóa đầy màu sắc mới của ý tưởng và ngôn từ của chữ **tình**, mà người làm thơ phiêu bạt trong tận cùng nỗi cô độc.

Mục 53, chương 5: Điều tôi muốn với mặt trời, điều tôi muốn buông với gió, điều tôi muốn nắm khúc ca, điều tôi muốn thấp vì sao. Để cuối cùng, tôi im lặng nghe lời của suối. Tất cả sự kiện đó, hình như có vũ điệu chan hòa một nét linh thiêng ở người và thơ:

*Tôi muốn với mặt trời nở hoa nắng
Dấu vào tim nụ hôn ấm vàng tươi
Dấu tình tôi vòng tay ôm thế giới
Suối bờ vai gầy nhỏ lệch bên người*

*Tôi muốn buông để gió bay muôn nẻo
Cuốn tóc thề xỏa tung cánh mảnh mai
Bàng hoàng nghe suối mềm cười róc rách
Lời ca dao cháy suốt cuộc đời dài*

*Tôi muốn nắm khúc ca dâng nước mắt
Vết địa đàng trùng trùng dấu chân đi
Đã bao lần nửa đêm dạ lan khóc
Đến bây giờ khúc hát vẫn như mi*

*Tôi muốn thấp vì sao hôm rạng rỡ
Sáng đêm hồng đuôi u tối sau khe*

*Mới hôm nào vũng buồn đau mừng mủ
Chiều nay về chan chứa nắng mây che*

*Tôi yên lặng lắng nghe lời của suối
Lời của đêm sâu đáy hố âm thầm
Lời của đời tử tế màu cơ cực
Lời của tình tàn tạ tận vực căm.*

(Chương 5: Tình thiếu đôi kiếp người)

Để gió cuốn trôi đi, tình thơ trải ngàn mây mà người thơ vừa mở rộng túi hành trang cho thơ bay theo gió. Để gió cuốn đi, mà nhân gian còn ngàn cô độc suốt vạn nẻo đường. Để gió cuốn đi, cho quê nhà không còn cơn lũ nổi đau thăm thẳm... Thơ trang trải nỗi đau riêng, thành tình khúc trải ngàn mây, bày tỏ:

Tôi lạc loài tình thiếu đôi kiếp người.

(Chương 5: Tình thiếu đôi kiếp người).

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Viết tại Thư trang Quang Hạnh

Tháng 12, năm 2019

MAN CHÚ: Thi phẩm **Trường Ca Tình Thơ Trải Ngàn Mây** của nhà thơ Mã Lam, gồm 3 thi tập

(I – II – III). Mỗi thi tập gồm 5 chương, tổng cộng 300 trang.

Trường ca I, gồm 5 chương, tổng cộng 300 thi khúc, mỗi thi khúc 4 câu thơ, được chia như sau:

- **Chương 1: Trái tim lửa chẳng còn** (gồm 60 thi khúc, 4 câu)
- **Chương 2: Tình thơ xót xa mưa** (gồm 60 thi khúc, 4 câu)
- **Chương 3: Tình trùm lá tâm hồn** (gồm 60 thi khúc, 4 câu)
- **Chương 4: Tâm can nhức nhối thiền** (gồm 60 thi khúc, 4 câu)
- **Chương 5: Tình thiếu đôi kiếp người** (gồm 60 thi khúc, 4 câu)

MÃ LAM



TIỂU SỬ VĂN HỌC

Nhà thơ Mã Lam tên thật là Nguyễn Công Phúc, ông sinh ngày 13/06/1954 năm Giáp Ngọ.

Quê quán: Phố Cửa Tiền, Thị xã Thanh Hóa, Việt Nam; Con ông bà: Nguyễn Công Đức (1921-1988); Nguyễn Thị Tĩnh (1927-2014) hai người là đôi bạn thơ có 8 người con (5 trai, 3 gái, Mã Lam là con thứ 2, cả nhà ai cũng yêu thích thơ văn như cha mẹ);

Trên đường học vấn Mã Lam lần lượt: Học phổ thông tại trường cấp III Lam Sơn Thị xã Thanh Hóa, làm bài thơ đầu tiên "*May áo cho trâu*" khi mới 13 tuổi; Học nghề Cầu tại trường Đại học Giao thông, ra trường kỹ sư xây dựng, đi các công trình cầu lớn khắp mọi miền Tổ quốc.

Ngoài lấy bút danh Mã Lam, còn sử dụng bút danh tên chính Nguyễn Công Phúc.

Hiện thường trú và sáng tác tại: Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

a. Thi phẩm riêng:

- 1/Thuyền Và Bến (thi phẩm, NXB Hội Nhà văn)
- 2/Tình Và Mây (thi phẩm, NXB Văn học)
- 3/ Đá Và Sỏi (thi phẩm, NXB Hội Nhà văn)
- 4/ Giàu Và Nghèo (thi phẩm, NXB Hội Nhà văn)
- 5/ Sài Gòn Tình Ngờ (thi phẩm, NXB Hội Nhà văn)
- 6/ Duyên Muộn (thi phẩm, NXB Hội Nhà văn)
- 7/ Nắng Xứ Thanh (thi phẩm, NXB Hội Nhà văn)
- 8/ Tình Thơ Trái Ngàn Mây, trường ca I (NXB Hội Nhà văn)
- 9/ Tình Thơ Trái Ngàn Mây, trường ca II (NXB Hội Nhà văn)
- 10/Tình Thơ Trái Ngàn Mây, trường ca III (NXB Hội Nhà văn)

b. Tác phẩm in chung:

- 1/ Hợp Biền Thế Phả Họ Mạc (NXB Văn hóa Dân tộc)
- 2/ Nhiều tập thơ nhiều tác giả, tạp chí Quán Văn, Hương Thiền, Văn Học Mới, Dọc Miền Đất Nước...
- 3/ Hạc Vàng / thi tuyển 10 Nhà thơ Việt (NXB Hội Nhà Văn, 2020)

c. CD ngâm thơ:

- 1/ Hoa Hồng Và Tập Thơ
- 2/ Lời Đàn

d. Tác phẩm sẽ phát hành:

- 1/ Nắng Màu Rượu Vang (Văn)
- 2/ Hoa Cải Vàng (thơ Haiku)
- 3/ Tình yêu ta nở thiên đường (trường ca)

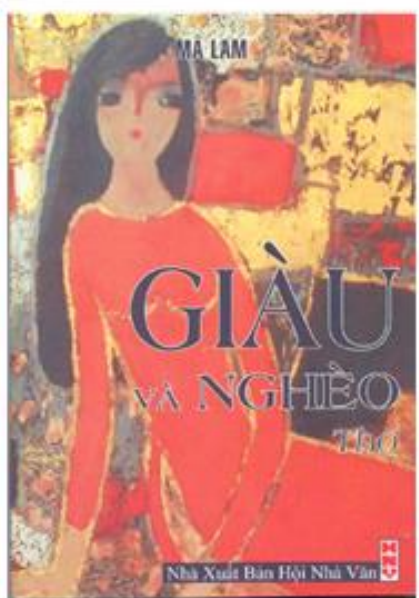
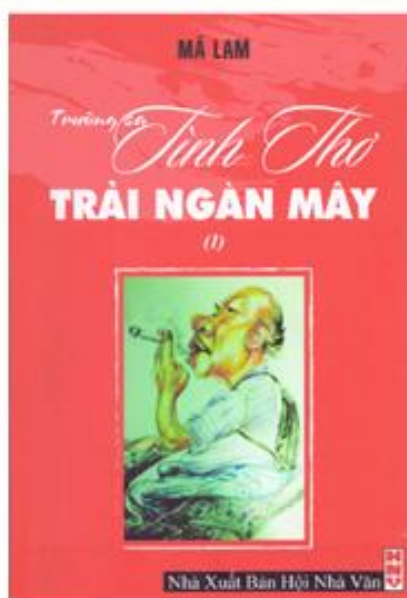
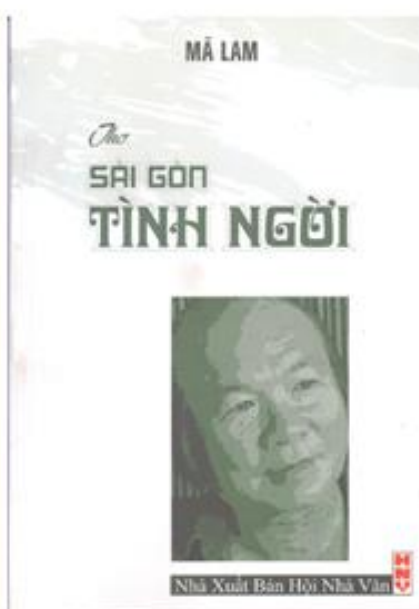
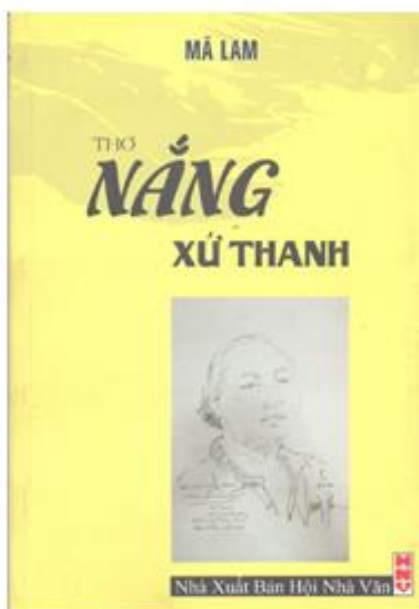
MÃ LAM



thơ

TÌNH YÊU TA NỞ THIÊN ĐƯỜNG





**NHẬN ĐỊNH SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÂY SALA NƠI
PHẬT NHẬP NIẾT BÀN VÀ CÂY NGỌC KỲ LÂN**
NGUYỄN QUỐC NAM

CÂY SALA



Cây sala ở Ấn Độ nơi Phật nhập Niết bàn.

Cây sala đối với Phật giáo là một cây linh thiêng vì nó gắn liền với sự việc nhập niết bàn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong rừng cây sala gần thành cổ Câu Thi Na (Kusinagara) kinh đô thời cổ đại của bộ tộc Malla, nay thuộc thị trấn Kushinagar của đất nước Ấn Độ và biến nơi này thành một trong bốn thánh tích hành hương quan trọng của Phật giáo.

Ngoài ra trong một số bản dịch người ta còn gọi là rừng Sa La Song Thọ hay rừng Ta La hoặc Tha La Song Thọ.

Sala có tên khoa học là: *Shorea robusta*) là một loài thực vật có hoa trong họ Dầu (Dipterocarpaceae). Loài này được Gaertn. miêu tả khoa học đầu tiên năm 1805.

Cây Sala còn được gọi là tha la hay Ta La.

- Cây thân gỗ phát triển cao khoảng 30-35 mét, đường kính thân có thể lên đến 2-2,5 mét.

- Lá cây mọc so le dài 10-25 cm, rộng 5-15 cm, hình bầu dục, gân lá nổi, hình xương cá... Vào mùa khô lá rụng nhiều nhất là vào giữa tháng 2 đến tháng 4, ra lá non vào khoảng tháng 4, tháng 5 hằng năm.

- Hoa: búp nụ xoắn, hoa màu trắng, mọc thành từng chùm ở đầu cành, có 5 cánh có hương thơm ngát.

- Phân bố: Nguồn gốc của cây là tiểu lục địa Ấn Độ thời xa xưa, cây phân bố thành nhiều khu vực lớn tại phía nam dãy núi Himalaya từ Myanmar đến Népal, Ấn Độ và Bangladesh.

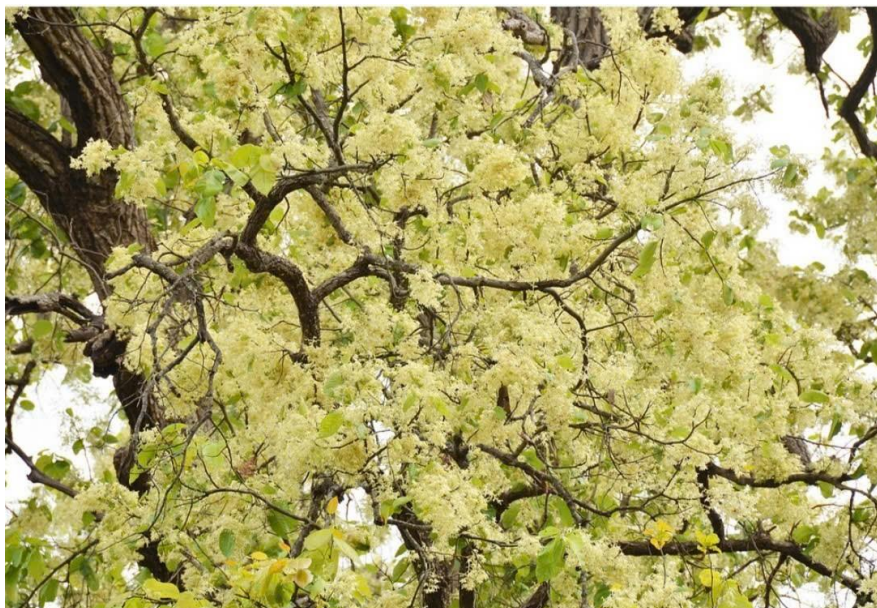
Trong cuộc đời của Đức Phật gắn liền với ba cây đó là cây Vô ưu (*Saraca asoca* hay *Saraca indica* .L) khi Đức Phật đản sinh ở vườn Lâm Tỳ Ni, cây Bồ đề (*Ficus Religiosa*) khi Đức Phật thành đạo tại Bồ Đề Đạo Tràng và cây sa la (*Shorea Robusta*) khi Đức Phật nhập Niết bàn tại Câu Thi Na. Nhưng hiện nay đa số thường nhầm cây Ngọc Kỳ Lân còn gọi là cây đầu lân hay cây Hàm Rồng là cây Sala nơi Đức Phật nhập niết bàn.

Cây Ngọc Kỳ Lân phổ biến trong khu rừng tân nhiệt đới, đặc biệt là ở lưu vực sông Amazon. Nó có nguồn gốc ở Guyana (Nam Mỹ). Ngày nay cây này có thể tìm thấy ở Ấn Độ, miền Nam dãy Hy Mã Lạp Sơn và về sau được trồng nhiều nơi ở Nam Á và Đông Nam Á. Cây có nguồn gốc từ Nam Mỹ tên khoa học là: *Couroupita guianensis*

Họ thực vật: Lecythidaceae (Lộc Vừng)

Là cây gỗ lớn cao trung bình từ 8-15m, cây có thể cao tới 30-35m. Vỏ thân có màu xám, phân cành nhánh nhiều cong queo. Lá lớn mọc tập trung ở đầu cành, dạng trái xoan ngược, đầu tù, gốc nhọn với màu xanh lục đậm bóng.

NGUYỄN QUỐC NAM



Hoa Sala

CÂY NGỌC KỲ LÂN

Ngọc Kỳ lân có những cụm hoa lớn mọc ở thân cây hay trên các cành già; các cụm hoa dài đến 1,5m buông rủ xuống. Hoa lớn giống hình cầu có màu cam tới đỏ đậm. Tràng hợp ở gốc thành ống cao 1,5cm, thùy hoa dày, rộng cong úp lên nhau mang nhiều nhị đực.

Quả của cây Ngọc Kỳ lân to tròn như quả đạn pháo đại bác nên còn được gọi tên tiếng Anh là Cannonball Tree. Trong khi đó cây Sa La có nguồn gốc từ Ấn Độ tên khoa học là *Shorea robusta*, thuộc họ dầu (*Dipterocarpaceae*), lá mọc so le, hình bầu dục, gân lá nổi rõ như hình xương cá, búp nụ xoắn, hoa 5 cánh nhỏ hơi quăn, màu trắng, mọc thành từng chùm ở đầu cành, có hương thơm ngát.

Khi Đức Phật nhập niết bàn mặc dù trái mùa nhưng bất ngờ rừng Sala bỗng nở hoa, rủ xuống trắng cả khu rừng để cúng dường đưa tiễn Đức Phật lần cuối, như sự thương tiếc, tiễn đưa bậc Thầy của trời và người. Trước khi nhập diệt, Đức Phật đã để lại di giáo cho các đệ tử, những cánh hoa trắng bay khắp rừng sala như diễn nói nghĩa của các pháp vô thường...!

Trong kinh Đại Niết Bàn diễn tả: "Khi Đức Phật nhập diệt rừng sala đồng loạt hoa nở rộ trắng xoá rơi phủ xuống áo ngài và chur tăng..."

"Kinh Đại Niết Bàn do Đại lão Hoà thượng Thích Trí Tịnh dịch diễn tả:

"Hôm ấy toàn rừng Ta-La bỗng đổi màu trắng như lông bạch hạc. Trên hư không tự nhiên có tòa nhà thất bửu, dưới tòa nhà có ao suối mọc đầy hoa sen xinh đẹp, như vườn hoan hỉ ở Thiên-cung Dao-Lợi. Cả rừng Ta-La cũng biến thành trang nghiêm xinh đẹp khác thường."

Những trích đoạn dẫn chứng trên cho thấy hoa Sala là màu trắng chứ không phải màu cam, đỏ hay hồng như hoa cây Ngọc Kỳ lân.

Bài viết có tính chất tham khảo và trên cơ sở khoa học để phân biệt và xác định đúng định danh loại cây trồng. Với cây sala là một loại cây biểu tượng linh thiêng của tín ngưỡng cho nên mặc dù có sự nhầm lẫn nhưng là loại cây cho bóng mát tạo cảnh quan môi trường xanh sạch, cây có hình dáng độc đáo cho hoa có màu sắc rực rỡ, thanh khiết làm cho khách thập phương khi vãng cảnh chùa cảm thấy an tâm may mắn. Hoa biểu tượng cho niềm tin tâm linh, cho tín ngưỡng, cho lòng biết ơn và yêu kính. Tạo cảm giác dễ chịu thanh thản, nhẹ nhàng, thoải mái thì điều đó cũng là một niềm vui bình an trong cuộc sống.

NGUYỄN QUỐC NAM

-Ghi chú: Bài viết có tham khảo sưu tầm hình ảnh trên mạng.



Cây Ngọc Kỳ Lân đang cho trái



Cây Ngọc Kỳ Lân hay còn gọi Cây Đầu Lân hay cây Hàm Rồng



Cây Ngọc Kỳ Lân hay còn gọi Cây Đầu Lân hay cây Hàm Rồng

NGUYỄN QUỐC NAM



Nhà thơ Nguyễn Quốc Nam sinh năm Nhâm Thìn (1952) tại xã Phú Cường, tỉnh Thủ Dầu Một, nhưng khai sinh ngày 02-06-1953. Sau đó, theo gia đình về sống tại ấp Long Hoa, quận Phú Khương, tỉnh Tây Ninh từ thơ ấu.

Nguyễn Quốc Nam còn có bút hiệu Mạc Hàn Vi Linh xuất hiện trên báo giới trước 1975...

Thời niên thiếu, ông học trường tiểu học cộng đồng Long Hoa, quận Phú Khương (TâyNinh). Sau học tại trường Trung học Nông Lâm Súc Tây Ninh và lấy bằng Tú Tài 2 năm 1972. Tiếp tục học Đại học ngành Nông, Nông Lâm Mục đến năm 1975 trường sát nhập và đổi tên là Đại học Nông Nghiệp 4.

Nhà thơ Nguyễn Quốc Nam tốt nghiệp Kỹ sư Nông học khoá 14 được xếp loại khá.

Khi còn ngồi ghế nhà trường bậc trung học, ông rất đam mê văn nghệ nên được các bằng hữu và trường trung học Nông Lâm Súc Tây Ninh cử làm Trưởng ban Văn nghệ và Báo chí của trường.

Đầu năm 1967, anh và Vĩnh Thuyền thành lập thi văn đoàn Tiếng Lòng Vàm Cỏ và làm Trưởng Thi văn đoàn. Trung thu năm 1967 Thi văn đoàn cho ra đời đặc san Trung Thu đầu tiên và phát hành trong tỉnh, kế tiếp thực hiện số báo Xuân Mậu Thân 1968.

Nguyễn Quốc Nam thường xuyên cộng tác với báo chí Sài Gòn và các tỉnh bạn. Sáng tác đăng rải rác với bút danh Mạc Hàn Vi Linh. Từ bút danh này, Nguyễn Quốc Nam được giới văn nghệ đương thời thích thú với câu “*xị nữa đi cô hai*”, xuất xứ trong bài thơ *Những Ly Rượu Tâm Tình* được đăng trên tuần báo Khởi Hành trước 1975.

Năm 1969 cùng với Trần Thế Diêm Sinh và Kha Trầm Tuấn xuất bản tập thơ *Cò Trắng* và gây được tiếng vang ở Tây Ninh vào thời điểm đó. Cũng trong năm này thơ của Mạc Hàn Vi Linh được chọn ngâm trong chương trình Thi Văn Về Nguồn của đài phát thanh Cần Thơ do Lê Trúc Khanh phụ trách đó là bài *Ru Em* và lần lượt xuất hiện trên báo Phổ Thông của Nguyễn Vũ bài *Gò Dầu Hạ*. Bài thơ được viết nhân đến nhà thăm giáo sư kiêm nhà thơ Từ Trầm Lệ ở Gò Dầu cạnh bên bờ sông Vàm Cỏ Đông. Lúc đó nhà thơ Từ Trầm Lệ đã thành lập trường tư thục Hữu Đức tại Gò Dầu. Nhưng phải nói bài thơ *Những Ly Rượu Tâm Tình* được đăng trên báo Khởi Hành năm 1972 do nhà văn Viên Linh phụ trách là gây được sự chú ý đặc biệt trong giới văn nghệ.

Trong thời gian hoạt động văn nghệ ông giao du thân tình với các anh em văn nghệ ở Tây Ninh như: Sa Chi Lê, Diệp Thuyền Ly, Trần Thy Dĩ Tràng, Vũ Anh Sương, Hồ Chí Bửu, La Ngọc Thụy, Trần Duyên Tường, Thy Vy Lê (tức Vũ Miên Thảo), Vũ Ngọc Giao. Nhưng phải nói thi sĩ Trường Anh tác giả của tập thơ *Mưa Đêm Nay*, do Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đề tựa giới thiệu, cùng nhà văn Cung Tích Biền, nhà thơ Thảo Anh là những người ít hay nhiều khuyến khích giúp cho Nguyễn Quốc Nam dần thân và sáng tác.

Nhưng nhân tố ảnh hưởng và quyết định con đường nghệ thuật cho Nguyễn Quốc Nam chính là thân mẫu anh. Bà cụ là một tay hò

đối đáp nổi tiếng trong vùng mà bất cứ trùm vạ nào cũng mời. Chính những lời kể chuyện, các câu hò đối đáp trong những ngày mùa cấy lúa thời thanh xuân của lão nghệ nhân đã ảnh hưởng sâu sắc đến việc sáng tác của anh.

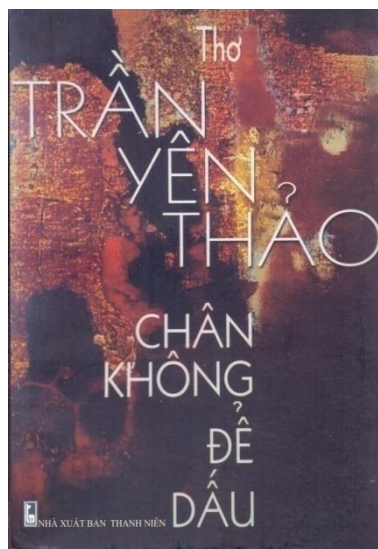
Sau năm 1975, anh vẫn làm việc trong ngành nông nghiệp và dù ở cương vị nào anh cũng làm thơ và thỉnh thoảng được giới thiệu trang trọng trên các báo như báo Tây Ninh, báo Văn Nghệ Tây Ninh và thỉnh thoảng trên báo Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh cho đến tận hôm nay...

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA NGUYỄN QUỐC NAM:

- 1/ Cò Trắng (thơ, in chung 1969)
- 2/ Những Nỗi Xót Xa (thơ, 1975)
- 3/ Tuyển Tập Thơ 30 Năm Tây Ninh (Hội VHNT Tây Ninh xuất bản, 2004)
- 4/ Chôn Xưa (thơ, NXB Văn Nghệ TP. HCM 2006)
- 5/ Hạnh Ngộ II (thơ, in chung, NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2007).
- 6/ Thơ Văn Giữa Đời Thường Tập VI (in chung, NXB Thanh Niên. 2007).

NGÔ NGUYỄN NGHIỆM NHÌN VỀ NHÀ THƠ DỊCH GIẢ TRẦN YÊN THẢO

CHÂN KHÔNG ĐỂ DẤU CUỘC THUYẾT ĐẠO BÊN DÒNG PHÙ SINH



A. SƠ HUYỀN (PHẨM SEN VÀNG I)

Cuộc hành trình bước về chân như, bao giờ cũng mở đầu bằng những bước nhập thế, lặn lội chìm đắm trong nhiều sát na nghiệp lực. Thứ nhất là nhào lộn trên từng nghiệp chướng từ những lần thai sinh, và phủ quanh cuộc phiêu du trong trần thế bằng những phước họa đăng đẳng, gánh vác đầy ngập hai vai. Thứ hai, sự khai mở trí tuệ để bước chân thật trên bước đường hạnh ngộ của hằng hà dấu chân điểm đạo từ vô thi đến vô chung. Thứ ba là hạnh nguyện bước lên hóa đạo, trực ngộ sau a-tăng-tỳ-kiếp tu chứng, vừa mở hoặc

chân như. Sen vàng hiện thân cho cuộc khai ngộ rực rỡ chánh đẳng chánh giác. Người văn nghệ sĩ cũng có một điểm hiện thân gian khổ, trên bước đường chứng ngộ kỳ diệu trong sáng tác. Và tùy quan điểm phù hợp với tư tưởng tâm niệm trong nghệ thuật, thì giây phút nhập thân trên bước sáng hóa ngôn ngữ sẽ sáng lòa trên điểm hóa đạo như người tu chứng.

Một bước nhìn lại, *Chân Không Để Dấu* mà thiện giả phân đoạn nhiều ngõ ngách, từ những vách ngăn tục lụy, trước quăng đường thiên lý phủ đầy vọng ước, cứ bước đi tiềm tàng không vạch hẳn những phân đoạn mà cuộc lữ hành đang bước qua. Quả thật, nhiều tiếp nối bao vây quanh những cánh hoa mới nở ven đường, hay những gai chông chập chờn rình mò trên bước đường tìm tâm thức, Thì Thơ quả thật đã phủ đầy trên mọi lối rẽ của thơ đi, và thi nhân vắt hết ánh hào quang tâm thức soi vào ngôn ngữ nghệ thuật. Cuộc truy tìm chân không như cách vạch cỏ khai hoang, mà bước hanh thông của con đường trước mặt vẫn chìm ẩn trong tận cùng lục đạo. Quả thật, đâu tìm ra bước khai hoạt bất kỳ trên kiếp phù đồ, để nhân sinh dễ dàng ôm thiên phước mà nhìn trăng soi hoa nở. Hạnh phúc lữ hành phải đi đôi với những bước lao khổ, gói ghém bản ngã trong những cuộc thiền hành gội sạch ý niệm phù hư.

Sự cương quyết của hành giả là một niệm ngoạ mục, chối từ giả tướng hầu mong ước nhập định vào bản thể hành đạo. Cuộc lữ hành còn đầy rẫy chông gai trước mặt, từng bước đi cầu mong nhập thể, mà phong vũ vẫn còn trùng trùng trong cát bụi lãng du. Thế sự là cuộc sống tục lụy, chắt chùng hi vọng ái ô thì thơ đi sao lướt khỏi tâm trần, hầu chân không để dấu dù một vạch nhỏ vuông đất tử sinh?

Nét sơ huyền nhỏ từng giọt máu sơ nguyên, ôm nặng định quyết bước nhập thể vào lẽ đạo, người hiền giả bất chợt ôm trọn thiện

căn từ những không-thời gian cổ đại, bước nhập thể rồi trong đại
nguyên sơ huyền. Chúng nhân thấy rằng:

*Từ vô biên đã chia tay
Lại chung một chuyến đò đầy qua sông
(Người Tình xưa và Trái Đất)*

*Từ vô lượng đã định rồi
Thân đơn áo chiếc về chơi ta bà
(Cõi Người Ta)*

*Rừng tre nhịp võng cơ duyên
Ta nghe như vậy từ thiên thu rồi
(Nhịp Võng Rừng Tre)*

Ta nghe như vậy, là nghe thế nào? Trong khi lục căn nặng nề
trên lục đạo, phải chẳng vút áo ra đi như từ *bãi cũ chiều hôm*, hiển
hiện bước ta về khiến *nằm nghe nước chảy bên cồn Thái Hư!!!* Thơ
nhập thể trên bước hành hương đầy thi vị, như chú tiểu ba vá chân
đeo lục lạc buổi chiều hôm gõ mõ mà thì thầm vọng hướng khai kinh.

KHAI THỊ SỞ HUYỀN:

*Biển rộng gió rừng mù sương
gieo tiền thử bói một phương đất lành
khi đi về phía sinh thành
gặp em đi ngược nên đành quay lui
(Cõi Sinh Thành)*

*Em và núi dựng trơ gan
ôm luôn khe lạch tròn trăm cái tình*

*côi ta lọt giữ côi mình
nên khi sóng vỗ bập bênh cà hai
(Trên Sóng)*

*Vàng Thu tóc ngắn phương Đoài
phương Đông còn xoắn tóc dài Kim Liên
rừng tre nhịp võng cơ duyên
ta nghe như vậy từ thiên thu rồi
(Nhịp Võng Rừng Tre)*

*Dưới lá có hạt minh châu
cuối sân một cụm hoa ngâu vừa tàn
mình về đập lá thu vàng
nghe như tình cũ đang quàng phải giây
(Lá Thu Xưa)*

B. DỊ MỘNG (PHẨM SEN VÀNG II)

Chập chùng vương mắc trong bước kinh hành, bởi người lữ khách đang phăng dò bước chân mây mờ mịt trước lối đi. Bao nhiêu hơi thở hóa thành những hạt sương bay suốt lộ trình đậm bước sơ huyền. Áo giác vẫn lượn lờ trong giấc ngủ, kể cả giây phút bàng hoàng chợt tỉnh giấc nam kha. Nôi kê vẫn chưa chín, mà giấc phù đồ xây dựng đã trả qua trăm ngàn kiếp lai sinh, khiến người trong mộng vẫn chưa phân định rõ hư thực. Hoài bảo vẫn nhiều lúc phục sinh bên ảo giác như gió nam non thổi lòn hang đá, lẫn quần trong dị mộng chưa hiện thân khiến chân pháp như hư pháp, huyền hoặc:

*Ta về tạc đá non Tây
mình ra biển Bắc gọi mây bên cồn
Dù sương khói rất phiêu bồng
biển xanh từng đã phải lòng non xanh
(Đá và Mây)*

Nguyên vọng xóa bỏ giả tướng, mong ngộ nhập chân tướng, nhưng bước đầu xoay bước chân như, mong từ vô thi những cội nguồn được phủ bụi vô thường mà nhập thể thường hằng. Nhưng đóa sen vàng vẫn còn nằm trên phật thủ, và ngoái vọng lại sau lưng, chưa nhận ấn tín mật truyền. Căn nguyên chưa khai sáng, tai nghe mắt thấy vẫn soi rọi trong một khoảng cách nhỏ nhoi bởi lực căn còn che khuất. Mà mờ mịt giấc mộng chưa thuần hóa, khiến trên bước du hành, hình dáng trâu tinh vẫn ngoáy nhìn dị mộng:

*Ta nằm ngoài nội xa xăm
Tròn con mắt tự trăm năm đến giờ
Thấy trong lãng đăng sương mờ
Một vì sao rụng bên bờ cỏ em
(Sao Đồng Nội)*

Vọng tưởng trong phẩm Sen Vàng là điều có thật, khiến ngoài đồng nội chạy dài đến giác chiêm bao, nhiều lúc hành giả vẫn như trâu tinh dùng dằng gong hàm sương khói. Như một vương mắc chưa có phút giây tháo gỡ, khiến ghịch lại cộng vàm mà ngoáy nhìn xa xưa. Chính việc chưa diệt được niệm trước, nên sự lưu luyến ngã chấp khiến không vượt thoát, dù một chút tri ngộ:

*Mình về dù thực dù hư
sao Hôm từ đó tỏ như trăng rằm
thì ra cách mấy ngàn năm*

hạt tương tư đã nảy mầm tương tư
(Hạt và Mầm)

Lạc lõng trong cơn mộng dị, như hình sương bóng khói phủ trùm trên thần thức những ảo giác. Nhiều lúc, cũng nhận thấy như thế, nhận thấy bằng sự trực giác, nhưng chưa biết đúng sai, chân giả. Nói là như vậy, nhưng đã là dị mộng thì cõi phù đồ vẫn giả tướng, phủ chụp không thương tiếc kẻ vô tâm, lạc đạo. Cái ngoáy nhìn trong giai đoạn này, vẫn chứa đầy tâm vọng, luyến tiếc cảnh cũ vườn xưa. Sự dằn vặt giữa chân tâm và huyền mộng, làm xao lòng nửa bước thiền hành.

KHAI THỊ DỊ MỘNG:

*Mối đèn khe cửa động tiên
nguồn Đào phé bỏ còn em vô thường
trăm năm giờ vẫn chung giường
mà hình như mộng trăm đường khác xưa*
(Dị Mộng)

*Còn trong tro đốt lửa tàn
con chim sấu muợn bỏ ngàn xuống xuôi
trước rèm lông bóng trắng soi
rủ rê thực nữ về chơi quan hà*
(Rèm Trắng)

*Đường về bóng đỏ liu xiú
bếp hong chẵn gối đèn khêu thần người
khi quay nhìn lại đất trời*

phấn son kín cả một thời Kim Liên
(Thời Kim Liên)

Sao Khuê chênh chếch hay là
đèn sương phụ chiếu nghiêng tà áo em
kẻ xa đừng cách xa thêm
đêm dài lắm mộng xin đêm đừng dài
(Đêm Dài)

C. NGHIỆP LỰC (PHẨM BÈO MÂY I)

Trăm phương ngàn cách cố bước qua bờ dị mộng, tạo lại một hình dáng chân thuần, tức là bỏ qua hay xóa bỏ những ngã chấp khuynh loát suốt cuộc hành trình tìm chân tướng. Biết vậy, giải thoát ảo giác trên bước du hành mong "đêm dài lắm mộng xin đêm đừng dài", cầu mong giác tha nhưng vẫn đa mang trong tâm thức nhiều phương hướng giác ngộ thật tự kỷ. Nghiệp lực nương theo vọng chấp mà khuynh loát một khung trời thử thách. Bước đi trên lối cỏ sương bốn mùa nhật nguyệt, tâm vọng là điều muốn tỏ rõ cạnh lối nhỏ sa môn. Tâm vừa thể hiện cuộc hội ngộ trùng trùng, thì tự kỷ vẫn chưa thoát khỏi hành trình, khiến hiên giả bực bạch vàng thau phân bua tìm lối thoát, nặng nề nghiệp lực:

Bon chen vào chợ thăm dò
bụng ham đường mật giả đồ mua vôi
thánh phàm miệng lưỡi lời thôi
Như Lai cúi xuống nhìn tôi khẩy cười
(Lời Bộc Bạch Chân Tình)

*Đất trời kín cả khói sương
trăm ngàn đổ lại tìm nương bóng dù
bờ bên kia rất mật mù
mới đem thần thánh ra hù nhau chơi*
(Vẽ Bùa)

Bất cứ hướng đi không định nào cũng là cuộc phiêu lưu vô bờ bến, người trí không thể nằm quanh sự suy đoán mà chờ chân kinh. Sự giải thoát nghiệp lực để trở lại bản lai, là phương tiện thiết yếu giúp đường thơ đi thanh thoát ảo diệu, và đưa tình thơ nhập thể ngôn từ về một chân tướng như hình ảnh: “*Rêu xanh còn tỏ dấu hài/ của người lên núi họa bài cổ thi*”. Thơ đề trên vách đá, một tượng hình phiêu lãng giăng mắc giữa chân tâm và hư không. Ở đó, hình dạng nghiệp lực chẳng qua cũng nằm trong một giới hạn sinh hóa vô thường. Người ta có thể xoay vòng bên định kiếp do nghiệp kiến tạo, mà đón nhận những câu thơ chuyên chở những đóa hoa rừng hiếm hoi kỳ lạ. Nhưng hoa vẫn là hoa, vẫn nằm trong tri thức và nghiệp lực hữu hạn, không thể thay đổi tượng hình cho một ý thức giải thoát giữa bốn bề tà huy lỏng lẻo chân pháp. Mà do nghiệp lực phủ kín hướng đi, nên hành giả vẫn thao thức soi bóng giữa đêm tàn giấc lụn, hầu bước khỏi ràng buộc bởi lá cỏ quanh đường thiền hành:

*Động từ một giấc chiêm bao
ngàn xưa nước chảy ngàn sau đá mòn
sớm không liệu kể vuông tròn
nên khi nát gió đâu còn bờ tre*
(Nghiệp Lực)

Bước ra khỏi nghiệp lực, người vác thi ca bằng một cuộc vượt phóng kinh điển, tỏ ngộ một bản thể sáng hóa, như một cuộc hóa

thân trên từng góc gác trong một tự tánh bình đẳng ảo diệu và phi thường.

KHAI THỊ NGHIỆP LỰC:

*Cái ta trở mặt ta rồi
quãng thanh kiếm sét nằm vùi dưới tro
mộng còn phá phách trong mơ
nên khi dụi mắt đường vô cùng dài
(Cõi Ta)*

*Khi chưa kịp trả ơn đời
bóng xô dạt bóng tay rời rã tay
Mình về khóc mướn thương vay
uổng ngàn năm vác đá xây trường thành
(Bỏ Công)*

*Từ ngày phé trước hoại sau
Chỉ lăm quây sóng đục ngầu non tiên
khi về cải táng tình em
mồ thanh xuân trước đã chen chúc đầy
(Cải Táng)*

*Lưới vung toan chụp đất trời
bắc cầu vô lượng tìm nơi vô bờ
Một thời hoang phí đường tơ
tả tơi xác nhện bây giờ vong thân
(Tự Truyện).*

D. NHẬN DIỆN (PHẨM BÈO MÂY II)

*“Thấy mình lạ hoắc trong gương/mấy trăm năm đã từng
nuơng nấu cùng/mở mắt ra hốt ngại ngừng/con sâu cái bướm kỳ
phùng chi nhau”.* Bước ra khỏi ngoại vi nghiệp lực, là tự giải thoát
được đường luân di trong giả vọng. Thơ bắt đầu biến thiên trong tự
ngã chân tâm, xô đẩy khỏi thị phi hư tướng. Khác gì một trận đi núi,
dốc cao gồ mồi, tuột xuống một hang thẳm, ngồi lắng nghe hoang
vắng giếng sâu sự thế. Chung quanh rêu đại mộc phủ kín hồn người,
bất chợt thông thấu một lương duyên ngàn năm tao ngộ. Hiền giả
hình như nhận diện được bước đi của một cuộc hóa thân kỳ vĩ, bên
ngoài nghiệp lực vừa được phá thể khai thông. Những cách trở xa
xôi vừa được thu ngắn hành trình, dẹp tan nghi ngờ dù chỉ mảy lông
mà khoan tay đứng dựa bên bờ tử sinh, âm thầm nhìn ngắm cuộc
hóa sinh bắt đầu khai nhụy:

*Lang thang từ buổi ban sơ
từ khi vạn vật còn chờ hóa sinh
bấy giờ vật đã nên hình
mà chân diện mục còn rình rập ta
(Hóa Sinh)*

Đưa tay vạch từng bụi cỏ, tìm ra sợi dây sinh lộ, lộn kiếp
trở về đỉnh núi trong tư thái nhập thể với bản sắc kỳ diệu. Từ nay,
khởi nguồn cuộc dự phóng cho thơ, trong một ý thức sáng tạo và
giải thoát cho chính bản năng bằng cuộc nhận diện chính mình:

*Lạc lắm từng bước phục sinh
tụng từ vô lượng trang kinh nát nhàu
khí thần trôi dạt phương nào*

xác khô tấp lại bên cầu phù du
(Phục Sinh)

Hạt gieo từ bao nhiêu sinh tử kiếp, nghiệp lực dần trải thắm thắm trên đường hóa sinh. Bây giờ, sự cảm ngộ siêu tuyệt khiến hiền giả và thơ hóa thân trong một vọng ước vĩnh cửu cho thể giới vô chung. Hình tượng giải thoát lấp ló suốt đoạn đường hóa thân như thế, khiến thi nhân đứng trong phong vũ chống chiếc long trượng, hầu đón bắt được hăng hà tinh tú ngôn ngữ bay trong thời mạt kiếp. Sự nhận diện chính bản thân mình, bản chất vật thể của ngôn ngữ, tinh diệu của đạo pháp, và sự kỳ diệu của ngôn ngữ... hàm chứa tình hoa vời vợi của bước đường tịch tĩnh hóa đạo.

KHAI THỊ NHẬN DIỆN:

*Thánh phàm mất lối tương thông
quyên sinh từ độ núi sông dậy thì
mai sau há dễ tư nghi
còn chưa cái tử mơ gì hoàn sinh*
(Một Tiểu Cảnh Thời Mạc Pháp)

Lên non tìm chút thoại đầu
gặp sư chẳng biết mình cần chuyện chi
rạch rời xét nét thị phi
hóa ra mình cũng hỏ nghi cả mình
(Nghị Tĩnh)

*Đã xa lác thuở hồng hoang
cột xiêu mái đổ đa đoan lối về
thủy chung vẫn một thẳng hề*

còn khoan tay đứng bên lề tử sinh
(Kẻ Hóa Thạch Bên Đường)

Dốc lòng xuống núi qua truông
chuyên tâm phổ độ lòng buông tay cầm
ngàn năm quỷ vẫn khóc thầm
cơ hồ sãi đã lật nhảm trang kinh
(Phổ Độ)

E. CÁT ĐÁ (PHẨM CHÂN TRỜI VÔ NGẠI I)

“*Tình cò lật lại cổ thi/ người trong cổ kính đã đi lâu rồi/ ta về cách tự bao đời/ trong gương vẽ lại hình người soi gương*”. Hình thái của cuộc diện bích, hóa hiện bản lai diện mục trong những thần khúc nhập tịnh, soi rọi chính chân tâm.

Khi Tổ Đạt Ma nhìn vách đá, không quán (diệt trừ) cả hữu vi (có tự tánh) lẫn vô vi (không có tự tánh). Nhưng bơi trong dòng chảy thơ hiền giả lại nhìn trên gương đồng mà chiêm nghiệm tự tánh qua gương. Gương soi mấy lớp, hình người hiện thể mấy kiếp khác nhau. Thế đó, tâm thức có còn động vọng trong mặt thể trang nghiêm? Hay lại là điệu hát vô thi, chơi rong cho hết cuộc sinh tử này? Bước thật dài trên con đường hướng về chân lý, mỗi bước lưu phương định vị là một cuộc thay đổi áo dưới nhật nguyệt. Thơ hóa hiện trong lưng trời vô ngại, Không cũng không đoạn tuyệt. Có cũng chẳng thường hằng, nghiệp và quả không bao giờ bị mất như lời Phật dạy:

Nụ cười tắt lịm trong gương
vải thưa đem hứng giọt sương trắng tà

*tôi cho cơm áo ta bà
mò trăng không thấy hay là không trăng*
(Bờ Hư Thực)

*Chớp đôi cánh mỏng vàng hoe
giữa rừng thu một tiếng ve lạc đề
lời phàm ý thánh vụng về
nên chi cát đã chưa hề bận tâm*
(Cát Đá)

Sự vượt thoát đi vào một chân pháp vi diệu, dòng thơ biến đổi diệu kỳ. Từ gò đá hoang vu đầy những tượng hình trầm luân, đầy đọa giữa hữu và không, bỗng bằng sự bùng nổ trong giây phút trực ngộ tình cờ, như kẻ mù lòa vừa lóe tia sáng đầu tiên. Cánh chim hồng xuất hiện nhảy lên cành cây đại thụ và phóng mình vào trời xanh, ngậm thi thiên rải xuống trùng trùng. Dấu chân xưa vẫn còn hữu vi, nên ghi lại chiếc bóng thần kỳ ngàn nay trải xuống ngàn sau:

*Ngao du bỏ thắm lìa hồng
ngàn năm trôi dạt đã đồng qui xưa
đường mòn cỏ gió đong đưa
dấu chân thiên cổ ướp vừa ngàn sau*
(Dấu Chân Xưa)

Có thể, vọng tưởng tán loạn đã được lắng đứng, đưa bản thể vào cảnh giới thuần nhất. Thi nhân ôm thơ tắm gội trong từng hạt sương mai sáng láng, khác gì chim hồng hoan hỉ rửa lông nhìn bầu trời mệnh mang thanh thoát. Thơ đã bước vào cảnh giới hóa hiện tâm kỳ, bởi yếu tính vĩnh cửu. Hiền giả ngồi suốt thiên thu nhìn dấu chân lạ lẫm vô hình vô tướng mà so bì với trời đất hạo nhiên:

*Ra sông ngồi vớt lục bình
cái duyên rất mỏng cái tình đa đoan
Ta về đốt lửa đồng hoang
ngàn năm âu cũng có toan tính gì*
(Lửa Đồng Hoang)

*Bóng đâu chợt dẫm lên mình
con chim sâu nhỏ giật mình bay ra
áo tu trút lại chùa xa
phốt lò tiểu đệ bỏ qua đại đồng*
(Trà Áo)

Từ cát đá, nhà thơ chấp tay hướng về không tánh mà phốt lò tiểu đệ, rời bỏ ngã chấp như tôi mê muối đứng hồ nghi đất trời. Chính phá chấp, chân tánh hiện càng lúc càng rõ ràng, và thơ như những đóm sáng lân tinh trôi bồng bềnh theo gió nổi, cháy hoang sơ trong bầu khí thường hằng...

KHAI THỊ CÁT ĐÁ:

*Tưởng là đá núi chuyển rung
Hay là trời đất tự dung rống gầm
Thì ra mượn ngọn phù trầm
Tây phong xô ngã bờ ngăn thánh phàm*
(Ngọn Tây Phong)

*Cát sông đá núi ăn the
chân mây vô ngại đường về thung dung
hốt đâu tâm vật rồi tung*

hay là nước động bóng rung tình cò
(Nước Động)

*Xâm mình ấn nút huyền cơ
cát tung dậy đất rừng trơ dấu rùa
đường canh sợi chỉ bung thừa
con thoi nhật nguyệt đánh lừa cơ duyên*
(Con Thoi Nhật Nguyệt)

*Phất tay rũ số bụi đời
lên non ngậm cỏ si người tình si
chợt nghe giữa lúc toan đi
đường như trong đá tử thi bật cười*
*

*Tình cò quay lại cỡi người
lặn lưng cái đại vui chơi ít vòng
bước từ chân bước phiêu bồng
hắt tung chữ nghĩa bên dòng phù sinh*
(Đất Trọ)

F. CÀN KHÔN (PHẨM CHÂN TRỜI VÔ NGẠI II)

‘Sông trôi lấp kín Hà Đồ/gió vi vút cuốn mịt mờ Thái Hư/rùa bò xóa dấu Lạc Thu/trong mông quạnh ấy dường như có người’. Chấm phết trong những câu thơ, đã nói lên tam thể đồng quy, thiên địa nhân những vị trí đồng vị một cách hài hòa trong vận chuyển vũ trụ. Trời đất chưa phân chia, cả hỗn nguyên chân khí bao bọc quanh hằng hà sa số hoang sơ trong vũ trụ. Mịt mờ cát bụi lưu sa quất quýt trong đại cuồng phong, bất chợt tượng hình. Thái Hư lập dựng hỗn

man, ngưng tụ trong hằng triệu triệu quang niên, xoay chuyển huyền hoặc phân chia lưỡng nghi âm dương huyền thể. Âm nặng chìm lắng và Địa tượng hình, dương nhẹ bay bổng chín tầng thanh khí và Thiên lập dựng. Thiên Địa hòa đồng trong bốn phương tám hướng, thành lập thiên can - địa chi, ứng khởi 64 quẻ dịch rồi phân hóa thành ít nhất 128 quẻ giảng đầy trong trời đất. Hà Đồ- Lạc Thư ghi chép về truyền thuyết những quẻ dịch như vậy.

Hành giả vừa soi rọi trí tuệ, cân nhắc cho thơ có những đồ hình lập thể, với sáng hóa hướng thơ cho "*vui đời tóc trắng hoa niên*" ngạo nghễ bước giữa Hà Đồ Lạc Thư mà vỗ tay "*trông cây chuối ngược cho Càn Khôn quay*".

Nhập thể vào chân như, phẩm Chân Trời Vô Ngại, từ bước Cát Bụi, hiện thể Càn Khôn, và tan biến trong Vô Chung (phẩm III, phần kết). Suốt con đường hóa hiện từ vô thi đến vô chung là một không - thời gian gắn trọn kiếp số đời người. Nên tròn vẹn vành vạnh Thiên Địa Nhân đóng khung cho sự chuyển hóa thần khốc của *hằng sa tam thiên đại thiên thể giới*. Thi nhân nhiều lúc như *cô quạnh đến ngàn năm sau*, mà *gối lên biển cả ngàn dâu vô thường*, nghiệm rằng "*khi về theo ngọn Tây phong/ tình cờ quay lại đời không còn dài*":

*Cựa mình hạt bụi chơi rong
hóa thân con bướm vờ trông nhau cười
mang râu đội mũ về đời
nằm mơ chung giấc với người đang mơ
(Mộng Trang Sinh)*

*Bóng trắng trên cợt đường về
tay khua bát rỗng chưa hề khổ tu
ta giờ xoa tóc ngao du
mặc cho thần khí đánh đu xác phàm
(Điệu Gõ Bát)*

Hình như, tại đây và đến nơi này thì nhân đã hòa nhập thần khí Thơ vào Thiên tông Thập Mục Ngưu Đồ bức tranh thứ 9 Trở Về Nguồn Cội. Hành già lạng lẽ nhập thể vào chân tánh, mở cửa bước vào thế giới thanh tịnh chẳng nhận mây trần...

*Thống tay xách dép qua rừng
thương cây cỏ vốn chưa từng nghỉ ngơi
Sánh vai tiêu lão vui chơi
trắng không tỏ lối về nơi không về
(Lối Trắng)*

Quả thật, hiện tượng vượt phóng giác đạo, bước vào tâm thức thi ca đã đưa thơ hiện thân một bản thể sáng láng siêu tuyệt. Ngôn ngữ luân chuyển trong những biến hình kỳ ảo, mặc nhiên tự tượng trong thơ đậm nét sinh động sáng tỏ long lanh trải dài trong ngõ sống tâm linh, từ vô thi đến vô chung, và tha nhân thiên thu chiêm ngưỡng trong tự tánh ảo diệu phi thường.

KHAI THỊ CẦN KHÔN:

*Ta từ chiếc lá trên cây
bỏ thiên thu chuốc một giây trùng phùng
cảm thông từ mỗi mạch rừng
con sông trái núi chưa từng ngăn ngại
(Khi Thiên Hà Thức Giác)*

*Vùi trong mộng mị gói chần
tưởng quanh trái đất ngàn năm còn thừa
bây giờ yên dưới bóng dừa*

nằm so với biển cũng vừa trông canh
(Biển Cự Minh)

Bờ Tây lệch gối sang Đông
chợt lim dim đã rêu phong gót hài
phương kia lối mộng phương này
một ngàn năm ngủ chưa đầy giấc quan
(Lối Mộng)

Nước chao hình bóng lập lò
đất trời từ đó đâm ngò vục nhau
dâu còn xanh thắm ngàn dâu
con sông chưa cạn núi đâu đã mòn
(Tự Tại)

G. VÔ CHUNG KHÚC (PHẨM CHÂN TRỜI VÔ NGẠI III)

Trăm phương ngàn cách bước vào thơ hóa sinh vô thường của hiền giả, cũng khiến người đọc chao đảo trong tư tưởng bất phân ly, trải dài trên hướng hóa hiện của thơ. Hình như nhịp thơ đi với nhiều phương cách. Chan hòa trong tư tưởng tâm triết của phương Đông, bay nhảy tận cùng bên những kinh điển, nhưng chánh tâm thi ca được nhìn thấy mệnh mông bên hào quang

Lão đạo và Thiên học. chan hòa trong vượt thoát bằng chiêu niệm tử sinh, sắc thân, rừng mê, ý thánh, địa đảng, càn khôn, phù sinh, cõi người, vô thủy, vô biên, ngao du, thiên hạ, thiên thu... Những trăm khúc tịnh yên vẫy gọi mọi người đồng điệu, bước vào tư tưởng quang hóa cực kỳ lộng lẫy trong dòng thơ có một định

nghiệp viên mãn. Không còn quái ngại trước tan biến vô thường, để rồn rang hứng đón từng lời vô ngôn vậy. Nhìn đây:

*Nửa đường lột xác ngao du
đôi tay trắng nước ngàn thu chưa rời
mặc tình cửa lếp sông bồi
vẫn nghiêng ngã giữa trận cười vô thanh*
(Ngựa Bỏ Yên Cương)

*Nương nhờ sức của tự nhiên
chẽ đôi chém núi nhìn xuyên cõi ngoài
Soi gương vẽ lại hình hài
hốt nhiên tỉnh giấc mộng dài trăm năm*
(Hướng Ngoại)

Phẩm Chân Trời Vô Ngại III, tách rời được những tâm thức động vọng khi nhập bước luân chuyển thơ hành trình thơ. Bước khởi đầu nguyên thủy trên những phẩm Sen Vàng, Bèo Mây từng bước chân lãng du lưu phương không định hướng còn để lại nhiều dấu chân vọng tưởng.

Thật vậy, Chân Không Để Dấu như bước giang hà, phiêu bạt tiệm tiến cùng trăng gió, tử sinh và đạo hạnh... Như dấu vết dần dần tan biến cùng theo nhịp bước thời gian, từ hiện thể u mê ngàn trước mù lòa ngàn sau, đến những con đường không lối, nhập vào nhịp gõ Trang Chu, mong ước cơ duyên lật nhăm trang kinh, đến phục sinh vô lượng....

Chân Không Để Dấu trở lại phản bản hoàn nguyên, hình ảnh Thiên tông lá rụng về cội dễ khép lại chân tướng vi diệu pháp vậy.

KHAI THỊ VÔ CHUNG KHÚC:

*Đừng màng ruộng cạn ao sâu
tả tơi gót ngựa về đâu cũng về
tử sinh, mép đã gần kề
hơi đâu bận bịu những thể thốt xưa*
(Mép Tử Sinh)

*Dọc đường cúi lượm hoa rơi
tiêu pha ngày tháng cuộc chơi công hầu
chờ khi nguyệt xế qua đầu
rủ rê nhau nốc cạn bầu tử sinh*
(Nguyệt Xế)

*Lỡ từ bước lỡ hồng hoang
tử thi chồng chất ngồn ngang đường về
kịp khi hồn phách gần kề
hóa ra vạn vật chưa hề tử sinh*
(Sinh Tử Khúc)

*Hình như chót lưỡi có bùa
nói đâu trúng đó từ xưa đến giờ
đàm thiên thuyết đạo vu vơ
mà thiên hạ chẳng ai ngờ tào lao*
(Duyên Đầu Lưỡi)

*Về rừng gót ngựa thuận lương
dọc ngang đâu khó bằng nương bóng mình
lời thơ ý rất thiết tình
trong tro có lửa trong mình có ta*

*khi xa chẵn gối cũng xa
lúc gần địa võng thiên la cũng gần*
(Khúc Vô Chung I)

*Lúc nương cát bụi về trần
Thân đơn một áo đàn cầm một giây
Chim rừng hót giữa vòm cây
Biển lao xao đón một ngày phục sinh
Hết mù sương, cạn ý tình
Núi sông giờ lại nguyên hình núi sông*
(Khúc Vô Chung 2)

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
*Viết tại Thư Trang Quang Hạnh
Mùa Hạ- Quý Tỵ (2013)*

MẠN CHÚ:

Thi phẩm CHÂN KHÔNG ĐỀ DẤU của nhà thơ-dịchgiả Trung Quốc học TRẦN YÊN THẢO, gồm 3 phần SEN VÀNG – BÈO MÂY – CHÂN TRỜI VÔ NGẠI, tổng cộng 163 bài lục bát (2 bài 6 câu lục bát, 4 bài 8 câu lục bát, 1 bài 5 câu lục bát, và 156 bài 4 câu lục bát).

Khi giới thiệu bài viết về Thi phẩm CHÂN KHÔNG ĐỀ DẤU, người nhận định mạn phép chia ra 7 phẩm:

- A. SƠ HUYỀN (Phẩm Sen Vàng I)
- B. DỊ MỘNG (Phẩm Sen Vàng II)
- C. NGHIỆP LỰC (Phẩm Bèo Mây I)

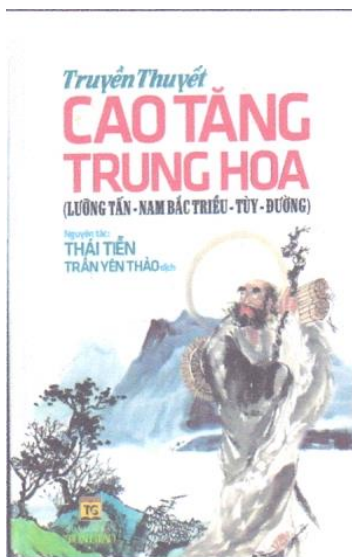
D. NHẬN DIỆN (Phẩm Bèo Mây II)

E. CÁT ĐÁ (Phẩm Chân Trời Vô Ngại I)

F. CÀN KHÔN (Phẩm Chân Trời Vô Ngại II)

G. VÔ CHUNG KHÚC (Phẩm Chân Trời Vô Ngại III)

Tác phẩm tiêu biểu của dịch giả nhà thơ Trần Yên Thảo



GIỚI THIỆU TÓM TẮT TIỂU SỬ
Nhà thơ Dịch giả Trung Quốc học TRẦN YÊN THẢO



Nhà thơ, dịch giả Trung Quốc học **Trần Yên Thảo** tên thật Trần Ngọc Minh.

Sinh năm Canh Thìn (1940) tại Hàm Tân - Bình Thuận.

Có mặt trên văn đàn miền Nam những năm 60 thế kỷ XX.

Sống tại Sài Gòn từ năm 1963.

Làm thơ viết văn (từ năm 1959), dịch thuật (từ 1982)

Viết trên các tạp chí văn học nghệ thuật miền Nam trước và sau 1975.

Cộng tác trước 1975: Tuần báo Ngàn Khơi, Tiểu thuyết tuần san, Bán nguyệt san Văn, Tạp chí Tiếng Nói, Tình Thương, Nghiên Cứu Văn Học.

Cộng tác sau 1975: Tạp chí Văn, đặc tuyển Thời Văn, báo Giác Ngộ.

Tác phẩm đã xuất bản:

- . Mắc Cạn (tập truyện, Nxb Từ Thức, 1970)
- . Hát từ thơ Trần Yên Thảo (tuyển tập lục bát do nhạc sĩ Trần Văn Bùi, Viết Chung, Nguyễn Tùng soạn thành ca khúc – Nxb Hành Động, 1971)
- . Quà Tặng Người Xưa (thơ, Nxb Trẻ 1997)
- . Rừng Sơ Nguyên (thơ, Nxb Trẻ 1999)
- . Chân Không Để Dấu (thơ, Nxb Thanh Niên 2016)

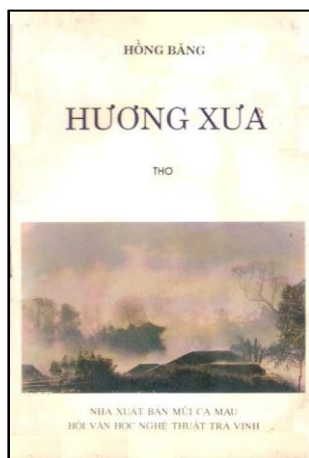
Hợp Tuyển (in chung):

- . Lục Bát Tình (501 tác giả, NXB Đồng Nai, 1997)
- . Sắc Hương Hoa Bút (260 tác giả, NXB Văn Nghệ, 2003)
- . Tuyển tập thơ 7 tác giả trong và ngoài nước (Thư Ấn Quán, New Jersey, Hoa Kỳ, 2004)
- . Bên Trời, tuyển tập thơ 14 tác giả (Thư Ấn Quán, New Jersey, Hoa Kỳ, 2004)
- . Bảy Sắc Cầu Vồng, thơ 7 tác giả (Nxb Thanh Niên 2012)
- . Hạt Cát Bãi Sông Xưa, thơ 7 tác giả (Nxb Thanh Niên 2014)
- . Âm Sắc Thời Gian, thơ 7 tác giả (Nxb Thanh Niên 2014)

Dịch thuật:

- . Những Kiệt Nhân Của Nền Văn Minh Cổ Đại Trung Quốc (NXB Văn Hoá Thông Tin, 2001)
- . Lịch Sử Con Đường Tơ Lụa (NXB Văn Hoá Thông Tin 2008)
- . Văn Hoá Thần Bí Trong Tiết Nhật Của Nông Lịch Trung Hoa
 - . Lịch Sử Nghệ Thuật Đồi Đường (Nxb Thanh Niên, 2014)
 - . Truyền Thuyết Cao Tăng Trung Hoa, 2 tập. (quyển thượng, Nxb Tôn Giáo 2014 Quyển hạ, Nxb Hội Nhà Văn 2016)

NHẬN ĐỊNH VỀ SÁNG TÁC VĂN HỌC CỦA Nhà thơ HỒNG BĂNG



KHÁI LƯỢC VỀ THƠ HAIKU NHẬT BẢN

Thể thơ Haiku được ra đời vào [thế kỉ 17](#) và phát triển mạnh vào [thời kì Edo \(1603 - 1867\)](#) khi đã dần mất đi sắc thái trào phúng mà mang âm hưởng sâu thẳm của [Thiền tông](#). Thiền sư thi sĩ lỗi lạc [Matsuo Basho](#) được thừa nhận là người khai sinh ra Haiku và [Yosa Buson](#), [Masaoka Shiki](#) đã hoàn thiện nó dưới diện mạo và tên gọi như chúng ta thấy ngày nay. Đây có lẽ là thể thơ ngắn nhất thế giới bởi mỗi bài Haiku, mặc dù đôi khi ta vẫn thấy có những hình thức khác, nhưng thường chỉ vồn vẹn 17 [âm tiết](#) trong 3 câu 5+7+5 (17 âm tiết tiếng Nhật có khi chỉ vài ba từ ít ỏi, 3 câu trong cú pháp Haiku cũng thường được viết thành một dòng). Chẳng hạn bài thơ con ếch nổi tiếng sau đây của Matsuo Bashō trong tập *Xuân*

nhật (*Haru no hi*, 1686) viết chung với đồ đệ, có cú pháp 5+7+5 âm tiết:

古池や (fu-ru-i-ke ya)

蛙飛込む (ka-wa-zu to-bi-ko-mu)

水の音 (mi-zu no o-to)

Bài thơ viết theo các kiểu chữ khác nhau:

古池や蛙飛込む水の音 (Hán tự [kanji](#))

ふるいけやかわずとびこむみずのおと ([hiragana](#))

furuike ya kawazu tobikomu mizu no oto ([romaji](#))

Tạm dịch:

Ao xưa;

con ếch nhảy vào -

tiếng nước xao.

Về nội dung có luật cơ bản sau: không mô tả cảm xúc, chủ yếu ghi lại sự việc xảy ra trước mắt. Vì số chữ bị giới hạn trong 17 âm nên thơ Haiku thường chỉ diễn tả một sự kiện xảy ra ngay lúc đó, ở thì hiện tại. Sự kiện này có thể liên kết hai ý nghĩ, hay hai ý tưởng khác nhau mà ít khi người ta nghĩ đến cùng một lúc.

(Trích wikipedia)

GIỚI THIỆU THƠ HAIKU CỦA HỒNG BĂNG

BIẾT

Ồ! Trăng

Lưỡi dao cắt tay sắc ngọt

Nhớ và quên.

TẾT

Tu hú khản giọng chiều

Vàng đồng lúa trở chường vòn qua

Run run vàng trắng lẻ!

BÃO

Gốc vông đồng chết đứng

Cảnh khô lấm điều

Hoa nở mùa tử sinh

THÁNG BA

Biển vàng giọt sót

Cuộc phiêu lưu cuối buổi chiều tà

Nàng Bân hồng má hóp!

MỆNH

Mặt trời qua đỉnh núi

Thơ tươi rói nhuộm màu hoàng hôn

Nhưng mà: đêm sắp tới.

BÔNG TRE

Trở bông

Nỗi niềm vĩnh biệt

Kiều hãnh nộ cười tre

NGƯỜI HÀNH KHÁT MÙ

Khoảng đen sâu hoắm
Độc tâm kinh nhật đồng tiền kẽm
Hóc mắt đăm cam lồ.

LỬA

Phượng xoè cánh đỏ
Cụ già hộp nắng im nghe
Hồi quang động giọt

TRÚC PHƯƠNG

Thời Cúc
Buốt đầu ngón tay
Âm vàng ngọn trúc.

CÀ PHÊ

Đen quyến rũ
Trắng muốt hương thơm hoa trầm tư
Từ từ...

BON SAI 1

Vũ trụ như hạt bụi
Ngọn bát phong lịm tắt
Rực rỡ bonsai.

TƯỚNG và TÂM

Mất người năm cũ
Nhẫn đeo không vừa
Vết hằn ngón xưa.

THƠ 1

Trên đỉnh non yên
Chim ngàn vút bay qua tiếng sét
Dung nham tràn thi ca.

THƠ 2

Nghiêng nghiêng bút cầm
Ngu ngơ thần ý nở lung trời
Hoài thai đau vết mực.

KHÁI NIỆM

Không khái niệm
Thâm áo
Bạc màu áo thâm.

TRÒ CHƠI THẤT LÁT

Hạnh ngộ giữa ngói và nước
Giấc ngủ và cơn mơ
Huyết quân sỏi bọt.

BON SAI 2

Quặt quẹo chúng sinh
Mượn mũi càn khôn vạn đại
Mãn hư đủ đầy

CHÀM KHÚC TÌNH

(Tặng Chu Ngạn Thư)

Chàm khúc
Ngõ chiều vàng hoa đài các
Cá giỡn trắng.

CƯỜNG TOẢ

Gió heo may sóng gợn
Tim hành giả lay nhịp nguyên sơ
Ngoài vòng cương toả.

TỔ QUỐC

Tu hú trầm
Sóng ghé đảo xa
Hương Tổ Quốc.

KHÔNG

Núi Tuyết không nuôi tiếc
Lặng lẽ lắng nghiêm
Đèn khêu sáng ngọn.

TRÂU VÀ CHIM PHƯỢNG

Cười trâu lưng thững
Phượng hè! Phượng hè!
Sông quanh co nước dựng.

ÁT BỔNG

Tiếng quát rúng động
Gậy dò đường phát chấn
Mặt trời tĩnh mịch

TRỤ

Gió xé tàu lá chuối
Cầm tay an nhiên
Lòng lộng trời vô trú.

NHẬP

Một triền lau trắng
Chuồn chuồn kim quện chiều
Thời gian tan...

VĨNH CỬU

Khép mắt, vàng rơi
Vàng bay khe khẽ
Nhật tiếng ve.

BA CÂU NGŨ HÀNH SƠN

Núi thăm trầm mặc xám
Bãi tụng ca mù giăng bóng sắc
Hòn đá sinh sôi.

GIỌT SÁNG

Ngát ngưỡng thuyền Bát nhã
Rẽ hướng vô tâm
Nụ cười chín suối.

MẸ

Vu lan hai màu hoa
Run âm chuông len đêm mưa dầm
Đắm môi người ngọt mặn

HỒNG BĂNG

HỒNG BĂNG



Nhà thơ Hồng Băng tên thật là Phạm Thanh Trung, ông sinh ngày 1/11/1952, nhằm ngày 15 tháng 9 âm lịch, năm Nhâm Thìn. Quê quán: làng Ngãi Xuyên, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài bút hiệu chính, Hồng Băng còn ký bút danh khác là Phạm Thị Cát Dung...

Thập niên (19) 60' - 70', Hồng Băng theo học trường Trung học bán công Trần Trung Tiên, trường Trung học Vĩnh Bình. Sau, ông theo học trường Sư phạm Vĩnh Long.

Ra trường, Hồng Băng đi dạy học đến năm 1980, nghỉ việc trở về quê thân mẫu tại Phước Hưng, Trà Cú - Trà Vinh, làm ruộng.

Ông có quá trình hoạt động nghệ thuật đa dạng, xuất bản tác phẩm và cùng băng hữu Trà Vinh gặp gỡ thường xuyên ở quán café Giao Châu làm chỗ tựa cho văn nghệ sĩ tỉnh nhà. Tại tụ điểm café

Giao Châu cũng là nơi liên lạc bạn bè văn nghệ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Trước năm 1975, nhà thơ Hồng Băng cộng tác và đăng thơ trên một số nhật báo, tạp chí địa phương và Sài Gòn.

Sau 1975, Hồng Băng là Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Cửu Long, Hội Văn học Nghệ thuật Trà Vinh.

Hiện tại, nhà thơ thường trú tại tư gia số 103 Phạm Hồng Thái, Phường 2, thành phố Trà Vinh.

Tác phẩm tiêu biểu HỒNG BĂNG

A/ Tác phẩm in riêng:

- 1/ Kinh Cầu Chim Núi (thi phẩm, 1973)
- 2/ Hương Xưa (thi phẩm, NXB Mũi Cà Mau 1993)
- 3/ Lửa Hương Mùa Cũ (thi phẩm, NXB Hội Nhà Văn 2024)

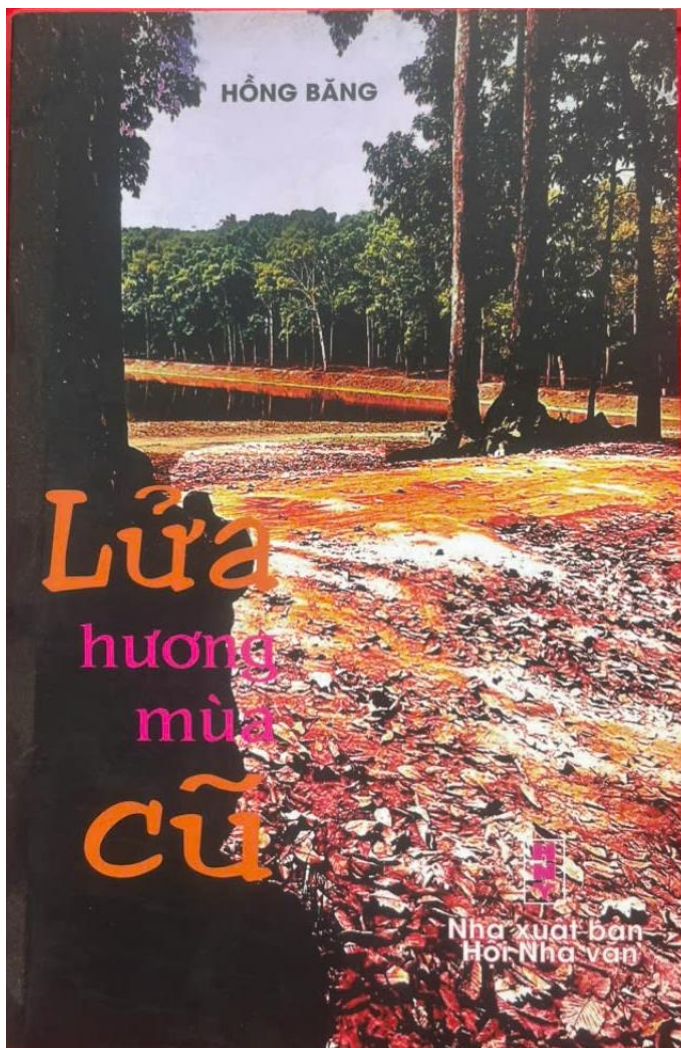
B/ Tác phẩm in chung:

- 1/ Âm Sắc Thời Gian (7 nhà thơ Việt, NXB Thanh Niên 2014)
- 2/ Kỷ Yếu Văn Học Trà Vinh (NXB Thông Tin Truyền Thông 2015)

C/ Hiện diện trong tác phẩm nghiên cứu:

1/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi quyển IV (Bộ sách Biên khảo Phê bình của Ngô Nguyên Nghiễm, NXB Thanh Niên 2012).

2/ Chân Dung Văn Nghệ Sĩ Qua Góc Nhìn Ngô Nguyên Nghiễm, quyển thượng (Bộ sách Biên khảo, Tự điển NXB Hội Nhà Văn 2016).



Lửa Hương Mùa Cũ

THƠ HAIKU HỒNG BĂNG

1- Bonsai

Quắt quẹo chúng sinh
Mượn mũi càn khôn tâm vạn đại
Mãn hư đủ đầy.

2- Chàm Khúc Tình

(tặng Chu Ngạn Thư)

Chàm khúc
Ngỏ chiều vàng hoa đài các
Cá giỡn tung trắng.

3- Trâu Và Phượng

Cưỡi trâu lững thững
Phượng hè! Phượng hè!
Sông quanh co nước dựng.

4- Át Bổng

Tiếng quát rúng động
Gậy dò đường phát chân
Mặt trời tỉnh mộng.

5-Trò Chơi

Hạnh ngộ giữa ngôi và nước
Giấc ngủ và cơn mơ

Huyết quản sỏi bọt.

6- Hương Ngọc Lan

Cầu nồng hương, lộ tịnh
Em xưa qua
Gió đứng, ngã ba sông.

7-Không

Núi tuyết không nuôi tiếc
Lặng lẽ lặng nghiêm
Đền khêu sáng ngọn.

8- Nhập

Một triền lau trắng
Chuồn chuồn kim bay chiều
Thời gian tan trên không.

9- Vĩnh Cửu

Mắt khép
Vàng rơi khe kẽ
Nhật tiếng ve.

10- Trụ

Gió xé tàu lá chuối
Cầm tay an nhiên
Lồng lồng trời vô trụ.

11- Cương Tỏa

Gió hồ thu sóng gợn
Tim hành giả lay nhịp nguyên sơ
Đâu vòng cương tỏa?

12- Trúc Phương

Thời Cúc
Muốt đầu ngón tay
Cong queo ngọn trúc.

13- Thu

Vũ trụ hạt bụi
Ngọn bát phong lịm tắt
Rực rỡ bonsai.

14- Tướng Và Tâm

Mất người năm cũ
Nhẫn đeo không vừa
Tình xưa...

15- Viết

Trên đỉnh non yên
Chim ngàn vút bay qua tiếng sét
Dung nham tràn thi ca.

16- Lửa

Phượng xòe cánh đỏ
Cụ già hóp nắng im nghe
Hồi quang động giọt.

17-Người Hành Khất

Khoảng đen sâu hoắm
Độc tâm kinh nhật đồng tiền kẽm
Hốc mắt đầm cam lồ.

18- Bão

Gốc vông đồng chết đứng
Cành khô lăm điều
Hoa nở mùa tử sinh.

19- Tháng Ba

Biển vàng giọt sót
Cuộc phiêu lưu cuối buổi chiều tà
Nàng Bân hồng má hóp.

20- Thơ

Nghiêng nghiêng hoa bút cảm
Ngu ngơ thần ý nở lưng trời
Hoài thai đau vết mực.

21- Cà Phê

Đen quyến rũ
Trắng muốt hương thơm hoa trầm tư
Từ từ...

22- Bông Tre

Trổ bông
Nổi niềm vĩnh biệt
Kiêu hãnh nụ cười tre.

23- Suối

Một mình trên thuyền độc mộc
Rẽ hướng vô tâm
Nụ cười chín suối.

24- Giọt Sáng

Lời kinh bật tiếng
Lặng âm... chùng dây oan nghiệt
Giọt lệ sấp lúng liếng.

HỒNG BĂNG

TẢN VĂN NHÀN ĐÀM HỒNG BĂNG

1

NGHÉ ƠI!

Nhỏ, cùng bày, theo đàn, gọi: Nghé. Cứ đeo mẹ, vương giò vương chum. Cũng có lúc nhảy còng lên trên ruộng khô, một quãng dài, quên tiếng ghé... ọ!... vang ngân trên đồng trống, rạ trơ.

Rồi một ngày, đôi sừng non nhu nhú. Nó xé da, vượt lên khoảng không, như muốn nói rằng: Tôi đã lớn, sắp xa bày. Xa mà nhớ. Nhớ tiếng rống ngân, vương mùi mẹ, thê thiết...

Người ta nói nó Nhớ Bầy!

Trâu tơ nhớ bày là chuyện bình thường. Tôi già ngắt già ngơ, không biết xuống lỗ ngày nào, cũng bày đặt nhớ. Nhớ đủ thứ thập vật trên đời! Khi mắt lơ đễnh nhìn, bắt gặp một cánh hoa rơi, tự động nghe lòng chùng xuống. Nó hệt hững như một ca sĩ hát những nốt cao, đột ngột xuống nốt thấp. Thấp đến không rõ lời... Và, thoảng một chút hương từ bụi càng cua gậy ngọn là nhớ ô trâu của Ngoại, của Mẹ... Cứ duyên đến, là mộng. Giấc mộng thu phai. Nó dẫn ta đi trên con đường vô định. Ta trở thành kẻ lang thang. Lang thang suốt cuộc hành trình. Hết đèo dốc là vực sâu, là dòng suối óng ánh chói chang, là thẳm đen của màn đêm núi rừng.

Bây giờ, tất cả ngưng đọng. Ta thử một lần dừng lại, ngồi trông bóng mình. Bóng in màu thân thuộc, dưới ánh đèn đơn sắc. Thì thầm với bóng cũng là với ta. Cái Ta nay vầy mai khác, thoát có rồi không. Cũng là chiếc bóng mà thôi!

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Tiếng thán lẫn chất lười, tiếng chó tru đêm, tiếng mèo đêm ròn rợn, tiếng cú đầu ngọn sao già... Tất cả bình thản trôi. Thoáng nghĩ, mai này, khi ta già từ cuộc sống chúng vẫn kêu, vẫn hót, vẫn gào... muôn thuở. Vậy mà, đã có một quãng dài, ta ngu ngơ cột buộc, ghét thương...

Bảy mươi năm vù qua. Thằng bé xưa giờ tóc đã màu mây trắng vẫn tự cho mình vẫn như chú nhóc độ nào, khi về ngôi bên mộ Mẹ! Ngôi mộ tinh tươm, lạng lẽ bên bụi ngâu xanh biếc. Một chút hương thoai cũng đủ để mềm lòng. Tiếng bìm bịp kêu giữa trời nắng cháy, buồn càng buồn hơn! Chép miệng hát lồm bồm nhớ quên lời bài ca cũ: "Buồn, đã đến rồi, một buổi sáng mưa rơi...". Buồn, đã tới rồi! Buồn, đã biết rồi! Bây giờ: Buồn, tới nữa rồi! Và mai: Buồn! Hết biết rồi!... mỗi buổi tối như mai...

Ngày đêm, triền miên tới. Dưới ánh nắng chói chang, ta đang quờ quạng, tìm ngõ thoát đâu đâu, chìm lún.

Chiều dần buông. Nắng hắt xuống dương gian tia óng ánh màu. Xa xa, đàn trâu đang kéo về chuồng. Chúng xếp hàng một, bình thản đi như không có gì vội. Vút lên một vài ngọn dừa như làm nền cho phong cảnh, nét chấm phá tĩnh yên. Trâu nhớ bầy, lời xưa ngẫm rằng, có những điều mà người ta không thể quên được: một quê hương thắc thỏm nhớ mong, một ngôi nhà chung ngút ngàn thương nhớ, những người thân thuộc ruột rà, một lũy tre xanh...

Trâu nhớ bầy. Tôi bây giờ lại nhớ nó! Nhớ đôi sừng cong vút như một tròn, như vòng tay ôm, tượng nghĩa đoàn viên.

Trâu, Tôi... xóa một lần ranh hư huyền...

Quê hương!

2

HẸM...

Chiều nay, mưa. Nước trên đường cuộn chảy. Nặng hạt, dai dẳng. Nằm, nghĩ bạn bè xưa, thuở còn đi học. Những tối mưa dầm, tụ tập đờn ca, hẻm tối. Những: Từng bước, từng bước thâm, khi người yêu không tới, tự nhiên buồn lặng câm (sửa vài từ). Em ơi biết cho chẳng, tỉnh lẻ đêm buồn! (củ lủ ăn thùng! ...). Giờ đây em ơi, hoa rụng toi bời... Còn đâu em ơi, tóc rối ngổn ngang... Ai, từng đêm

ý đơn côi, dẹt tiếng thơ u buồn... Đôi khi, trộm nhìn em. Xem dung nhan ấy, bây giờ ra sao. Em đã già, lưng có còm (sửa vài chữ). Chất giọng vệt... đục, mới bẻ tiếng... Mà, có ai đâu để nhớ! Cặp cặp này với cặp kia cho vui. Vậy chớ, vô tình đụng mặt nhau, cũng... mắc cỡ, khép nép áo dài...

Bên kia đường nhà tôi, rất nhiều hẻm dốc. Tên hẻm gắn với một địa danh gần kề bên nó. Gần Sân Vận Động thì gọi hẻm Sân Vận Động, gần Bót Ông Cò thì gọi hẻm Bót Ông Cò. Nhưng, nó cũng đổi tên, kịp tình hình mới, giờ kêu cập nhật. Hẻm Sân Vận Động cũng gọi hẻm Ty Thanh Niên. Hẻm Bót Ông Cò đổi hẻm Trung đoàn vì sát bên Trung đoàn 14, SD9. Tiếp tục gọi hẻm Ông Cổ Trầu vì đầu dốc hẻm là nhà Ông Cổ, linh mục của đạo Thiên Chúa thời Ngô Đình Diệm... Tôi qua nhà Ông Cổ chơi hoài. Cháu ông, tên Trung, tên Tuyết. Ông ốm cao, hơi móm, đầu hớt ca rê. Ông cười, môi đỏ tươi. Thấy vậy chứ quyền lực lắm. Quan chức tới nườm nượp...

Hẻm: đường đất, ngoằn ngoèo, lồi lõm, hẹp. Hai bên là nhà, là ao vũng. Những ngày mưa dầm như chiều nay, đường lầy lội. Đêm đèn dầu đỏ ngọn. Tiếng ếch nhái rền vang. Cá lóc trườn mình qua... đường.

Tĩnh lý đèn bóng tròn lu âm. Cách con đường rộng năm bảy mét là hẻm dốc tối. Nó như tô đậm khoảng cách thành thị nông thôn, kề nhau mà tách biệt.

Hai bên đường Lê Quang Liêm, khoảng giữa đường số 3 và 4, có một Hồ Bơi, có khắc biển nổi, bằng xi măng: Piscine. Sau lưng nó, người ta trồng rất nhiều gòn nên còn gọi là Sân Cây Gòn. Sau, chỗ đó, có một trại lính, gọi Đại Đội Hành Chánh Tiếp Vận. Cũng có người gọi sân Cơ Giới vì ở đó có hai chiếc xe, gọi Nồi Đồng. Loại

xe gần giống tăng nhưng bánh hơi. Chỗ này hiện nay là Vincom Trà Vinh, siêu thị.

Đôi diện Vincom có 2 hẻm, cùng gọi tên: Hẻm Piscine. Tôi thường xuống chơi với các bạn bè cùng chạn, cũng có bạn học. Đầu dốc là nhà Đức, gánh họ Mạch, làm nghề bán thịt heo. Cả con dốc bên đường số 3 này dài chừng ngoài ba trăm mét. Cùng đường là ruộng. Rễ trái, có một khu mồ mả u tối và cả động mại dâm. Hồi ấy, tôi thuộc lòng từ nhà. Thăng Thắng ròm, Diệp Hoàng, Phụng Mười Đậu, Tuấn Cận Thị, Bửu Sơn, Thầy Hai Chích, Thầy Cảnh, Chú Ba Lùn, chị Lắc Lin (độ là Jacque Line chăng?), thằng Huân, con Trinh, bà Sáu Tửu, bà Chín già, chú Hòa, chú Hiệp...

Bây giờ, thỉnh thoảng, thằng Tường ghé tôi. Nó xưa trọ học hẻm Piscine, giờ về quê ở cù lao Long Hòa, ngày ngày đờn ca hát xướng và... nhậu! Già mà xem ra sượng. Nó sáu chín tuổi mà như trai tơ...

Bây giờ, tản lạc hết. Sau 75, người về quê, kẻ đi nước ngoài, người chết già, chết trẻ, người nơi khác đến... Lạ hoắc!

Tôi nhớ, có lần cười... té đĩa. Tụi nhóc bu quanh người lớn, coi đánh bài tứ sắc. Thầy Cảnh, giáo viên Tiểu học, ngồi xếp bằng, ở trần, quần xà lỏn, chăm chú lo hô: đôi, khui. Ông này lông beng ăn nát lưng, giống hình bản đồ Việt Nam. Mấy nhóc cầm nhánh tre chỉ vào lưng ông, nói chỗ này là Ba Xuyên, chỗ này Sài Gòn... Vĩnh Bình mình nè... Thầy thua ván đó, quạu, trừng mắt: Tổ cha tụi bây. Dạy học, sử địa gì ở đây! Đi chỗ khác, chỗ người lớn chơi!

Hay chú Tám, nằm ghé bố, đọc nhứt trình, tin chiến sự... Nào là mặt trận Dakto, đòi Benhet... Ông đọc thành tiếng như trong radio. Mở đầu, sửa kiếng, tăng (hay đẳng?) hắng, đồng dục: Tin Palacu... Thằng con chọt: Trật rồi! Ba! Phải đọc Lây Ku mới đúng! Chú Tám hơi sượng: Mày biết gì! Trúng bày đặt khôn hơn vịt!...

.....

Hẻm vậy đó! Người người đụng mặt, chào nhau bằng nụ cười: chú Tám đi chợ hả? Anh Ba dạo này khỏe rồi phải không? Thím Năm tháng nào sanh vậy? Tui coi cái bụng nhọn nhọn, chắc sanh trai. Ủ, chắc trai quá chị, nó mái (đạp!) bên trái...

Đủ thứ trên trời dưới đất, hẻm bà lằng xằng khẩu, vui lắm.

Mà cũng có khi nghe thứ không cần nghe, chửi nhau rùm trời, dậy sóc...

Giờ cửa đóng then gài. Bảo hiểm, khẩu trang... kín mít. Mặt còn không rõ có đâu câu chào!

Xã hội tiến, con người... lật đật, cái hồ lục bình, ầm mướt, nhiều cá lưu lại, giữa hai con hẻm ấy, giờ san bằng, mọc lên tòa nhà năm tầng, ngân hàng, công ty, trắng và... lạnh!

Mưa vẫn chưa dứt hạt. Gió đùa. Lạnh!

Mặt người cũng lạnh mới ghê!

3

CON CHUỒN CHUỒN

Có mấy chuyện thuộc dạng tin đồn. Thường tin đồn thì tính chính xác không cao.

Nhỏ, mấy cha lớn xúi dãi, bắt con chuồn chuồn trâu, cắn rún, tự nhiên biết lợi. Cả đám con nít sức mấy tin, bởi bị mấy cha này gạt suốt. Nhưng mà, âm thầm thực hiện. Đừng thấy nó mong manh mỏng mảnh cánh chuồn mà coi thường nó. Cẩn chỗ non ẻo, đau bà có. Một vết đỏ, sung phù. Xuống sông, nín càn bần gie, đập đùng đùng, buông tay... thử. Lợi thì không chắc. Chắc là cái bụng thêm một bụng nước óc ách...

Trưa, đi dự đám hỏi, giờ kêu bằng lễ đính hôn. Vai Ông của cô dâu, ngồi bàn giữa bệ vệ. Dâu rỏ ra chào, mời rượu. Ông úp gào nghe

cái trót. Ngon. Bàn giữa nên uống rượu khan, miễn moi. Mà cần chi moi mới uống. Bơm tui thường nói, cái này là từ chuyên môn nghen: "Biết lợi đâu cần bập dừa"! Cũng cái câu này mà lọt địa hoài, hồi nhỏ! Phải nói bơm oai phong! Bốn đứa ngồi úp, ngó qua ngó lại, ba thằng ngủ tại mâm! Rượu thì còn, hăng, bèn phán: "Trên chiến trường, còn một thằng, vẫn là chiến sĩ!" Rồi tự rót, đưa cao, hô: "Chiến sĩ thì không đầu hàng!" Trót! Gục luôn!

Đúng là bãi chiến trường, ê hề rượu thịt!

Hồi năm, tui là dân văn nghệ, trẻ, sung lắm. Nhậu mệt nghỉ! Toàn là ông... trời, ông thần không hà. Nhậu riết, chết gần hết, bị thương cũng nhiều. Giờ mấy nó còn lại gì? Còn những trang thơ, tập truyện và lòng thương nhớ của người ở lại! Nhớ mấy nó, lật vài trang sách, đọc dăm câu thơ mà... đứt ruột!

Anh em Trà Vinh xưa, đi muốn hết rồi: Hoài Giang LBD, làm thơ. Huỳnh Thiên Lộc, họa sĩ. Nguyễn Phước Hải, văn học. Phạm Tường Bá, thơ. Tô Nhựt Châu, thơ. V. v... Về cõi mới, chắc đủ một mâm. Thêm Lê Long, Vũ Loan, nhạc sĩ Trúc Phương, Hồ Duy...

Chiều, ngó thấy chuồn chuồn bay cao, từng bầy. Phía Tây, mây xám xịt. Nhìn mây thì đoán mưa là cái chắc. Nhìn chuồn chuồn thì thấy khác, bởi nó bay cao: chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.

Ra sân vận động, đi một vòng. Mưa ập xuống, chạy tìm chỗ đụt. Mấy con chuồn chuồn cũng trốn như tôi. Nó đập vào dàn trang leo đầy hoa đỏ! Tui lầm bầm: Mấy con này, nhỏ không chịu đi học nên không biết gì về ca dao, tục ngữ, nên bay bậy bay bạ. Lẽ ra phải bay thấp để người ta canh, ở nhà, ngủ cho khỏe. Có đâu, mang giày ra sân để đụt mưa...

Nhỏ, cần rún một lần

Già, bị con chuồn chuồn gạt nữa...

Ai biểu, già nhẹ dạ!

4

TRÚNG NẮNG

Chiều xuống, ngồi bên hiên nhà, nhìn về phía Tây, nắng đang rực màu vàng diễm ảo. Mặt con kinh nước đục in lệch bóng chiếc cầu tre. Nó đu đưa như muốn thầm nói, như than van số phận bọt bèo, trót mang đời tạm bợ. Con trâu tơ bóng, nằm nhơi lại, nó thông dong, nhơi cả nắng chiều. Cây rơm cúi đầu, lặng im, thắc thỏm chờ trăng lên.

Mái lá cũ thâm màu. Chiếc máng xối từ thân cau chẻ, thấp dần về chiếc lu to. Đuôi lá tưa ngọn, gãy vụn, theo máng cau, trôi vào lu nước. Nó hòa tan vào hạt mưa trời, nhuộm nước vàng quạch như màu trà đậm để qua đêm.

Ngôi nhà có sàn là đất ruộng. Thứ đất dẻo nhẹ, gặp mưa là trơn, gặp nắng là nứt. Người đàn bà đổ lên sàn từng thúng tro bếp, khê nện bằng chiếc chày gỗ. Từng ô đất láng vo, liền lặc. Bên trong, chiếc võng lắc đều, chú bé tròn giấc nồng say.

Sáng, bếp lục đục nổi lửa. Hơi sương tỏa trên mái nhà, phủ màu đục đục. Những sợi rơm khô bùng cháy. Óc ách tiếng cơm sôi. Hương theo khói quện mái nhà. Hương theo cánh cò chấp chới. Ôi, cái mùi hương đó, bao giờ, bao giờ, dẫu xin chỉ một lần hạnh ngộ!

Người ta tiếc nuôi một thời đã vù qua, nao nao tìm, mong ngày gặp lại. Nghiệt ngã thời gian đã ngăn che. Có nhiều điều đã vĩnh viễn mất đi bởi nó chỉ đến một lần. Cũng có thể bạn đã trải qua một vài mối tình đẹp thuở thiếu thời non tơ, cảm giác cái nao nao đợi chờ, những đêm tơ tưởng và rồi một ngày đêm ám nào đó, tay lại tìm đàn. Niềm hồi hộp, náo nức ấy... không bao giờ lặp lại! Tôi gọi nó là tuổi xuân thì chín bói. Gặp đã vậy thì xa cũng thế! Mây đã bay về phương

khác, vượt tầm mắt vẫn hoài trông, vô vọng... Lao luyên thời ngu
ngơ...

Đừng mong gặp lại cái phản ứng ban sơ. Vĩnh viễn hình ảnh
Trà Vinh xưa đã khuất. Cái Hòn Thiên Cổ đã xa vời. Những con
đường đèn vàng lu ngọn, những basement thẳng hàng khi tuổi nhỏ,
bạn hằng đi. Ông thợ nhuộm đồ gánh trên vai đôi thùng đỏ lửa với
chiếc trống lắc. Tiếng kèn của ông thiên heo. Tiếng súp lê từ bến đò,
bến xe, giục khách. Tiếng lộp cộp của xe ngựa...

Tất cả đã là... hôm qua. Chúng lưu lại cho những ai bất chợt,
một thoáng quay về. Oi! Nỗi quan hoài! Oi! Hòn cổ thổ!

Chú bé đã thức giấc tự bao giờ. Chiếc võng đã được cuộn gọn.
Nắng lên quá ngọn cau già. Nắng xuyên mái lá, tạo những vệt dài, li
ti hạt bụi. Nó in những dấu tròn, người ta gọi trứng nắng. Chú bé như
đã quen, một tay nắm sợi dây mà mẹ nó cột vào cái rổ. Nó lê bước
chân chập chững trên sàn đất trộn tro láng ướt. Cái rổ chuyển theo.
Nó đưa tay lượm những trứng nắng, cho vào rổ. Cứ thế, nó đi khắp
nhà, tìm nhặt và hớn hờ đùa vui...

Tìm đâu ra ngày ấy?!

Sáng nay, một lần còm cõi tìm về để bắt gặp căn nhà xiêu đổ.
Chỗ lu nước giờ có cần vò sò chống trơn trôi. Vẫn chiếc gáo dừa có
cán, trơn nhót, thẫm đen qua mấy mùa mưa nắng. Mái lá vẫn hào
phóng để những tia nắng lọt qua. Nó in những bóng, hình quả trứng
trên nền nhà. Thằng bé kéo lê chiếc rổ ngày trước giờ đã là cha, là
ông, đã không còn hồn nhiên cúi nhặt...

Những quả trứng ngây thơ ấy tưởng như biên biệt. Ngờ đâu,
giờ nó lại nở thành bầy đàn trong trí tưởng của những lão già.

Như những thước phim chiếu chậm.

Chiêm chiêm tiếng gà.

Trứng đã hóa thành.
Không, đâu đây ủa về!
Sột soạt tiếng gà khải mở, chiêm chiếp và
Hé lên chút sáng, trong đôi mắt đục.

5

EM OI! CÓ BAO NHIÊU?

Đọc, hiểu chưa đúng, ả đốp chất rần rạt: - Có bi nhiêu, kẹ người ta! Tui không mượn mà cũng không đại gì cho mượn. Còn lâu...

Lại... tiền!

Sáng chủ nhật, lật vài trang, thấy ngay bon chỗ bàn về ái rồi thủ và hữu, chỗ... tội tình suốt kiếp nhân gian.

Xếp sách, tôi nằm, lang thang rà soát chính mình. Không biết, lúc thiếu thời, có lần nào dừng dung, khi trước mắt mình, một cô bé đẹp, kiều kỳ... thoáng qua. Chắc là có và cũng chắc là không! Sách ghi, khi thân căn và thế giới tiếp xúc thì... ái dục xuất. Từ đó nảy sinh muốn chiếm giữ và hình thành trọn vẹn cái huyền có, đầy khổ đau...

Để dọn dẹp, chặt gốc ái, không còn gì để nắm giữ, tức buông bỏ, chẳng có gì để hình thành.

Nghe... dễ ợt vậy chứ không dễ làm. Trụ vương còn té đĩa Đắc Kỷ nữa là...

Ái. Ái cái gì mới được? Cái đẹp và cái ẩn tàng bên trong cái đẹp ấy. Một làn da điều đứng ư? "Ta đặt em lên ngai thờ nữ sắc/ Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da." (Đinh Hùng- Kỹ Nữ). Anh đã đặt lên ngai bởi ý anh và dữ dội hơn bởi "âm thầm"chiêm ngưỡng. Cái âm thầm này là cái anh nghĩ mà... tía tôi cũng không đoán được! Nhưng tôi biết, chỉ là những cái do anh tự suy diễn, về vời thôi. Anh chìm trong đó, trong cái không thật có. Vậy nên anh chắc ba bó là khổ. Cái cô bé trên ngai thờ ấy, người ta hồn nhiên, người ta vô tình... nhìn anh thôi mà, chứ có đẩy đưa như anh nghĩ

đâu! Mấy cha làm thơ nâng cái hiểu lầm này lên hàng nghệ thuật, mới chết! (Xin các ông các bà làm thơ thứ lỗi cho!)

Đẹp là gì? Là xấu... ít! Kiếm đâu ra cái toàn mỹ! Xấu là gì? Là đẹp... ít chút. Nghĩa là trong đẹp có xấu, trong xấu có đẹp. Vậy: Em nào cũng có đẹp! Với nhãn quang chấp trước thì xấu đẹp "tùy... người đối diện" (Tìm bạn bốn phương tám hướng!)

Hỏi: Em ơi, có bao nhiêu? Ý là bao nhiêu năm cái ngai vàng nữ sắc, cái làn da ngọc ngà này nó tiêu tán đường kia? Năm, Mười, Mười lăm? Em trai rồi sẽ... móm. Em trai rồi sẽ... sói. Em gái rồi da sẽ dùn. Mắt long lanh rồi sẽ dùng đục, nhìn phát buồn ngủ! (đừng phiền) ... Ai rồi cũng vậy thôi! Nên chi, khi gặp lần đầu, thấy vụ này thì ái gì nổi mà ái. Không ái thì buồn.g..

Mấy đứa nhỏ nói, ông già nói hay quá! Chắc tại ông già, ông chán rồi. Bậy. Bậy dữ lắm, con cháu ơi. Không chán đâu, còn lâu, cũng thiếu gì cha thèm thuồng, chỉ không lộ thôi. Nhưng, cũng có người lấy đá đè cỏ. Đá còn thì cỏ chết. Nhìn dài chút, hết ái, là khỏe.

Ái? Ái làn da? Tức ái da! Mặc gì la? (xứ tôi ái da, ây da, ây dă là tiếng kêu đau. Hay thiệt!)

Đêm hôm qua, nằm mơ, thấy đang ở Ao Bà Om, lần theo dấu chân lạ, tới chỗ đồi cỏ, chỗ quen quen (xưa có nàng tiên ngủ ngời trên rễ cây một lần cuối để giã từ thiên đường), thì mất dấu. Đứng, quan sát, bên này là cội dầu cao, bên kia là lùm cỏ xanh um. Tôi... tái mặt- cỏ xanh um- nghĩa là cục đá đũa nào lăn đi mất rồi... Tổ cha bây! Ai đang hại đời tôi?

Mà, mắc mớ gì sợ màu xanh của cỏ? Nó cũng vàng thôi mà!

Em ơi, có bao nhiêu? Buồn miệng, hát chơi. Hát hoài, như thần chú. Hát đi cho đời bớt khổ. Hát riết quen, thành... nhất niệm!

HỒNG BĂNG

TÚY HÀ



Nhà thơ Túy Hà tên thật là Hà Thanh Trần, ông sinh năm 1947 nguyên quán Thừa Thiên – Việt Nam. Ngoài bút danh Túy Hà được ký trên Thơ, ông còn sử dụng nhiều bút danh khác như Đoàn Thy Vân (ký trên tác phẩm Văn), Nguyên Hà (ký trên Hòa phẩm), Cung Bảo Bình (ký trên Báo chí).

Đồng tâm như những văn nghệ sĩ kỳ cựu, sáng tác của Túy Hà dàn trải trên các lĩnh vực Văn Thi Hòa.

Nhà thơ Túy Hà sau những năm học tại trường Trung học, ông còn là sinh viên trường vẽ, và các đại học Luật khoa, đại học Văn Khoa trước 1975.

Hiện nhà thơ Túy Hà là hội viên PEN INTERNATIONAL Văn Bút Nam Hoa Kỳ.

Ông sinh hoạt văn học, chủ bút tạp chí Thời Đại, Tin Văn, Trầm Hương.

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA TÚY HÀ:

***TRƯỚC 1975:**

- 1/ Tình Gầy (thi phẩm)
- 2/ Tình Yêu Lang Thang Và Chiến Tranh (thi phẩm)
- 3/ Những Nẻo Đường Hành Hương (phóng sự)

***SAU 1975:**

- 1/Rực Rỡ Đồi Thường (thi phẩm)
- 2/ Dấu Ấn Da Vàng (thi phẩm)
- 3/ Dã Quỳ Vãn Nở (thi phẩm)
- 4/ Những Mảnh Đồi Biệt Xứ (văn)
- 5/ Không Chỗ Gối Đầu (thi phẩm)
- 6/ Hữu Hạn Và Vô Biên (văn)
- 7/ Túy Hà Thi Tuyển (tuyển thơ)

***CD VĂN NGHỆ:**

- 1/ Thơ Tình Của Túy (CD Thơ)
- 2/ Mùa Thu Paris (CD Thơ Nhạc)

PHÙ VÂN TRĂM NHÁNH TRONG THƠ ĐỘC THOẠI TÚY HÀ

Không hiểu sao khi nghiền ngẫm tình hoa trong thơ Túy Hà, người đọc vẫn thấy lẻ loi trong không gian tương ngộ trước mấy câu thơ “*Áo mộng phù vân trăm nhánh rẽ/ Biết mà sao vẫn quặn lòng đau*”. Đứng giữa hoang phế đường đời trăm ngàn lối nhỏ phải chọn để bước qua truông, những hư ảo vẫn biết rằng nhiều phen quán quýt trong cuộc sống. Bên cạnh những hư thực cuộc đời như tiểu mộng, cứ vương vất đơm hoa nguyệt khuyết chung quanh ảnh tượng của

những khúc tình ca! Bất cứ người nhìn mộng như thực, thì muôn kiếp sinh tồn đều chìm đắm trong họa phẩm tượng trưng, cứ chau mình trong nguyệt khuyết mà vương vất sương rơi... Có lẽ, thi nhân không thoát khỏi ảnh tượng đó, mà vết hết nổi lòng chiêm nghiệm phù vân trong nỗi hoài niệm. Biết vậy, nhưng vẫn “*Tiếng thơ dài sâu lời thơ gọi/ Vọng từ xa thăm bến giang đầu*”... Sao lại là thơ gọi, khi những ảo khúc tình ca cứ thăm thẳm chìm ngập trong ngũ tạng người thơ? ...

Nhìn vào quá trình vịn bước vào thơ, Túy Hà quả thật trang trải huyết hoa tinh vân dày đặc trên vòm trời quang đầu. Tình khúc trong thơ Túy Hà, thăm đắm sương khói ảo diệu như *sáo diều vắng vắng từ trời đi xa*... như từ thiên sơn vạn dặm, trước bát canh hoa thiên lý xứ người lệ rơi trên bát canh đời mà “*Dàn hoa thiên lý Mẹ thường/ Cho con bóng mát suốt đường con đi*”.

Trên bước đường nhập thể vào duyên nghiệp thi ca, những tình cảm trung chính vời vọi phát xuất tận trái tim, giúp người thương ngoạn ngẫm nghĩ được sự hóa thân hùng vĩ của thơ. Thơ Túy Hà của bước nhập định được như thế, giúp dòng thơ ông trang trải một sức sống chân thành trong mọi sự rung động trước hư không của thời gian.

Không còn phân vân gì trước tâm thức của nhà thơ, bởi thơ Túy Hà có làm rơi nắng quạnh, hoặc hiện hình trên lá hoa tàn rụng nát nhàu thời gian, hoặc trong sắc vàng của sợi nắng quạnh hiu. Thì sự rung động chân phương của người hành giả, dù diện bích trước *đôi bờ nhật nguyệt vô duyên* thì chắc rằng tâm vô định của thi nhân vẫn *mình ta đứng giữa hành thiên vẫn đau*... Vậy phải chăng người vác khúc tình thơ, dù có đi loanh quanh trên vạn nẻo đường thiên lý, trái tim vẫn hiển hiện chất người. Phải đây là bước du hành của một kiếp cô quạnh của người làm thơ? Dòng thơ Túy Hà tuôn chảy như một góc quạnh sơn khê, đầy rẫy sự cô độc như ảnh ảo lẩn trong nhang khói ta bà. Chắc có lẽ, cũng chính vì vậy những tình khúc thơ Túy

Hà có sắc thái riêng biệt, vừa cô quạnh mông lung nhưng thoáng chốc cũng ngộ nhận thật gần gũi đời thường.

Nét thật của thơ và sự rung cảm chân thành phát xuất thành thơ, khiến người thưởng ngoạn như bước trên một thảm cỏ hoa nhưng gấm êm dịu hơi sương. Bởi những tiết tấu mà Ông *khó chọn gam màu phát thảo một chân dung/ dành bối rối kiếp nhân sinh cháy vội/ khoác hình hài bóng vỡ động hồn đêm/ dung nham cháy/ chảy tràn vào thế tục/ từ đó là sinh ly tử biệt...* (**Lưỡng tính**).

Nỗi buồn trong từng thi phẩm Túy Hà, trang trải theo diện rộng man mác hầu như khắp vắn thơ, từ bát canh Hoa Thiên Lý và Mẹ “*Đã mấy mùa lý trở bông/ Chờ ta về lại hay không nhớ gì/ Riêng ta thiên lý vẫn ghi/ Trong tim từ thuở biệt ly Mẹ hiền/ Biệt ly hai chữ ưu phiền/ Ngày đi tóc Mẹ còn đen mượt mà/ Bây giờ Mẹ đã biệt xa/ Tóc con sương điểm hải hà cách ngăn* (**Hoa Thiên Lý**). Hoặc từ những ý tưởng về bằng hữu như “*người đi theo gió ngàn mây/ tơ tầm chữ nghĩa cũng quay quắc buồn/ tiễn nhau chén rượu hoàng hôn/ nén nhang bái lạy đoạn hồn từ ly/ người đi ngàn dặm phân kỳ/ qua cầu cháo lú bước đi khóc cười/ cạn thêm chén đắng tiễn người/ hẹn mai sau gặp ở nơi vô cùng*” (**Tổng tửu Nguyễn Bắc Sơn**). Cũng có lúc, người ta nhận thấy những vắn thơ tình nhân mà Túy Hà ghi lên thơ những lời hứa hẹn, thật giả hay vô hình hữu hình, thì chỉ có nhà thơ thông thấu cho thơ ẩn dụ lướt thướt hứa hẹn thôi “*Nếu em là chuông gió/ Anh sẽ là phong linh/ Cứ bên nhau em nhé/ Giữa miền man cuộc tình/ Khi chuông rung gọi bạn/ Anh là gió vỗ về/ Đời vô tình hữu hạn/ Anh sợ gì bùa mê/ Nếu em là tâm bão/ Anh sẽ là thành ngăn/ Giữ em trong mộng ảo*” (**Gọi hồn chuông gió**)...

Tất cả những gì nhìn thấy trong tâm thức của thơ Túy Hà, hầu như ông đã đọc thoại trước gương soi. Những ảo ảnh của sương khói, tình yêu hay những lúc khoác vai hành giả nhìn cuộc đời như lẽ vô thường. Lãng đãng đó, ngậm ngùi đó trước phù vân trăm nhánh...

khiến những lúc thơ tràn trong những chiều độc ẩm mà tà huy cứ quanh quẩn bên đời, rượu ngon chờ bạn... khiến có lúc sang sông lạc bến tro than ngậm ngùi.

Cái hay mà tri kỷ nhận ra, thơ Túy Hà lay lảng tình người, cứ chờ đợi bên chén rượu vui đầy, dù khách quá giang xưa vẫn chưa về, thấy rõ trong đoạn thơ:

*Biển cuồng ca dậy sóng hoàng trường sa
Bạc kiếm phong trần thơ lạc vận
Nhặt xác hoa rơi kết chữ thời
Tì thuở xuân thu hờn chiến quốc
Hào khí mây bay bốn phương trời
Vó ngựa ngàn xưa chừng đã mỏi
Qua cầu nước đục ngược dòng trôi
Nhan sắc khứ hể bờ sương áo
Khách quá giang xưa vẫn chưa về
Cô lái buồn trông non nước cũ
Lão Trọng- Kinh Kha, ta- Tiêm Ly
Có phải khí hùng ngàn xưa dậy
Theo mỗi đường gương hoa lá say
Chén rượu chia tay bờ vĩnh biệt
Đắm nước mắt đời men đắng cay
Lão trọng cười khan ngăn gió lộng
Gác chèo ngựa cổ cạm nguyên chai
Ta nâng chén đắng ngang tầm mắt
Hứng giọt bi ai tự phạt mình
Thế thời đã thế không phải thế
Khí hùng vẫn sống mặc thu phai
Bình thư không thuộc thành bình bại
Kiếm cùn mãi mãi cũng có ngày
Sá gì sương trắng đầu điểm bạc*

*Dầm chén rượu sông giữa cơ hàn
Nhật nguyệt dấn lòng luôn tỏa sáng
Tâm ta tự tại tỏa mình đăng
Ngựa gục bên bờ sông nước lớn
Ta vẫn qua cầu mặc chông chênh
Nói thì nói vậy cho đỡ tủi
Vẫn nhớ đồ xưa cô lái buồn.
(Chiều độc ẩm)*

Túy Hà của những ngày tháng trước 1975, đã xuất bản vài thi phẩm và ký sự. Nhưng trong giai đoạn ly hương, thơ ông tự nhiên lớn hẳn từ phong cách và thi ngôn. Trong mười năm ngựa hồ hí gió bắc, tâm trạng thi nhân trước biến đổi vô thường dĩ nhiên có những bước ngoặt hư ảo kỳ thú trong thi ca... Phải chăng, ở đây rạng rõ điểm son đậm nét riêng biệt trước thi ca thế giới vậy.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
Thư trang Quang Hạnh
Cuối thu quê nhà, Ất Mùi 2015.

Thơ TÚY HÀ

HOA THIÊN LÝ

Dâng Mẹ

Bát canh hoa lý Mẹ ơi
Tự dưng có được ở nơi xứ người
Đọt xanh chớm nụ khẽ cười
Con tép bạc nhỏ không lời đãi bồi

Trời ơi! Nhớ Mẹ tuyệt vời
Lệ rơi trên bát canh đời tang thương
Mẹ ở đâu, Mẹ về đâu !
Trăm năm hạt bụi đất sâu ngậm ngùi

Bát canh hoa lý xứ người
Dường như lại chứa một trời quê hương
Dàn hoa thiên lý Mẹ thường
Cho con bóng mát suốt đường con đi

Bát canh hoa lý có gì
Lại nhớ tép bạc nhớ mùa Bắc rơi
Nhớ bếp lửa ấm nồng hơi
Những làn khói trắng đầy vơi sương chiều

Giữa ngàn xanh trái gắm thù
Sáo diều vắng vắng từ triều đê xa
Là hồn thơ nhạc trong ta
Đậm mùi cỏ nội hoa xa hương đồng

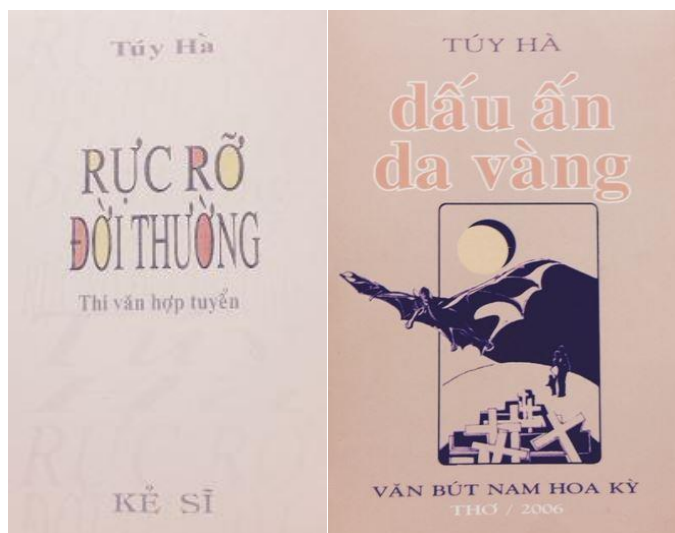
Đã mấy mùa lý trở bông

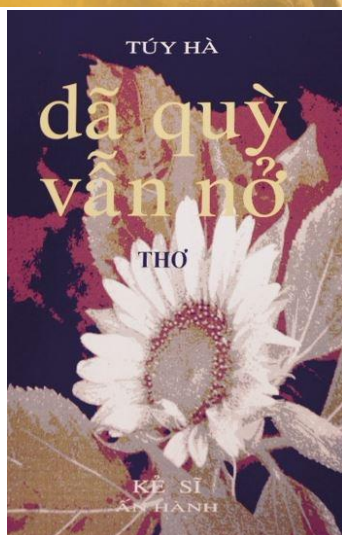
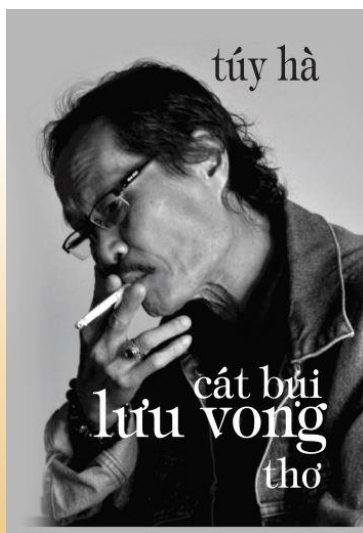
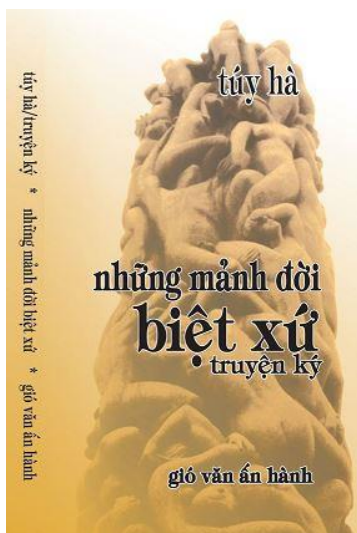
Chờ ta về lại hay không nhớ gì
Riêng ta thiên lý vẫn ghi
Trong tim từ thuở biệt ly Mẹ hiền

Biệt ly hai chữ ưu phiền
Ngày đi tóc Mẹ còn đen mượt mà
Bây giờ Mẹ đã biệt xa
Tóc con sương điểm hải hà cách ngăn

Mượn canh thiên lý trời trăng
Mai ta cát bụi cũng khăn gói về.

TÚY HÀ





PHẠM TƯƠNG NHƯ



Nhà thơ Phạm Tương Như tên thật Phạm Văn Tông, sinh trưởng tại Vĩnh Long.

Cựu học sinh trường Trung học Tổng Phước Hiệp, Vĩnh Long, sau du học tại Hoa Kỳ và làm việc tại Tân Sơn Nhất.

Tổng quản đốc công ty sản xuất máy bơm. Houston, Texas

Thành viên BCH hội Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Sa Đéc (Houston)

Thành viên BDH Diễn đàn Văn Học Trầm Hương và tạp chí Tin Văn

Tham gia các trang Văn Học điện tử

Tham gia trong bộ sách biên khảo nghiên cứu phê bình Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi (tập V).

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA PHẠM TƯƠNG NHƯ:

- 1/ Chòm Thơ Chóm Nở Trên Mây (*thi phẩm*)
- 2/ Tình Sương Ướt Cỏ (*thi tuyển in chung*)
- 3/ Lưu Bút Ngày Xanh (*thi phẩm*)
- 4/ Thơ Hát Ru Đồi (*thi phẩm*)
- 5/ Vàng Lá Thư Xanh (*thi tuyển in chung*)
- 6/ Vết Trắng Trên Cỏ (*thi phẩm*)
- 7/ Nói Nhớ Nói Thương (*thi phẩm/ ký bút hiệu Phạm Linh Lan*)
- 8/ Vết Trắng Trên Cỏ (*thi phẩm, Văn Bút Nam Hoa Kỳ, 2014*)

Tác phẩm CD:

- 1/ Tình Sương Ướt Cỏ: diễn ngâm *Hàn Sĩ Nguyên – Ngô Đình Long – Đức Tâm – Bảo Cường – Bích Ngọc...*
- 2/ Vàng Lá Thư Xanh: diễn ngâm *Đoàn Phùng Thiện – Bích Phương – Thu Thủy – Duy Khanh – Hải Hòa – Đài Trang – Ngọc Quang.*
- 3/ Tình Thơ Xin Gởi Cho Người: diễn ngâm *Bích Ngọc – Lệ Thu – Hồng Vân – Thúy Vinh – Ngô Đình Long.*
- 4/ Nguyệt Từ Khúc: *10 bài nhạc phổ thơ Phạm Tương Như, do Nhạc sĩ Vũ Khoa thực hiện và trình bày.*
- 5/ *Phạm Tương Như và 48 bài thơ được phổ nhạc, do các nhạc sĩ: Nguyễn Đức Tuấn (Canada)- Hàn Sĩ Nguyên (Sài Gòn)- Vũ Khoa- Tâm Thọ- Nguyễn Tuấn Chương & Giáo Sư nhạc sĩ Linh Phương (Houston).*

PHẠM TƯƠNG NHƯ, NGƯỜI ÉP HOA VÀO THƠ HÁT RU ĐỜI

“Tiếng đàn bỏ lửng giấc mơ/ Như anh ở giữa dòng thơ trữ tình, Vừa đàn vừa hát một mình/ Hư không tình đã dậm nghìn bay cao”. Bước vào không phận tình thơ của Phạm Tương Như cảm thức loang loáng như đang ngồi trước sân khấu, người xướng ngôn trong hậu trường đang đọc thoại từng chi tiết giới thiệu phân cảnh tình yêu thiên thu như nhất. Hoạt cảnh thơ mộng bao giờ ở bất cứ chuyện tình nào cũng chỉ hai nhân vật chánh, để khi gió chợt về lá vàng xưa, mà *“rụng xuống đời nhau giấc mộng trời mây”*. Phạm Tương Như lãng du trong không phận đầy hoa thơm cỏ lạ, cung hiến tất cả thần phách vào những ảnh tượng bất biến của loài người: tình yêu. Thiên thu vạn dặm, niềm cốt lõi của sự sinh tồn đều được thu nhỏ trang trọng trong con tim và nỗi nhớ? Có phải thi nhân là người được ân điển tình lọc lại những điều kỳ diệu như thể cho hoa thêm sắc thắm, chim trời lạnh lốt tiếng hót...

Có lẽ, thi ca xuất hiện từ khai thiên lập địa là mặc nhiên thơ tình đã đường hoàng có ngôi vị bá chủ trong cuộc sống. Đẳng đẳng trong thi ca hành tinh này, biết bao nhiêu dòng thơ tình với nhiều khuynh hướng lập ngôn, đầy thi vị. Tuổi thanh xuân, bước vào thơ với những nét nhìn bơ vơ trước cảnh giới lập thể, hoạt biến của xã hội, lại là một tâm hồn phiêu lãng bao giờ cũng yếm thế nghi ngờ *“tôi vớt hồn tôi đang rã tan”*. Người làm thơ quả thật như gã thư sinh gồi đầu trên từng trang sách, ngoài thời khắc khép mình bên thư phòng *“với nỗi cô đơn, biết ngộ cùng ai”* thì người đồng cảm tuyệt diệu vẫn là *“em từ bóng núi ngàn mây phủ/ ta sợi nắng tàn buổi chiều thu/ tả tôi phiến lá mùa phong vũ/ bóng núi xa mây cứ mịt mù”*...

Đi vào thi phẩm *Thơ Hát Ru Đời* của nhà thơ Phạm Tương Như, bất chợt lắng đọng lại một chút không gian yên ắng, quạnh quẽ

một thời xa xưa, như làn gió thoảng nhẹ nhàng vương vấn u hoài quanh kỷ vãng. Sự mong trốn tránh lặng lẽ bằng những kỷ niệm phơi phai sương khói. Phạm Tương Như đánh động những câu thơ tình đầy đặc nỗi buồn, vì vậy những tâm cảm u hoài bao giờ cũng là hiện thân của những khúc hát trầm lặng:

*Anh chờ đợi gió ngàn xa
Chì nghe sao rụng trắng tà mờ sương
Tay ai khảy phím đàn chùng
Ngũ cung rời rã phù dung héo tàn
(Trầm cảm)
Hay:
Tình đời chảy máu con tim
Anh,
con nước lớn,
chim bìm bịp kêu!
(Tình quê)*

Trải dài âm hưởng của cuộc tình trăm năm, tất cả ấn tượng của hạnh phúc và đau khổ cứ xen kẽ đậm đặc trong hướng thơ đi. Nhiều lúc chất ngất trong từ trường ngây ngất men say của cơn yêu dấu, người khách lữ chôn chặt hình ảnh ru hồn đang được mã hóa như tâm cảnh phong thần hư huyền “*ta lặng lẽ nhìn em đập nắng chiều rơi*”. Phong vị trái tim hóa thân kỳ diệu, khiến những hữu hình cát bụi bỗng nhiên thiên biến vô vi. Từ tiếng nói vô thường, khách lữ chợt thấy thời gian chợt ngừng chảy để ngỡ rằng được yêu đương bằng trái tim chan chứa...Bất ngất trong dòng thơ tình mà nhà thơ chợt nảy hồn dâng hiến, phát tích nhiều câu thơ gói ghém đầy đặn một thần phách tuyệt kỹ.

Phạm Tương Như có một sức sáng tác mãnh liệt, hình như thơ đến với anh dễ dàng tràn ngập như trận hồng thủy vỡ bờ. Rải rác hàng hàng câu thơ tuyệt bích ẩn hiện suốt thi tập, là những máu chốt thành công cho *Thơ Hát Ru Đời*, mà nhà thơ tâm niệm trong cuộc lãng du của mình là chỉ hát dạo cùng thơ. Nên những khoảnh khắc tương giao, cũng là ly rượu giao bôi giữa quãng đời luân lạc:

*Đêm tương kiến cũng là tương biệt
Rót đầy ly cụng chén hồng nhan
Uống cho cạn mảnh đời hơn thiệt
Rượu quên sầu hay nát tim gan*

*Tay em lạnh ngả màu trăng lạnh
Lời hát buồn khốc cuộc tình xa
Ta hôn em trốn đời hiu quạnh
Hay trốn chính mình một đêm qua
(Quán rượu tương phùng)*

Mặc cho thế sự quay cuồng trong cuộc phù sinh:
*Biển lửa trắng lên cát trắng ngần
Quán lá buồn ta uống rượu cùng trăng
Bãi cát dài nên lòng ta mắc cạn
Mặc lượn sóng đời xô đẩy tan hoang
(Đỉnh tóc mây sầu)*

Chính vậy, khi bước vào không gian thơ của Phạm Tương Như, sự choáng ngợp đầu tiên dội vào nhãn quan người đọc là mệnh mông ảnh tượng chan hòa trong từng câu thơ, vừa đột biến vừa tạo sự hóa sinh cho nét sáng tạo, khiến bài thơ đầy đặn thần khí. Phạm Tương Như làm thơ thật dễ dàng, như rải hạt giống trên mảnh đất phì nhiêu, hàng hàng lớp lớp hoa khai nhụy vàng rực rỡ trong khí hậu

tinh sương thanh bạch. Chính vì thơ tuôn trào bằng những tâm khúc, nên người khách lữ hành trang trải trọn vẹn cõi lòng bộc phát một cách chân thành. Đường thơ đi khai hoạt trọn vẹn niềm đau hay hạnh phúc. Khai hoạt một cách bạch hóa, như trải hết tâm tư trong cùng một lúc trên nhiều bài thơ sáng tác gần nhau, nên ngôn ngữ cũng rất cần có sự xấp xếp phù thủy tài hoa... Thơ đang bước vội trên lộ trình trực ngộ với bản thể, ở đây là sự lãng du trên bản thể tình yêu, một nguồn cội nhân sinh vậy

Bài thơ tâm khúc dùng “*tặng người ngủ quên trong tim tôi*”, cũng nói lên một cách xấp xếp ngôn ngữ bằng cách “*gieo tình*” như vậy:

*Ai gieo những cánh én
Mọc đầy ruộng đồng mây
Em gieo câu ước hẹn
Nở tràn hồn anh ngây*

*Ai gieo mà hoa nắng
Trở đầy luống tóc em
Gió bay tà áo trắng
Tóc mây đậu vai mềm*

.....
*Anh gửi đôi chim sẻ
Lời tỏ tình thiết tha
Anh gửi trong gió nhẹ
Bài tình thơ anh ca*

*Tưới đời bằng hy vọng
Hạt đêm nở bình minh
Bài thơ tình thơm mộng
Đời vui mình gửi mình.
(Gieo tình)*

Khi bước dạo trong khu vườn đầy sắc màu lãng bạt tình yêu, sự cảm nhận hầu như đang bị sức thu hút trước những con sóng thủy triều lên, trước bóng nguyệt tan, mà những phong thái huyền diệu uơm đầy hương hoàng lan, những điệp khúc như hương tóc thiên thu bằng bạc mù sương rơi đầy trong gió thổi...như nhạc khúc ly tao tiếng xé lụa đào khiến tha nhân lạc loài vào mê cung của thời Bao Tự U Vương. Phạm Tương Như lập dựng cho thơ một nét hồn nhiên đầy kịch tính, trên sân khấu đó hàng hàng lớp lớp cảnh trí thiên nhiên trôi đi như mộng ảo. Không gian khi nắng khi mưa, gió mây cát bụi chập chùng từ tiền kiếp, sương rơi vô thường trên lá cỏ rung rung...khiến thơ Phạm Tương Như như được phủ trùm trong thiên địa chứng tri, và tình yêu trong dòng thơ như cổ phân trần với cổ nhân “*đừng để bóng xô đời anh mục rã/nát dòng thotội nghiệp mộng tình mê*”. Chính vậy:

*Cô đơn bóng ngã chiều tà
Nắng phai nhạt nắng, lòng ta nhạt lòng
Chắc gì trong cõi mệnh mông
Ta tìm lại được người trong mộng đời
(Tình như nước mây trôi)*

Người thơ như chiếc bóng trầm uất, lãng ba vi bộ dưới bóng trắng rơi mà ôm lấy mùa thu, nhốt thời gian vào ngõ cụt bên chiếc cầu tử sinh:

*Đêm nay trăng sáng rơi đầy lối
Ta nhạt vành trăng để gởi đầu
Khẽ đắp chăn em, trùm bóng tối
Trăng tàn ta biết ngủ nơi đâu*

.....

*Ta về đánh thức mùa thu chết
Gom hết lá vàng trả lại cây
Bao nhiêu thương tích, bao tì vết
Ném vào vô tận giữa cung mây
(Vết đời)*

Trong thời gian qua, những lần hạnh ngộ cùng thơ Phạm Tương Như, tại quê hương này có lẽ tôi là người hạnh phúc đọc được nhiều thơ anh nhất. Ở một đất nước còn đầy khổ đau, người người đều mong ước có chút hạnh phúc cầm tay. Dù là một thứ hạnh phúc bất chợt của tình người, hoặc sự tin tưởng thương yêu... Mà hơn nữa thế kỷ này, tất cả còn chìm đắm trong mù sương và cát bụi, thì thơ tình là một thứ hàng xa xỉ phẩm. Cho nên, tôi rất đồng ý với nhà văn Phạm Ngũ Yên khi nhận định thơ Phạm Tương Như: *“Ngày xưa, khi Promethée trong huyền thoại chưa đem lửa xuống trần, nên trái tim con người lạnh úa thường xuyên và tình yêu cũng tím bầm tuyệt vọng. Thơ của Phạm Tương Như hôm nay, trong một ý nghĩa nào đó, giống như ngọn lửa vừa bùng lên những sôi nổi vừa quay lưng lại với những dung tục đời thường/Một ngày trong cõi thơ Phạm Tương Như người đọc sẽ không dễ dàng quên mưa nắng. Vì mưa thì thấm đất và nắng sẽ qua mau. Nhưng lời thơ của anh đọng lại làm nên những thao thức, những có và không. Những tình yêu cho đi và lấy về... Vẫn là một con đường, một góc nhỏ, một sáng sương mù hay một chiều băng khuâng gió. Nhưng những cảm nhận đó không giống như chúng ta. Khác với chúng ta. Đó là những cảm nhận óng ả tích lũy từ một quá khứ hôm qua, giờ như bụi tro lá tãbay trên những tháng ngày tạm dung”* (Phạm Tương Như: Sông chảy qua đời/ bài Phạm Ngũ Yên).

Nét nhìn sâu sắc của Phạm Ngũ Yên, đã mở rộng con đường giúp tha nhân hiểu rõ những lời thơ ru đời của Phạm Tương Như, mà

gần nửa thế kỷ qua vẫn sắc son chiêu hồn giữa thiên sứ tình yêu và
sự thủy chung vô bờ bến của tình người.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Viết tại Thư trang Quang Hạnh

Mùa Xuân 2013

Thơ PHẠM TUƠNG NHƯ

BIỂN ĐÊM

Có mối giao tình giữa biển êm
Da em trắng ngọc ánh trăng mềm
Thoảng mùi hương tóc thơm trong gió
Bàng bạc mù sương rót nửa đêm

Ai nhốt sao trời trong mắt xinh
Cho anh lạc hướng ngõ tìm mình
Em như triền sóng theo cơn gió
Anh thả thuyền trôi giữa lặng thinh

Em thủy triều lên giữa biển khơi
Có hay bèo giạt cánh hoa trôi
Bóng mây tan nát chìm theo sóng
Bọt sóng trùng dương tận bến trời

Có phải tình em, hải đảo hoang
Tim em thiên sứ giữa mây ngàn
Anh mãi thì thầm bao sóng vỗ
Vách đá vô tình bọt nước tan

Biển lặng hồn anh đêm sáng trăng
Tình yêu lai láng khắp mây giăng
Em như biển vắng xa xôi quá
Có giữ hồn anh bóng nguyệt tan?

Anh sẽ là sao lặng lẽ rơi.

Hồng dương tỉnh mộng ở chân trời
Đêm mãi luân hồi muôn vạn kiếp
Tình tự dạt dào tựa biển khơi

THÁNG GIÊNG MÙA EM CHÍN

Buổi sáng trời trong như thủy tinh
Áo em màu lá mới nguyên trinh
Bàn tay em hái cành nẩy lộc
Tà áo vân vê ngón đượm tình

Em đẹp mùa tươi trở hoa xinh
Má hồng môi thắm nắng lung linh
Nhẹ bước em diu cơn gió thoảng
Khóm trúc cành mai khẽ động tình

Tùng áng mây theo gió rong chơi
Cỏ đôi chim quán quýt ngỏ lời
Bướm vờn ong đậu mời hoa nở
Trời tháng giêng em đẹp tuyệt vời
Mặt hồ tĩnh lặng giữa chơi vơi
Sóng gợn vui đùa với lá rơi
Đáy nước trong veo như tử áo
Em ngồi xõa tóc bóng gương soi

Văng vẳng bên sông tiếng sáo diều
Ngoài đồng lúa chín gió hiu hiu
Trong vườn cây lá nhiều hoa trái
Tháng giêng em rải hạt nắng chiều

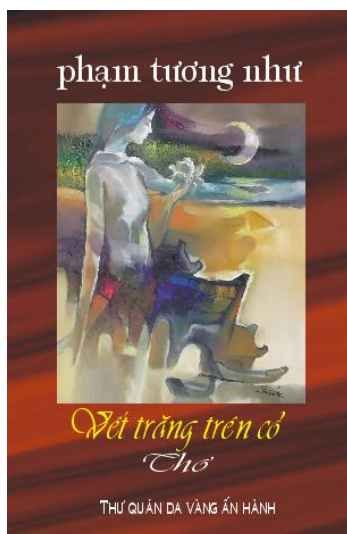
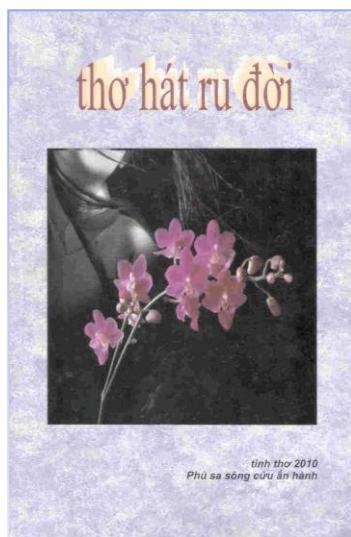
Môi anh chớm nụ hoa tình ái
Nghiêng xuống hồn thơ nét diễm kiều
Rót tràn môi em chung rượu mật
Nghe đời khua động nhịp tim yêu

Em tựa vai anh mây tóc ngủ
Mắt hiền khép kín nét tình khôi
Ru em anh hát lời thơ cổ
Và thở cùng em nhịp tim đôi

Tháng giêng lành lạnh ngọn heo may
Trời xanh hoa lá kết Xuân đầy
Đêm về anh đắm say vườn nguyệt
Tình tháng giêng em ngát hương bay

02/01/13

PHẠM TƯƠNG NHƯ



LÊ TRÚC KHANH



Nhà thơ Lê Trúc Khanh tên thật là Lê Phước Nghiệp, sinh ngày 28 tháng 05 năm Kỷ Sửu (1949). Quê quán: Làng Tân Thạch, huyện Trúc Giang, tỉnh Bến Tre. Đây là một làng quê nhỏ hiền hòa nằm dọc sông Tiền, bốn mùa miên man sóng vỗ...

Học tại các trường: tiểu học Tân Thạch (Bến Tre), trung học Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho), trung học Phan Thanh Giản (Cần Thơ). Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Việt Hán, sau đó ra trường dạy môn Văn tại các trường trung học công lập, tự thực ở Cần Thơ từ năm 1970

Sáng tác thơ từ những năm mười lăm, mười sáu tuổi.

A. Quá Trình Hoạt Động:

Sáng lập thi văn đoàn Về Nguồn (năm 1964). Đây là một nhóm văn nghệ tuổi học trò, phạm vi hoạt động chủ yếu trong phong trào

báo chí văn nghệ của các trường trung học thời bấy giờ. Lúc đầu, nhóm chỉ có 4 thành viên: Lê Trúc Khanh, Trân Khanh, Siêu và Lăng Cảnh Huy.

Năm 1965, có sự sáp nhập của nhóm Vùng Đất Sóng với các thành viên: Hà Huy Thanh, Thanh Trân, Thanh Điệp, Bùi Hữu Thành, Nguyễn Hoài Vọng.

Cuối tháng 8 năm 1966, Về Nguồn hoàn toàn cải tiến với một thành phần khá hùng hậu, gồm những cây bút đã từng làm quen với báo chí Sài Gòn, với các chương trình thi văn truyền thanh trên Đài phát thanh Sài Gòn lúc bấy giờ như: Tao Đàn, Mây Tàn...

Đến tháng 10 năm 1967, Về Nguồn đã có 52 khuôn mặt thơ văn hiện diện trong nhóm và nhiều bạn văn nghệ khắp miền Nam lúc bấy giờ.

Khác với nhiều thi văn đoàn bạn, Về Nguồn không có Trưởng thi văn đoàn, mà có một Ban thường trực gồm các sáng lập viên và một số hội viên cốt cán được mời bổ sung vào, do một thư ký văn phòng thường trực điều hành và một thủ quỹ tài chính.

Ban thường trực cũng hợp thống nhất Điều lệ của Về Nguồn, dùng làm kim chỉ nam hoạt động đến năm 1975.

Ban thường trực gồm: Lê Trúc Khanh (thư ký), Kiều Diễm Phượng (thủ quỹ), Huyền Vân Thanh, Hà Huy Thanh, Trân Khanh, Nguyễn Hoài Vọng, Siêu, Lăng Cảnh Huy, Lê Hà Uyên, Phương Giang, Lê Thy, Thu Trúc, Trúc Thanh Phương Thảo, Nhất Tâm, Phạm Quyên Linh, Nguyễn Hữu Phương.

Hội viên và cộng tác viên gồm: Song Nguyễn, Đỗ Thanh Hoàng, Tường Lê, Kiều Mộng Hà, Linh Hùng, Phạm Trường Giang, Nguyễn Huy Chương, DT. Linh Phương, Dạ Lý, Sa Vũ, Sa Thoại Uyên, Nguyễn Hoài Thương, Du Ca, Hàn Nguyên, Tuấn Nghi, Nhật Quang, Kiều Phương Linh, Hoàng Tường Sơn, Thụy Mai, Thanh Tuấn, Hoài Trần My, Sao Ngân Hà, Nguyễn Hồng, Lê Duyên Trang,

Hoài Xuân Mai, Vũ Thy Lăng Tường, Thanh Phương, Hoàng Dung, Mây Hồng, Hàn Mạc Dung Nhan...

Trừ những cộng tác viên ở tại Cần Thơ, các bạn ở hầu khắp các vùng từ Quảng Trị đến Cà Mau và thuộc mọi thành phần trong xã hội: công chức, tư chức, sinh viên, học sinh, quân nhân, kinh doanh...

Sáng lập và phụ trách *Chương Trình Thi Văn Về Nguồn* trên Đài phát thanh Cần Thơ, theo tôn chỉ mở đầu buổi phát thanh bằng câu: *Đây, Về Nguồn, tiếng nói tha thiết của những người yêu mến quê hương. Tiếng thơ của những người muốn tìm lại tự tình dân tộc*".

Tiếng thơ gồm có 3 phần: *Hương hoa đất nước* (mỗi kỳ một bài viết về quê hương - đất nước - con người, minh họa bằng thơ), *Những sáng tác mới trong tuần và thư tín, nhắn tin*. Về sau còn có những kỳ phát chuyên đề hoặc đọc truyện ngắn (dưới dạng kịch truyền thanh) được bạn bè văn nghệ gần xa yêu thích. *Tiếng thơ Về Nguồn* phát mỗi kỳ 30 phút vào tối thứ 3 hàng tuần (từ 22g30 đến 23g), sau đổi lại tối Chủ nhật, liên tục đến 30 tháng 4 năm 1975 mới ngưng.

Trong thời gian này, *Về Nguồn* mở rộng tầm hoạt động của mình sang các lĩnh vực nghệ thuật khác và có nhiều cộng tác viên mới như những giọng ngâm thơ, các ca sĩ, các anh em thổi sáo, đàn tranh, những người biên tập và sáng tác... Có thể kể: *Huỳnh Túy Liêm, Tô Thùy Uyên, Phạm Trường Giang, Nguyễn Huy Chương, Vũ Phan Trần, Phú Hằng, Mỹ Nhiên, Vũ Hưng, Minh Phước, Tất Lang, Vũ Mạnh Ngân, Trần Trung Hiếu, Huy Thọ, Lê Hoàng Tâm, Lê Vũ Hùng, Phạm Hữu Quang, Mai Huỳnh Văn...*

Chủ trương Cơ Sở Xuất Bản *VỀ NGUỒN*, hoạt động từ năm 1967, đã giới thiệu đến bạn đọc sáng tác thơ văn của cộng tác viên trong và ngoài *Về Nguồn* dưới dạng tuyển tập hoặc tác phẩm cá nhân. Tính đến năm 1974, cơ sở *Về Nguồn* đã phát hành được 18 ấn phẩm sau đây:

1. *Tình yêu quê hương (Tuyển tập thơ)*
2. *Khuôn mặt quê hương (Tuyển tập thơ)*
3. *Nói với quê hương (Tuyển tập thơ)*
4. *Tình thu quê hương (Tuyển tập thơ)*
5. *Xuân và quê hương (Tuyển tập thơ)*
6. *Bài ca tình yêu (thơ Phương Giang)*
7. *Cúi mặt (thơ Nguyễn Hữu Phương)*
8. *Viết cho những người còn ở lại (thơ Lê Trúc Khanh, Hà Huy Thanh, Lê Thi)*
9. *Trong nỗi nhớ đời (thơ Nguyễn Hoài Vọng)*
10. *Trong nỗi buồn thăm (thơ Hà Huy Thanh)*
11. *Mưa trong mắt lá (thơ Phạm Trường Giang, Trần Hoà Nhã)*
12. *Ý xuân (thơ Phương Giang)*
13. *Người tình quê hương (thơ Phạm Hữu Quang)*
14. *Tình ca quê hương (thơ Phương Giang)*
15. *Vùng xanh kỷ niệm (thơ Huyền Vân Thanh, Kiều Diễm Phương)*
16. *Tình sầu (thơ Phương Giang)*
17. *Gửi lại mùa đông (thơ Lê Trúc Khanh Hà Huy Thanh)*
18. *Quê hương-tình yêu và nỗi nhớ khôn cùng (thơ Lê Trúc Khanh)*

Chủ trương Tạp Chí KHOI DÒNG. Đây là nguyệt san sinh hoạt văn học miền Tây, số 1 phát hành mùa xuân Canh Tuất 1970 với chủ đề *Mùa Xuân Và Con Người*. Tạp chí chỉ xuất bản được 5 số thì đình bản do điều kiện kinh phí và hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc thời bấy giờ đang ở vào cao điểm. Tạp chí Khơi Dòng là nơi hội tụ của một lực lượng sáng tác đầy đủ và sung sức nhất của miền Nam những năm 70 thế kỷ trước. Có thể kể: *Son Nam, Kiên Giang, Vương Doãn Chi, Bạch Du, Lưu Vân, Hà Thúc Sinh, Ngô Nguyên Nghiễm, Trầm*

Mặc Nghệ Thế, Đỗ Phù Kiềm, Vũ Ngọc Đức, Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Bạch Dương, Lưu Nhữ Thụy, Nguyễn Cát Đông, Kiều Tâm Khánh, Lý Thị Kim Xương, Lê Hoài Nam, Như Uyên Thủy, Ngử Chương, C.V, Nguyễn, Việt Chung Tử, Nguyễn Hữu Phương, Nguyễn Viết Chung, Hoài Giang, Lê Viễn Xứ, Nghệ Việt Long, Hoàng Tuấn Phương, Yên Bằng, Trần Khanh, Triệu Cung Tinh, Trần Tử Lan, Tô Nhược Châu, Mạc Vũ, Phương Giang, Phạm Quyên Linh, La Thị Ngọc Sinh, Du Đình Phiên, Linh Hùng, Kiều Mộng Hà Lâm, Bích Duyên, Vũ Thy Lăng Tường, Huỳnh Thanh Tòng, Kiều Diễm Phương, Mai Huỳnh Văn...

Ban chủ biên tạp chí bao gồm: Lê Trúc Khanh, Nguyễn Bá Thế, Thông Xanh, Lê Hà Uyên, Vương Quan Huyền, Phù Sa Lộc, Hà Huy Thanh, Vũ Phan Trần, Nguyễn Hoài Vọng, Thiên Lang.

Tổ chức điều hành và quản lý Quán Cà Phê Về Nguồn, là nơi gặp gỡ, trao đổi văn chương của bạn bè văn nghệ sĩ tại Cần Thơ, nơi tiếp đón các nhóm văn nghệ tinh bạn và cũng là nơi tổ chức những đêm sinh hoạt văn nghệ, giới thiệu tác phẩm mới. Quán được sự hỗ trợ tích cực của cơ sở xuất bản Khai Phá và một số các văn nghệ sĩ ở Sài Gòn. Quán cũng ngừng hoạt động sau tháng 4-1975.

Từ sau 1975 đến nay: Lê Trúc Khanh tiếp tục dạy học tại Cần Thơ và sáng tác văn nghệ. Là hội viên Hội Văn Nghệ Tỉnh Hậu Giang (cũ), tỉnh Cần Thơ (cũ), hội viên Hội Văn Nghệ Thành Phố Cần Thơ và hiện nay là hội viên Hội Nhà Văn Thành Phố Cần Thơ.

B. Các Tác Phẩm:

I/ Trước 1975: cộng tác với hầu hết các nhật báo, tuần báo, tạp chí ...ở miền Nam như: Khai Phá, Tiếng Động, Tin Văn, Văn Học, Tiếng Chuông, Tia Sáng, Điện Tín, Chính Luận, Miền Tây, Tiểu Thuyết Tuần San, Triều Sóng Xanh, Tinh Hoa, Sáng, Văn Nghệ Miền Tây, Khơi Dòng...

In thơ chung với nhiều tác giả như:

1/*Viết Cho Những Người Còn Lại*

2/*Gởi Lại Mùa Đông*

3/ *Quê Hương-Tình Yêu Và Nỗi Nhớ Khôn Cùng*, (thi phẩm, in riêng),

II/ Sau 1975: cộng tác với các tạp chí nhật báo như Lao Động, Tuổi Trẻ, Cần Thơ, Hậu Giang, Văn Nghệ Cần Thơ, và các tạp chí của các Hội Văn Nghệ địa phương.

Thơ in chung trong các tuyển tập thơ:

1/*Tuyển Tập 100 Bài Thơ Tình*

2/ *Tuyển Tập Những Bài Thơ Lục Bát*,

3/*Giọt Nắng*,

4/ *Nghĩ Về Người-Nghĩ Về Nghề...*

5/*Bên dòng sông Hậu* - (NXB Hậu Giang)

6/*Bạn và thơ* - (NXB Văn Nghệ/TP. HCM)

Thơ được giới thiệu trong *Tuyển Tập Thơ & Văn* của Hội Văn Học Nghệ Thuật Tỉnh Cần Thơ năm 2003.

Cuộc đời và thơ văn được giới thiệu trong *Những Bạn Văn Nghệ Ngang Qua Đời Tôi* của Lê Cần Thơ, xuất bản in tại Houston năm 1999.

Lê Trúc Khanh còn được đưa quá trình sáng tác và một số tác phẩm giới thiệu trong phần Văn Học Địa Phương của chương trình học bậc trung học cơ sở tại Cần Thơ.

Thơ LÊ TRÚC KHANH

QUÊ HƯƠNG HAI ĐỨA

Anh lớn trong miền Tây khai hoang

Quê anh và “nước bạc cơm vàng”

Khúc ca Nam tiến khơi tình đất

Pha máu cho phù sa diễm trang

Đèn lửa thương hồ rung bến khói
Thuyền về nhịp thở U Minh
Ai đó góp tay thời kháng chiến
Tầm vông em dựng ý thanh bình?

Ngày mưa lục tỉnh giăng châu thổ
Để lúa hồn nhiên với cuộc đời:
Vượt sông bình yên - cày sỏi đá
Tô màu lên chín cửa mù khơi

*

Giấc ngủ em hồn trắng Tô Châu
Mộng cùng sao rụng vững chiêm bao
Trường lưu thôi khuấy hồn Dương Tử
Duyên hải nào dâng sóng bạc đầu?

Mây Tứ Xuyên còn trôi nữa không?
Đường in dấu ngựa - nắng mai hồng
Em tiên thân cũng loài chim Việt
Nương gió Nam mà xuôi bể đông.

*

Rời chinh chiến đó tràn lan mãi
Hoa nắng ngùi tan dưới chợ chiều
Trống vọng kỳ yên - đình đám cũ
Chôn vùi theo “ngôi đồ tường xiêu”

“Gạo chợ nước sông” từ buổi ấy
Những người xa xứ mới quen nhau
Mùa loạn ly dầm thân áo vải
Đò neo - bè giặt - trắng chân cầu

*

Hai đứa giờ chung trời Cần Thơ

Dòng sông thương giọt tuổi đôi bờ
Ngủ ngon em - giữa vòng tay mẹ
Trên biển xanh - thừa hương ấu thơ

Vạn lời ca dao dành cho em
“điệp khúc trầm tư” của mẹ hiền
Anh thức khi lòng nôn khát sữa
Lặng buồn nghe nhịp vọng triền miên

Quê hương mình khóc cười dang dở?
Cuồn cuộn tràng giang chảy lạc nguồn
Gát mái đi em - tìm bến đỗ
Căng buồn ru giọng hát người thương...

LÊ TRÚC KHANH
1967



VÙNG ĐẤT PHƯƠNG NAM VÀ TINH THẦN TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO

1. Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa, dinh phủ đặt tại làng Ái Tử, thuộc huyện Đăng Xương, Quảng Trị ngày nay. Theo chân ông, những người lưu dân VN đã có mặt trên một vùng đất mới, đất của những dân tộc Chiêm Thành, Chân Lạp, Bồn Man, Lão Qua, Phù Nam... đầy lạ lùng, kỳ bí mà càng tiến về Nam như đi vào thời hồng hoang với rừng tràm, rừng đước bạt ngàn, sơn lam chướng khí, muỗi, mòng, đĩa vắt, "dưới sông sáu lội trên rừng cọt dừa".

Năm 1658, Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần tiếp nối quá trình chinh phục và khai thác, sáp nhập vùng Mô Xoài (Bà Rịa - Biên Hòa) vào lãnh thổ VN. Hai mươi năm sau (1679) các tâu thần nhà Minh vượt biển Đông sang xin thần phục chúa Nguyễn và tiếp tục khai thác vùng Lộc Dã (Đồng Nai) và Mỹ Tho. Năm 1695, thêm Mạc Cửu đến khai thác vùng Rạch Giá - Hà Tiên. Như vậy, theo đà Nam tiến, từ năm 1757 vùng đất về sau được gọi là "Nam kỳ lục tỉnh" đã hoàn toàn là một phần máu thịt của đất nước VN. Vì đây là vùng đất mới, nên đối với lưu dân, không phải là hưởng thụ, thụ động chờ thời vận mà phải là tích cực khẩn hoang. Bằng chính nỗ lực tự thân, qua bao nhiêu năm tháng, người lưu dân đã có thể an tâm với cuộc sống vật chất do mình tạo dựng. "Ở Gia Định, có khách đến nhà lần đầu tiên gia chủ dâng trà cau, sau dâng tiếp cơm bánh, tiếp đãi trọng hậu, không kể người thân sơ, quen lạ, tông tích ở đâu, ắt đều thâu nạp khoản đãi, cho nên người đi chơi không cần đem tiền gạo theo, mà lại có nhiều người trốn thuế, trốn thuế đi đến xứ này ẩn núp, bởi vì có chỗ dung dưỡng vậy" (Trịnh Hoài Đức - Gia Định Thành thông chí) cũng trong quyển này tập Hạ, Trịnh Hoài Đức còn chép "Đất Gia Định nhiều sông, kinh, cù lao, bãi cát nên trong 10 người đã có 9 người biết nghề bơi lội, chèo thuyền, lại ưa ăn mắm, ngày ăn ba bữa cơm mà ít khi ăn cháo". Hay Doãn Uân từng là thự án sát tỉnh Vĩnh Long vào năm 1833 có chép trong Trấn Tây Ký Lược. "Cũng có kẻ nghèo phải đi ăn xin, nhưng mỗi tháng họ chỉ đi xin một lần cũng đủ sống rồi. Họ thường tụ nhau nơi đình miếu, mỗi người đều có mùng

màn riêng. Trộm cắp cũng ít xảy ra, trâu thì có chuồng nhốt ngoài đồng... họ rất thích ca hát, không ngày nào là không có múa hát".

Như vậy, từ một vùng đất đầy những khó khăn, trở ngại về thiên nhiên, bao lớp người đi trước như thân cây đước cây tràm ngã xuống để cho lớp sau nối tiếp màu xanh bất tận. Cuộc sống sung túc đôi bằng mồ hôi, nước mắt và cả sinh mạng nữa... phải chăng làm cho họ ít quan tâm đến chuyện học hành, thi cử, không chịu ràng buộc bởi lễ giáo thánh hiền như ở Đàng Ngoài với niềm tự hào "ngàn năm văn vật"? Cũng phải chăng vì thế mà ta vẫn nghe cách nói theo kiểu bất cần đời của một điền chủ miền Nam nào đó "lấy gia đòng lúa chó không ai lấy gia đòng chữ". Vậy thì, với vùng đất phương Nam, có hay không tinh thần "Tôn sư trọng đạo"?

2. Cuộc sống "gạo chợ nước sông" như thế đã tạo cho người lưu dân nhiều tính tốt mà cũng nhiều tật xấu: máu "anh chị" trọng nghĩa bạn bè, sẵn sàng kết thân và hy sinh vì người khác miễn là người ấy tỏ ra rộng lượng, anh hùng như mình. Họ cũng không phân biệt giàu nghèo, chủng tộc, đôi khi sống vô kỷ luật, thỉnh biểu dương võ lực để giải quyết mọi xung đột, ưa hài hước và đôi khi lãng phí.

Nhưng cũng có một nghịch lý lịch sử thật vô cùng độc đáo. Thực ra, nếu như giặc Pháp không xâm chiếm Nam kỳ từ những năm cuối thế kỷ 19, thì dân VN không dễ tràn xuống Rạch Giá, Cà Mau quá nhanh như thế. Các tỉnh Cần Thơ, Long Xuyên, Sóc Trăng... còn nhiều vùng phì nhiêu chưa khai phá đến.

Có nhận định như thế, chúng ta mới hiểu được lòng yêu nước vô bờ bến và sự cố gắng khai hoang của họ. Bởi quá căm thù thực dân, họ "sanh nhiều tật kỳ khôi": không đóng thuế cho Pháp, không muốn gặp mặt người Pháp, lắm cụ già bảy tám mươi tuổi đã giữ trọn tiết tháo ấy mãi đến lúc chết. Các cụ cất nhà giữa rừng, ở chót núi, vàm sông, ở cù lao cô tịch... không bao giờ đi chợ. Không ai biết được danh tánh các cụ. Rõ ràng, những con người vô danh đó có thể chưa hề xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, chưa hề bước chân vào chốn quan trường, thế mà sống đúng đạo lý "uy vũ bất năng khuất" đâu khác người xưa?

Đó là đạo lý nhân dân, là quan niệm của những vị thầy vĩ đại xuất thân từ chốn quần áo vải. Người dân kính trọng và ca ngợi họ, xem đó là những tấm gương thực tế để noi theo.

Người miền Nam không gọi cha là "Thầy" như miền Bắc. Hình như từ "Thầy" chỉ dùng để gọi những người dạy dỗ, nâng bước cho mình không chỉ ở tứ thú ngũ kinh mà còn ở mọi ngành nghề trong xã hội.

Đại Nam Nhất thống chí cũng từng ghi lại, "Dân Gia Định có tục chuộng khí tiết, khinh tài trọng nghĩa, sĩ phu ham đọc sách cốt yếu cho hiểu rõ nghĩa lý mà lại vụng về văn từ". Đánh giá này từ những năm 1850 (thời Tự Đức) đã khẳng định một quan niệm sống hết sức thực tế của người phương Nam. Đối với họ lòng tôn kính tuyệt đối luôn dành cho những bậc thầy có công tác tạo cho mình. Do đặc thù của đời sống xã hội, ở đây có thầy hò (dạy hò hát) thầy tuồng (dạy các tuồng tích diễn xướng) thầy đờn (dạy đờn) đều được kính trọng như nhau chứ không hề có quan niệm "xướng ca vô loại". Nhiều cụ già tuy nghèo tả tơi nhưng dám vay nợ, mua đờn, rước thầy về dạy vọng cổ cho con. Đôi khi, cả làng hùn tiền mời thầy dạy hò để khỏi mắc cỡ khi có một khách thương hò nào đó lên tiếng trên sông mà trong làng không ai đối đáp!

Xa và cao hơn nữa, nhiều vị sáng lập tôn giáo ở phương Nam cũng được gọi bằng "Thầy": Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ... Có phải chăng, với nhiều lưu dân, tinh thần "tôn sư trọng đạo" luôn gắn chặt với thực tế cuộc sống, đạo nghĩa thầy trò cũng giống như bao thứ ân tình khác mà họ vẫn mang theo trong lòng từ buổi đầu khai hoang, vỡ đất?

3. Hơn mười năm trước, tôi có dịp nghe một thầy giáo già kể lại một kỷ niệm "kinh khủng" trong cuộc đời mình mà thầy đang ngập ngừng giữa lằn ranh sinh tử. Đó là khoảng những năm sau 1945, quê hương chìm trong lửa đạn. Vào một ngày cuối năm, thầy về thăm quê mình ở huyện Bình Minh (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long), lúc này đang nằm trong sự khống chế của lực lượng quân sự địa phương... Chẳng may, ngay trong đêm thầy bị bắt cùng một số người khác (do nghi ngờ sao đó), và bị nhóm này trói tay bịt mắt, đưa ra hành hình trên sông Hậu. Thầy đã cầm chắc mười mười cái chết. Những tên

đao phủ máu lạnh lần lượt kéo từng người ra phía trước mũi ghe, lột khăn bịt mắt và dùng dao bầu chặt đứt cổ rồi đập xuống dòng sông đang lặng lẽ chảy xuôi dòng dưới ánh trăng vàng vọt cuối năm mà không hề thương tiếc. Thầy giáo là người thứ tư sắp bị hành hình. Nhưng điều thầy không ngờ được là khi tấm vải che mặt vừa được giật ra thì có tiếng kêu khe khẽ từ tên đao phủ "Trời ơi! Thầy!" Trong lúc "thập tử nhất sinh" đó, thầy cũng không nhớ nổi tên đứa học trò cũ của mình. Anh ta nói nhanh trong hơi thở đứt quãng "Con sẽ giả bộ chặt đầu, nhưng đẩy thầy qua phía tay phải tức là mé Cần Thơ, thầy ráng lợi vào bờ và nhớ đừng qua đây nữa".

Mọi việc diễn ra êm đẹp, không ai biết trừ hai thầy trò. Chắc chắn dù anh học trò không can đảm, thầy cũng chẳng dám đặt chân lần thứ hai đến vùng đất ấy! Hôm nay thầy đã đi xa và anh học trò kia cũng không còn trong cõi đời này. Nhắc lại câu chuyện lòng thoáng chút ngậm ngùi vì qui luật đời đời dâu biển, nhưng cũng vô cùng âm áp bởi đạo nghĩa thầy trò - trong đêm đen của quê hương thời ly loạn - vẫn mãi rạng ngời như muôn vì sao sáng cuối trời xa!

Có một điều mà ngay cả các nhà xã hội học chắc cũng bất lực đi tìm lời đáp. Đó là trong những năm thực dân Pháp đô hộ, miền Nam xuất hiện một tầng lớp "anh chị" sống ngang nhiên trong xã hội, hành xử theo kiểu giang hồ: đứng bên xe, cờ bạc, trộm cắp, thanh toán lẫn nhau... Ở đất Cần Thơ, chắc những người lớn tuổi không thể quên tên nhân vật Sáu Thanh. Đây cũng là một tên tuổi vang bóng một thời: tiêu xài như nước, có vô số đàn em, sẵn sàng cho em út thanh toán những kẻ cậy thế ỷ quyền không chút nao núng. Nhưng đối với thầy giáo, thì các nhóm "giang hồ" lại có một biệt đãi, không bao giờ để xảy ra đụng chạm, xích mích làm mất lòng quý thầy. Nếu có một tên đàn em nào đó vì không biết, lỡ "cầm nhầm" của thầy một chiếc xe đạp, một số tiền... giữa chợ, chỉ cần thầy lên tiếng là lập tức có người mang đến trả và xin lỗi! Không chỉ Sáu Thanh mà hầu như các tay "anh chị" nào cũng đều cư xử như thế! Có thể coi đây là một nét độc đáo của tinh thần "tôn sư trọng đạo".

4. Đất trời lại thêm một lần chuyển nhịp. Trong cái se lạnh cuối năm, lòng băng khuâng nhớ về thời thơ ấu. Quê tôi nằm ở bên kia sông Tiền, thuộc tỉnh Bến Tre. Ở quê tôi, trong những ngày cận Tết,

bên cạnh bao nhiêu lo toan vất vả, người dân quê vẫn không quên hai điều quan trọng: "Tết Mụ và Tết Thầy".

Nhớ ngày nào - như mới hôm qua - má tôi chuẩn bị cho hai anh em đội mâm lễ vật đến nhà "Tết Mụ". "Mụ" là tiếng gọi dân dã, là người đã giúp cho đứa bé lọt lòng. Thời đó, hầu như không một sản phụ nào đến nhà bảo sanh (mà cũng chưa có) nên việc "đi biển một mình" của người mẹ đều trông cậy hoàn toàn vào những bà "mụ vườn" giàu kinh nghiệm. Có thể nói, gần như tất cả trẻ con trong làng, thời anh em tôi, đều được bà dặt tay vào cuộc sống qua tiếng khóc đầu tiên.

Lễ vật cũng chẳng có gì quý giá: Một gói trà "Tam quan kỳ chương", một bịch thèo lèo, vài phong bánh in... nhưng quan trọng là lòng tri ân sâu xa với người đã tạo tác cho mình. Khi đến nhà bà mụ, anh em tôi cũng nhận ra không chỉ có mình mà còn biết bao gia đình khác cũng bày tỏ lòng biết ơn như thế. Mấy chục năm trôi trôi nổi, qua nhiều vùng đất nước, tôi chưa gặp ở đâu một nét phong tục độc đáo và ngộ nghĩnh như thế. Trong đầu óc non nớt trẻ thơ, ấn tượng sâu sắc về lòng biết ơn, về đạo nghĩa "uống nước nhớ nguồn" đã trở thành những vết khắc vô hình mà trọn đời ta không quên được. Chợt nhớ thời thơ ấu, say mê vì bao câu chuyện cổ phương Nam. Đặc biệt là mối quan hệ giữa cọp và người. Đó là chuyện cọp rước mụ về sinh cho vợ cọp. Người nhà bà mụ kinh hoàng vì nghĩ là bà đã chết, không dè mấy ngày sau, cọp cống bà trả về nhà cũ, lại còn đền ơn bằng cả một con heo rừng to tướng! Bà cũng kể lại, sau khi sanh xong, sợ cọp cái đói sẽ ăn thịt bà mụ nên cọp đực vội vàng đưa bà giấu biệt trong rừng sâu để đảm bảo an toàn. Có lẽ trong cuộc sống chung với dã thú ở cùng trời cuối đất người lưu dân đã nhìn ra được đâu là công ơn của những người đã góp phần giúp họ duy trì nòi giống, đảm bảo nhân số lao động để chiến thắng thiên nhiên, nên cọp cũng như người, đều quý trọng những "bà mụ vô danh", người thầy đầu tiên ở vùng "trăm xanh củi lục"?

Từ những suy nghĩ lan man đó, ta có thể khẳng định: tinh thần "tôn sư trọng đạo" của vùng đất phương Nam thật là đơn giản, bình dị. Nó không là một thứ giáo điều, khuôn thước theo lối lý luận, sách vở - mà thấm đẫm trong lòng người như bao nhiêu mồ hôi đã thấm

vào lòng đất theo mỗi bước chân người xưa mở cõi. Để cũng từ đó, ta tự hào biết bao về một lớp trí thức, cũng khoa bảng mà cũng thật bình dân: Võ Trường Toản, Phan Thanh Giản, Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa... đã sinh ra và lớn lên từ nhân dân nên trọn đời gắn bó với nhân dân, để ngọn đuốc "tôn sư trọng đạo" không chỉ thấp sáng nơi cửa Khổng sân Trình mà còn soi rọi khắp ruộng lúa, cánh đồng, ngọn núi, dòng sông...

Xin được lắng lòng nghe lại truyền thống đáng tự hào này để tự răn mình và không hổ thẹn với người xưa...

LÊ TRÚC KHANH

DÒNG CHẢY VĂN HỌC TỨ GIÁC LONG XUYÊN TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVIII ĐẾN NAY

1/ TỪ DẤU CHÂN NGƯỜI LƯU DÂN MỞ CỎI ĐẤT PHƯƠNG NAM.

Từ hơn 4 thế kỷ trước (Năm 1620), cuộc hôn nhân giữa Công chúa Ngọc Vạn, con gái của chúa Nguyễn Phúc Nguyên với Vua Chân Lạp Chey Chetta II, đã đặt nền móng vững chắc ban đầu cho số người Việt từ Đàng Trong vào sinh sống, khai thác vùng đất Phương Nam còn hoang hóa nhưng vô cùng màu mỡ. Những cư dân Việt đầu tiên đặt chân về vùng đất phía Nam khai hoang rõ ràng đã đến trước khi chúa Nguyễn và các vua triều Nguyễn thiết lập những đơn vị hành chính, khẳng định vai trò chủ quyền ở trời Nam.

Năm 1700, Nguyễn Hữu Cảnh là người có công mở mang vùng đất Nam Bộ. Tháng 4, sau khi đánh tan quân Nặc Thu ở Nam Vang (Chân Lạp), trên đường trở về Gia Định, Nguyễn Hữu Cảnh dừng chân ở Châu Sao Mộc (tức Cù lao Cây Sao, nay là Cù lao Ông Chưởng thuộc huyện Chợ Mới). Vùng Cù Lao Ông Chưởng chỉ là nơi ông trú quân một thời gian ngắn (vì ông và toàn thể quân binh đều bị bệnh dịch). Sau mấy ngày di chuyển về Rạch Gầm (Định Tường) thì ông mất. (Theo *Thực Lục Tiền Biên*). Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ dưới thời các chúa Nguyễn "Cho đến năm 1757, toàn bộ vùng đất giữa sông Tiền, sông Hậu từ phía Châu Đốc xuống Sóc Trăng, Trà Vinh đã thuộc về chúa Nguyễn. Tây Nam Bộ không còn gián cách giữa Mỹ Tho (1679), Long Hồ (1732) với Hà Tiên (1708) mà trở thành một vùng châu thổ rộng lớn đầy tiềm năng của chúa Nguyễn ở Đàng Trong". (1) Vùng đất Tầm Phong Long thuộc về Việt năm 1757 do vua Chân Lạp là Nặc Tôn dâng đất trả ơn cho việc được chúa Nguyễn giúp đỡ khi đất nước Chân Lạp nổi lên các cuộc biến loạn. **Với tên gọi ban đầu có gốc từ tiếng Khmer – Tầm**

Phong Long, trước khi thuộc về Việt Nam đây là vùng đất của nước Chân Lạp (Campuchia ngày nay). Âm "*Tâm Phong Long*" xuất phát từ "*Kompong Luông*" của tiếng Khmer, có nghĩa là *bến, vũng, sông của vua*. Theo giải thích này thì đây là vùng đất của vua *Chân Lạp*, vùng đất của vua vì nơi đây khá rộng lớn, địa thế tốt và khá hiểm yếu". (2)

Nguyễn Cư Trinh vâng lệnh Chúa tiếp nhận đất này và chia vùng đất này thành 3 đạo: đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đặt đạo Tân Châu ở xứ cù lao Diên (hay cù lao Giêng) trên Tiền Giang, đặt **đạo Châu Đốc ở xứ Châu Đốc trên Hậu Giang**, lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp, chặn giữ những nơi yếu hại ở địa đầu.

Vùng đất Tâm Phong Long rộng lớn trước kia được chia cắt là cơ sở định hình cho 3 tỉnh Tây Nam Kỳ của Nam Kỳ lục tỉnh.

Đây là vùng đất màu mỡ "sông sâu nước chảy", nằm giữa sông Tiền, sông Hậu, chiếm vị trí trung tâm của Nam Bộ, là đầu cầu nối liền miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

Từ đây người Việt, người Hoa chánh thức khai thác, làm ăn, mua bán... Chẳng bao lâu, trên địa bàn của đất Đông Khẩu đạo thành lập được trên 60 thôn làng. Dân cư tập trung ngày một đông, nhiều tụ điểm cư dân hình thành ở hai bên bờ sông Tiền, sông Hậu:

Hơn 10 năm gánh vác sự nghiệp tiếp tục mở đất và giữ đất phương Nam, bằng những hành động và tư tưởng chiến lược sáng tạo độc đáo như chủ trương "Tầm thực" (Tầm ăn lá dâu), "Dĩ địch chế địch" (để cho đối phương chế ngự lẫn nhau)... *Nguyễn Cư Trinh là người cuối cùng hoàn tất sự nghiệp Nam tiến - mở đất phương Nam của dân tộc vào năm 1757*. Đất phương Nam được đưa vào bản đồ Xứ Đàng Trong - nước Đại Việt, miền đất ở mạn trên giữa sông Tiền và sông Hậu, mà sử sách lúc bấy giờ gọi bằng tên Tâm Phong Long.

2/ ĐẾN DÒNG CHẢY VĂN HỌC TỨ GIÁC LONG XUYÊN TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVIII ĐẾN NAY.

Như vậy, cho đến năm 1757 những người mở cõi phương Nam đến vùng đất này chủ yếu mang theo gươm giáo, nông cụ khai núi xẻ rừng và một niềm tin vào tương lai tươi sáng. Nhưng không chỉ bao nhiêu đó đã đủ hình thành một vùng quê hương "đất lành chim đậu". Khi việc "khai khẩn" đã bước đầu ổn định, thì tiếp theo là việc "khai cơ". Khai cơ không chỉ là ổn định cuộc sống, không chỉ có ruộng lúa, mảnh vườn, mà còn có lời ca tiếng hát. Đây là vùng đất mới, người Việt vào đây lập nghiệp, chú trọng nhiều đến việc tranh đấu, tranh đấu với thiên nhiên, tranh đấu với dân - tộc bản địa để sanh tồn. Người dân vào đây vỡ đất để tìm mạch sống, thì cần đem theo mình cái cuốc, cái cày hơn là đem theo cây bút, thỏi mực. Trong khi đó, chúa Nguyễn Đàng trong cũng bận can thiệp với nước láng giềng về chính trị về ngoại giao để bảo - vệ kiều - bào, để tầm thực lãnh - thổ; tất nhiên là ít chú trọng đến văn - hóa. Trong lúc đó thì người Hoa Nam, trực tiếp văn hóa Hán tộc đến một lượt với đám người di cư tị nạn chánh - trị Mãn - Thanh. Phong trào di cư của người Tàu có ảnh hưởng đến văn hóa miền Nam này chúng ta nên kể hai phong trào lớn:

(a) Năm 1679, Tổng-binh Cao-châu, Liêm-châu và Lô - châu, thuộc tỉnh Quảng - Đông là Trần Thượng - Xuyên cùng với Tổng - binh Long - môn là Dương Ngạn Địch đem 3.000 quân và 50 chiếc chiến thuyền vào Quảng - Nam, xin qui phục Chúa Hiền Nguyễn - Phúc Tần (1648-1687).

(b) Một nhóm người nữa là nhóm họ Mạc ở Hà Tiên. Họ đi xa hơn, xuống thẳng đến miền cực nam, vào vịnh Thái Lan. Bảy giờ miền đất này còn thuộc vào nước Chân - Lạp. Họ bắt đầu vào vịnh Thái Lan từ cuối thế-kỷ XVII: qui tụ nhân dân, khẩn hoang lập ấp, mở hải khẩu, chiêu thương, mộ dịch, đến đầu thế kỷ XVIII thì họ đã chiếm lãnh gần hết giải đất miền cực Nam, làm "bá chủ một

phương hải tần". Năm 1708, Mạc-Cửu đem 7 phủ của mình khai thác gồm một giải duyên hải miền Tây, cả đảo Phú Quốc, mà thủ phủ là Hà Tiên trấn, qui phục vào bản đồ Đàng trong, chịu quyền bảo hộ của Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725).

Phải nói rõ như vậy để thấy rằng, văn học miền Nam khởi thủy phôi thai đã trực tiếp chịu ảnh hưởng sâu đậm văn học Trung-Quốc.
(3)

Dòng chảy văn học vùng tứ giác Long Xuyên hình thành trong điều kiện này mà tác giả phần lớn là những vị tướng cầm quân được đào tạo trong nền Nho học phong kiến, là những người Hoa trong phong trào "phản Thanh phục Minh" đã chọn vùng đất phương Nam làm nơi trú ngụ. Sự cộng sinh của nhiều dân tộc trên vùng đất mới cũng đã tạo không ít ngạc nhiên cho người dân bản địa. Tác giả **Bùi Hữu Nghĩa** khoảng năm 1848, trên đường đi đây làm lính thú Vĩnh Thông khi qua An Giang, ông đã viết:

Đủ người: Thanh, Hán, Thổ cùng Xiêm

Phong cảnh như vậy cũng khó tìm

Nước chảy ba dòng sông cá nhảy

Sương lên bảy núi chót bay chim

....

(Vịnh PHONG CẢNH AN GIANG)

Người khơi nguồn cho dòng chảy văn học vùng tứ giác Long Xuyên là **Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh** (1716-1767). Ông chẳng những có tài văn chương mà còn giỏi dùng binh, mưu lược, lại liêm chính, khí phách ngang tàng. Tài văn thơ của ông được người đời nể phục bởi nhiều tác phẩm giá trị. Lê Quý Đôn đã nhận xét rằng sự nghiệp văn học của Nguyễn Cư Trinh gắn với tâm sự và chí khí kinh bang tế thế. Một số bài thơ có khí vị lời thơ biên tái, vừa phản phát sôi nổi, hùng tráng; vừa lắng đọng, trầm tĩnh, bi hoài. Một số bài khác thì lại phản ánh tâm sự cô đơn, phiền muộn của một người

đầy lòng ưu ái... thấu hiểu nỗi cơ cực, đau khổ của dân, *muốn "bàn nói mưu ngay, lẽ phải, nhưng đều không được theo"*. Tiếp thu vùng đất Tầm Phong Long là một trong những sự kiện đặc biệt trong lịch sử dân tộc, nó vừa góp phần mở rộng cương vực của Tổ quốc ta về phương nam, vừa đánh dấu kết thúc diễn trình Nam tiến của dân tộc ta trong 775 năm (982-1757). Ngoài công lao to lớn trong việc khai hoang mở cõi ở phương Nam với việc doanh điền, mở nước, an dân, ông còn là một nhà chánh trị tài ba với nhiều kế sách thiết thực, một nhà ngoại giao lỗi lạc đạt nhiều thành quả lớn, một nhà thơ. Ông mất vào năm Đinh Hợi (1767), hưởng dương 51 tuổi, được truy tặng Tá lý công thần, Vinh lộc đại phu, thụ Văn Định. Đến thời Minh Mạng, ông lại được truy tặng Khai quốc công thần, Hiệp biện Đại học sĩ, đổi tên thụ, truy phong tước Tân Minh hầu là Văn Cách, cho tòng tự tại Thái Miếu.

Ghi nhớ công lao mở cõi về phương Nam của Nghi Biều hầu Nguyễn Cư Trinh, trong sách Đại Nam liệt truyện, viết về ông có đoạn: *"Cư Trinh là người có đủ tài thao lược, lại hay quyết đoán, kiến nghị việc gì đều là những câu trung thực, chính đáng, tới khi tham gia vào việc quan lĩ, mở rộng đất đai phương Nam, giữ vững chốn biên thùy yên ổn thì công lao danh vọng thực là việc có một thời. Về phần thơ văn lại càng lão luyện như: **"Đạm Am tập"** là tập văn chương rất có giá trị, lưu truyền mãi đến ngày nay"*.

Ông đã khéo kết hợp chức trách của người làm quan với bản lĩnh thi nhân của mình, sáng tạo nhiều tác phẩm văn chương vừa có giá trị nghệ thuật vừa có tính thời sự bằng chữ Nôm, như: **"Quảng Ngãi thập nhị vịnh"** (12 bài thơ vịnh cảnh Quảng Ngãi). **Sãi Vãi** là một tập thơ Nôm, gồm 340 câu đôi ghi lại sự đối đáp giữa Sãi và Vãi nhằm động viên tinh thần binh sĩ trong việc dẹp giặc, trừ hại cho dân. Qua đó ông đề cao, chấn chỉnh Nho giáo và phê phán bọn tu hành giả hiệu. "Sãi Vãi" được sáng tác trong phong trào dùng chữ Nôm viết truyện thơ đang thịnh hành trên khắp đất nước ở thế kỷ XVIII,

đồng thời ứng dụng thể loại văn chương được ưa chuộng ở Xứ Đàng Trong lúc bấy giờ là "văn hát tuồng đồ". "Sãi Vãi" còn giúp ông có được một chỗ đứng đáng nể trọng trên văn đàn và lịch sử văn hóa - văn học ở phương Nam, đương thời và cả sau đó. Không có cốt truyện và cấu trúc theo lớp lang, chỉ có 2 nhân vật là ông Sãi và bà Vãi cùng với cuộc đối thoại của họ, vậy mà Nguyễn Cư Trinh đã tạo nên được một bức tranh văn học về toàn cảnh xã hội phương Nam lúc bấy giờ. Ông còn gửi gắm vào đây ý chí và tư tưởng của mình... Ngoài ra ông còn có Bài văn xuôi đáng giá nhất *"Muốn bàn nói điều hay lẽ phải nhưng đều không được theo"*, là bức thư dâng lên chúa Nguyễn Phúc Khoát vào năm Tân Mùi - 1751. Rất đặc sắc là chỉ có mấy dòng chữ thôi mà Nguyễn Cư Trinh đã diễn đạt được hết sức mạch lạc và sắc sảo chính kiến của mình: Dân là gốc của nước, gốc không bền vững thì nước chẳng thể yên. Cho nên, nếu ngày thường chăm dùng ân huệ để cố kết lòng người thì đến khi có việc xảy ra còn mong chờ vào đâu? Nhà bác học **Lê Quý Đôn** đã viết những nhận xét thấu đáo về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Cư Trinh trong sách **"Phủ biên tạp lục"**: *"Gắn bó với tâm sự và chí khí kinh bang tế thế, một số bài có khí vị của lối thơ biên ải, vừa phấn phát, sôi nổi, hùng tráng vừa lắng đọng, trầm tĩnh, u hoài... Muốn bàn nói điều hay lẽ phải nhưng đều không được theo"*.

Trong dòng chảy văn học vùng Tứ giác Long Xuyên những năm 30 thế kỷ XVIII, có một tên tuổi lẫy lừng là **Tổng binh Đại đô đốc Mạc Thiên Tứ** (còn gọi là *Mạc Thiên Tích*). Ông là con **Tổng binh trấn Hà Tiên Mạc Cửu**. Khi cha ông qua đời vào năm 1735, lúc ấy ông đã 29 tuổi, nối nghiệp cha mở mang đất Hà Tiên, được chúa Nguyễn Phúc Trú phong chức Tổng binh Đại đô đốc. Ông tiếp tục sự nghiệp khai khẩn miền Tây Nam Bộ, biến vùng đất Hà Tiên trở thành đất văn hiến, phồn vinh và ông cũng nhiều lần chống trả lại các cuộc tấn công của các lân bang Xiêm La và Chân Lạp. Hậu Giang ngày nay phát triển được về kinh tế và xã hội đều nhờ

công của Mạc Thiên Tứ. Tại thủ phủ Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ đã cùng với **Trần Trí Khải** đã tổ chức thành công **Tao đàn Chiêu Anh Các** vào năm 1736 ở Hà Tiên. Đây là nơi gặp gỡ giao lưu các thi nhân, danh sĩ, tạo nên một nền văn học thi ca rực rỡ danh tiếng bậc nhất miền Nam. Ảnh hưởng của nhóm Chiêu Anh Các lan rộng ra khỏi phạm vi trấn Hà Tiên. Kể từ đó cho tới năm 1771, tao đàn trên đã đóng góp cho nền văn học Việt nhiều tác phẩm có giá trị, như: **Hà Tiên thập cảnh, Thụ Đức Hiên tứ cảnh, Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh, Minh bột di ngư..**

Mạc Thiên Tứ là Hội chủ của hội thơ này, đồng thời là người sáng tác 10 bài thơ "xướng", ca ngợi 10 cảnh đẹp của Hà Tiên để 31 tác giả (9 người Việt ở vùng Thuận Hóa - Quảng Nam và 23 người Trung Quốc ở Quảng Tây, Phúc Kiến, Giang Tô, Giang Tây) "họa" lại (mỗi người 10 bài), tổng cộng là 320 bài, tập hợp thành sách "Hà Tiên thập vịnh", được khắc in lần đầu ngay vào năm 1736. Tên của 10 cảnh đẹp Hà Tiên, cũng là tên 10 bài thơ "xướng" - bằng chữ Hán, thể "thất ngôn bát cú", của Mạc Thiên Tứ - làm nên nội dung của "**Hà Tiên thập vịnh**" là:

- *Kim Dữ lan đào (Đảo vàng bên sóng). Bình Sơn điệp thủy (Núi Bình xanh trùng điệp). Tiêu Tự thần chung (Chùa tịch mạch ngân chuông sớm)/ Giang Thành dạ cổ (Thành bên sông điểm trống đêm)./ Thạch Động thôn vân (Hang đá ngậm mây)./ Châu Nham lạc lộ (Triền đất đỏ có cò đậu)/ Đông Hồ ẩn nguyệt (Hồ phía Đông in ánh trăng) / Nam Phố trường ba (Phố mạn Nam ngăn làn sóng)/ Lộc Trĩ thôn cư (Mũi Nai thôn xóm ở) / Lư Khê ngư bạc (Rạch Vược đậu thuyền chài).* (3)

Tác gia Trịnh Hoài Đức ở thế kỷ XIV đã viết về giá trị văn hóa nghệ thuật "Hà Tiên thập vịnh" của "Tao Đàn Chiêu Anh các" như sau "*Các vị nối nhau mà đến, mở Chiêu Anh các, gom góp thư tịch, thường ngày cùng các chư Nho giảng luận, có đề vịnh Hà Tiên thập cảnh, người thù họa rất đông, văn chương rực rỡ ở chốn góc biển*

chân trời". Ngoài và cùng với Chiêu Anh các - Hà Tiên thập vịnh như thế, rất đặc biệt, Mạc Thiên Tứ còn dùng chữ Nôm một cách điêu luyện, để sáng tạo thêm "**Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh**" nữa, cũng được đánh giá rất cao.

Từ năm 1753, **Nguyễn Cư Trinh** được phái vào Gia Định, chủ trương việc đối phó với Chân Lạp. Hơn 10 năm gánh vác sự nghiệp tiếp tục mở đất và giữ đất phương Nam. Trong quá trình hoàn tất sự nghiệp kỳ vĩ ấy, Nguyễn Cư Trinh có nhiều dịp liên hệ với Mạc Thiên Tứ - Tổng binh miền Hà Tiên, đồng thời là Minh chủ của Tao đàn Chiêu Anh Các. Nhanh chóng trở nên thân thiết, mối tình bằng hữu đã kết nối hai người vào chung sự nghiệp văn hóa, văn chương. Kết quả đẹp đẽ là thêm 10 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Cư Trinh ra đời, họa lại 10 thi phẩm "**Hà Tiên thập cảnh**" của Mạc Thiên Tứ. 10 bài thơ này chẳng những làm giàu cho tập sách thơ đã sẵn 320 bài của Chiêu Anh Các mà còn làm cho kho tàng tác phẩm thi ca của Nguyễn Cư Trinh càng thêm phong phú, giá trị. Giữa Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ có mối giao tình văn nghệ của hai bậc danh tướng tài hoa. Hai ông lấy văn từ tặng đáp nhau, lời và ý thấy đều dồi dào đẹp đẽ. Lời thơ của những vĩ nhân từng đem hết tài sức của mình bảo vệ non sông và dân chúng, càng khiến cho cảnh đẹp của dải đất phương Nam hiện lên qua những trước tác của họ trở nên sống động và bất tử. Xin đơn cử một bài trong số mười bài mà Nguyễn Cư Trinh đã từng họa thơ "**Hà Tiên Thập Cảnh Vịnh**" của họ Mạc như sau:

Kim dũ lan đào

Đế lộ Dương Hầu sở phạm biên

Sắc di sơn nhạc trấn tiền xuyên

Ba triêm bất thức trường thành diện

Thủy mãnh phương tri chỉ trụ quyền

Tinh Vệ bán tiêu hàm thạch hận

Ly long toàn ổn bão châu miên

*Tri quân diệc thị kinh thiên vật
Kim cổ thao thao độc nghiệm nhiên.*

Dịch Thơ:

Đảo vàng ngăn sóng

*Trời giận Dương hầu phạm đất này
Sắc đem gò núi trấn sông đây
Sóng xô, thế vững, thành không ngập
Nước mạnh quyền cao, núi chẳng sây
Tinh Vệ bớt hờn thôi đá ngậm
Ly Long ôm ngọc ngủ dòng say
Mới hay tài ấy kê trời vững
Cuồn cuộn nghìn thu sức chẳng lay,
(Phạm Ngọc Khuê dịch).*

Từ năm 1771 cho đến cuối thế kỷ 18, vùng đất phương Nam chìm trong lửa loạn. Đó là việc Quân Xiêm La (sau này là Thái Lan) do Taksin (Trình Quốc Anh) cầm đầu đánh phá Hà Tiên, Châu Đốc... Đó là việc quân Tây Sơn đánh đuổi chúa Nguyễn Ánh, chiếm trọn đất Gia Định (tức bao gồm luôn An Giang sau này) vào năm 1783. Đó là Nguyễn Huệ đánh thắng quân Xiêm La ở Rạch Gầm - Xoài Mút (Mỹ Tho), chiếm lại An Giang, Hà Tiên năm 1785. Chiến cuộc chỉ kết thúc từ sau 1802, năm Chúa Nguyễn Ánh lên ngôi tức là vua Gia Long mở đầu cho triều đại nhà Nguyễn. Như vậy trong gần 50 năm, dòng chảy văn học Tứ giác Long Xuyên lại tạm dừng chân sau những thành tựu rực rỡ trong buổi đầu khai hoang, mở cõi.

Cho đến đầu thế kỷ XIX Nguyễn - triều phục hưng, Gia - Long thống nhất toàn quốc, miền Bắc, miền Nam đều chịu chung một chế độ trung ương tập quyền ở kinh-đô Phú-Xuân. Bấy giờ thì người Miền nam Lục-tỉnh học hành thi cử cùng trong một qui chế với miền Trung miền Bắc.

Đã có số ít người trong Nam ra làm quan miền Trung, miền Bắc; đổi lại, có số nhiều người Bắc, người Trung được triều đình cử vào làm quan trong Lục tỉnh. Chính họ là những sứ giả văn hóa liên lạc giữa ba miền. Bây giờ thì, văn học Miền nam bắt đầu hòa đồng ít nhiều với văn học hai miền. (3)

Năm 1817, **Nguyễn Văn Thoại** (tức Thoại Ngọc Hầu) được triều đình bổ nhiệm làm trấn thủ trấn Vĩnh Thanh. Ông cho đào kinh Thoại Hà, nối rạch Đông Xuyên (nay là rạch Long Xuyên) với ngọn Giá Khê (Rạch Giá), dài hơn 30 km. Trong năm này, chợ Đông Xuyên (tức chợ Long Xuyên thuộc phường Mỹ Long ngày nay) được xây dựng. Đây là ngôi chợ xưa nhất của tỉnh An Giang ngày nay. Đến năm 1819 lại khởi đào kinh Vĩnh Tế nối Châu Đốc với Hà Tiên, tới 1824 thì xong, Ông cho lập làng Thoại Sơn, dựng **bia Thoại Sơn** tại triền Núi Sập, dựng đình thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại trung tâm thị xã Châu Đốc ngày nay. Năm 1826, sau khi hoàn tất việc đào kinh Vĩnh Tế, con lộ từ Châu Đốc đến chân núi Sam cũng được Thoại Ngọc Hầu khẩn trương khởi công vào năm 1826 và hoàn tất vào năm 1827. Con lộ này có chiều dài khoảng 5km, bề ngang hơn 5m chạy từ chân núi Sam đến nội ô Châu Đốc tên là "Châu Đốc Tân Lộ Kiều Lương". Sau khi con lộ được hoàn thành, ông đã cho dựng tại chân núi Sam bia **Châu Đốc Tân Lộ Kiều Lương**. Tiếc thay tấm bia đã bị vỡ, người ta chỉ tìm được vài mảnh của bia có ghi bốn chữ "Châu Đốc Tân lộ..." gần lăng Thoại Ngọc Hầu. Sau đó, ông đã tiến hành xây dựng sơn lăng vào năm 1828. Đây là nơi đã được chọn làm chốn yên nghỉ của ông và hai vị phu nhân là Châu Thị Tế và Trương Thị Miệt. Cũng trong năm này, ông cho soạn thảo bia **"Phụng đặc tứ danh Vĩnh Tế Sơn"** hay còn được gọi tắt là bia **Vĩnh Tế Sơn**. Đây là một áng văn chương tuyệt tác ghi lại sự gian nan cực khổ khi khai phá vùng đất này và việc đào kinh; đồng thời cũng bày tỏ lòng tri ơn nhà vua đã ban tên phu nhân Châu Thị Tế cho con kinh mới

đào là Vĩnh Tế Hà và núi Sam là Vĩnh Tế Sơn. *Chữ Vĩnh Tế được ghép từ tên của dòng họ Châu Vĩnh tại củ lao Dài (nay thuộc huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long) và tên Châu Thị Tế.*

Mặc dầu ông không trực tiếp đứng ra soạn văn bia này bởi vì người soạn bài văn là **Võ Tam Hà** vốn là một cự thần của nhà Lê đi theo ông với vai trò của một thư lại. Ngoài ra còn có người hỗ trợ cho việc soạn văn bia là **Tô Giang Nguyễn Chung Phủ**. Tuy nhiên ông đứng **vai trò giám sát và hiệu chỉnh** lại việc soạn văn bia.

Nói như thế, ta nhận thấy không chỉ Thoại Ngọc Hầu - Nguyễn văn Thoại - một võ tướng, một chiến lược gia về kinh tế mà ông còn có cả tấm lòng của một người gắn bó với quê hương. Những văn bia bằng chữ Hán do ông chỉ đạo soạn thảo và hiệu chỉnh (*thể loại rất mới trong văn học phương Nam*) đã góp phần làm phong phú và đa dạng, làm nền cho việc vươn lên mạnh mẽ về sau của dòng văn học tứ giác Long Xuyên. Cũng từ thời điểm này về sau văn học phương Nam không ngừng phát triển. Tác giả cũng thật là đa dạng: Đó là những người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình đã từng tên đề bảng hổ, là những võ tướng uy danh trấn ải mà lại có tấm lòng ưu thời mẫn thế... họ vào vùng đất xa lạ này theo lệnh triều đình để giữ gìn cương thổ. Cũng từ vùng đất mới hình thành một lớp trí thức đồ đạt, bước chân vào chốn quan trường. (*Về thi cử, kể từ khoa thi Hương đầu tiên được tổ chức ở Nam bộ năm 1813 đến khoa thi cuối cùng năm 1864, nhà Nguyễn đã tổ chức được tất cả là 20 khoa thi hương (19 khoa thi ở trường Gia Định, 1 khoa thi ở trường An Giang) với 274 người đậu cử nhân*). **Kỳ thi Hương duy nhất và cuối cùng tại An Giang là năm 1864. Võ Doãn Xuân trường thi An Giang đỗ Thủ khoa Cử nhân trong số 10 Thủ khoa Cử nhân của cả nước.**

Đây cũng là giai đoạn phát triển mạnh mẽ dòng văn học Hán-Nôm. Các tác giả tiêu biểu như Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn, Phan Thanh Giản, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, Thủ khoa Bùi Hữu

Nghĩa, các cử nhân Trương Gia Hội, Phan Văn Tri, Nguyễn Thông, Nguyễn Thành Ý, Âu Dương Lâm, Trương Minh Giảng, Trương Văn Uyển, Trần Xuân Hòa, Đỗ Trình Thoại, Phan Văn Đạt, Lưu Tấn Thiện,...

Tháng 9/1824, Lê Đại Cương được điều vào làm Cai bạ Vĩnh Thanh ở cực Tây Nam đất nước. **Lê Đại Cương** (1771 - 1847) còn gọi là **Lê Đại Cang**, tự **Thống Thiện**, hiệu **Kỳ Phong**. Ông là một vị quan nổi tiếng tài năng, trung chính thời Nguyễn, trải qua ba đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, từng làm đến Tổng đốc An Giang – Hà Tiên, kiêm lĩnh ấn "Bảo hộ Chân Lạp quốc" từ tháng 11 năm 1826... Trước khi đi nhậm chức, Minh Mạng vời Lê Đại Cương vào ra mắt và dụ rằng: *"An Giang là tỉnh mới đặt, trong thì trấn thủ, vỗ về nước Phiên, ngoài thì không chế nước Xiêm, sự thể rất quan trọng. Người nay cai trị đất ấy, phàm những việc quân, dân, trọng đại cùng thành trì và kho tàng đều nên hết sức lo liệu để phu phi ý ta mong người làm được thành công"*.

Tháng 6/1834, ông được thăng Tham tri bộ Binh, Tuần phủ An Giang, được Minh Mạng giao đưa vua Cao Miên từ Việt Nam về nước, lưu lại Nam Vang lo việc bảo hộ Cao Miên.

Không những nổi tiếng là một thượng quan tài năng, liêm chính, văn võ song toàn, Lê Đại Cang còn được đương thời coi là một bậc cự phách, hiển đạt về văn chương với tập **"Lê thị gia phả"**, tập thơ **"Tĩnh ngu thi tập"** và hai tập bút ký về thời gian làm quan ở phương Nam mang tên **"Nam hành"** và **"Tục Nam hành"**. Đáng tiếc, do chiến tranh loạn lạc, hiện chỉ có tập **"Lê thị gia phả"** còn được gia tộc họ Lê ở quê hương lưu giữ, các tác phẩm khác đều đã thất lạc, chưa sưu tầm lại được.

Đến tháng 8-1833, **Trương Minh Giảng** được cải bổ làm Thượng thư bộ Binh, lãnh chức Tổng đốc An Hà kiêm Bảo hộ Chân Lạp quốc thay Lê Đại Cương vừa bị cách chức do để mất thành An

Giang. Vừa là một sử gia, từng giữ chức Tổng tài Quốc sử quán triều Nguyễn. Trương Minh Giảng xuất thân trong gia đình quyền thế có truyền thống hiếu học nên từ nhỏ ông đã bộc lộ là người thông minh giỏi văn lẫn võ. Ông là người làng Lang Thổng, huyện Bình Dương, trấn Gia Định. Thân phụ của ông là Lễ bộ Thượng thư Trương Minh Thành (Thành Tín hầu). Năm 1833, Trương Minh Giảng cùng thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực sung làm Tổng tài soạn bộ **Liệt thánh Thực lục** và **Đại Nam thực lục**.

Cũng phải nhắc tới **Cao Hữu Dực**. Ông nguyên tên là Dực, tên tự Hy Bằng, về sau kiêng quốc huy nên lấy tên tự để gọi. Người huyện Phong Điền, Thừa Thiên. Bằng là người thông minh, nhanh nhẹn có chí khí. Năm Minh Mạng thứ 6 (1825) đỗ Hương tiến... Năm 1837 làm Thị lang Bộ binh, Hiệp tán công việc thành Trấn Tây (Campuchia ngày nay)... Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) lãnh quyền Bố chính An Giang, sau bị giáng xuống làm Quyền Án sát An Giang... Năm thứ 3 (1843), chuyển đi Gia Định. Năm thứ 4, thăng thự Tuyên phủ sứ Tây Ninh...". Bài **"Tự huấn minh"** do chính Tổng đốc Cao Hữu Dực sáng tác. Được viết theo thể thơ ngũ ngôn bằng chữ Hán, "Tự huấn minh" là lời tự nhắc nhở (tự huấn) về phương châm sống mà ông tâm niệm.

Nguyễn Công Trứ nổi tiếng. *"Là người văn võ song tài, Nguyễn Công Trứ là vị quan thanh liêm, sống thanh bần nhưng bản tính thích tự do, ngang tàng và cái "ngông" của ông khác đời"*, được bổ làm Tuần phủ An Giang năm 1842... Nhưng trong thời gian ở đây, ta không thấy ông có sáng tác nào, mà chủ yếu ông huy động quan quân, người dân địa phương đào kênh rạch, làm đường, làm thủy lợi dẫn nước từ sông Cửu Long về đồng ruộng, phát triển kinh tế - xã hội. Công việc gắn với văn hóa địa phương là ông cho lập **Tĩnh học An Giang** ở thôn Tây Phú (Châu Đốc). Năm 1843 Thũ khoa Phạm Văn Trung được bổ làm Đốc học đầu tiên của Tĩnh học. Đến

năm 1844, **Doãn Uẩn** làm tuần phủ An Giang thay Nguyễn Công Trứ. Ông là người cho cất chùa Tây An vào năm 1847 (*tên do ông đặt với hàm ý trấn yên bờ cõi phía Tây nước Việt*). Doãn Uẩn là một danh thần thời Nguyễn, phụng sự ba đời vua liên tiếp: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Sinh thời, ông là một trong những trụ cột của triều đình, trấn giữ vùng biên cương tây nam, suốt những năm trị vì của vua Thiệu Trị. Trong hầu hết sự nghiệp của mình, ông được biết như là một văn tướng. Tuy nhiên, xuất thân dòng danh sĩ, ông cũng để lại một số tác phẩm có giá trị lịch sử và văn học như:

Trần Tây kỷ lược: quyển sách này, nhiều lần được các học giả trích dẫn khi nói về sinh hoạt xưa của vùng đất phương Nam như việc canh tác lúa nước ở Nam Bộ, nhu nhận tài tử Nam Bộ mà Doãn Uẩn còn gọi vùng đất này là "*đất múa hát*".

Doãn Uẩn thi tuyển là một tuyển tập thơ được biên soạn và biên dịch từ tập **Tuy Tĩnh tử tập ngôn** của ông. Trong tập này bài **Bình thơ Giang Thành dạ cổ** được nhà phê bình văn học Trần Thanh Giao giới thiệu và nhận xét:

Có lẽ không có lời phẩm bình nào về thơ Mạc Thiên Tích độc đáo như lời phẩm bình này.

(Trích một đoạn Bình thơ Giang Thành dạ cổ)

... Tiệc rượu khao quân cử ngay trước trận, ngay bên gò đồng xác giặc. Tướng sĩ nói:

- Rượu ngon. Giá có đồ nhắm thì tuyệt...

Sực nhớ, ta cười ha hả, rút bài thơ hay trong bao gươm lệnh ra sang sảng nói:

- Thức nhắm đây.

Rồi sang sảng đọc lớn bài "Trống đêm ở Giang Thành" của Mạc tướng công. Tướng sĩ ngồi im phăng phắc lắng nghe quên cả rượu trước mắt và "đồ nhắm" ở đâu đâu.

Đọc xong, ta nói: thơ hay phải nói cái thực, đã là thực thì thành thơ hay ngay! Đó, ta và các người, những cái thực, đang là bài thơ hay mà người xưa miêu tả... (4)

Cũng trong *Tuy Tĩnh tử tập ngôn* có những bài thơ của Doãn Uẩn được Nhà xuất bản Văn học xuất bản năm 2005 với tựa đề **Doãn Uẩn thi tuyển** với 90 sáng tác của ông. Đây là những sáng tác từ lúc ông còn là một nho sinh cho đến khi bước chân vào hoạn lộ. Đặc biệt những bài thơ viết khi ông làm quan ở vùng đất phương Nam – là một vị tướng trấn ải mà lại chưa chan lòng nhân ái trong trái tim người nghệ sĩ.

Ta có thể dẫn chứng một vài khổ thơ tiêu biểu:

Trong bài *QUAN GIANG ĐÌNH NHÂN VỌNG (Bài 2)* Doãn Uẩn cho thấy sự đồng cảm của người nắm giữ chính quyền trước nỗi khổ của người dân thời khai hoang mở cõi:

*Cao lâu thần tọa độc bằng lan,
Vạn lý vân yên tử vọng khoan.
Mãn địa giang hồ đề xứ kiến,
Liên thiên lô thảo liêu dư khan.
Ôc lư hàn lạc dân nhưng hộ,
Luỹ sách tương quyền tặc vị hàn.
Dân sự biên công hoàn nhĩ nhĩ,
Bả bôi không tự quỹ ngư xan*

Dịch nghĩa

ĐÌNH QUAN SÁT VEN SÔNG LÚC THU NHÀN

Buổi sáng ngồi trên lầu cao một mình tựa lan can ngắm xem chung quanh,

Bốn phía mênh mông muôn dặm mây bay quanh khắp vùng trời.

Khắp mặt đất có các sông hồ chảy qua ai cũng thấy,

*Dưới bầu trời là làng mạc, nhà phen mái cỏ sơ sài đậm bạc.
Nhà đều lợp bằng lá cây khô trên rừng, dân đang sống trong
cảnh lạnh lùng,*

*Vùng ở có đắp lũy rào gai để phòng gian, chỉ còn bọn giặc là
không kể gì rét mướt.*

*Việc dân ở vùng biên giới khó lắm, công sức bỏ ra giúp dân
chưa nhiều,*

*Tay nâng chén rượu nhắm với món cá mà thẹn lòng vì thấy
dân chưa hết khổ.*

Trong bài BA MI QUÂN THỨ là hình ảnh người dũng tướng
ra trận trong một cuộc chiến sinh tử mà vẫn nghĩ tới một ước mơ
giản đơn về cuộc sống yên bình:

*Tam tiếp liên thu biên sự nhị,
Quy lai ly các chính y y .*

Dịch nghĩa

*Liên tục qua ba lần thu phục biên sự cũng dần dần được như
mong muốn,*

*Mong trở về lại với hàng hoa cúc, đó là mong muốn chính của
lòng ta.*

Trong bài TAM GIANG THU THUỶ, ta phát hiện thêm một
chi tiết độc đáo về vùng đất tứ giác Long Xuyên

*Tả hữu tam giang hợp,
Đông tây tứ vọng mê.
Thuỷ bốn vạ mã giật,
Ba dừng quân sơn đề.
Ngư hướng vân biên được,
Thuyền tòng mộc sa thê.
Hà tại tạo hoá ý?
Hồ hải độc lưu tê (tây) .*

Dịch nghĩa

NƯỚC TAM GIANG MÙA THU

Bên tả bên hữu có ba dòng sông gặp nhau hợp thành một nơi, nơi đó gọi là "Tam Giang".

Từ đông nhìn lên, từ tây nhìn xuống, nhìn hết chung quanh cứ tưởng mình đang mê.

Nước bốn tâu chảy xuống như hàng vạn con ngựa đua chen nhau dọc sông,

Sóng cuộn cuộn từ thấp dâng lên cao như muốn đập vào mây quả núi.

Cá chạy tung tăng dọc lòng sông, mắt hướng lên mây như muốn nhảy lên trời,

Thuyền từ từ đi dọc theo các hàng cây, các hàng cây hình như có tổ chim ở.

Tại sao cảnh tượng thường như vậy? Đó là ý của Tạo hóa bày đặt thế chăng?

Đây là vùng có biển có hồ, nhưng độc nhất lại có một dòng chảy ngược về tây.

Tam Giang theo ý của Doãn Uẩn muốn tả đoạn sông nối Tiền Giang và Hậu Giang lại với nhau mà thời đó đã gọi là Tam Giang. Tức là đoạn sông phía bắc là vùng Đồng Tháp và phía nam là các vùng thuộc Châu Đốc và Long Xuyên. Qua từ: Độc lưu tây Doãn Uẩn chỉ còn kinh chạy từ Rạch Giá, Kiên Giang ra vịnh Thái Lan (kinh Vĩnh Tế). (5)

Nếu Doãn Uẩn nhìn thấy nỗi thống khổ của người dân trong chiến tranh thì **Bùi Hữu Nghĩa** đã khắc họa lại ảnh vùng đất điêu tàn sau chiến cuộc. Năm 1849, Đoàn Minh Huyền lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Sau đó, ông cho tín đồ tiến hành khai khẩn ở Thới Sơn

(huyện Tịnh Biên), Láng Linh và Cái Dầu (đều thuộc huyện Châu Phú). Khoảng năm này, Bùi Hữu Nghĩa thọ án "Quân tiền hiệu - đái tội lập công", ông bị đày đi làm lính thú ở Vĩnh Thông đi ngang qua huyện Hà Âm. Huyện Hà Âm (thuộc phủ Tịnh Biên tỉnh An Giang tức Hà Tiên ngày nay.) ông sáng tác bài thơ ***Kinh quá Hà Âm cảm tác*** (6)

*Mù mịt mây đem kéo tối sầm
Đau lòng cảnh ngộ thuở Hà Âm
Đống xương vô định sương phơi trắng
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy
Đèn trời leo lét chốn u lâm
Nghĩ thương con tạo sao dòi dôi
Dắng dỏi đêm trường tiếng dế ngâm.
(Kinh quá Hà Âm cảm tác)*

Nhưng tình trạng thống nhất đó chưa đầy một thế-kỷ thì quốc-gia Việt-Nam đã xảy ra biến cố. Miền Nam màu mỡ của nước Việt đã bị đế quốc Tây phương cướp mất bằng vũ lực cơ giới. Trong giai đoạn đau thương này không thể không nhắc tới **Phan Thanh Giản**, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa Bính Tuất niên hiệu Minh Mạng thứ 7 (1826), vào năm 30 tuổi. Ông là người đậu Tiến sĩ khai khoa của đất Nam Kỳ. Từ đó, ông làm quan trải 3 triều, là Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Qua nhiều lần thăng giáng và qua nhiều vị trí, năm 1865, ông được phục chức Hiệp biện đại học sĩ, Hộ bộ thượng thư, sung Kinh lược sứ 3 tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Ngày 20 tháng 6 năm 1867, Pháp đánh chiếm Vĩnh Long. Trước sức mạnh áp đảo của Pháp về mặt quân sự, cho rằng không thể giữ nổi, Phan Thanh Giản đã quyết định giao thành, không kháng cự, với yêu cầu người Pháp phải bảo đảm an toàn cho dân. Sau đó, ông uống thuốc phiện hòa với giấm thanh tự sát và qua đời vào nửa đêm ngày 5/7 năm Đinh Mão, tức 4/8/1867, hưởng thọ 72

tuổi. Đời ông cũng trải qua lắm bước thăng trầm, làm quan nhiều năm, hết được thăng rồi lại giáng. Không phải ông bất tài hay phạm pháp, mà chính vì ông nói và làm những việc không hợp ý vua và đình thần đang nắm trong tay rất nhiều quyền lực. Hành động tự sát của ông cho đến hôm nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng chúng ta không thể phủ nhận tài năng văn chương của ông qua những tác phẩm còn để lại như: **Lương Khê thi thảo, Lương Khê văn thảo, Sứ Thanh thi tập, Tây phù nhật ký, Ước Phu thi tập, Tích Ung canh ca hội tập, Sứ trình thi tập, Việt sử thông giám cương mục (Chủ biên), Minh Mạng chính yếu (Chủ biên)**. Ông còn là người chủ xưởng xây dựng **Văn Thánh Miếu** ở Vĩnh Long, một nơi tập trung những tinh hoa văn học của đất phương Nam, nơi đề cao tinh thần văn hóa theo quan niệm Nho giáo tự ngàn xưa.

Từ 1867, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp lan rộng khắp miền lục tỉnh. Trương Định với lá cờ "Bình Tây sát tả", Thủ Khoa Huân với cái chết đầy dũng khí ở Cù Lao Rồng (Mỹ Tho), cuộc khởi nghĩa của Quân cơ Trần Văn Thành ở Láng Linh (An Giang), của Đinh Sâm ở Phong Điền (Cần Thơ)... lịch sử dân tộc nói chung và vùng đất tứ giác Long Xuyên nói riêng được viết bằng những trang đầy máu, nước mắt lắm đau thương mà cũng vô cùng anh dũng. **Cử nhân Phan văn Trị** đã khóc Đinh Sâm bằng câu đối:

*"Võ kiếm xung thiên, Ba Láng giang đầu lưu hận huyết
Văn tinh lạc địa, Trà Niềng thôn lý đới sầu nhan"*

Câu nói của người anh hùng dân chài Nguyễn Trung Trực như một lời tuyên chiến với kẻ thù xâm lược: "*Chừng nào Tháp Mười hết cỏ thì An Nam mới hết người đánh Tây*" đã được dân gian cô đúc thành một lời ca dao:

*Chừng nào hết cỏ Tháp Mười
Việt Nam ta mới hết người đánh Tây.*

Hào khí đó cũng được Huỳnh Mẫn Đạt ghi lại trong bài thơ khóc Nguyễn Trung Trực.

Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1882), còn gọi là **Tuần phủ Đạt**, là quan nhà Nguyễn và là nhà thơ ở thế kỷ 19 tại Nam Bộ, Việt Nam. Ông nhận chức quyền Thự Án sát Hà Tiên và quyền Tuần phủ Quan phòng năm 1839, nên nhân dân Hà Tiên gọi ông là **Tuần phủ Đạt**.

Vào mùa hạ năm 1842, ông được thực thụ lãnh Án sát sứ tỉnh Hà Tiên, và đến tháng 6 năm Giáp Thìn (1844), ông được thăng Thự Bố chính sứ tỉnh Hà Tiên. Khi toàn cõi Nam Kỳ vào tay Pháp, ông không hợp tác với chính quyền mới, cáo quan về sống tại Rạch Giá cho đến khi mất vào tháng 2 năm Nhâm Ngọ (tức tháng 3 năm 1882), hưởng thọ 75 tuổi. Ông đã nhanh chóng đứng trong hàng ngũ các nhà thơ đối kháng, mà việc góp phần vào cuộc bút chiến giữa Phan Văn Trị và Tôn Thọ Tường là một minh chứng. Trong bài "Điều Nguyễn Trung Trực" có những câu thơ đầy xúc động:

Điều Nguyễn Trung Trực

.....

*Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần*

....

*Anh hùng cường cảnh phương danh thọ
Tu sát để đầu vị tử nhân*

Dịch thơ

*Lửa bùng Nhật Tảo rêm trời đất
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quỷ thần
Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi
Lũ sống khom lưng chết thẹn dân
(Bản dịch của Thái Bạch)*

Cũng từ sau thời điểm này, dòng văn học Tứ giác Long Xuyên (hay Văn học Miền-nam), xa dần trung-ương, thi-cử cũ bị bãi bỏ,

chữ Hán không được dạy, không được học chính thức. Trong khi đó thì văn học khoa học Tây phương truyền sang, xâm nhập vào nội địa, lấn át, pha trộn vào văn hóa, văn học cũ, vốn hãy còn lỏng lẻo, vì thế mà văn hóa, văn học truyền thống của dân tộc không đủ sức duy-trì.

Đầu thế kỷ XX, văn-học Miền-nam có thể nói là ở trong thời kỳ khủng-hoảng. Về phương-diện chính trị, đã trở thành đất thuộc địa Pháp, bị ly khai với Trung ương, nhân dân mất hết quyền tự chủ, trật tự xã hội rối loạn. Thay cho đẳng cấp nho sĩ trí thức, là một đẳng cấp khác, họ bỏ hẳn chữ Hán, theo học ngôn ngữ Pháp. Các trường học phổ thông của Pháp chỉ đào tạo được một hạng người thông-ngôn, thư ký, trông nom việc giấy tờ, sổ sách, làm trung gian giữa chính quyền và nhân dân trong việc hành chánh và cai trị. Căn bản văn hóa cũ đã bị bỏ mất, mà văn hóa mới thì không được truyền thụ đến nơi đến chốn, như đúng nghĩa của nó. Học tiếng Pháp, không đủ thâm nhuần đến tinh thông, không đủ yếu tố gây nên một nền văn học mới, thay cho nền văn học cũ đã mất. Ngoài một ít tác-phẩm của lớp Nho sĩ cũ sáng tác từ cuối thế kỷ trước còn sót lại, được nhân dân sao chép, được xuất bản theo khẩu truyền, còn thì không sản xuất thêm được phần nào có giá trị nữa.

Chữ Quốc ngữ được hình thành bởi các tu sĩ Dòng Tên trong quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam đầu thế kỷ 17, ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái Latinh. Cuối thế kỷ 18 tại Đàng Trong diễn ra cuộc chỉnh lý khiến chữ Quốc ngữ hầu như giống với ngày nay.

Do sự thống trị của Hán học ở Việt Nam, chữ Quốc ngữ trên chặng đường hơn 300 năm hình thành và phát triển nhưng chưa đủ phổ biến để coi là văn tự chính thức. Chữ Nôm và chữ Hán vẫn là dạng văn tự chính của tiếng Việt trong mấy trăm năm qua, đang được mọi người trong xã hội sử dụng phổ biến nên không có lý do gì phải bị thay thế. Phải cho tới khi người Pháp xâm lăng, chiếm Nam Kỳ vào cuối thế kỷ XIX, thì tên gọi và vị trí "chữ Quốc ngữ" của chữ Latinh cho tiếng Việt mới được xác lập, lúc đó chữ Quốc ngữ mới

được bảo hộ để phổ biến, nhằm khiến tiếng Việt đồng văn tự Latinh với tiếng Pháp, giúp phổ biến tiếng Pháp và văn hoá Pháp ở Việt Nam. Năm 1879, chính quyền Pháp đưa chữ Quốc ngữ vào ngành giáo dục, bắt đầu ở các thôn xã Nam Kỳ phải dạy lối chữ này. Để khuyến khích việc truyền bá chữ Quốc ngữ, nhà chức trách thuộc địa Nam Kỳ còn ra nghị định ngày 14 Tháng 6 năm 1880 giảm hoặc miễn thuế thân và miễn sưu dịch cho thân hào hương lý nếu họ biết viết chữ Quốc ngữ...

Gia Định Báo, một tờ báo do **Trương Vĩnh Ký** làm chủ biên phát hành, là tờ báo đầu tiên viết bằng chữ Quốc ngữ ra mắt năm 1865.

Tháng Giêng 1918, **Đại Việt tạp chí** ra hàng tháng (chỉ tồn tại trong 7 tháng). Đây là tờ báo **Việt ngữ đầu tiên của An Giang**, và là tờ báo chính thức của Hội Khuyến học Long Xuyên, gồm Hồ Biểu Chánh, Đặng Thúc Liêng, Lê Thúc Thanh, Nguyễn Đình Chi, v.v... Cũng trong năm này, **Phạm Quỳnh** đến nhiều nơi trong đó có Long Xuyên. Khi về ông viết loạt bài **Một tháng ở Nam Kỳ**.

Cộng vào đó, một sự kiện nữa là từ năm 1925 về sau, có những nhà thơ, nhà văn giá trị miền Bắc, miền Trung vào làm báo ở Sài Gòn, như những Tân Đà, Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, Bùi Thế Mỹ, Thiều Sơn... *Chính họ là sứ-giã văn hóa cho thời kỳ này, cũng như những quan lại của Nguyễn triều vào Lục-tỉnh hồi thời kỳ trước.*

Từ đó, dòng chảy văn học vùng tứ giác Long Xuyên cùng với cả văn học miền Nam dần dần khởi sắc và cũng từ đó mất dần tính cách đặc thù địa phương mà hoà đồng, thống nhất với văn học dân tộc hai miền Trung Bắc. Cho đến sau phong-trào giải- phóng nhân dân 1945 và sau phong- trào di-cư 1954, thì càng nhận thấy rõ ràng hơn tính cách thống nhất hòa đồng đó. **Trong giai đoạn này ta thấy rất nhiều tác giả xuất hiện trên báo chí, trên văn đàn với các sáng**

tác hoàn toàn bằng chữ Quốc Ngữ. Văn học chữ Hán, chữ Nôm lui vào bóng tối và bị phủ mờ bởi lớp bụi thời gian.

Ta có thể nêu ra hàng loạt tác gia tiêu biểu ở vùng tứ giác Long Xuyên:

Trần Chánh Chiêu sinh trưởng trong một gia đình giàu có ở làng Vân Tập (sau đổi tên là Vĩnh Thanh Vân), tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang). Từ nhỏ, Trần Chánh Chiêu đã được lên Sài Gòn học ở Trường trung học d'Adran. Sau khi tốt nghiệp, ông được bổ về làm giáo học rồi làm thông ngôn cho Tham biện (chủ tỉnh) Rạch Giá. Năm 1900, Gibert Chiêu bán đi một phần gia sản, lên Sài Gòn làm báo và tham gia phong trào duy tân yêu nước. Ở đây, ông kết thân với các nhân sĩ yêu nước, như Bùi Chí Nhuận, Nguyễn An Khương, Nguyễn Thần Hiến, Nguyễn Quang Diêu, Đặng Thúc Liêng, Lương Khắc Ninh, Trương Duy Toàn...

Ông từng làm chủ bút tờ **Nông Cổ mín đàm** (*Trong chén trà bàn chuyện nông thương*). Ông cũng là chủ bút tờ tuần báo **Lục tỉnh tân văn** (lập năm 1907), Trần Chánh Chiêu cùng với bạn đồng chí hướng lập *Nam Kỳ minh tân công nghệ xã* (1908), và nhiều cơ sở kinh tài khác... Tháng 10 năm 1908 tại Sài Gòn, Trần Chánh Chiêu bị thực dân Pháp bắt giam vì tội có quan hệ với phong trào Đông Du và viết báo chống lại họ. Đến tháng 4 năm 1909, ông được thả. Ông mất năm 1919 tại Sài Gòn, an táng ở đất thánh họ đạo Tân Định (nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Một số tác phẩm của ông như: **Minh tân tiểu thuyết**, **Tiền căn hậu báo**, **Hương Cảng nhân vật**, **Quảng Đông tỉnh thành phong cảnh**, **Văn ngôn tập giải**, **Lâm Kim Liên**, **Hoàng Tổ Oanh hàm oan**: **Ba người ngư lâm pháo thủ**: Dịch truyện *Les trois mousquetaires* của Alexandre Dumas, **Gia Phổ** (*Dạy viết gia phả*, in năm 1917). Qua các tác phẩm

truyện, Trần Chánh Chiêu được coi là nhà văn Quốc ngữ sớm thứ hai sau **Nguyễn Trọng Quản**.

Nguyễn Chánh Sắt (1869–1947) sinh ở làng Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, nay thuộc thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Tự Bá Nghiêm, hiệu Tân Châu bút hiệu: Du Nhiên Tử và Vĩnh An Hà. Ông là nhà văn kỳ cựu, một tiểu thuyết gia tiên phong, một dịch giả sung sức trong giai đoạn chữ Quốc ngữ mới phát triển tại Việt Nam. Năm 1890, Nguyễn Chánh Sắt lên Sài Gòn, cộng tác với tờ **Nông cổ mín đàm** và bắt đầu dịch nhiều truyện Tàu (truyện dịch đầu tiên là truyện **Tây Hôn**, gồm 3 quyển, do nhà xuất bản J. Viêt ấn hành). Năm 1906, ông làm chủ bút báo *Lục tỉnh tân văn* và cộng tác với Trần Chánh Chiêu lập *Nam Kỳ kỹ nghệ công ty*, để vừa cạnh tranh với tư bản nước ngoài, khuếch trương công nghệ trong nước, vừa bí mật ủng hộ phong trào Đông du của chí sĩ Phan Bội Châu.

Tuổi già, ông về ẩn dật tại quê nhà Tân Châu. Ông mất ngày 6 tháng 6 năm 1947, hưởng thọ 78 tuổi. Hiện mộ phần ông và vợ tại Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Các truyện do Nguyễn Chánh Sắt sáng tác, có *Nghĩa hiệp kỳ duyên* (tức Chăng Cà Mum, tiểu thuyết xã hội, 1920), *Gái trả thù cha*, *Tình đời ấm lạnh*, *Tài mạng tương đồ*, *Lòng người nham hiểm*, *Gương bể lại lành*, *Man hoang kiếm hiệp*, *Giang hồ nữ hiệp*... Ông cũng có nhiều truyện dịch các bộ truyện Tàu (Trung Quốc): *Tây Hôn (Hán)*, *Đông Hôn*, *Chung Vô Diệm*, *Đông Châu liệt quốc*, *Tam Quốc chí*, *Ngũ hổ bình Tây*... Ngoài ra, ông còn dịch *Tam tự kinh*, *Huấn tử cách ngôn*, viết một số truyện ngắn đăng trên báo *Le Moniteur de province* và phiên âm một số sách chữ Nôm...

Hồ Biểu Chánh (1884–1958) Tên thật là **Hồ Văn Trung** tự **Biểu Chánh**, là một nhà văn tiên phong của miền Nam Việt Nam ở đầu thế kỷ 20. Ông từng giữ chức chủ quận (quận

235 | **Lạc Thư Cửu Tinh Đồ**

trường) ở nhiều nơi, trong đó có Long Xuyên. Ông đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại. Tiểu thuyết của ông thuộc về thời kỳ đầu của văn học chữ quốc ngữ, cốt truyện đơn giản, triết lý chủ đạo là thiện thắng ác, ở hiền gặp lành, điểm đặc biệt là rất Nam Kỳ, từ giọng văn đến miêu tả con người. Ông có phóng tác một số tiểu thuyết Pháp. Hồ Biểu Chánh sở trường về viết văn xuôi tự sự. Đề tài phần lớn là cuộc sống Nam Kỳ từ nông thôn đến thành thị những năm đầu thế kỷ 20 với những xáo trộn xã hội do cuộc đấu tranh giữa mới và cũ. Cách diễn đạt của ông ôn hòa, bình dị. Ông đã có những đóng góp to lớn vào sự hình thành thể loại tiểu thuyết trên chặng đường phôi thai. Ông để lại một khối lượng sáng tác không nhỏ: 64 tiểu thuyết, 12 tập truyện ngắn và truyện kể, 12 vở hài kịch và ca kịch, 5 tập thơ và truyện thơ, 8 tập ký, 28 tập khảo cứu-phê bình. Ngoài ra, còn có các bài diễn thuyết và 2 tác phẩm dịch.

Tiểu thuyết ông sáng tác lúc ở Long Xuyên và các tỉnh miền Tây như: **Ai làm được, Nặng gánh cang thường, Con nhà nghèo, Chút phận linh đình...**

Đông Hồ (1906 - 1969), tên thật **Lâm Tấn Phác**, tự *Trác Chi*, hiệu *Đông Hồ* và *Hòa Bích*; các bút hiệu khác: *Thủy Cổ Nguyệt, Đại Ấn Am, Nhị Liễu Tiên Sinh*. Ông được đánh giá là một nhà giáo, nhà thơ, chuyên gia nghiên cứu tiếng Việt và là một người nhiệt tình với văn hóa dân tộc Việt Nam. Ông là thành viên của nhóm "*Hà Tiên tứ tuyệt*" gồm: Đông Hồ, Mộng Tuyết (cũng là vợ của ông), Lư Khê và Trúc Hà. Năm 1926 - 1934: lập *Trí Đức học xá* trên bờ Đông hồ chủ trương chuyên dạy toàn tiếng Việt, cổ động người Việt tin tưởng ở tương lai Việt ngữ. Thời kỳ này ông cộng tác với *Nam Phong tạp chí*, do Phạm Quỳnh chủ trương đến khi báo đình bản (1935). Cũng trong thời kỳ này, ông nổi tiếng với bài ký **Linh Phượng** tức **Trác Chi lệ ký tập** và bài phú *Đông Hồ*... Năm 1950:

sáng lập nhà xuất bản Bốn Phương và nhà sách *Yiễm Yiễm thư trang*. Năm 1953: xuất bản tập san *Nhân Loại* để yểm trợ cho nhà xuất bản và nhà sách nêu trên cho đến giữa năm 1964, tất cả mới ngưng hoạt động. Ông vừa làm văn vừa làm thơ, thường viết về văn học, về lịch sử đăng ở các tạp chí xuất bản ở Sài Gòn như *Văn Hóa nguyệt san*, *Bách Khoa*, *Văn*,... Ông mất ngày 25 tháng 3 năm 1969 (tức 8 tháng 2 năm Kỷ Dậu) lúc đang đứng trên bục giảng cho sinh viên bài thơ "Trung Nữ Vương" của nữ sĩ Ngân Giang. Các tác phẩm đã in thành sách: *Thơ Đông Hồ, Lời Hoa, Linh Phượng, Cô Gái Xuân, Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc văn, Hà Tiên thập cảnh, Trình Trắc, Truyện Song tinh* (Bốn Phương xb, 1962): sao lục, khảo cứu truyện *Song Tinh Bất Dạ, Chi lan đào lý, Năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều... Văn học miền Nam: Văn học Hà Tiên*.

Đông Hồ viết nhiều loại văn, thơ, ký, khảo cứu và văn học sử. Ông viết từ thập niên 1920 cho đến thập niên 1960, đã đi từ thơ cũ đến thơ mới, từ văn xuôi biền ngẫu đến văn xuôi hiện đại. Ông cùng với vợ là nữ sĩ **Mộng Tuyết (1914-2007)**, đã từng làm rạng rỡ văn học đất Phương Thành (Hà Tiên) bởi các tác phẩm của mình.

Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984) là học giả, nhà văn, dịch giả, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo dục và hoạt động văn hóa độc lập Việt Nam, có 120 tác phẩm sáng tác, biên soạn và dịch thuật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, văn học, ngữ học, triết học, lịch sử, du ký, gương danh nhân, chính trị, kinh tế, v.v. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông thôi làm ở sở, đi dạy học ở Long Xuyên. Năm 1952 chuyển lên Sài Gòn mở nhà xuất bản và biên dịch sách, sáng tác, viết báo. Năm 1980 ông về lại Long Xuyên. Cùng năm ông bắt đầu viết **Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, Đời viết văn của tôi**. Các phẩm này được ông ông sửa chữa thêm và hoàn chỉnh vào năm 1983. Ông qua đời lúc 8 giờ 50 phút ngày 22 tháng 12 năm 1984 khi đang điều trị tại Bệnh viện An Bình, Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí

Minh, hưởng thọ 72 tuổi. Ông có đến hàng trăm tác phẩm thuộc nhiều thể loại như Văn học - Tiểu thuyết, Triết học, Lịch sử, Chính trị, Kinh tế, Khảo luận, Tùy bút, du ý, Học làm người.

Tác phẩm của ông viết năm 1954 về vùng tứ giác Long Xuyên là quyển **Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười**.

Phi Vân (1917-1977) là một nhà báo, nhà văn chuyên viết thể loại truyện vừa và tiểu thuyết mang sâu đậm - dấu ấn Nam bộ trước 1954. Phi Vân tên thật là **Lâm Thế Nhơn**, sinh năm 1917 trong một gia đình trung lưu ở thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ông có lối viết linh hoạt, gọn gàng, pha chút hóm hỉnh, làm cho cho độc giả khóc, cười theo từng cảnh đời, từng nhân vật. Bối cảnh trong các tác phẩm của ông là làng quê Nam bộ xa xôi hẻo lánh với những người nông dân chất phác, cực mịch sống với tập tục cổ hủ, lạc hậu và cuộc sống cực nhọc tối tăm.

*Tác phẩm chính: **Đồng quê, Cô gái quê, Tình quê, Dưới đồng sâu, Nhà quê trong khói lửa.***

Son Nam (1926 - 2008) là một nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu văn hóa Nam Bộ nổi tiếng. Ông tên thật là **Phạm Minh Tài** sinh ngày 11 tháng 12 năm 1926, tại làng Đông Thái, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang)... Những sáng tác của ông đều mang hơi thở của thiên nhiên, của văn hóa và con người Nam Bộ được thể hiện qua giọng văn giản dị, mộc mạc. Vì có công khai phá, khảo cứu và sưu tầm văn hóa mảnh đất Nam Bộ, ông được nhiều người gọi là "ông già Nam Bộ", "ông già đi bộ", "pho từ điển sống về miền Nam" hay là "nhà Nam Bộ học"

Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là: **Hương rừng Cà Mau, Tìm hiểu đất Hậu Giang...**

Nguyễn Văn Hầu (1922-1995), là nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, văn hóa và lịch sử Việt Nam, đặc biệt là những nghiên cứu gắn với vùng đất Nam bộ. Ông sinh trưởng tại xã Bình Phước Xuân trên Cù lao Giêng, thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Năm 1952, ông bắt đầu dạy học, viết báo và viết sách. Ông viết cho nhiều báo ở Sài Gòn về chủ đề biên khảo, nghiên cứu văn học và lịch sử địa phương. Trong giai đoạn này, ông còn làm Chủ bút nguyệt san *Đuốc Từ Bi*. Nguyễn Văn Hầu mất ngày 12 tháng 3 năm 1995 tại An Giang.

Tác phẩm của Nguyễn Văn Hầu gồm nhiều thể loại: **Nghiên cứu lịch sử: Thất Sơn màu nhiệm**, Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa, Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu, Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang... **Nghiên cứu tôn giáo: Việt Nam tam giáo sử đại cương, Nhận thức Phật giáo Hòa Hảo...** **Nghiên cứu văn học: Thuật viết văn, Diện mạo văn học dân gian Nam Bộ. Các thể loại khác: Tiếng quyên (thơ), Bản ngã người Việt, Nửa tháng trong miền Thất Sơn...**

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, vùng đất An Giang tự hào khi có nhà văn **Nguyễn Quang Sáng (1932-2014)**, quê xã Mỹ Luông (nay là thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới), nổi tiếng với vai trò tác giả của truyện ngắn "*Chiếc lược ngà*" và biên kịch bộ phim điện ảnh "Cánh đồng hoang". Cũng trong giai đoạn này, An Giang còn có nhà văn **Anh Đức (Bùi Đức Ái, 1935-2014)**, nổi tiếng với tác phẩm "*Hòn Đất*", gắn với nhân vật chị Sứ (nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Phan Thị Ràng), cũng là người con của vùng đất An Giang. Bên cạnh đó ta còn có thể kể đến các tác giả sống tại An Giang mà tiêu biểu như:

Liêm Châu: Ông tên thật là Phạm Thanh Liêm, sanh năm 1924 tại Châu Đốc. Liêm Châu là một nhà giáo, nhà văn, nhà nghiên cứu... Ông là Hội viên Hội Văn nghệ An Giang, Hội viên Hội Văn

nghệ Dân Gian Việt Nam. Suốt hơn 2/3 thế kỷ, ông đã kiên trì ghi lại những phương ký nhân gian, phong thổ và những tích xưa chuyện cũ cùng ca dao tục ngữ miền sông núi biên thùy phương Nam... Ông đã có hàng chục tác phẩm xuất bản, đặc biệt là những tác phẩm viết về vùng tứ giác Long Xuyên như: **Biên Thùy Truyện Ký, Thất Sơn Truyền Kỳ, Kỳ tích núi Sam, Truyền Thuyết Huyền Thoại Chim Chóc Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long...**

Với vốn trí thức phong phú và là người am tường về vùng đất biên thùy An Giang, Liêm Châu trở thành một cây bút sưu khảo nổi tiếng của nền văn học An Giang. Những tác phẩm của Liêm Châu đã góp phần rất lớn vào nền văn học địa phương qua các công trình nghiên cứu, biên khảo vô cùng giá trị.

Trịnh Bửu Hoài (1952- 2022): Ông quê xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Nguyên: Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật An Giang, Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban toàn quốc liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Phó ban công tác Hội Nhà văn Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long. Ông là Hội viên: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam; Bắt đầu sáng tác từ năm 1966. Ông đã in hơn 50 đầu sách đủ các thể loại. Ngoài những cuốn sách viết về văn hóa dân gian vùng tứ giác Long Xuyên, như: **Mùa Hội vía, Lịch sử xây dựng và phát triển Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, Non nước Hà Tiên, Một cõi biên thùy...** Trịnh Bửu Hoài còn có nhiều tiểu thuyết, tập thơ được bạn đọc cả nước yêu thích. Sự ra đi đột ngột của ông ở tuổi 70 vào chiều 8/12/2022, để lại nhiều tiếc thương cho đồng nghiệp và bạn bè.

Từ sau 1975, văn học vùng tứ giác Long Xuyên lại càng phát triển hơn trong điều kiện thuận lợi: đất nước thanh bình, xã hội trân trọng tài năng những người sáng tạo. Dòng chảy văn học tứ giác Long Xuyên luôn vươn tới những tầm cao với sự góp sức của một

đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ, năng động, nhiệt tình... xứng đáng nối tiếp bước đi những bậc tài hoa từ thời khai hoang, mở cõi.

PHẦN KẾT

Dòng chảy văn học tứ giác Long Xuyên là phần tiếp nối của dòng chảy văn học Việt Nam trên một vùng đất mới - mà ở đó - chung tay khai phá với người Việt còn có các tộc người bản địa và các tộc người di dân. Vì vậy, trên vùng đất này, ngay từ buổi đầu văn hoá của cư dân Việt, (*mà trong đó đã có sẵn yếu tố Chăm*), đã giao lưu mật thiết với văn hoá của các cư dân Khmer, Hoa... Trong thời cận đại và hiện đại, suốt một thời gian dài vùng đất này lại chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp rồi tiếp đó là văn hóa Mỹ. Có thể nói, giao thoa văn hóa chính là một trong những bản sắc của văn hoá địa phương. Nó khiến cho văn học Nam Bộ vừa tương đồng, lại vừa khác biệt với cội nguồn của nó là văn học Việt ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ. Bên cạnh đó, dòng chảy văn học tứ giác Long Xuyên còn mang đặc trưng của miền sông nước, cộng với sự hòa nhập trong cuộc sống vật chất - tinh thần của nhiều thành phần cư dân bản địa. Để hòa nhập với môi trường mới, dòng chảy văn học có nhiều thay đổi thật phong phú, đa dạng về hình thức lẫn nội dung. Vì vậy, uyển chuyển, linh động, phóng khoáng, bao dung, đã trở thành bản sắc riêng và thể hiện rõ nét trong sáng tác văn học vùng tứ giác Long Xuyên nói riêng và văn học Nam Bộ nói chung. (7)

Cần Thơ, tháng 5 năm 2024

LÊ TRÚC KHANH

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) TS Đỗ Quỳnh Nga (ĐH Huế)
- (2) Giải thích của nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển
- (3) Văn học Hà Tiên - Đông Hồ (NXB Quỳnh Lâm-1970)
- (4) Tư liệu trên Internet.

(5) Doãn Uẩn thi tuyển (NXB Văn học- 2006)

(6) Bùi Hữu Nghĩa-Cuộc đời và tác phẩm (NXB Văn hóa Sài Gòn -2007)

(7) Theo Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ - 2014



* Với nhà Sử học DƯƠNG TRUNG QUỐC



*Với TS PHẠM MINH TIẾN, Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam,
chi nhánh TP/ HCM

MỘT CHÚT LÒNG QUÊ. (KỊCH THƠ)

Câu chuyện cổ tích của hơn 600 năm trước vẫn còn làm nao lòng người trong cuộc sống hôm nay. Nhưng hình như chưa ai lý giải rõ ràng nguyên nhân nào Từ Thức lại cương quyết rời bỏ cõi tiên để trở về cõi tục. Có phải chăng Đào Nguyên đẹp nhưng Đào Nguyên thiếu hẳn tình người và Từ Thức quay về bởi chàng còn một chút lòng quê?

Xin được tặng vở kịch thơ này cho những ai ở góc bể chân trời mà vẫn nhớ về Tổ quốc.

Lê Trúc Khanh

LỜI DẪN TRUYỆN

Khoảng năm Quang Thái đời nhà Trần (cuối thế kỷ thứ 14) ở Hóa Châu có chàng Từ Thức nhờ phụ ẩm được bổ tri huyện Tiên Du. Cạnh huyện có ngôi chùa danh tiếng. Trong chùa có một cây mầu đơn, cứ mùa hoa nở là tấp nập ngựa xe đến xem đông như hội.

Tháng 2 năm Bình Tý 1396 có một cô gái 15, 16 dung nhan lộng lẫy cũng đến xem hoa. Nàng lỡ tay làm gãy cành mầu đơn nên bị nhà chùa giữ lại.

Từ Thức cởi áo gấm đưa vào tầng phòng để chuộc nàng ra. Nàng cúi đầu, từ tạ mà đi.

Sau khi từ quan Từ Thức rong chơi cùng thanh sơn bích thủy. Một hôm, chàng dậy sớm trông ra cửa Thần Phù thấy mây ngũ sắc kết lại như đóa hoa sen, vội chèo thuyền ra xem thì thấy một trái núi rất đẹp.

Từ buộc thuyền lên bờ coi thì thấy khí núi xanh biếc, vách đá dựng thẳng cao hàng ngàn trượng. Rồi theo lối hang nhỏ mà lần

vào. Cửa vách đá khép lại ngăn cách lối về trần. Và từ đó, nhân gian bảo rằng Từ Thức đã lạc lối Đào Nguyên...

MÀN MỘT

(Cảnh Đào Nguyên - Từ Thức lạc lối- các tiên nữ trong vũ khúc Thiên thai)

Từ Thức:

Ồ, lạ quá đây Nghê Thường vũ khúc
Phải chăng ta vừa lạc tới Đào nguyên?
Một con thuyền dòng thệ thủy lênh dênh
Mới thoáng đã chia lìa liên tục
Ta đứng đây, dòng suối hiền uốn khúc
Bên tai ta hình như tiếng hoa cười
Vẳng thanh âm của ngọc sót vàng rơi
Vàng trắng vẫn bốn mùa tròn thi tứ ...

Khép cửa động- dấu hài xanh dẫn lối
Điện Quỳnh Hư hiển hiện ở đây rồi
Trên đầu ta lãng đãng những mây trời
Gác Dao Quang- ừ - quê hương tiên tử
Bỏ lại rồi bao danh cương lợi tảo
Dưới mắt ta cuộc thế tựa trò chơi
Thế mà hôm nay...

Mới buổi sáng này thôi
Lòng ta chợt lâng lâng niềm cảm xúc ...

Tỳ nữ:

Thưa tướng công, người tới nơi đúng lúc
Lệnh phu nhân cho gọi tướng công vào

Từ Thức (ngạc nhiên):

Nàng là ai? Và đây là đâu?

Sao lại gọi văn sinh danh hiệu ấy...?

Tỳ nữ:

Gác Dao Quang, có lẽ người đã thấy

Điện Quỳnh Hư rạng nét dưới thương đài

Tôi là ai? - Vâng - Tôi là ai?

- Là người của Đào nguyên muôn vạn kiếp

Lát nữa đây, mọi điều người sẽ biết

Theo lối này, sau những khóm hoàng mai

Mời tướng công...

Từ Thúc:

Vâng, tôi sẽ theo ngay...

(Cảnh trong điện – thêm Ngụy phu nhân)

Ngụy phu nhân:

Tính hiếu kỳ biến mơ thành sự thật

Cuộc hạo du vừa thỏa chí bình sinh

Mỗi kỳ duyên với một chút ân tình

Có nhớ gì không, hỡi người nho sĩ?

Từ Thúc:

Thưa phu nhân

Kẻ bĩ nhân là dật sĩ Tống sơn

Một cánh buồm căng, một chiếc thuyền nan

Với dòng máu giang hồ trong huyết quản

Sáng hôm nay, cửa Thần Phù quang đăng

Mây nghìn phương kết tụ cõi thiên đường

Vì vui chân nên lạc mất quê hương

Dám xin Người, rộng lòng chỉ giáo

Ngụy phu nhân:

Người trần gian làm sao biết được

Đây- núi Phù Lai trên biển cả mênh mông

Một trăm năm nối tiếp một ngàn năm

Vừa thấy đó mà cũng vừa mất đó
Nếu trần gian còn trầm luân sinh hóa
Thì Đào Nguyên vạn thuở vẫn trường tồn
Ta, địa tiên Nam Nhạc, Ngự phu nhân
Vời người đến vì tiền duyên buổi trước.

Từ Thức:

Tiền duyên nào? Ta cùng ai hẹn ước?
Thưa tiên nương, vẫn bối tỉnh hay mơ
Ai đã cùng tôi biển hẹn sông chờ?

Ngự phu nhân:

Đây! Một kẻ vừa tới từ Đông các.

(thêm Giáng Hương)

Giáng Hương:

Giáng Hương

Từ Thức (lặp lại):

Giáng Hương! (nói nhỏ)... Giáng Hương!

Ngự phu nhân:

Phải, Giáng Hương lần xem hoa gặp nạn
Cành mẫu đơn ở cổ tự Tiên Du
Chính Từ lang đã tặng áo khinh cừ

Giáng Hương:

Ôn nghĩa ấy, thiếp làm sao quên được
Chốn Đào nguyên dầu chia lìa tiên tục
Vẫn đợi chàng một dịp đến Thiên thai
Ngày hôm nay sẽ nối những ngày mai...

Từ Thức:

Giáng Hương ơi, ta là người diễm phúc
(Quay sang Ngự phu nhân)
..Nếu phu nhân không chê lòng khách tục
Cho cõi tiên được sống cạnh tình nương
Ôn nghĩa này dù nát thịt tan xương

Thì vẫn sinh vẫn ngàn năm ghi tạc.

Ngụy phu nhân:

Ngày mai đây khắp loan đèn phượng các

Phù Lai sơn sẽ mở hội hoa đăng

Mời chư tiên từ tám hướng mười phương

Đến chia vui ngày Giáng Hương xuất giá

Tỳ nữ:

Sau vườn này, giếng hoàn đồng sẵn đó

Mời tướng công công đến rũ bụi sương phong

Từ Thúc (đứng lên):

Bái biệt Phu nhân, hẹn cuộc tao phùng

Giáng Hương, rồi yến oanh sẽ cùng lên tiếng hát...

MÀN HẠ

MÀN HAI

(Giáng Hương và Từ Thúc)

Từ Thúc (đề thơ lên bức tranh và cất giọng ngâm):

Tứ diện ba đào nhất kế sơn

Dạ lai hà xứ mộng hương quan

Mang mang trần giới hồi đầu viễn

Thân tại hồng vân bích thủy gian. (1)

Giáng Hương (xuất hiện, ngâm tiếp):

Sóng vỗ bao quanh núi một hòn.

Làng xa, đêm vắng, vắng vợ hồn

Vời trông trần thế ngùi sương khói

Nước biếc mây hồng dạ héo hon

Từ Thúc chống tay đứng cạnh cửa sổ, nhìn ra khoảng trời xa. **Giáng Hương** đi lại phía sau, cất tiếng)

Giáng Hương:

Từ lang, sao giọng thơ chàng buồn bã

Phải chăng chàng chợt nhớ đến nhân gian?

Từ Thức:

- Quên làm sao, ôi "*Nhật mộ hương quan*",

Ba năm qua giữa lầu son gác ngọc

Bên tai ta vẳng tiếng gà eo óc

Và lòng quê gòn gợn chút mây Tần

Ba năm qua những tường chỉ mùa xuân

Nào hay đâu lòng ta tràn nhung nhớ...

Giáng Hương:

Thiếp vẫn biết dù quan san cách trở

Đâu dám ngăn chàng thương nhớ quê hương

Nhưng chàng ơi, tiên tục vốn đôi đường

Xa một thoáng là ngàn năm cách biệt

Từ Thức:

Tôi đã biết - và lúc nào cũng biết

Nhưng trở về, rồi lại đến bên nàng

Nói làm sao hết nỗi nhớ mang mang

Ôi, Tiên Du đã mịt mờ mây nước

Giáng Hương ơi,

Nàng đâu hiểu lòng tôi đang chua xót

Nhớ lũy tre, nhớ mãi nhịp cầu ao

Nhớ dòng trong tắm tấp nước sông đào

Cánh cò trắng chập chờn trên ruộng lúa

Người Đại Việt hiền lành như cây cỏ

Nhưng bùng bùng hào khí ngút trăng sao

Phá Tống - bình Chiêm- áo vải - cờ đào

Dựng non nước bằng bàn tay sắt thép

Họ muốn sống nhưng không hề sợ chết

Và làm thơ để ca tụng quê hương

Trái ngọt, vườn xanh, nước bạc, cơm vàng

Mỗi người Việt là một người thi sĩ

Giáng Hương (ngâm thơ):

Chiều ta đến tắm dòng sông Nhị

Lướt đất phù sa ném ai Nam

Ta nghe gà gáy từ Trung Quốc,

Mà nhớ xưa tình Dương Tử Giang... (2)

Từ Thức (có vẻ mừng rỡ):

Nàng đã thuộc những vần thơ hùng khí

Sao ngăn đường tôi trở lại quê hương?

Tôi ở đây lòng nội cỏ héo hon

Đêm nước mắt, ngày sương rơi thánh thót

Tự cười mình còn nặng lòng trần tục

Nhưng làm sao quên được, Giáng Hương ơi...

Giáng Hương (buồn bã):

Nghĩa phu thê dù bát ngát một trời

Vẫn không bằng tình chàng trao cố lý

Nhưng chàng ơi, cõi trần là cát bụi

Về một lần cũng lỡ chuyện ba sinh

Thiếp sẽ từ nay quanh quẽ một mình

Trắng còn đó nhưng người chia rẽ khác

Liều sẽ tiêu điều, mai gầy xơ xác

Dòng suối hiền thôi tấu khúc Thiên thai

Còn lại gì đây? (ngâm)

Hoa lưu động khẩu ụng trường tại

Thủy đảo nhân gian định bất hồi

Trù trướng khô đầu tòng thử biệt

Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài... (3)

(Rót một chung rượu đưa cho Từ Thức)

Từ Thức:

Uống chung rượu là uống lòng bạn ngọc

Ta chia tay vẫn hẹn buổi trùng hoan

Giáng Hương ơi trong một giấc mơ vàng

Ta vẫn thấy nàng về xiêm y rạng rỡ
Dấu hài hoa in hằn trên lối cỏ
Giữa tà huy thấp thoáng bóng giai nhân
Dưới chân nàng hoa bướm nở mùa xuân
Nhưng xin hiểu lòng ta, lòng người xa xứ...

Giáng Hương (trao phong thư, ngâm):

Ân cần tương tống xuất thiên thai

Tiên cảnh na năng khước tái lai

Vân dịch ký quy tu cưởng ẩm

Ngọc thư vô sự mặc tần khai (3)

Từ Thúc:

Vắng bên tai vừa có tiếng hạc vàng

Giã biệt nàng ta trở lại nhân gian

(Từ Thúc quay đi, bóng chàng mờ dần sau làn khói mỏng)

Giáng Hương:

Ôi, chia biệt là ngàn thu vĩnh cách

Biết kiếp nào mới gặp lại Từ lang.

Từ lang! Từ lang!...

(Tiếng gọi của nàng vang động trong khoảng vắng mênh mông, mây vẫn trôi, lác đác vài bông hoa rụng. Giáng Hương ngã xuống bên giường)

MÀN HẠ

MÀN BA

Cảnh trần gian

Từ Thúc và Cô lái đò

Từ Thúc đứng ngơ ngác ngó quanh. Có tiếng hò vang lên

Hò ơ... Chuyện trăm năm- chuyện ngàn năm

Dòng trường giang có rụng thắm ước mơ

Người đi mất tự ngàn xưa

Đường quê hương đã mịt mờ khói sương

Cô lái đồ xuất hiện

Từ Thức (mừng rỡ):

May mắn quá, đã có người xuất hiện

Cô lái đồ ơi!

Cho tôi hỏi thăm đường...

Cô lái:

Hỏi điều chi,

Hỏi người khách viễn phương

Mà trên áo vẫn còn vương cát bụi?

Từ Thức:

Nhờ cô lái chỉ dùm tôi ngõ lối

Con đường nào dẫn đến huyện Tiên Du?

Cô lái (cười):

Ông có mơ chẳng, đây chính huyện Tiên Du

Hàng cây đó con đường làng nằm đó

Dãy núi, dòng sông, nghìn năm chung thủy

Khói lam chiều vẫn lãng đãng muôn thu

Người là ai? Sao mắt bỗng u sầu

À, hay người chính là...

Từ Thức:

Tôi là ai? (*cười buồn*)

Tôi là người cố xứ

Nhớ quê hương nên trở lại quê hương

Nhưng buồn thay, làng xóm, những con đường

Đã hờ hững với người tình chung thủy

Nhà cũ tôi đâu? Họ hàng, tri kỷ...

Nếp đình xưa tắm tấp giắc mù sương

Hàng cau kia còn kết trái quanh vườn

Chim tú hú có gọi mùa xuân tới

Tôi về đây- tôi về quên ngõ lối

Dám hỏi người, đâu những kẻ tôi thương?

Cô lái (ngạc nhiên):

Ông là ai mà giọng điệu khác thường

Như một kẻ từ tiên về cõi tục?

Trăm năm trước có người tên Từ Thức

Đã giong thuyền xa bờ huyện Tiên Du.

Một sớm mai hồng lên cửa Thần Phù

Rời từ đó...

Từ Thức (cướp lời):

...Rời từ đó

Nhân gian không gặp nữa...

Ôi, mới hay cõi trần là tạm bợ

Sinh ký tử quy trời đất mịt mù

Ta rời quê tính lại mới ba thu

Mà tục lụy đã gần tròn thế kỷ

Giáng Hương! Giáng Hương!

Ta mới hiểu được nàng là hữu lý

Khi đem dòng châu lệ giữ chân ta

Mới tàn đêm xao xác một canh gà

Bùng mắt dậy là quê hương tín mộ

Cô lái (ngạc nhiên, mừng rỡ):

Người là Từ Thức

Kẻ lên tiên ngày trước

Ôi, vô cùng điểm phúc hồi Từ quân

(chợt buồn)

Nhưng tại sao người trở lại dương trần

Để chưa xót nhìn cảnh đời dâu bể

Một trăm năm, khoảng thời gian đáng kể

Biết bao nhiêu vật đổi với sao dời

Về làm chi, cây đá cũng ghen lời...

Từ Thức:

Nhưng làm sao ta yên lòng cho được
Khi trong tim còn lại chút tình quê?
Dù trăm năm có đành lỗi câu thề
Nhưng vẫn nặng mối hoài hương chất ngất
Ta thềm đi trên con đường trắng đất
Uống nước phù sa- nghe gió đùa tre
Cánh diều tháng giêng tung phướn gọi hè
Hay những hàng rào đầy bông búp nở
Ta về đây bằng tấm lòng vạn cổ...

Cô lái:

Mà người ơi, đôi ngã đã chia lìa
Cõi hồng trần với cát bụi mù che
Vừa gần cách chút tiền duyên thuở nọ
(văng vẳng từ hậu trường có tiếng Giáng Hương)

Ân cần tương tống xuất thiên thai

Tiên cảnh na năng khước tái lai

Vân dịch ký quy tu cương ẩm

Ngọc thư vô sự mặc tần khai (3)

(Từ Thức chợt nhớ, vội trong túi áo lấy phong thư mở ra

đọc)

Lại có tiếng hậu trường của Giáng Hương

Thôi thế từ đây cách biệt rồi

Hạc vàng chấp cánh đã mù khơi

Non thê biến hẹn, duyên tơ tóc

Chàng nhớ gì không giữa cuộc đời?

Từ Thức bàng hoàng ngơ ngẩn buông rơi lá thư

Cô lái:

Buồn gì người ơi- thôi rồi ước cũ

Khóc gì người ơi - tan vỡ thề xưa

Hãy âm thầm đứng lại giữa cơn mơ

Để nghe nhớ hồi sinh trong mạch đất
Giã từ người tôi quay sang bên khác
Vì bên sông vắng tiếng khách kêu dò...

(Cô lái đò xa dần, Từ Thức vẫn còn ngơ ngẩn. Trước mắt chàng chập chờn đoàn tiên nữ xinh tươi trong vũ khúc Thiên thai)

Từ Thức (reo lên):

Trời ơi! Ta lại tới Thiên thai
Giáng Hương! Giáng Hương!
Nàng có nghe tiếng lá rụng hiên ngoài
Trong những buổi chờ ta về hạ giới?

Nhưng đoàn tiên nữ dần dần biến mất. Chàng đứng lại im lìm như pho tượng. Có tiếng gió rít lên...

Từ Thức:

Nhưng buồn thay chỉ là ảo tưởng
Ta còn đây - đang nắm chặt bàn tay
Muốn gọi to lên
Muốn dầm mạnh gót giày
Cho mặt đất vỡ tan thành biển cả
Ta có mong gì lợi danh xa mã
Chỉ mơ về nhau rún đất quê cha
Còn gì đâu- còn gì đâu
Ôi biết mấy xót xa
Vẫn chia cách nhưng ngày ta chia cách...
Giáng Hương! Giáng Hương!

(Tiếng gọi của chàng vang lên trong tiếng gió lồng lộng giữa buổi tà huy và vang động cả đất Tiên Du)

Cần Thơ. Những ngày giáp tết.

LÊ TRÚC KHANH

(1): Thơ Nguyễn Dữ- Truyền kỳ mạn lục

(2): Thơ Lê Hà Uyên

(3): Thơ Tào Đường.

HỌA SĨ LÊ TRIỀU ĐIỂN

(Họa sĩ, tranh sơn dầu bìa Lạc Thư Cửu Tinh Đồ
Và Năm Bia Thạch Mộc)



Họa sĩ Lê Triều Điển sinh năm 1943 tại Bến Tre, Việt Nam,
Ông hiện sinh sống và làm việc tại 1050/67 Quang Trung P8
Quận Gò Vấp TP Hồ Chí Minh

Hội viên Hội Mỹ Thuật Việt Nam, Hội viên Hội Mỹ Thuật TP
Hồ Chí Minh

Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Mekong Art

Email: letrieudien@yahoo.com, Đt 0913846870

Triển lãm cá nhân

256 | Lạc Thư Cửu Tinh Đồ

1968 Trụ sở Hướng Đạo Đà Nẵng
1971 Hội Việt Mỹ Cần Thơ
1990 Gallery Tự Do Tp Hồ Chí Minh
1995 Hội Mỹ Thuật Tp Hồ Chí Minh
1996 Gallery Xuân Tp Hồ Chí Minh
2000 Gallery Bích Câu Tp Hồ Chí Minh
2002 Làng du lịch Hàm Long Tp Hồ Chí Minh
2004 Khu du lịch Bình Quới Tp Hồ Chí Minh
2008 Gallery Tự Do Tp Hồ Chí Minh
2012 Gallery Phương Mai Tp Hồ Chí Minh
2012 Gallery Dumonteil Paris France
2013 Gallery of Graphic Artis NewYork
2015 Gallery Dumonteil Shanghai China
2018 Gallery Dumonteil Shanghai China
2019 Saint Bonnet le Chateau France
2022 Gallery Dumonteil Shanghai China
2023 Gallery Dumonteil Paris France

Giải thưởng

1985 giải 3 Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long
1987 giải 3 Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long
1989 giải 3 Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long
2003 Giải tặng thưởng Khu vực Tp Hồ Chí Minh
2006 giải 2 Khu vực Tp Hồ Chí Minh
2017 giải KK Khu vực Tp Hồ Chí Minh

Triển lãm chung

1989 Tự do gallery TP HCM
1991 La Rotonde Paris
1992 Saigon Tourism HCM và Singapore
1993 Saigon Tourism HCM và Tokyo

1995 Không gian Nghệ thuật Đương Đại NK
1985-1987-1989 Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
1996-1997-1999-2000 Phillip Morris TPHCM
2003-2004 Nhà Triển lãm TP HCM
2004-2005 Bảo tàng Mỹ thuật TPHCM
2003 đến 2015 tham dự triển lãm Khu vực TPHCM
2006 Hotel Nikko, Hotel Marriot Malaysia
2007 Khu du lịch Văn Thánh TPHCM
2008 Resort Hồ Tràm Bà Rịa Vũng Tàu
2009 Gallery Phuong Mai
2009 đến 2024 triển lãm CLB Mekong Art thường niên tại Hội
Mỹ Thuật
2011 Gallery Dumonteil Shanghai China
2014 Gallery Dumonteil Singapore
2014 Bảo tàng Mỹ Thuật TP HCM
2015 Gallery Dumonteil Paris
2015 Gallery Dumonteil PAD art design Paris
2016 Gallery Dumonteil Hongkong China
2016 Gallery Dumonteil Paris
2016 Bảo tàng Đất Nung Thanh Hà Hội An
2017 Gallery Dumonteil Shanghai China
2017 XQ sử quán Đà Lạt
2018 Bảo tàng Mỹ thuật Tp Hồ chí Minh
2019 Saint Bonnet le Chateau
2023 Asia Now Paris France
2024 Gallery Dumonteil Paris

Phim về tác giả

Đất và lửa HTV

Hành trình Đất HTV

Dư luận công chúng VTV3

Màu sắc cuộc sống VTV Bình Dương
Âm thanh của đất HTV
Việt Nam vẻ đẹp tiềm ẩn HTV
Sắc màu phù sa TFS HTV

NGUYỄN TĂNG BÌNH



Họa sĩ Nguyễn Tăng Bình sinh năm 1955 (Ất Mùi)

Quê quán: Điện Phong – Điện Bàn – Quảng Nam.

Vào Sài Gòn năm 1978.

1975 Dạy học ở Điện Bàn tỉnh Quảng Nam.

1982 Làm việc tại Nhà Văn Hóa Thông Tin Huyện Bình Chánh.

1990 Triển lãm chung với Hội Họa Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Từ 1990 đến nay: làm việc tại xưởng tranh riêng xã Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP.HCM

Xưởng vẽ họa sĩ Nguyễn Tăng Bình: F2-7 Trần Văn Giàu, ấp 6, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TpHCM.

ĐTDD: 0778.922.440

*** HIỆN DIỆN TRONG TÁC PHẨM NGHIÊN CỨU VHNT:**

- 1/ TÁC GIẢ TÁC PHẨM NGƯỜI ĐỒNG HÀNH
QUANH TÔI IV (Bộ sách 06 quyển / Biên khảo Phê bình của Ngô
Nguyên Nghiễm, Nxb Thanh Niên 2012).

- 2/ CHÂN DUNG VĂN NGHỆ SĨ QUA GÓC NHÌN NGÔ
NGHIỄM (Quyển thượng / Từ điển – Biên khảo, Nxb Hội Nhà Văn
2016).

TĂNG BÌNH, CUỘC PHIÊU DU TRÊN CHIẾC CẦU VÒNG MÀU SẮC NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Khoảng thập niên 80 thế kỷ XX vừa qua, những ngày tháng bắt đầu rộn rã với sự hồi sinh của văn nghệ miền Nam, sau hơn mười mấy năm nằm ru ngủ. Bằng hữu văn nghệ phía Nam thường xuyên có những giây phút ngồi lại tĩnh tâm, tìm ra phương hướng để hội nhập vào môi trường văn chương hiện thực. Sự trở lại văn đàn bằng những tác phẩm thơ văn nhạc họa... kể cả những cõi mở trong bộ môn điện ảnh, sân khấu, điêu khắc tự chung là một điểm cật lực trong một xã hội mới, hầu giúp cho cánh cửa nghệ thuật trong nước được hé mở, phiêu du cùng ánh sáng văn minh văn hóa nước ngoài. Thật vậy, hầu như các bộ môn văn nghệ đều như dòng thác bị ngăn cách, bỗng nhiên hé mở nên sự tuôn chảy thật đa dạng. Ngoài sách báo, tác phẩm thơ văn có mặt nổi kỳ thú, thì hội họa cũng được đón nhận bằng những cuộc triển lãm cuồng lưu lịch lãm ở nhiều gallery trong thành phố. Sức hiểu biết và sức tiêu thụ của giới thưởng ngoạn giúp đẩy mạnh hướng tới cho bộ môn hội họa đa màu sắc. Nhiều trường phái nổi kết hiện hiện trên khung vải trang trọng, trưng bày trên các gallery nghệ thuật. Quan điểm sáng tác tạo cho các họa sĩ có tư hướng đặc thù chuyên biệt. Thập niên 80, cánh cửa mới được hé mở, nên dòng tác phẩm mang nặng tính nghệ thuật tuyên truyền, chưa có hẳn lối đi thông dong vì mọi hướng tới còn vật cản rào đón chưa được dọn dẹp cho tác phẩm đi vào lòng người thưởng ngoạn...

Năm 1988, buổi triển lãm đầu tiên của họa sĩ Rừng – Nguyễn Tuấn Khanh tại Hội Mỹ thuật Thành phố, mang tư thức tâm huyết được giới hội họa đón nhận nồng nhiệt. Giới viết văn làm thơ cũng có dịp ngồi lại chung chiếu chia vui. Trong sân của Hội, Nguyễn Phan Thịnh - Huy Tường - Trần Hữu Dũng - Chinh Vãn - Phạm Chu Sa - Lưu Nhữ Thụy - Nguyễn Thành Xuân... những bạn bè quen biết

thời xưa cũ, quây quần bên chung rượu chúc mừng. Tôi nhớ, bên cạnh Trần Hữu Dũng đang trò chuyện, một bạn trẻ chú mục lắng nghe sự bàn thảo rôm rả của mọi người. Dũng giới thiệu Tăng Bình, người họa sĩ khiêm cung đang dấu mình trong dấu ấn riêng lẻ.

Từ sơ khởi mơ hồ của ngày đầu chợt gặp, Tăng Bình có dịp hòa nhập với anh em đến tận ngày nay. Nhân dáng nhỏ nhẹ thanh tú, trong trang phục lúc nào cũng đơn sơ Tăng Bình có một cung cách đầy nghệ sĩ, phiêu bồng cùng mái tóc dính đầy sơn vẽ. Từ đó, tôi thường xuyên lui tới phòng vẽ của Tăng Bình, nằm khép nép trên con đường An Dương Vương - Xa cảng miền Tây, bằng sự viếng thăm trong tình huynh đệ. Phòng tranh của họa sĩ chỉ là một góc căn gác gỗ nhỏ hẹp, phía trên cơ sở khiêm tốn của anh, lúc nào cũng đầy rẫy những bức họa sơn dầu, hoặc trên giấy, hoặc trên vải... Ngày đầu tiên tham quan, tôi choáng ngợp trước những bức tranh đặc thù đầy sáng hóa lạ của đường hướng sáng tác không lẫn với ai.

Một buổi chiều cuối năm 1988, tôi vừa in xong thi phẩm Tỏ Ấm, trên đường ghé tạt qua Tăng Bình cùng trà dư tửu hậu và tặng nhau chút tình văn nghệ. Tăng Bình cùng tôi leo gác, lựa chọn tặng lại tôi một bức tranh vừa sáng tác. Cái hay của những tâm hồn đồng điệu, là chiều đãi nhau những tinh thần vô giá mà vật chất đời thường không thể nào so sánh được. Bình thường với những bức tranh của Chóe hay Rừng trao tặng, tôi hoan hỉ đón nhận với tình cảm thâm sâu. Nhưng với Tăng Bình, bao nhiêu chi phí đổ dồn trên khung vải, một họa phẩm đọng đầy trí tuệ và tư tưởng, thì thật sự tôi không cam tâm. Cuộc sống vật vờ hàng ngày, Tăng Bình còn lo cho những đệ tử họa sinh bên cạnh. Những đàn em một lòng dồn hết tâm huyết gầy dựng cho nhau bên ngày tháng lãng bặt này. Đó cũng một nghĩa tình Lương Sơn Bạc của những người làm văn nghệ đầy nghĩa khí ở đời này.

Ngày tháng giúp tôi thông cảm hiểu rõ hơn tâm thức chàng họa sĩ tài hoa này, nên âm thầm dành một góc cho nhau. Công việc đa

đoan, sự sống tháo mồ hôi từng bữa, nhưng bản chất nghệ sĩ bốc đồng vẫn không rời khỏi Tăng Bình. Năm 1989, Rừng và Nguyễn Phan Thịnh đề nghị làm một tuyển tập thơ kỷ niệm buổi đầu trở lại văn nghệ. Tôi vội nhắn Phù Sa Lộc xin giấy phép xuất bản tuyển tập thơ Lãng Mạn Đồi Trắng, gồm nhiều nhà thơ như Nguyễn Phan Thịnh - Rừng (Cỏ Đồng) - Nguyễn Bạch Dương - Ngô Nguyên Nghiễm - Lê Thánh Thư - Lưu Nhữ Thụy - Trần Kiều Bạt - Trần Hữu Dũng- Trịnh Bửu Hoài - Trần Phương Lang - Hoàng Đình Huy Quan - Phạm Thị Quý - Phan Tấn Thi - Nguyễn Đông Vũ-Nguyễn Thành Xuân - Phù Sa Lộc. Ngày phát hành, ra mắt thi tuyển ở Hội Văn Học Nghệ Thuật Cửu Long tại Vĩnh Long, Mọi xấp xếp ngoài Lê Triều Điền - Phạm Thị Quý lo toan tại tỉnh nhà, thì lo lắng trên đường di chuyển cho anh em, tôi nhờ Nguyễn Tăng Bình hoàn chỉnh...

Công việc đời sống hàng ngày là sinh kế, nhưng Tăng Bình cũng đẹp hết tư riêng, lo lắng cho chuyện chung văn nghệ. Bản tính hòa đồng, tư thức quảng đạt nên tranh Tăng Bình luôn mở rộng bát ngát.

Năm 1990, dịp tôi và nhà văn Minh Nguyễn dành hẳn cả buổi chiều thanh thản ghé thăm tệt xá Tăng Bình. Bàn tiệc rượu đơn sơ ngẫu hứng, tôi đợi Tăng Bình vừa dứt tiếng đàn và lời ca, đem chuyện Minh Nguyễn in tập truyện Tình Yêu Sợi Khói Mong Manh, mà Khai Phá ấn hành giữa tháng 4/1975 đành nằm trong cơn lốc lịch sử gởi gió ngàn bay. In ấn chọn về Cần Thơ, và cần nhân sự chu toàn cho tác phẩm. Bất ngờ, Tăng Bình đề nghị gánh vác cái lo cho anh em, và anh thường xuyên bay về Cần Thơ cả tháng trời để hoàn thành tác phẩm vuông tròn.

Ngày tháng thoi đưa, tài hoa của họa sĩ Tăng Bình đã mở được cánh cửa tâm thông, đưa tác phẩm đậm nét chuyên biệt, giúp tranh bước vào ngôn ngữ riêng của một Tăng Bình. Chính cảm thông những hoạt biến kỳ thú trong tranh anh, khiến tôi không ngần ngại

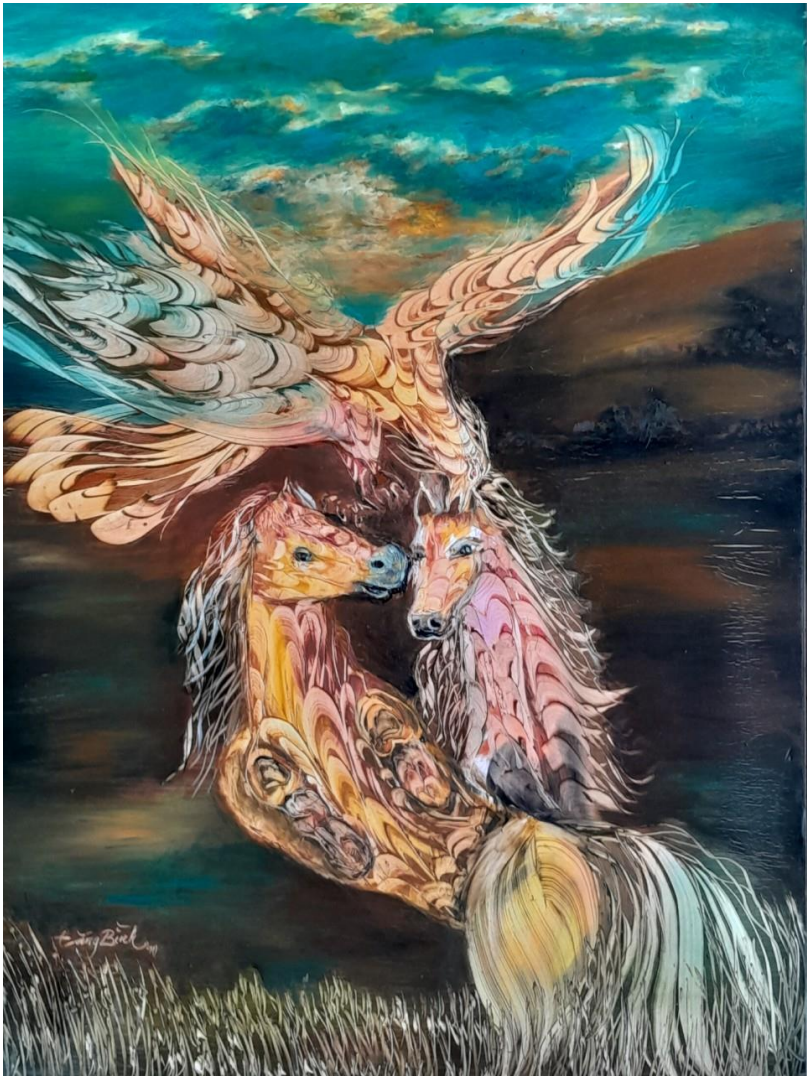
bàn với họa sĩ Lê Triều Diễm và cuộc triển lãm Tranh Đồng Bằng Sông Cửu Long tháng 10/1991, dành riêng một góc đặc biệt cho tranh Tăng Bình. Quả thật, nhóm họa sĩ miền Tây hé mở cánh cửa sân nhà cho Tăng Bình tạm trú, thì từ đó nhiều bài báo từ ngoài Bắc vô Nam đều đồng loạt dành cho riêng họa sĩ Nguyễn Tăng Bình đầy ắp thiện cảm như một khám phá lạ trong tranh.

Ngày tháng trôi qua, tay khung tay màu Tăng Bình vẫn lang bạt phiêu du sáng hóa trên chiếc cầu vòng hội họa đầy sắc màu huyền hóa siêu nhiên...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Thư trang Quang Hạnh

Tháng giêng, Nhâm Thìn (2012)



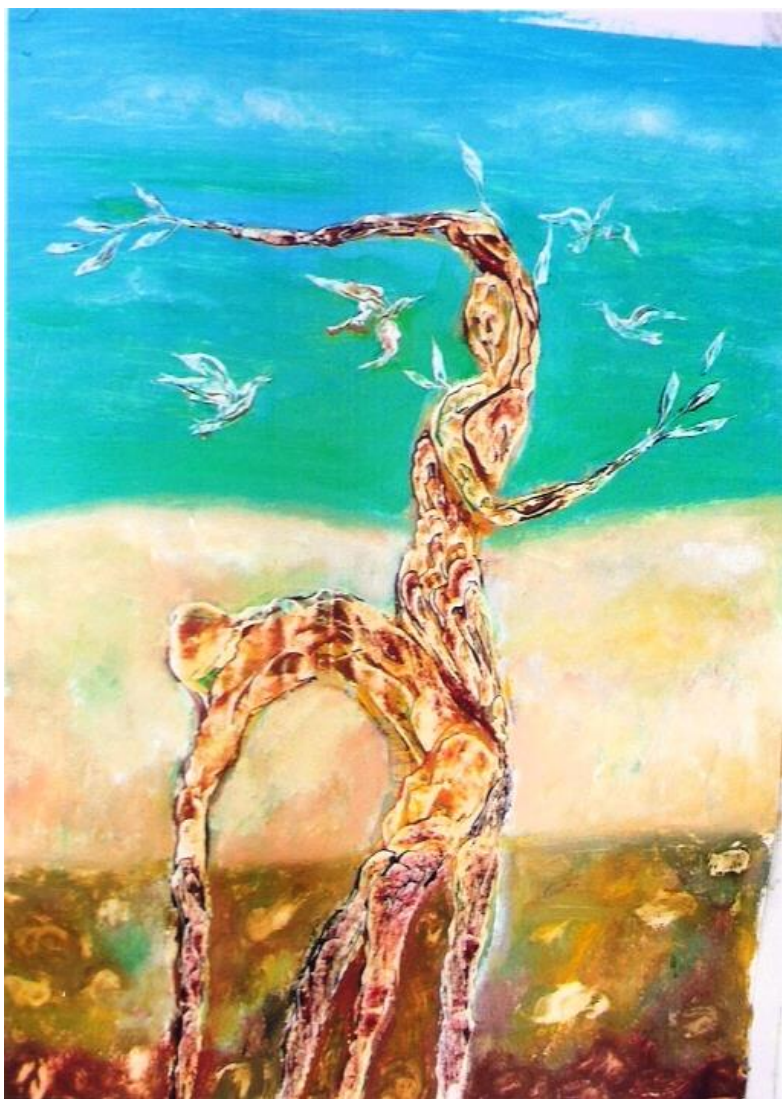
LỜI VỀ



NGỰA VÀ TRĂNG



DƯƠNG CẨM XANH



TỔ ẤM

V. Ý KIẾN VNS VỀ NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

186 TÁC GIẢ MIỀN NAM, 6164 TRANG SÁCH VÀ TÁM LÒNG TÁC GIẢ NGÔ NGUYỄN NGHIỆM VIÊN LINH

Vào đầu Xuân Canh Dần 2010, người viết bài này nhận được từ Sài Gòn gửi qua tặng cuốn biên khảo văn học nhan đề "Tác Giả Tác Phẩm-Người Đồng Hành Quanh Tôi" của một người bạn 40 năm trước: nhà thơ Ngô Nguyễn Nghiễm.



Nhà thơ Ngô Nguyễn Nghiễm

Sách bìa cứng, dày 1020 trang, và ngoài bìa cho thấy đó chỉ là cuốn I. Anh Nghiễm từng cộng tác bài vở với các tờ báo do tôi làm thư ký tòa soạn trước 1975, như Tuần báo *Nghệ Thuật* (chủ nhiệm Mai Thảo, 1965), Tuần báo *Khởi Hành* (chủ nhiệm nhạc sĩ Anh Việt, 1969), tuần báo *Diễn Đàn* và sau hết, tạp chí *Thời Tập* khi tôi đứng tên chủ nhiệm chủ bút, từ 1970 cho tới Tháng Tư 1975. Lần này anh là soạn giả, cuốn ấy anh viết về 30 nhà văn nhà thơ miền Nam. Những người cầm bút của Sài Gòn, thủ đô văn hóa miền Nam, cũng sẽ cảm kích về cuốn sách của anh, vừa liếc qua đã thấy ngay những tên tuổi một thời, thời đã qua, từ người đã nổi tiếng tới người mới thành danh, từ kẻ không còn tới những cây bút trẻ mới bước qua ngưỡng cửa của văn chương nghệ thuật.

Tác Giả Tác Phẩm - Người Đồng Hành Quanh Tôi

Ngô Nguyên Nghiễm không chỉ viết cho mình, anh viết cho tất cả những kẻ đồng hành với anh, như nhan đề tác phẩm. Anh viết trong trang sách mở đầu:

"Khi chọn chủ đề cho bộ sách nhận định phê bình và giới thiệu các văn hữu, tôi cũng gói ghém trong sự hạn hẹp của những bằng hữu đồng hành trên suốt đoạn đường văn nghệ gần 50 năm qua. [*thật ra tôi đã tâm huyết thực hiện suốt gần 10 năm đằng đẳng*]. (...) Đây là tấm lòng, tạo dựng thêm một nét văn hóa cho quê hương được đầy đủ hơn về sự đóng góp của những người con tài hoa đang rải rác tử sinh trên đất nước. "Sinh," người sống còn có thể biện bạch và thay đổi chủ hướng trên bước đường tác nghiệp. "Tử," những bằng hữu văn nghệ đã trở về ba tác đất, buông xuôi lại ý nguyện cho người còn lại kế thừa. Không phải ai cũng như ai, nên tác phẩm đến với quần chúng còn quá hạn hẹp, vì người làm văn nghệ tài sản chỉ là một túi thơ. Từng bữa chạy vội vàng trên bước đường trăng soi, còn lại là những giọt mồ hôi hiện thực chảy xuống, cực nhọc gộp lại cho con cái mình chút ấm no và chút khí lực để bước vội trên đường học vấn. Bạn hữu, giây phút nói thật này, xin xem như một cảm thông. Với người khuất bóng là một hoài niệm, với người còn trang trải nợ tầm là giây phút hiến dâng nghĩa tình của nhau trong bao nhiêu năm tháng đồng hành, lăn lóc bước đi trên con đường văn nghệ vậy." (Ngô Nguyên Nghiễm, *Trần Tình Với Một Cảm Thông*, 2009, in ở đầu cuốn I).

Cuốn I xuất hiện từ hơn ba năm trước. Cách đây hai tuần là cuốn thứ VI, gọi là cuốn "*viên mãn*," hay cuốn chót, được phát hành. Rải rác trong ba năm qua độc giả nhận được các cuốn kế tiếp. Như thế, bộ sách về văn học miền Nam này tổng cộng hơn 6164 trang, soạn và in ấn xong trong vòng hơn ba năm mới xong, trong khi tác giả dự trù sẽ xong trong vòng 1000 ngày, có 186 nhà văn nhà thơ

nhà biên khảo và nghệ sĩ góp mặt. Có 157 trường hợp hoàn tất, 29 trường hợp cần bổ sung. Hãy xem anh trình bày một tác giả ra sao?

Đọc lần lượt, so sánh nhiều bài với nhau, người đọc thấy có cùng một công thức:

1. Trang 1 là tên và ảnh chụp tác giả được nói đến.
2. Tiểu sử văn học kèm với phác họa tác giả do một họa sĩ vẽ.
3. Trang bút tự, chữ ký.
4. Ảnh bìa các tác phẩm tiêu biểu của tác giả.
5. Bài chính về tác giả do nhà chủ biên Ngô Nguyên Nghiễm viết.
6. Bài phỏng vấn tác giả do một văn hữu phỏng vấn.
7. Sáng tác thơ văn do chính tác giả chọn lựa. Cả chục trang.
8. Một hay hai bài viết về tác giả do các nhà văn trong văn giới viết, bổ túc cho bài của chủ biên bộ sách.

Với 8 khoản dành cho một người, mỗi người như thế được dành vài chục trang, ngắn dài khác nhau, nhưng trung bình là mỗi tác giả được dành cho 32 trang. Ta có $32 \times 186 \text{ tác giả} = 5952 \text{ trang}$. Số trang còn lại là trang trắng hay lệ sách (*tựa, bạt, lý lịch sách, linh tinh*). Chưa nói về phẩm chất, chỉ kể về số lượng, dường như chưa có một cuốn nhận định văn học Việt Nam nào đã dành cho các tác giả tham dự số lượng diện tích phóng khoáng đến độ đó. Điều này đúng như người chủ biên định từ đầu: Ngô Nguyên Nghiễm muốn các bằng hữu văn nghệ của anh trải hết được lòng mình, và anh coi sáng tác của bằng hữu văn nghệ là tâm huyết, cần được gửi tới mọi người, như anh viết trong bài lời mở đầu.

Mỗi cuốn đều được trình bày tương tự, cuối sách gồm phần thư mục dùng để biên khảo, và đặc biệt có những mục chỉ dẫn như:

- Phần địa phương trong tác phẩm (*thường là 3 trang, xếp theo thứ tự abc*): An Bình, An Giang, Ao Bà Om, Ba Xuyên, Bảy Núi, Bắc Ninh, Bến Thành, California, Cần Long, Cần Thơ, Cầu Chữ Y, Châu Đốc, v.v... cho đến vắn cuối cùng: Vatican, Vĩnh Long, Vĩnh Thuận, Xóm Bún, Xóm Chài,...

- Phần văn nghệ sĩ được nhắc đến trong tác phẩm: (*cũng thường là 3 trang*): A Khuê, AVT, An Khê, Anh Khoa, Bạch Yến, Beaudelaire, Bình Nguyên Lộc, Bùi Giáng, Cao Thoại Châu, Cung Tiến, Chinh Ba, Duyên Anh, Dương Hà, Dương Trữ La, Hà Thúc Sinh, Hồ Biểu Chánh, Hồ Hữu Tường, Kalim Gibran, Krisnamuti, Kim Định, Khánh Ly, Lê Thương, Lê Thánh Thư, Lỗ Trí Thâm, Lý Bạch, Mai Thảo, cho tới các vắn cuối cùng: Tùng Long, Trần Tấn Quốc, Trần Tuấn Kiệt, Trần Phong Giao, Việt Chung Tử, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Whitman, Xuân Diệu...

- Phần các nghệ sĩ vẽ tranh, nặn tượng, chụp ảnh trong tác phẩm.

- Sau cùng là phần mục lục của cuốn sách. Ta thấy mỗi cuốn có cả năm bảy trăm tên tuổi.



Bộ sách 6 cuốn, 6164 trang, "Tác Giả Tác Phẩm - Người Đồng Hành Quanh Tôi" viết về 186 nhà văn nhà thơ nhà biên khảo nghệ sĩ miền Nam của Ngô Nguyễn Nghiễm
(Ảnh: hocxa.com)

Bài điển hình

Nói về bộ "*Tác Giả Tác Phẩm - Người Đồng Hành Quanh Tôi*" thì như thế, nay người điểm sách chọn ra một tác giả điển hình, như Ngô Nguyên Nghiễm là chính người chủ biên bộ "*tập đại thành*" văn học miền Nam này, chúng ta sẽ thấy như sau.

1. Trang 1 là tên và ảnh chụp tác giả được nói đến: Ngô Nguyên Nghiễm, chân dung tác giả do Võ Thanh Văn chụp.

2. Tiểu sử văn học kèm với phác họa tác giả do một họa sĩ vẽ: tên thật Ngô Tấn Thiên, sinh ngày 12 tháng 8, 1944 tại Châu Đốc (*Thất Sơn-Nam Bộ*). Tốt nghiệp Đại học Dược Khoa Sài Gòn. Thơ văn được giới thiệu trên nhiều tạp chí thơ văn trong ngoài nước. Đã xuất bản riêng 12 tác phẩm không kể có mặt trong hơn 40 tác phẩm chung với bạn hữu. Chủ trương nhà xuất bản tạp chí Khai Phá trước 1975. Hiện đang sống và viết tại Thư trang Quang Hạnh Tp Hồ Chí Minh. Phác họa tác giả do họa sĩ Rừng vẽ.

3. Trang bút tự, chữ ký.

4. Ảnh bìa các tác phẩm tiêu biểu của tác giả: Tác Giả Tác Phẩm - Người Đồng Hành Quanh Tôi; 2010-2014 - Dấu Chân Vó Ngược; 1964 - Ngọn Gió Hơi Cuồng (in chung với Lưu Nhữ Thụy); 1966 - Thơ Kinh Tự (biên luận); NXB Khai Phá, 1971 - Thiên Thu Ca, thơ; Khai Phá 1972 - Người Hành Giả và Khúc Trường Ca Sinh Tử; 1974 - Tổ Ấm, Nxb Trẻ 1988 - (thêm 5 tác phẩm khác).

5. Bài chính về Ngô Nguyên Nghiễm do Lâm Hảo Dũng viết.

6. Bài phỏng vấn tác giả: Trò chuyện với Ngô Nguyên Nghiễm do Minh Nguyễn thực hiện.

7. Sáng tác thơ văn do chính tác giả chọn lựa: 4 bài thơ trích trong thi phẩm *Thiên Thu Ca*, dài 8 trang. Thêm 4 bài khác trích trong thi phẩm *Người Hành Giả và Khúc Trường Ca Sinh Tử*, 8 trang.

8. Một hay hai bài viết về tác giả do các nhà văn trong văn giới viết, bổ túc cho bài của chủ biên bộ sách: Trần Tuấn Kiệt viết Nhận Định về Thơ Ngô Nguyên Nghiễm.

Phản Ngô Nguyên Nghiễm chiếm 46 trang. Đây không phải phần dài nhất của cuốn sách hay bộ sách.

Ta hãy kiểm xem vài phần khác xem dài ngắn ra sao.

Cuốn I, nhà thơ Yên Bằng, người Cà Mau, dài 41 trang. Nhà biên khảo Nguyễn Tôn Nhan, người Hải Dương lớn lên ở Sài Gòn, 45 trang. Nhà thơ Việt Chung Từ, người Sa Đéc, 32 trang.

Cuốn II, Họa sĩ Nguyễn Hải Chí (CHÓE), người Long An, 51 trang. Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt người Sa Đéc, 55 trang. Nhà thơ Đặng Tấn Tới, người Bình Định, 32 trang.

Cuốn III, Nhà thơ Vũ Hữu Định người Thừa Thiên Huế, 32 trang. Nhà văn Dương Hà người Bạc Liêu, 57 trang. Nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên người Biên Hòa, 47 trang.

Cuốn IV, Nhà thơ Phạm Nhã Dự người Gia Định 62 trang. Học giả Nguyễn Văn Hầu người An Giang 85 trang. Nhà văn Dương Trữ La người Gia Định 75 trang.

Cuốn V, Học giả Nguyễn Bá Thế người Cần Thơ 61 trang. Nhà văn Nguyễn Thụy Long người Hà Nội 42 trang. Họa sĩ Lê Thánh Thư người Qui Nhơn 37 trang.

Cuốn VI, nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ người Vĩnh Long 57 trang. Nhà văn Trương Đạm Thủy người Bến Tre 40 trang. Nhà thơ Viên Linh người Hà Nam 64 trang.

Bộ sách đã viên mãn, nhà biên soạn, soạn giả gửi bằng hữu và bạn đọc: *"Quả thật, bộ sách Tác Giả Tác Phẩm - Người Đồng Hành Quanh Tôi thu nhiếp được nhiều thành quả chưa bao giờ dám nghĩ tới. Khí phách của bằng hữu là châu ngọc sáng chiếu rạng rỡ trên tác phẩm đầy trái tim mình [...]. Và nên hiểu rằng, gánh vác chuyện chung dù ở đây cũng chỉ là một tiếng nói nhỏ nhoi cho công cuộc góp phần bảo tồn di sản thể hệ văn học làm tập thể anh em bạc trắng mái đầu! Bộ sách trang trọng trình diện trước văn sử đã nói lên bao nhiêu nỗ lực gánh vác mà bạn bè vượt hết sức lực, moi tận cùng tìm óc, hầu cho định mệnh được hình thành."*

Trong niềm riêng tư, trên đầu bộ sách nhà biên soạn Ngô Nguyên Nghiễm có những dòng đề tặng này: *"Thành kính dâng tặng: Giác linh song thân. Thầy cô và gia đình. Bằng hữu huynh đệ. Hiền thê và các con. Một thời công lao dưỡng dục và sinh tử, thấm đẫm trong văn hóa Đông Phương. "Tôi nghĩ tấm lòng anh hẳn được soi chiếu vằng vặc như trăng sao bát ngát, soi chiếu từng lá cây ngọn cỏ khe suối nước nguồn trong dãy Thất Sơn Bảy Núi, Châu Đốc quê hương anh."*

VIÊN LINH (USA)

18 tháng 3, 2014

NHÀ THƠ NGÔ NGUYỄN NGHIỆM: MỘT THỜI KHAI PHÁ VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

LƯƠNG THU' TRUNG

Vài nét tiểu sử nhà thơ NGÔ NGUYỄN NGHIỆM:



Tranh của họa sĩ Rừng

- Tên thật: Ngô Tấn Thiên
- Sinh ngày 12/08/1944 tại Châu Đốc (Thất Sơn- Nam Việt)
- Tốt nghiệp Đại Học Dược Khoa Sài Gòn.
- Thơ văn được giới thiệu trên nhiều tạp chí văn chương trong và ngoài nước.
- Đã xuất bản riêng 14 tác phẩm, không kể có mặt trong hơn 40 tác phẩm chung với bạn hữu.

- Chủ trương tạp chí và nhà xuất bản Khai Phá trước 1975.
- Hiện đang sống và viết tại Thư trang Quang Hạnh, Sài Gòn.

- Tác phẩm đã xuất bản:

- 1/ Dấu Chân Vó Ngược (thi phẩm, Thở Hiện 1964)
- 2/ Ngọn Gió Hơi Cuồng (thi phẩm chung Lưu Nhữ Thụy, Trình Diện Tuổi Đất 1966).
- 3/ Thơ Kinh Tự (biên luận, Nxb Khai Phá 1971)
- 4/ Thiên Thu Ca (thi phẩm, Nxb Khai Phá 1972)
- 5/ Người Hành Giả Và Khúc Trường Ca Sinh Tử (thi phẩm, Nxb Khai Phá 1974)
- 6/ Tổ Âm (thi phẩm, Nxb Trẻ 1988)
- 7/ Hiến Dâng Cát Bụi (thi phẩm, Nxb Mũi Cà Mau 1989)
- 8/ Hương Lửa (thi phẩm, Văn Nghệ Châu Đốc 1990)
- 9/ Chớp Bể Mưa Nguồn (thi phẩm, Văn Nghệ Châu Đốc 1992)
- 10/ Hoàng Hạc (thi phẩm, Văn Nghệ Châu Đốc 2004)
- 11/ Trăm Năm Ngàn Năm (thi phẩm, Văn Nghệ An Giang 2008)
- 12/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập I (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, tháng 02/2010)
- 13/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập II (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, tháng 12/2010)
- 14/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập III (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, tháng 12/2011)
- 15/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập IV (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, Quý IV/2012)

Tác phẩm in chung:

40 tuyển tập thơ và văn

(Tiểu sử và hình ảnh do nhà thơ Ngô Nguyên Nghiễm cung cấp)

Lương Thư Trung (LTT):

Kính chào nhà thơ Ngô Nguyên Nghiễm,

Được biết quê anh gốc Thất Sơn- Châu Đốc, anh có thể nhắc qua một chút về làng quê của anh và những kỷ niệm thời thơ ấu mà mãi đến nay anh không thể nào quên được, thưa anh?

Ngô Nguyên Nghiễm (NNN):

Bước vào ký ức để làm sống lại dĩ vãng của một thời yêu dấu vừa thoáng qua, thấy đó đã vội tan biến chớp nhoáng trong hư không, nhiều lúc dù tĩnh tâm nhưng cũng chợt cảm thấy bàng hoàng. Nhìn đi nhìn lại, thấm thoát hơn nửa thế kỷ trôi qua, dù đã xa nơi chốn nhau cắt rún, người tha hương trôi dạt phương xa nhưng trên vai vẫn quàng nặng giồng gánh hình ảnh núi xanh non thắm, tiếng chim sơn dã run rúc trên ngàn, những chiếc mỏng vắt ngang lưng trời biên giới giữa buổi chiều tà tịch dương Khí hậu quê tôi được sinh trưởng giữa lưỡng nghi kỳ diệu, một dòng sông Hậu tiền tam giang xuôi chảy êm đềm bên cạnh một bình nguyên bát ngát hàng vài mươi ngọn núi thiêng, bao trùm bảy đỉnh thất sơn linh địa. Hơn 300 năm qua thời di dân lập ấp, tiền nhân thống thiết oằn vai gánh nặng bao nhiêu thống khổ, đào kênh vỡ đất, xây dựng cương thổ giữa vùng hoang thổ trần gáy cộp gằm, nơi rừng thiêng nước độc muỗi kêu như sáo thổi đĩa lợi như bánh canh. Chính vậy, giữa cuộc sống bủa vây mọi nguy hiểm rình mò, tai ương trời đất không ngờ trước được, đức tin là phương kết nối tâm linh cho yên lòng người sống. Không khí huyền đạo đã trải dài tận cùng trên từng bước đi, đạo giáo khai sinh cho tâm thức dân lành một chỗ dựa kiên cường trong mọi thử thách, trong đời sống hàng ngày, bên thiên tai, hay giữa giặc ngoại xâm...

Hình như, tôi không bao giờ quên được những tiếng chim rúc trên ngàn, những buổi chiều vàng lang thang trên những con đường mòn sơn lộ. Hoa lá thảo dã rực rỡ sắc màu mọc đầy ven những con đường nhỏ len lỏi chân núi, màu hoa thì dân dã mà hồn hoa lại tinh

khôi hồn hậu biết bao... Phưởng phất giữa không gian mộc mạc của núi rừng, loáng thoáng kỳ hương diệu hoặc ươm đầy trong khí hậu tinh sương. Từng những khóm hoa cúc đại vàng tinh anh bên gốc núi run nhẹ giữa cơn gió mơn man, hay lại là tâm khách tha hương chợt động lòng cổ xứ? Bên hàng rào gian nhà tranh phố núi khi tôi vừa tuổi thơ đồng ấu, giàn hoa dâm bụt nở bông đỏ rực, nghiêng xỏa từng cọng nhụy hoa e ấp đã đi sâu vào tiềm thức như dấu ấn thiên khai, ám ảnh tận cùng trong giấc ngủ sau này. Những giấc ngủ giữa những đêm trường tại hòn ngọc viễn đông, thấp thoáng giữa tiếng chim rúc trên sơn lộ, những cây gạo vàng vắn rơi trái xuống khe, những khóm hoa cúc hắt hiu sơn dã, những cụm lục bình trôi thờ thẩn giữa dòng sông thơ ấu, những hàng dâm bụt đỏ thắm hồn người...

Khách tha hương hình như vẫn chất đầy trong cõi nhớ, từng góc núi-con sông-tiếng chim bìm bịp gọi đùa con nước-từng ngôi trường cũ-từng tình thương yêu của song thân của thầy cô-từng khuôn mặt thanh tú của bạn bè-từng những buổi chiều vàng làm thơ bên công viên- từng thơ thẩn đứng vót ngàn cánh phong du xoay tròn trong gió nổi-từng những buổi nhớ nhung của tuổi mới lớn, để kéo dài sợi dây nghiệp chướng phù sinh đến tận hôm nay mà giặt mình...tóc trắng như sương!!!

LTT:

Nghe anh kể quả là một nỗi lòng hoài nhớ cổ hương của anh như mới ngày nào, tha thiết biết bao và như vậy, làng quê anh vốn là một làng vùng “sơn dã” với dãy Thất Sơn chập chùng nơi vùng biên giới Việt-Miên. Vậy hồi xa xưa ấy, cách nay sáu bảy mươi năm, anh có còn nhớ những phong tục tập quán Tết Nguyên Đán ở vùng biên cương ấy có gì đặc biệt hoặc có những tục lệ nào khác với các nghi thức Tết cổ truyền nơi các làng quê vùng đồng bằng miền Tây Nam

Việt của mình lúc bấy giờ không anh? Nếu có, nhân dịp những ngày đầu năm Quý Tỵ này, xin anh vui lòng kể lại vài tập tục Tết vùng Bảy Núi để bạn đọc nghe chơi anh Ngô Nguyên Nghiễm?

NNN:

Phía Đông Bắc thị xã Châu Đốc, một nhánh tam giang của dòng sông Hậu hiển hiện hai tiểu cù lao. Hướng về phương Đông là Cồn Tiên, một nhánh thổ cư chạy rẽ về vùng đất An Phú, Khánh An... nằm sát biên giới Việt Miên là đồng ruộng hoang sơ, chằng chịt lối nhỏ sông nước phân chia giới tuyến biên cương. Chênh vè phương Bắc, tiểu cù lao Vĩnh Ngươn với đồng lúa bạt ngàn, hàng năm thường xuyên chìm trong mùa nước nổi.

Chính vậy, đáp ứng trước thiên tai ngập lụt hàng bốn năm lũ lụt một lần, tràn ngập cả phố thị, và tại đây tương truyền sản sinh một giống lúa nổi, bất cứ mực nước dâng đến đâu, lúa vươn cao đến đó. Trời sinh trời dưỡng, mùa màng theo tập tục địa phương nhờ vậy như hàm ân huyền diệu cho người dân Bảy Núi. Thấp thoáng sau lưng vùng thổ nhưỡng Vĩnh Ngươn, là đầu nguồn của con kênh Vĩnh Tế, chạy dài sông lưng vùng đất biên cương.

Châu Đốc băng dọc xuyên ngang quần sơn giữa hai nước Việt Miên, phân chia lãnh thổ bằng đường biên giới nhân tạo này. Gần 200 năm về trước, khi về trấn nhậm vùng đất biên giới hỗn mang, khâm sai Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại đã di dân lập ấp, trước cái nhìn sâu rộng của bậc thiện trí, con kênh Vĩnh Tế được hoàn thành dài gần trăm dặm, xuyên đến Hà Tiên, cộng nhiều công lao hân mã và vong linh của dân phu, hầu an định vùng đất thiêng liêng cho non nước.

Khi còn sinh tiền, song thân nhiều phen trong trà dư tửu hậu an lạc mà kể lại rằng. Thời gian Miền Bắc chiến tranh 1944-1945, đói kém người chết như rạ, trong Nam vẫn giặc giả, giáo phái... tạo dựng bè phái võ trang, cướp phá tràn đồng. Theo thời thế, gia đình lánh nạn về khu thủy điền Vĩnh Ngươn, trước lánh nạn và tìm một vùng hoang thổ làm đất lành lập nghiệp. Khu gia cư, là một chòi lá vách đất nằm cạnh ngôi chùa đại thừa.

Bên hông sân chánh điện, một cây đào tiên vươn cao đầy trái, rải rác quanh thiên tự và gác chuông là những khóm hoa đại đầy màu sắc bao quanh, như những cánh tay thiên khai nâng ngôi thiên tự như một đóa sen trăm sắc. Thân mẫu chuyển dạ, thai sinh hoàn tục bằng một hình hài nhỏ bé du phương trong lạc đạo... Không khí cương thổ hòa quyện, giữa thời gian thấm thoát, song thân kể rằng, chập chùng bước đi khệnh khạng, đầu thì ba vấ, chân đeo lục lạc, cứ mỗi tiếng chuông chiều bên cổ tự âm vang, là lục lạc reo liên nhịp nhờ bước về thiền môn.

Tên tôi là vậy, nguyên quán khai sinh là vậy. Những con đường sơn lộ, hoa thảo dã, mống trời giữa hoàng hôn, thơ rơi giữa công viên, với tay nhặt từng cánh phong du xoay vòng trong cơn gió... hình ảnh thời hoa niên còn nhiều ngây dại giữa khí hậu sơn dã ngày còn cấp sách đến trường.

Ngoảnh đi ngoảnh lại, thấm thoát hơn nửa thế kỷ, ngày niên thiếu còn tắm sông, làm thơ tặng tri kỷ, tán hưng, đáo lạc, búng thun, nhảy cò cò, đáo lỗ... vẫn là hình ảnh trong sáng của nhà thơ? Phong tục tập quán của mình là vậy, của người miền Nam là vậy, chắc cũng không khác gì với bạn bè vùng khác?

Châu Đốc-Thất Sơn quy tụ phần đông người tứ xứ, quây quần trên một cứ địa thiêng liêng hồn hậu, tấm lòng trải dài như ruộng vườn bát ngát, thẳng cánh cò bay. Người dân sống trong đức tin giáo lý, chân chất và bảo bọc tận tụy chòm xóm, kể cả kẻ sa cơ thất thế phương xa trôi dạt tình cờ. Tập quán bất di bất dịch, nhân nghĩa tràn qua trái tim, lên ánh mắt. Có dịp, ngày về quê xưa, trên chuyến xe lục tỉnh, gió bụi phong trần phủ trùm cả con mê mải. Xe đồ thân nhiên lướt đi, bên tai thoang thoảng bài Tống Tử Đơn Hùng Tín, như tiếng nấc nghẹn tử sinh của nghĩa khí tình bạn ngàn đời. Đòn ca tài tử của vùng quê tôi, đã đi xuyên vào tập quán người miền Tây và hóa thân vào thần thức.

Tập quán thì vậy, dù chỉ bọc bạch phần nhỏ, đi thừa về trình, con đại vẫn roi vọt dù trường thành... Chắc chắn phong tục giữa vùng đất an cư của bốn sắc dân Việt-Hoa-Miền-Chăm dù có sắc thái riêng, nhưng giữa bốn bề tình người, đồng lao cộng khổ trong nhiều thế hệ cộng sinh, vẫn có những tập tục hóa thân vào nhau, có những lễ lộc cùng tham dự như Tết Nguyên Đán...

Người miền Tây nói chung, cư dân Bảy Núi nói riêng, Tết đầu năm âm lịch vẫn không bao giờ thiếu sót dựng nêu tại đình chùa, cúng quảy tổ tiên đất đai vương trạch những mâm ngũ quả, đưa Ông Táo rước Ông Bà, hoa mai vàng ngõ, lân pháo như một diêm lạnh, câu đối, dưa hấu bánh tét, tranh nhật bình những chuyện xưa tích cũ nhân gian, dây bùa đỏ, quần áo mới, rượu chè, chúc Tết và cò bạc... Những chi tiết đơn thuần có thể là chi tiết chung của phong tục tập quán xa xưa biết có phai nhạt thời gian...!!!

LTT:

Qua lời anh kể về làng quê và tập quán nơi chôn nhau cắt rún, anh làm tôi nhớ có lần đã đọc được bài thơ của anh: "Ngày về Bảy Núi, ngồi trên đỉnh Bạch Vân uống rượu cùng bằng hữu chợt hiểu rằng"(*), ở đó nó có chút gì man mác buồn mà mệnh mang một nỗi vấn vương về những khoảng đời phiêu bạt giang hồ và đến khi có dịp trở về nơi chốn cũ, một vùng núi cao quanh quẽ giữa đất trời biên giới u tịch mà chừng như nghe trái tim mình cũng đang cùng nhịp đập với đất trời, cỏ cây, non ngàn... Bài thơ khá dài, mạch thơ liên lạc, hơi thơ khó dứt...

Anh NNN,

Rồi đến khi nào anh mới ra Châu Đốc học và anh mê làm thơ từ lúc nào?

NNN:

Bước vào nghiệp văn chương hầu như chẳng khác với các bằng hữu văn nghệ, bởi ngoài sự đa cảm sẵn có hình như ẩn hiện một cách mặc nhiên trong tiềm thức. Chính vậy, khoảng không thời gian định vị cho bước đầu của kẻ làm thơ chắc chắn không ý niệm một xác suất chính thống. Những năm đầu thập niên 50 thế kỷ XX, từ trường làng bước tập tễnh vào ngôi trường nam tiểu học Châu Đốc, ngôi trường khang trang cổ xưa với dãy tường gạch, ngói đỏ nằm ven một nhánh sông Hậu. Gia đình nội ngoại quy tụ về một khu đất hoang, nằm giao thoa ven lộ trình đường độc đạo vào núi Sam (Hộc Lãnh Sơn) và khu đường sắt hỏa xa mà người địa phương thường gọi đường xe lửa. Tam đại đồng đường khu trú trên vuông đất chia làm ba ngôi nhà lá nhỏ theo thể chân vạc, nội ngoại hai gian đối diện với gian nhà vách ván của song thân. Năm học lớp nhứt trường Nam tiểu học, ký ức còn ghi lại chút hiểu biết và hàm âm những công lao gian khổ của gia đình, trong giai đoạn đất nước phân chia tam kỳ, thù

trong giấc ngoài, quê hương cuồng rối tang thương. Gia đình nội ngoại thuộc giai cấp nghèo khổ, song thân chạy từng miếng ăn bằng tất cả sức lực và tài hoa trời phú, cật lực lao động đánh đổi sự sống chân chính cho hằng ngày hằng bữa đạm bạc... Nội ngoại tôi đều là người bạch đình, không biết đến một chữ cái quốc ngữ. Tuy nhiên trong tâm thức thì trảng giang đại hải những câu ca dao hò vè và những cốt truyện kỳ tích Kim Cổ Kỳ Quan, Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, thi ca sấm giảng... Những buổi trưa hè hiu hiu nắng gió, buổi se lạnh tàn đông, những chiều tàn vắng lặng... tổ phụ thường ngẫu ngao những vần thơ hay sấm giảng bằng giọng nói thơ đặc thù của sông nước đồng bằng, khiến không gian chột u hoài quánh đặc trong giai điệu quan hoài khó tả, có lẽ chỉ người trong cuộc mang nặng tâm thức thuở ấu thơ mới hiểu thế nào là sự ghen ngào của kỷ niệm.

Tôi thường ngồi học bài bên khung cửa sổ, bên ngoài một khóm hoa dâm bụt vươn cành nghiêng nghiêng hàng chùm hoa đỏ rực rung rinh trước gió. Thỉnh thoảng hàng âm thanh thơ phú sấm giảng lại phủ đầy đặc quánh cho tiềm thức kẻ hậu bối sau này. Mồ hôi cha ông chảy dài trên trán rộng, gian lao khổ cực của người dân nhược tiểu hàng ngàn năm lệ thuộc ngoại bang, còn gì ngoài văn hóa và ý thức? Năm đó, lớp nhút đó, tôi cảm thức một cách non trẻ nhìn thấy bao nhiêu cộng lực lao khổ của gia đình, hình như bài thơ đầu tiên được sáng tác một cách cách điệu, bằng sự thẩm nhập từ những câu ca dao, truyện thơ mà hàng ngày nội ngoại ngẫu ngao truyền bá vô tình. Bước vào ngưỡng cửa trung học, trường trung học Thủ Khoa Nghĩa năm 1956, là một quãng đường dài từ đệ thất đến đệ tứ, ngoài những môn học chính, viết văn và hán văn in sâu tiềm thức tôi bóng dáng những sự phụ hiền giả, thường xuyên gọi tôi dịch những bài thơ hán nôm hay lên bảng đen làm thơ tốc hành! Có thể đó là khoảnh khắc định mệnh đã an bày cho một người làm thơ?

Quê tôi với khí thiêng sông núi, người tài hoa cũng không khá nhiều như những địa phương khác. Về tập quán phong tục học, địa phương chí, văn học, tín ngưỡng, thi ca... phải kể nhiều tiền bối học giả quán triệt sâu sắc, nhiều công lao nghiên cứu, giới thiệu tác phẩm biên khảo hơn nửa thế kỷ nay, hoặc nhiều phen bốn ba hải ngoại tham dự nhiều cuộc thuyết trình quốc tế. Đến nay, không thể quên được công lao những hiền giả như học giả Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Văn Kiêm, Liêm Châu, Lâm Tâm... và gần đây nhứt với người kế thừa của dòng nghiên cứu này là Nguyễn Hữu Hiệp, Trịnh Bửu Hoài, Nguyễn Bạch Trúc, Nguyễn Phước Sanh... Nhiều năm qua, tôi thật tâm chú ý và tán phục quá trình biên khảo của quý hiền giả, mặc dầu người viết cũng dành chút tâm trí nghiên cứu, nhưng hiện tại tài mọn chưa thể sánh kịp tiền hiền, nhưng cũng hy vọng sẽ là ngọn lửa soi tìm được một vóc dáng kiên định là tác giả Châu Đốc học mà tri kỷ mong chờ.

LTT:

Được biết anh là người chủ trương tạp chí Khai Phá, vào những năm đầu thập niên 1960, xin anh chia sẻ một chút về sự ra đời của tạp chí này. Mục tiêu của tạp chí là gì, chỉ thuần văn chương nghệ thuật hay còn mục đích nào khác không, chẳng hạn như về văn hóa, đời sống, phong tục, tập quán nơi miền Thất Sơn- Châu Đốc mình?

NNN:

Trong giai đoạn thập niên 60-70 thế kỷ vừa qua, thời gian đất nước còn trong bước đầu phôi thai độc lập, cái độc lập giả tạm của cả hai phía quốc nội, và cái áp đặt tiềm tàng mưu đồ của nước ngoài, đã khiến quê hương nhiều nghiêng ngửa điêu linh hơn là được hưởng thanh bình. Hàng triệu người di tản cuồn cuộn trôi dạt về phía Nam, người ta nhân danh lý tưởng tạo dựng chiến tranh bằng ý thức hệ

được gắn danh hiệu dân tộc, đã đưa đẩy cuộc chiến tương tàn 20 năm qua, hàng triệu người dân chôn vùi trong đạn bom... đến nay, cũng tràn đầy nỗi đau không xóa nhòa được. Tình trạng hoang tàn hàng ngày phơi diễn khắp nơi trên đất nước, tuổi trẻ với tâm hồn quật cường với lịch sử gần 5000 năm, không thể giữ im lặng cho một ý thức, không hành động tích cực được, chính vậy ngòi bút, và sáng tạo bằng văn chương là hiện hữu nhất. Văn nghệ lần dần vào cuộc sống hiện tại, hình tượng chân thật thấm thiết cho tuổi trẻ và nghệ thuật. Từ đây, phát sinh trên khắp các tỉnh thành từ Quảng Trị dài xuống Huế, Quảng Nam, Tuy Hòa, Kom Tum, Đà Lạt, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Sài Gòn, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Long Xuyên, Châu Đốc... xuất hiện đông đủ bằng hữu văn nghệ trên các tạp chí vận động tự lực. Cứ cánh của các tạp chí giống nhau trước tương lai đất nước và phần đông anh em văn nghệ có chung một ý niệm, tạo dựng tiếng nói lớp người trẻ, phát huy qua tờ tạp chí văn học nghệ thuật quan niệm văn nghệ và đời sống. Sự ra đời của Tạp Chí KHAI PHÁ cũng nằm trong quan điểm chung như vậy. Tuy nhiên, với nét nhìn về tư hướng sáng hóa sáng tạo nghệ thuật của KHAI PHÁ có nhiều tư tưởng riêng biệt, ngoài khơi dựng lại những giá trị văn học văn nghệ cần được gìn giữ, còn cần tạo dựng một khuynh hướng sáng hóa nghệ thuật cách tân.

Chính vậy, KHAI PHÁ chọn nhiều chủ đề cho từng số báo như KP1 Nhìn Văn Nghệ Trong Tình Thế Hiện Tại, KP2 Con Đường Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam Trong 10 Năm Qua, KP3 Thế Trăm Hoa Của Văn Nghệ Miền Nam, KP4-5 Hiện Tượng Vong Thân Của Người Cầm Bút... và bản thảo KP6 Vấn Đề Dân Tộc Tính Trong Nghệ Thuật... Ngoài chủ đề gồm nhiều cây viết cất lực cho mỗi số báo, sáng tác thơ văn nhạc họa biên khảo nghiên cứu phê bình nghiên sâu về phong tục tập quán, ca dao hoạt kê tiểu lâm, nghệ thuật nhân gian, còn đề cập đến các loại hình văn chương nhi đồng, âm nhạc,

nghệ thuật tượng hình, nghệ thuật sân khấu di sản văn hóa độc đáo của dân tộc.

Dựng luồng sinh khí nghệ thuật mới là chủ trương và hướng đi lâu dài cho KHAI PHÁ được hòa nhịp trong vườn hoa văn nghệ phía Nam đến tận hôm nay...



Bìa các tạp chí Khai Phá số 1, số 2 và số 3
(Do nhà thơ Ngô Nguyên Nghiễm cung cấp)

LTT:

Về việc phát hành, điều hành, tạp chí Khai Phá có phát hành lên tới Sài Gòn, ra Miền Trung hoặc các tỉnh Miền Tây hay chỉ phổ biến trong địa phận tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên? Khai Phá có gặp trở ngại nào về bài vở, in ấn, và các tác giả cộng tác không?

NNN:

Thời kỳ phân hóa này, quê nhà hứng chịu nhiều trận chiến đầu sôi lửa bỏng, các phương tiện giao thông từ tỉnh thành này đến tỉnh

thành kế cận, dù chỉ khoảng 50-70 cây số nhưng sự di chuyển bằng xe cơ giới cũng mất cả ngày, thư từ bưu phẩm lưu thông nhiều lúc cả tuần đến 10 ngày là chuyện thường. Chính vậy, khi hoàn thành xong số báo nào, kế hoạch gửi bưu điện của KHAI PHÁ lúc nào cũng từ 5 ngày hoặc 1 tuần trước khi quảng cáo trên báo chí lớn Sài Gòn (nói rõ thêm, hầu hết giới thiệu miễn phí). Tạp chí KHAI PHÁ vinh hạnh được bằng hữu văn nghệ người một tay giúp phát hành trên khoảng 20 tỉnh thành đất nước, mà không nhận lợi nhuận nào. Đà Nẵng có Nguyễn Huy Chương- Đoàn Minh Hải, Tuy Hòa có Hoàng Đình Huy Quan, Quy Nhơn có sự trợ giúp của Đặng Tấn Tới, Đà Lạt có Ngọc Thùy Khanh, Pleiku-Kontum có Kinh Dương Vương - Lâm Hào Dũng - Nguyễn Bạch Dương, Biên Hòa có Nguyễn Tất Nhiên hồn nhiên bảo trợ, Long Xuyên có Trịnh Bửu Hoài, Châu Đốc dưới sự điều hành của Trần Biên Thùy- Thái Văn Sơn, Ba Xuyên có Triều Uyên Phụng, Vĩnh Bình đảm đương của Tô Nhược Châu phát hành, Vĩnh Long thì Trần Mộng Hoàng chăm chút lo toan, Cần Thơ- Chương Thiện có Ưu Thức- Trần Kiều Bạt, Rạch Giá có Trương Quang Vinh, Long An được nhà thơ Phạm Trích Tiên gánh vác, Tây Ninh phải nhờ vả Sa Chi Lệ khai thông... Như vậy, KHAI PHÁ hiện diện gần 20 tỉnh thành đất nước, với những hy sinh đồng lao cộng khổ của bạn bè văn nghệ, phải chăng đó là những trái tim đầy nghiệp chướng và tình người. Cũng như các tạp chí bạn, KHAI PHÁ có nhiều trở ngại trên bước đường vận động tân lập sáng hóa nghệ thuật góp phần với quê hương...

LTT:

Tạp chí Khai Phá đình bản năm nào? Các tác giả viết cho Khai Phá ngày ấy, nay còn lại những vị nào và các vị ấy còn tiếp tục trước tác không?

NNN:

Quyết định đình bản Tạp chí KHAI PHÁ để chuyển sang Nhà Xuất bản cũng nằm trong kế hoạch dự phòng của nhóm chủ trương trước diễn biến pháp lý và thời cuộc. Song song với việc ấn hành KHAI PHÁ 4+5 với giấy phép tháng 9/1971, đã mang thêm một trọng trách xuất bản các tác phẩm văn nghệ của bằng hữu như bước tiến khẳng định cho hướng đi dần thân mãnh liệt hơn. Một phần góp mặt đưa tiếng nói chân tình của tuổi trẻ với tình thế văn học nghệ thuật hiện tại, một phần giới thiệu sâu rộng hơn các tác phẩm tài hoa của anh em văn nghệ, trong giai đoạn hiện giờ anh em không có thời gian để tạo lập cho mình kịp lúc ra mắt những đứa con tinh thần đã cưu mang. Bước vội qua thời gian, vì tình thế cấp bách nên sự tính toán này, giúp KHAI PHÁ vượt thoát nhiều sự kiện có lúc xem như bất khả kháng. Vô hình chung KHAI PHÁ đi trước một bước lệnh báo chí phải đóng ký quỹ để nhận giấy phép tạm thời cho các dạng báo chí, 2 tác phẩm được xuất bản đánh dấu sự góp mặt trang trọng của Lâm Chương với thi phẩm Loài Cây Nhớ Gió và tác phẩm biên luận Thơ Kinh Tự của Ngô Nguyên Nghiễm về dòng thơ mới tại Việt Nam. Sang năm 1972, chiếc áo tạp chí KHAI PHÁ thấm đầy trí tuệ của anh em văn nghệ trẻ đầy nhiệt tâm tạm thời hóa thân về một cứ địa an lành hơn: Nhà Xuất bản KHAI PHÁ nối tiếp vai trò văn nghệ khi ngộ biến từng quyền, chính vậy vô hình chung từng khuôn mặt độc đáo văn nghệ được giới thiệu trân trọng.

Hiện nay, thời gian trôi qua hơn 40 năm dài, nhiều bằng hữu đã tiếp nối đi vào vĩnh cửu như Tô Nhượng Châu, Nguyễn Bạch Dương, A Khuê, Vũ Hữu Định, Phan Nhự Thức, Thái Văn Sơn, Nguyễn Lê Tuấn, Châu Thành Thơ, Thụy Miên, Triều Uyên Phụng, Mai Văn Cương, Tô Đình Sự, Chóe, Ngọc Thùy Khanh, Nguyễn Phước Sanh, Lộc Vũ, Phạm Hữu Quang, Trần Kiều Bạt, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Mai, Phạm Yên Anh, Nguyễn Tôn Nhan, Hoài Giang

Lê Bá Diệp, Nguyễn Lang Quân, Dương Trữ La, Nguyễn Phan Thịnh, Ưu Thức...

Anh em hiện tiền trước thời cuộc phân hóa hiện sinh sống rải rác khắp cùng hành tinh này, phần đông đều bước qua ngưỡng cửa đáo tuế với tâm hồn thênh thang rộng mở trước cõi phù đồ đầy trí tuệ và sáng tạo khôn cùng. Mọi người đang trải rộng tác phẩm trước tuế nguyệt, nhìn quanh nhân dáng vọi vọi bằng hữu chợt thấy như Lâm Hảo Dũng, Phạm Nhã Dự, Phan Bá Thụy Dương, Trần Văn Sơn, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Lê La Sơn, Trần Phù Thế, Nguyễn Cát Đông, Huyền Vân Thanh, Nguyễn Minh Thanh, Song An Châu, Hoài Ziang Duy, Trầm Mặc Nghệ Thế, Lâm Hảo Khôi, Cao Thoại Châu, Trần Tuấn Kiệt, Trần Yên Thảo, Đoàn Minh Hải, Trịnh Bửu Hoài, Phù Sa Lộc, Yên Uyên Sa, Hạc Thành Hoa, Mặc Tuyền, Phạm Trích Tiên, Yên Bằng, Rừng-Kinh Dương Vương, Lê Triều Điền, Trần Mộng Hoàng, Minh Nguyễn, Lê Trúc Khanh, Trần Biên Thùy, Nguyễn Thành Xuân, Lưu Vân, Chu Ngạn Thư, Kim Đan...

Nỗi nhớ đông đầy với nhiều kỷ niệm đầy vơi, loáng thoáng trong gió bay về những khuôn mặt thời gian chất chồng trong trí não. Những tâm hồn đã vác nghệ thuật trên đôi vai tuổi trẻ hiến dâng hết tâm thức cho quê hương, chính thức vang vọng tiếng nói chánh kiến đi vào lịch sử và nghệ thuật.

LTT:

Còn nhà xuất bản Khai Phá thì sao, thưa anh NNN? Lúc bấy giờ nhà xuất bản của anh có in tác phẩm nào cho các tác giả cộng tác hoặc các tác giả khác trong vùng không?

NNN:

Luật báo chí thực hiện năm 1972, áp dụng ngân sách ký quỹ lớn khiến nhiều nhật báo, tạp chí... đứng trước cửa ngõ tự đình bản.

Sau những thăm dò bàn thảo, KHAI PHÁ chuyển sang Nhà Xuất bản, một vị trí hóa thân bất đắc dĩ, nhưng qua một thời gian chuyển biến vai trò mới cũng ổn định dần, nhìn chung kết quả cũng có phần tuyệt diệu. Thực hiện chủ trương tờ tạp chí KHAI PHÁ, ngoài khơi hoạt cách tân nghệ thuật và đi sâu vào giới thiệu nghiên cứu về phong tục tập quán, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, giới thiệu địa phương chí về vùng Thất Sơn linh địa... nên từ tờ tạp chí cũng đã mở rộng cửa ngõ chào đón bằng hữu khắp nơi. Chủ trương này di chuyển sang Nhà Xuất bản với hoài vọng khám phá và nhân sâu rộng nhân đáng bằng hữu văn nghệ khắp miền.

Nhà Xuất bản KHAI PHÁ, ngoài hình thức giới thiệu khoảng gần 30 tác phẩm nội bộ như hình thức ấn phẩm Nhà Xuất bản Con Đường, mỗi tác phẩm khoảng 50 quyển, không phép.

Còn chánh thức có giấy phép xuất bản Sở Phối Hợp Nghệ Thuật tổng cộng 21 tác phẩm:

- 1/ LOÀI CÂY NHỚ GIÓ, thi phẩm Lâm Chương, 1971
- 2/ THƠ KINH TỰ, biên luận Ngô Nguyên Nghiễm, 1971
- 3/ NAM HOA, thi phẩm Nguyễn Thành Xuân, 1972
- 4/ ĐIỀU BUỒN CỦA CHÚNG TA, thi phẩm Hà Thúc Sinh, 1972
- 5/ THIÊN THU CA, thi phẩm Ngô Nguyên Nghiễm, 1972
- 6/ VƯỜN DĨ VẮNG, thi phẩm Trần Văn Sơn, 1972
- 7/ BÀI THƠ CÔI CHẾT, thi phẩm Thụy Miên, 1972
- 8/ BIÊN THUY TRUYỆN KÝ, truyện ký Liêm Châu, 1973
- 9/ NGÔI NHÀ CHO NGƯỜI TRỞ VỀ, thi phẩm Nguyễn Huy Chương, 1973
- 10/ RƯỢU NGƯỜI VÀ CẢNH VẬT, thi phẩm Phạm Trích Tiên, 1973
- 11/ THƠ TÌNH TRỊNH BỮU HOÀI, thi phẩm Trịnh Bửu Hoài, 1974

- 12/ LÊN ĐÔI HÚNG BÁT TRẮNG VÀNG, thi phẩm Nguyễn Thành Xuân, 1974
- 13/ TẾ BÀO, tập truyện Lưu Nhữ Thụy, 1974
- 14/ NGƯỜI HÀNH GIẢ VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ, thi phẩm Ngô Nguyên Nghiễm, 1974
- 15/ NGƯỜI HÀNH HƯƠNG TÌNH YÊU, thi phẩm Trịnh Bửu Hoài, 1974
- 16/ THỦ ÁN HỌA VỚI KỸ THUẬT SÁNG TẠO BẰNG CHẤT LIỆU SÁNG TẠO MỚI, hội họa Phan Tấn Nam, 1975
- 17/ DÙ NGƯỜI LÀ AI XIN HÃY ĐẾN, thi phẩm Trần Kiều Bạt, 1975
- 18/ NGÀY ĐI THƯƠNG SỢI KHÓI BÊN NHÀ, thi phẩm Lâm Hảo Dũng 1975
- 19/ NGỌN CỎ KHÔ TRÊN VUÔNG ĐẤT ĐEN, thi phẩm Thụy Miên, 1975
- 20/ TÌNH YÊU SỢI KHÓI MONG MANH, truyện Minh Nguyễn, 1975
- 21/ CÓ PHẢI THUNG LŨNG BUỔI CHIỀU, thi phẩm Nguyễn Thị Phiên, 1975

Riêng 5 tác phẩm thơ văn (17-21) đang in tại 3 nhà in chưa kịp ra mắt bằng hữu và bạn đọc hóa thân thành giấy vụn sau ngày 30/4/1975!!!



Bìa một số các tác phẩm do nhà xuất bản Khai Phá ấn hành trước năm 1975.

(Do nhà thơ Ngô Nguyên Nghiễm cung cấp)

LTT:

Với ba tác phẩm của anh do nhà xuất bản Khai Phá ấn hành:

- THƠ KINH TỰ, biên luận, NXB KHAI PHÁ 1971
- THIÊN THU CA, thi phẩm, NXB KHAI PHÁ 1972
- NGƯỜI HÀNH GIẢ VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ, thi phẩm, NXB KHAI PHÁ 1974

Ngoài ra anh còn có các tác phẩm in sau này nữa. Nếu phải nhìn lại ba tác phẩm thời Khai Phá của mình, anh có cảm tưởng gì về ba đứa con được chào đời những năm 1971-1974 ấy?

NNN:

Các tác phẩm tôi chào đời trong những giai đoạn không gian thời gian khác nhau, nhưng bao giờ cũng nằm trên một quan điểm nghệ thuật riêng biệt. Tất nhiên, dù cùng sáng hóa trong tư thức chung, nhưng sự đột biến trong từng tác phẩm đều là những ý niệm ngộ (nhìn thấy) trong thời điểm hoạt hóa nhất thời, ngay giai đoạn sáng tác. Sự trung chánh với tác phẩm, mỗi nghệ sĩ đều thể hiện tùy quan điểm và bản chất hành hiệp.

Khi đức Cô Đàm khẽ gior cảnh hoa trước rừng tỳ kheo và thiện chúng, hằng hà sa số thanh văn duyên giác... đứng dài tới đỉnh núi Linh Thứu, kỳ diệu thay chỉ một mình Ca Diếp im lặng khẽ mỉm cười. Chính vậy, tác phẩm của người sáng hóa văn hóa văn học nghệ thuật cũng phải hiện thân của một hóa đạo tuyệt vời. Năm này tháng nọ không thời gian và vật thể có thay đổi, nhưng sự biến chuyển trong cuộc đời chỉ phù du, chính vậy ngôn ngữ cũng không ngoại vòng thoi. Tôi tâm đắc những gì từ hư không có được, nhưng không xem đó là là một sự vĩnh cửu... Tác phẩm chỉ là chứng nhân, như đoá hoa tinh khôi giăng mắc trên đoạn đường người lữ khách đi ngang qua trong cuộc hành trình dã ngoại của đời sống. Đánh dấu như sự thiên di của một ngôi sao lẻ loi đầy ngoạn mục, và bất chợt thấy mình nhỏ nhoi giữa không gian hằng hà tinh tú. Cái nhỏ nhoi đó cũng bất chợt được hóa hiện vào ngôn ngữ rơi rớt lại thành tác phẩm bấy giờ tại một nơi cố định, trong khi người nghệ sĩ vẫn thân nhiên cuốn trôi theo ngọn gió luân lưu về hướng không vô định...

LTT:

Đó là công việc làm báo của anh với một thời tuổi trẻ cách nay hơn nửa thế kỷ và ngày nay được biết anh đang dồn hết thời giờ cho công việc biên soạn bộ sách "TÁC GIẢ, TÁC PHẨM- NGƯỜI

ĐỒNG HÀNH QUANH TÔI". Trải dài qua thời gian hơn nửa thế kỷ, những "người đồng hành quanh tôi" của anh chắc là nhiều lắm! Vậy có thể xin anh vui lòng chia sẻ một chút về công trình biên soạn bộ sách này, khởi công lâu chưa và nay đã hoàn tất được mấy mươi phần trăm rồi, thưa anh?

NNN:

Trải qua biến cố định mệnh của lịch sử, người đảng trong và người đảng ngoài như đang đứng hai bên bờ vực, nhìn nhau như những người ngoại quốc, kẻ thì rục rề ôm hết mọi sợ sệt ảm ức canh cánh trong lòng, người thì ngông nghênh dốt nát của kẻ chiến thắng đàn anh. Cả xã hội của con người cùng một dòng máu, cùng một tổ tiên lại như những kẻ nội thù khác biệt trời vực tư tưởng và đời sống... Thời gian trôi dài tiệm tiến một cách khắc nghiệt đối mặt chán chát về văn hóa, tín ngưỡng, kiến thức, tập tục... khiến người dứt khoát làm thuyền nhân vội vã ra đi về hướng tự do, kết cuộc gần một triệu người hóa thân trên thủy mộ quan. Người ở lại đối mặt học tập trong và ngoài trại tập trung khắc nghiệt, có biết bao nhiêu thân phận bỏ xác rừng sâu, kinh tế mới...

Âm ba của cuộc đời bất chợt khiến dân thường cũng ngửa nghiêng trong cơn xoáy dị kỳ, hướng hồ những kẻ làm văn nghệ mang nặng cả một trời đột biến của nghệ thuật trong tâm hồn. Hơn 13 năm lặng lẽ ngồi trong thư trang nhìn ra cuộc đời đang diễn kịch ngoài sân, khi quyết định ra mắt thi phẩm **TỔ ẤM**, rảnh rang nhiều lúc ngồi soạn sách vở tài liệu lưu trữ, ý nghĩ chợt thoáng về ý niệm tử sinh, với biết bao bằng hữu tài hoa chợt rơi rụng từ chân trời định kiếp hoang dại nào! Tài liệu chất chồng theo thời gian gần nửa thế kỷ, từng hình ảnh, từng chữ ký, từng dòng chữ, từng tác phẩm tìm óc... ám ảnh tôi suốt lộ trình dài hơn 10 năm sau đó. Đến đầu thiên niên kỷ XXI, tôi vội vã hình thành trong quan niệm sơ khai là gom

hết những tinh hoa của anh em văn nghệ, như là nhốt thời gian và không gian lại để ảnh tượng chân phương văn hữu đã nhiều phen cộng sinh cộng tử trên bước đường văn chương, hội tụ lại trong một khu vườn hoa nghệ sĩ đầy sắc màu và đầy ân tình. Sự ra đời bộ sách nhận định phê bình "TÁC GIẢ TÁC PHẨM NGƯỜI ĐỒNG HÀNH QUANH TÔI" từ ý niệm như thế.

Trải dài hơn 50 năm hành hiệp giang hồ trên con đường văn học nghệ thuật, làm bạn với không biết bao nhiêu bằng hữu kỳ tài trong thiên hạ. Nhiều lúc, nhìn đi nhìn lại bất chợt nghe thấy anh em lần lượt rời bỏ cuộc đời, khiến lòng chao đảo như vấp phải nghịch cảnh chua xót quá, trong lúc nhiều bạn bè chưa một lần nhìn được sự ưu ái quy hồi trong suốt cuộc sống hy sinh tâm huyết cho nghệ thuật. Cảnh ngộ tang thương của một dân tộc hiền hòa suốt gần 5000 năm văn hiến, thì hình ảnh thương hải tang điền với tiếng gọi đờ thống thiết trong cơn mơ, có làm giật mình với thời gian và sự biến đổi tàn nhẫn của thiên nhiên và lòng người?

Con đường văn nghệ trước mặt với bao nhiêu bằng hữu tâm giao trong suốt cuộc đời này, hình như vẫn còn thênh thang xa vắng quá. Vì thế, không thể nằm chờ đợi mùa sung, lũ khách phải cố vác hành trang nặng trĩu trên vai băng đồng vượt suối tìm người tri ngộ...

Với tài liệu nguồn ngọn gìn giữ trân trọng trong thư trang suốt nửa thế kỷ qua, phải chăng là một phương tiện căn phần định trước, giúp thu ngắn đoạn đường tìm người tri ngộ. Đến nay, bộ sách TGTPNDHQT trước đây dự định 6 tập, chụp bắt với thời gian hình ảnh cuộc hành hương của chư hiền giả thân quen trong suốt cuộc đời giang hồ. Nhưng lực bất tòng tâm, hiền hữu thì nhiều, tôi chỉ chọn theo duyên nghiệp và thiện căn trên bước đường vội vã bất chợt đi qua với chọn lựa ngẫu nhiên 200 bằng hữu tài hoa đạo nghĩa. Thấm

thoát con đường diệu vợi năm xưa dần dần được thâu ngắn lại, bộ sách đã giới thiệu 4 tập, với khoảng 130 văn nghệ sĩ, và sách được tôn quý bay rải rác bốn phương theo chân những người tâm huyết.

Hiện tại, trên thư viện và quý văn nghệ thiện tâm, bộ TGTPNĐHQT được lưu trữ trên dưới 7 quốc gia. Trong năm Quý Ty 2013, chạy đua với thời gian và biến cuộc, 2 tập cuối 5-6 của bộ sách nhận định phê bình TGTPNĐHQT sẽ cất lực hoàn chỉnh ra mắt thân hữu, cũng trên dưới 1000 trang như các tập trước, dốc tâm ghi lại trọn vẹn phần nào cuộc đời phiêu dạt trong phong nhụy nghệ thuật của 200 hiền hữu đầy phong thái và khí thế sáng tạo, làm rực rỡ dòng văn học nghệ thuật quê hương...

LTT:

Trường hợp rất riêng, anh có kỷ niệm nào với các nhà văn, nhà thơ như Cao Thoại Châu, Hoài Ziang Dzuy, Lâm Chương, Trần Phù Thế, Lâm Hảo Dũng...? Nếu có, qua bộ sách anh đang biên soạn, các tác giả vừa kể có là một trong những người "đồng hành" với anh không? Anh có nhận xét gì về văn phong cùng giá trị văn chương qua các tác phẩm của quý vị ấy?

NNN:

Dù thời gian bước nhanh như gió thổi, biết bao nhiêu biến đổi phù du trong cuộc đời này, thấy đó rồi mất đó tan biến trong hư không. Có những con đường tôi đã thênh thang dạo bước, trăm thương ngàn nhớ với từng chiếc lá rơi lặng lẽ lượn lơ trên không. Có những ngôi nhà từ thuở thiếu niên tung tăng chạy lượn từng cánh phong du rực đỏ. Có những hàng cúc dại e lệ nằm rải rác trên lộ trình sơn dã quê tôi. Có những giây phút thênh thang chơi đùa cùng bạn bè thơ ấu trên những trò chơi nhân gian bịt mắt đá lon, tán hưng, đáo lạc. Có những giây phút tuổi thanh niên ngồi trầm mặc nhớ nhung của những ngày mới lớn... Tiềm thức đã chất đầy những kỷ vãng vời vợi, lưu hành trong suốt đời bằng gió bằng sương đi vào cõi sống.

Chính vậy, với bao nhiêu bằng hữu đồng hành trên suốt hơn nửa thế kỷ trôi qua, là sự vạn hạnh không bút lực nào ghi lại hết được. Trong ngõ sống có khổ đau có hạnh phúc, đa mang nhiều nỗi thăng trầm thì kỷ niệm cũng tràn đầy, lúc ẩn hiện như cơn mơ lúc chìm lắng trong ký ức chờ dịp khơi dậy bùng vỡ mặc nhiên. Hình như suốt không- thời gian tôi vịnh hạnh bước qua, làm bạn không biết bao nhiêu anh tài kiệt xuất, chính vậy ngoài lưu giữ trong tâm thức, sự ra đời bộ sách nghiên cứu phê bình TGTPNĐHQT là kỷ niệm văn chương vô giá với bằng hữu hiền giả mà trong đời có dịp trao gươm và ấn tín... Họ không chỉ là Lâm Chương, Lâm Hảo

Dũng, Hoài Ziang Dzuy, ...v.v.. kể cả quý hiền hữu đang và sẽ có mặt trong bộ sách, đều là những tài hoa có riêng một giá trị tinh khôi riêng biệt trong thế giới tự lập chính mình.

LTT:

Thưa anh Ngô Nguyên Nghiễm,

Những ngày đầu năm mới Quý Tỵ mà được nghe anh chia sẻ về một thời kỳ văn chương ở Châu Đốc nói riêng và Miền Tây Nam Phần nói chung cách nay hơn năm mươi năm qua quả là món quà Tết vô cùng thú vị. Quả thật đây là "một thời kỳ Khai Phá và những người đồng hành" đối với riêng anh mang nhiều ý nghĩa. Đối với các nhà biên khảo về báo chí miền sông nước Hậu Giang trước năm 1975, các chi tiết mà anh vừa cung cấp là những tài liệu vô cùng quý báu. Xin chân thành cảm ơn anh rất nhiều. Nhân dịp này xin kính chúc anh cùng gia đình một Năm Mới dồi dào sức khỏe, an vui, hạnh phúc và nhất là hai tập 5&6 trong bộ sách "Tác Giả, Tác Phẩm-Những Người Đồng Hành Quanh Tôi" của anh sớm hoàn tất.

Trân trọng kính chào anh.

NNN:

Cuộc nói chuyện đầy phong thái chân tình với nhà văn Lương Thu Trung trong giờ khắc thiêng liêng giao hòa của trời đất, thật tình những cảm xúc tự nhiên mà có, xin xem đây như tâm tình của lữ khách phương xa gửi đến chư thiện hữu chút hoài niệm, nhiều khi giữa cuộc đời này nhìn đi nhìn lại chợt thảng thốt với hình ảnh ông đồ già... "*những người muôn năm cũ/ hồn ở đâu bây giờ?!!*"

Trân trọng cảm ơn nhà văn Lương Thu Trung với tấm lòng vì diệu sông nước miền Nam.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Thư trang Quang Hạnh

Đầu năm Xuân Quý Ty

Houston, ngày Mừng sáu Tết Quý Ty.

(nhằm ngày 15 tháng 02 năm 2013)

LƯƠNG THƯ TRUNG

Cước chú:

(*) Nguyên văn bài thơ *"Ngày về Bẫy Núi, ngồi trên đỉnh Bạch Vân uống rượu cùng bằng hữu chợt hiểu rằng"*

"U tịch đá xanh, ngày trở lại
Triền cao thoải thoải nắng chơi vơi
Ráng bay một góc trời biên giới
Khách cũng bay về như lá rơi

Khói nhà ai chảy hiên hè sau
Góc nhỏ âm buồn tiếng võng ru
Ngơ ngác hàng tre mùi vọng cổ
Độc huyền đục ngọt gốc đêm sâu

Quanh quần đường dài, có dế cỏ
Mười năm mài thủng gót phong trần
Về đây, gió ngựa đùa khinh bạc
Bạc áo trung niên, bạc tóc xanh

Ồ chút rượu đùa trái đất lăn
Thơ vừa rót xuống chén tri âm
Bỗng nhiên thấy rụng vài hơi thở

Đủ cuốn vèo đi lá nguyệt rằm...

Cổ xứ, mùa thu vàng ngẩn ngơ
Vàng ươm phổ núi, hạt mưa khô
Thương hồ chết lặng trên sông Hậu
Gác mái, rồng bay, đá lạnh hờ

Thoảng nghe mấy khúc hát đồng dao
Ổn lạnh thiên nhiên gió đổi màu
Thổi áo phong sương làm tóc bạc
Đầm ìa khí hậu cháy đêm thâu

U tịch đá xanh, mờ thế trận
Bờ cao mây vén mộ âm âm
Lỡ vương vẩn lá, hoa chèn núi
Bút chỉ người xưa ngủ ngựa nghiêng

Chớp mắt con kênh biên giới lạ
Chảy quanh ngọn thốt nốt sau nhà
(Bỗng nhiên thơ ấu hồn năm tháng
Cây gạo vàng xưa mới trở hoa)

Vàng thắm con đường hoa cúc nở
Âm vang tu hú rụng hoàng hôn
Ráng chiều nhuộm đỏ trời biên thổ
Và nhuộm tang bồng khách viễn phương

Đá rịn mồ hôi ngày trở về
Đàn voi làm lủi hồn sơn khê
Lung linh đáy suối phơi hình tượng
Gói bóng giang hồ, gói bản quê

Bên kia vách núi nhà san sát
Sơn lộ quanh co cát bụi bay
U tịch đá xanh, âm tiếng hót
Loài chim sơn dã nhảy đầu đây...

Ồ chút rượu đùa trái đất lẫn
Rồng bay, sang sảng giọng nam non
Ngày đi núi chắt lên vai rộng
Và nhốt trắng vào túi rỗng không

Thấm thoát mười năm đầu bạc phéch
Nuôi thơ chưa lớn được giang hồ
Ngày về, bạn hữu ngồi phong ấn
Thẹn với cây đa gốc miếu xưa

U tịch đá xanh, ngày trở lại
Triền cao thoải thoải nắng chơi vơi
Ráng bay một góc trời biên giới
Khách cũng nặng lòng đếm lá rơi..."

8-1998

LƯƠNG THƯ TRUNG

VI. TIỂU SỬ NGÔ NGUYỄN NGHIÊM



Tranh của họa sĩ Rừng

- Tên thật: Ngô Tấn Thiên
- Sinh ngày 12/08/1944 tại Châu Đốc (Thất Sơn- Nam Việt)
- Tốt nghiệp Đại Học Dược Khoa Sài Gòn.
- Thơ văn được giới thiệu trên nhiều tạp chí văn chương trong và ngoài nước.
- Đã xuất bản riêng 14 tác phẩm, không kể có mặt trong hơn 40 tác phẩm chung với bạn hữu.
- Chủ trương tạp chí và nhà xuất bản Khai Phá trước 1975.
- Hiện đang sống và viết tại Thư trang Quang Hạnh, Sài Gòn.

- Tác phẩm đã xuất bản:

- 1/ Dấu Chân Vó Ngược (thi phẩm, Thở Hiện 1964)
- 2/ Ngọn Gió Hơi Cuồng (thi phẩm chung Lưu Nhữ Thụy, Trình Diện Tuổi Đất 1966).
- 3/ Thơ Kinh Tự (biên luận, Nxb Khai Phá 1971)
- 4/ Thiên Thu Ca (thi phẩm, Nxb Khai Phá 1972)
- 5/ Người Hành Giả Và Khúc Trường Ca Sinh Tử (thi phẩm, Nxb Khai Phá 1974)
- 6/ Tổ Ấm (thi phẩm, Nxb Trẻ 1988)
- 7/ Hiến Dâng Cát Bụi (thi phẩm, Nxb Mũi Cà Mau 1989)
- 8/ Hương Lửa (thi phẩm, Văn Nghệ Châu Đốc 1990)
- 9/ Chớp Bể Mưa Nguồn (thi phẩm, Văn Nghệ Châu Đốc 1992)
- 10/ Hoàng Hạc (thi phẩm, Văn Nghệ Châu Đốc 2004)
- 11/ Trăm Năm Ngàn Năm (thi phẩm, Văn Nghệ An Giang 2008)
- 12/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập I (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, tháng 02/2010)
- 13/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập II (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, tháng 12/2010)
- 14/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập III (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, tháng 12/2011)
- 15/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập IV (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, Quý IV/2012)
- 16/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập V (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, Quý III/2013)
- 17/ Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi tập VI (nhận định phê bình, Nxb Thanh Niên, Quý I/2014)
- 18/ Chân Dung Văn Nghệ Sĩ Qua Góc Nhìn Ngô Nguyên Nghiễm, quyển thượng (từ điển/biên khảo, Nxb Hội Nhà Văn 2016)
- 19/ Chân Dung Văn Nghệ Sĩ Qua Góc Nhìn Ngô Nguyên Nghiễm, quyển hạ (từ điển/biên khảo, Nxb Hội Nhà Văn 2018).

20/ 108 Nhà Thơ Nhà Văn Việt Giữa Thế Kỷ 20, quyền thượng (biên khảo, Nxb Hội Nhà Văn 2020)

21/ 108 Nhà Thơ Nhà Văn Việt Giữa Thế Kỷ 20, quyền trung (biên khảo, Nxb Hội Nhà Văn 2021).

22/ 108 Nhà Thơ Nhà Văn Việt Giữa Thế Kỷ 20, quyền hạ (biên khảo, Nxb Hội Nhà Văn 2022).

23/ Lẽo Đẽo Bụi Hồng (Thi tuyển, Hội Quán Trầm Hương USA 2025).

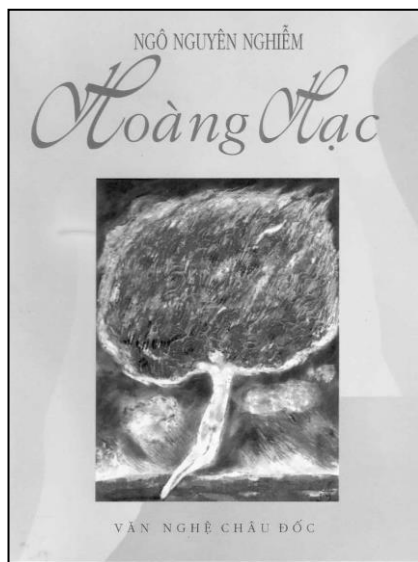
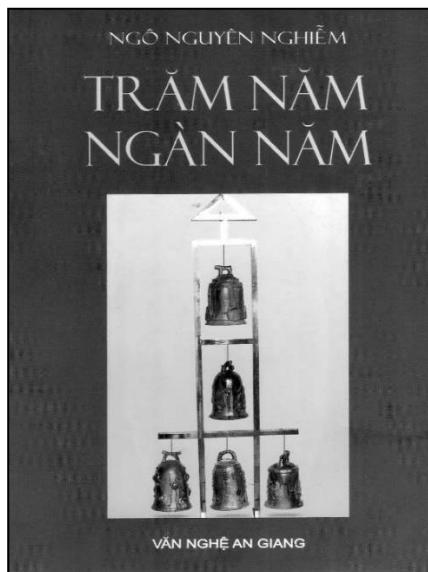
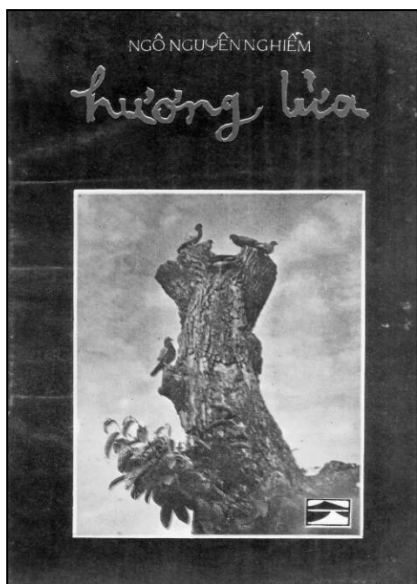
24/ Lạc Thư Cửu Tinh Đồ Và 5 Bia Thạch Mộc (Thi tuyển, Hội Quán Trầm Hương USA 2026).

Tác phẩm in chung:

50 tuyển tập thơ và văn

TÁC PHẨM NGÔ NGUYỄN NGHIỆM





NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

Biên Khảo

108 nhà thơ
nhà văn

VIỆT

GIỮA THẾ KỶ 20

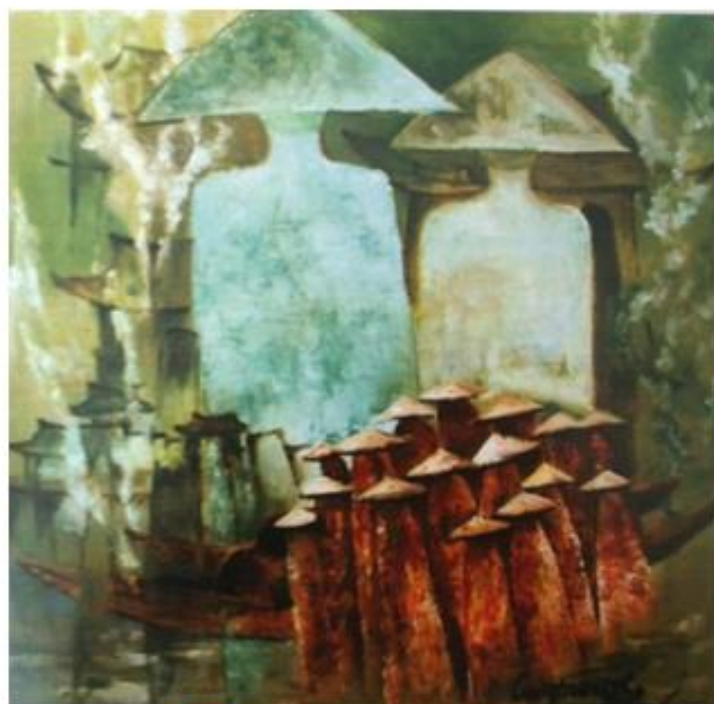
(Quyển hạ)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

TÁC GIẢ TÁC PHẨM
NGƯỜI ĐỒNG HÀNH
QUANH TÔI
VI
(VIÊN MẮN)



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

MỤC LỤC

I. LẠC THƯ CỨU TINH ĐỒ VÀ 5 BIA THẠCH MỘC 7

LẠC THƯ CỨU TINH ĐỒ VÀ 5 BIA THẠCH MỘC..... 7

II. BA TRUYỆN NGẮN VĂN HỌC 37

VÁCH ĐÁ 37

BÊN TRONG TẤM PHẪN CỬA.....45

GIÁC MƠ TIỀN KIẾP CỦA MỘT DU TĂNG 49

III. THƠ NGÔ NGUYỄN NGHIỆM 53

Thi phẩm THIÊN THU CA 53

Thi phẩm NGƯỜI HÀNH GIẢ
VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ.....62

IV. NHẬN ĐỊNH VỀ 12 TÁC GIẢ TÁC PHẨM VĂN HỌC..70

TỪ HÀI CÚ NHẬT BẢN, LỤC BÁT BA CÂU
NGUYỄN TÔN NHAN, Ý NIỆM RỜI
VỀ HAIKU VIỆT CỦA CHU NGẠN THU 70

Ý NIỆM: THƠ VÀ TÂM LINH,
CHIẾC CẦU SÁNG HÓA BẮC GIỮA
ĐÔI BỜ HƯ THỰC CỦA TRIỆU TỪ TRUYỀN.....82

GIÓ CUỐN ĐI ĐỀ GIÓ CUỐN MÃI ĐI,
NHÀ THƠ MÃ LAM VÀ DẤU ẤN SÁNG HÓA
TỪ TRƯỜNG CA 1 TÌNH THƠ TRẢI NGÀN MÂY.....94

NHẬN ĐỊNH SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÂY SALA NƠI PHẬT NHẬP NIẾT BÀN VÀ CÂY NGỌC KỲ LÂN	117
NGUYỄN QUỐC NAM	125
NGÔ NGUYÊN NGHIỆM NHÌN VỀ NHÀ THƠ DỊCH GIẢ TRẦN YÊN THẢO.....	128
NHẬN ĐỊNH VỀ SÁNG TÁC VĂN HỌC CỦA Nhà thơ HỒNG BĂNG	152
HỒNG BĂNG	159
TÚY HÀ.....	177
PHẠM TƯƠNG NHƯ'	186
LÊ TRÚC KHANH.....	198
HỌA SĨ LÊ TRIỀU ĐIỂN	256
NGUYỄN TĂNG BÌNH.....	260
V. Ý KIẾN VNS VỀ NGÔ NGUYÊN NGHIỆM	270
186 TÁC GIẢ MIỀN NAM, 6164 TRANG SÁCH VÀ TÁM LÒNG TÁC GIẢ NGÔ NGUYÊN NGHIỆM.....	270
NHÀ THƠ NGÔ NGUYÊN NGHIỆM: MỘT THỜI KHAI PHÁ VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG HÀNH.....	277
VI. TIỂU SỬ NGÔ NGUYÊN NGHIỆM	304

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG ÁN HÀNH 2026
P.O BOX 681822, Houston, Texas 77268
Hoiquantramhuong.org

Thực hiện kỹ thuật: Chuyên viên CNTT TRẦN MINH NHỰT
Xuất bản: Tháng 5, 2026